

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐÀO XUÂN KỲ

ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN
TỪ NĂM 2007 ĐẾN NĂM 2020

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐÀO XUÂN KỲ

**ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN
TỪ NĂM 2007 ĐẾN NĂM 2020**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Mã số: 9229015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PGS, TS Trần Thị Vui

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

1. TS. Lương Việt Sang



2. TS. Trần Thị Nhẫn



HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định

Tác giả luận án



Đào Xuân Kỳ

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1 TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	10
1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	10
1.2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ TỔNG QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN CẦN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU	29
Chương 2 CHỦ TRƯỞNG VÀ SỰ CHỈ ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN CỦA ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG TỪ NĂM 2007 ĐẾN NĂM 2015.....	34
2.1. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN CỦA ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG TRONG GIAI ĐOẠN 2007-2015 ..	34
2.2. CHỦ TRƯỞNG VÀ SỰ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN TỪ NĂM 2007 ĐẾN NĂM 2015.....	49
Chương 3 ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2020.....	85
3.1. NHỮNG YẾU TỐ MỚI TÁC ĐỘNG ĐẾN QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN CỦA ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG.....	85
3.2. CHỦ TRƯỞNG VÀ SỰ CHỈ ĐẠO ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN CỦA ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2020	97
Chương 4 NHẬN XÉT VÀ KINH NGHIỆM.....	129
4.1. NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN TỪ NĂM 2007 ĐẾN NĂM 2020.....	129
4.2. MỘT SỐ KINH NGHIỆM	157
KẾT LUẬN.....	171
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	174
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	175
PHỤ LỤC.....	191

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CNH, HĐH	: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
CTr/TU	: Chương trình/Thành Ủy
HĐND	: Hội đồng nhân dân
KCN	: Khu công nghiệp
KT-XH	: Kinh tế - xã hội
KHCN	: Khoa học công nghệ
NQ/TW	: Nghị quyết/Trung ương
QĐ/UBND	: Quyết định/Ủy ban nhân dân
QP, AN	: Quốc phòng, an ninh
TEU	: Twenty foot Equivalent Unit - Đơn vị chuyển đổi tương đương một container 20 feet
UBND	: Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Bảng thống kê số lượng khách đến thành phố Đà Nẵng, giai đoạn 2007-2010.....	61
Bảng 2.2: Bảng thống kê số lượng khách đến thành phố Đà Nẵng, giai đoạn 2011 - 2015.....	62
Bảng 2.3: Hoạt động khai thác thủy hải sản của thành phố Đà Nẵng, giai đoạn 2007-2010.....	66
Bảng 2.4: Hoạt động khai thác thủy hải sản của thành phố Đà Nẵng, giai đoạn 2011-2015.....	67
Bảng 3.1: Bảng thống kê số lượng khách đến thành phố Đà Nẵng, giai đoạn 2016 - 2020.....	108
Bảng 3.2: Hoạt động thủy hải sản của thành phố Đà Nẵng, giai đoạn 2016-2020	114
Bảng 3.3: Cơ cấu tàu thuyền khai thác hải sản của thành phố Đà Nẵng, giai đoạn 2016-2020.....	115

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Thế kỷ XXI được các nhà hoạch định chiến lược xem là “thế kỷ của đại dương” bởi những nguồn lợi khổng lồ mà biển mang lại. Với tiềm năng to lớn, biển đóng vai trò quan trọng đối với sự thịnh vượng của các quốc gia trên thế giới. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật, con người có điều kiện chinh phục biển nhiều hơn nên vị trí, vai trò của biển ngày càng quan trọng. Vươn ra biển, hướng ra biển trở thành xu thế chung của các quốc gia trên thế giới.

Việt Nam là quốc gia có tiềm năng kinh tế biển to lớn, với 3.260 km đường bờ biển, hơn 1 triệu km² thềm lục địa (gấp 3 lần diện tích đất liền), lại nằm trên tuyến đường biển nối liền Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương nên thuận lợi cho logistics, cảng biển và giao thương quốc tế. Vùng biển Việt Nam giàu tiềm năng phát triển với những ưu thế nổi bật như: khoáng sản biển - đặc biệt là dầu khí, nuôi trồng và khai thác hải sản, du lịch biển đảo, kinh tế cảng biển... Đây là điều kiện thuận lợi để Việt Nam phát triển kinh tế biển, góp phần thúc đẩy quá trình CNH, HĐH đất nước.

Nhận thức tầm quan trọng của kinh tế biển đối với sự phát triển của đất nước, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương chính sách phát triển kinh tế biển, phát huy tiềm năng, thế mạnh của biển. Ngày 22/9/1997, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 20-CT/TW về *Đẩy mạnh phát triển kinh tế biển theo hướng CNH, HĐH* với mục tiêu phát triển kinh tế biển trở thành ngành kinh tế quan trọng, góp phần nâng cao vị thế của đất nước. Ngày 9/2/2007, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TW về *Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020* đề ra mục tiêu đến năm 2020, Việt Nam phải trở thành quốc gia mạnh về biển. Ngày 22/10/2018, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW về *Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam*

đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nghị quyết xác định mục tiêu đến năm 2030: Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh, đạt cơ bản các tiêu chí về phát triển kinh tế biển, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Thực tiễn lãnh đạo phát triển kinh tế biển của Đảng, nhất là trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế đã để lại cho Đảng ta nhiều kinh nghiệm quý cần phải được nghiên cứu, tổng kết và đúc rút kinh nghiệm.

Thành phố Đà Nẵng tính đến trước ngày 1/7/2025, là một trong 28 tỉnh, thành phố của Việt Nam có biển, với 92 km đường bờ biển, có vùng đặc quyền kinh tế trên 15.000 km²; có 6/8 quận, huyện tiếp giáp với biển, trong đó có huyện đảo Hoàng Sa. Với tiềm năng và lợi thế lớn trong phát triển kinh tế biển, Đà Nẵng luôn xác định mục tiêu trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của vùng duyên hải miền Trung và là một trong ba trung tâm kinh tế biển quan trọng của cả nước. Quán triệt sâu sắc chủ trương của Trung ương Đảng về phát triển kinh tế biển, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đã đề ra nhiều định hướng, giải pháp thiết thực nhằm quản lý, bảo vệ và khai thác hiệu quả tiềm năng biển; đồng thời tập trung phát triển các lĩnh vực kinh tế biển một cách bền vững. Nhờ đó, kinh tế biển ngày càng khẳng định vai trò là ngành kinh tế mũi nhọn, đóng góp quan trọng vào sự phát triển toàn diện của thành phố.

Tuy đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong công tác lãnh đạo phát triển kinh tế biển, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng vẫn còn một số hạn chế, tồn tại cần được khắc phục, đó là: chưa lãnh đạo xây dựng được một chương trình, chiến lược phát triển kinh tế biển mang tính toàn diện, dài hạn. Quy mô kinh tế biển còn nhỏ, kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ. Sản lượng hàng hóa qua cảng và năng lực vận tải còn hạn chế. Du lịch biển phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Hoạt động khai thác thủy sản vẫn chủ yếu tập trung ở vùng ven bờ, trong khi việc ứng dụng KH-CN trong nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản chưa được chú trọng đúng mức. Tính liên kết vùng trong phát triển kinh tế biển còn yếu, thiếu sự phối hợp hiệu quả giữa các địa phương. Bên cạnh đó, việc cân đối giữa

phát triển kinh tế biển với bảo vệ môi trường, bảo đảm QP, AN còn nhiều lúng túng ở một số nơi, một số thời điểm. Đời sống của bộ phận ngư dân vẫn còn nhiều khó khăn. Những hạn chế này phần nào đã làm giảm hiệu quả và chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn trong phát triển kinh tế biển của thành phố.

Vì vậy, nghiên cứu một cách có hệ thống quá trình Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lãnh đạo phát triển kinh tế biển nhằm tổng kết những vấn đề lý luận và thực tiễn, đúc rút những kinh nghiệm để vận dụng phát triển kinh tế biển của Đảng bộ thành phố trong bối cảnh hiện nay là nhiệm vụ có ý nghĩa lý luận và thực tiễn. Từ lý do đó, nghiên cứu sinh đã lựa chọn vấn đề: ***“Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lãnh đạo phát triển kinh tế biển từ năm 2007 đến năm 2020”*** làm đề tài nghiên cứu luận án tiến sĩ, chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Làm rõ quá trình Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lãnh đạo phát triển kinh tế biển từ năm 2007 đến năm 2020; đúc kết một số kinh nghiệm để có thể tham khảo, vận dụng trong phát triển kinh tế biển hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu trên, luận án có nhiệm vụ:

- Khảo sát, nghiên cứu các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án; trên cơ sở đó, làm rõ phạm vi, mức độ, nội dung đã được nghiên cứu và những vấn đề đặt ra cho luận án tiếp tục cần nghiên cứu.
- Phân tích, làm rõ những yếu tố tác động đến quá trình Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lãnh đạo phát triển kinh tế biển từ năm 2007 đến năm 2020.
- Phân tích, luận giải, làm rõ chủ trương và sự chỉ đạo thực hiện phát triển kinh tế biển của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng từ năm 2007 đến năm 2020.

- Nhận xét những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của những ưu điểm, hạn chế; đúc kết những kinh nghiệm từ quá trình Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lãnh phát triển kinh tế biển từ năm 2007 đến năm 2020.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là sự lãnh đạo của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng về phát triển kinh tế biển từ năm 2007 đến năm 2020.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về phạm vi nội dung nghiên cứu:

Khái niệm *kinh tế biển* được tiếp cận và nhận thức ở nhiều góc độ, khía cạnh khác nhau. Một cách khái quát có thể hiểu kinh tế biển là toàn bộ các hoạt động kinh tế phục vụ cho quá trình khai thác, sử dụng và tái tạo tài nguyên biển, phát huy tiềm năng, lợi thế của biển nhằm phát triển và tăng cường thực lực quốc gia. Kinh tế biển là tổng thể các quan hệ kinh tế đặc thù gắn với không gian biển thông qua hoạt động của các chủ thể trực tiếp diễn ra trên biển và các ngành nghề ở đất liền có liên quan và dựa vào yếu tố biển.

Theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới đất nước¹, phát triển kinh tế biển gồm 5 lĩnh vực: (1) Phát triển các ngành kinh tế biển: Du lịch và dịch vụ biển; Kinh tế hàng hải; Khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác; Nuôi trồng và khai thác hải sản; Công nghiệp ven biển; Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới. (2) Phát triển các vùng biển dựa trên lợi thế về điều kiện tự nhiên, hài hoà giữa bảo tồn và phát triển. (3) Bảo vệ môi trường, bảo tồn, phát triển bền vững đa dạng sinh học biển; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và phòng, chống thiên tai. (4) Nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng văn hoá biển, xã hội gắn

¹ Tại Nghị quyết số 09-NQ/TW Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khóa X), ngày 9/2/2007 và Nghị quyết số 36-NQ/TW Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII), ngày 22/10/2018.

bó, thân thiện với biển. (5) Bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế.

Quán triệt quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế biển, căn cứ vào điều kiện thực tiễn của thành phố Đà Nẵng, Thành ủy Đà Nẵng đã xác định phát triển kinh tế biển trên địa bàn thành phố² gồm 7 lĩnh vực: (1) Phát triển các ngành kinh tế biển bao gồm: du lịch và dịch vụ biển, kinh tế hàng hải, kinh tế hải sản, năng lượng tái tạo, công nghiệp ven biển và khai thác khoáng sản biển. (2) Bảo vệ môi trường biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và phòng chống thiên tai. (3) Bảo tồn, phát triển bền vững đa dạng sinh học biển. (4) Xây dựng văn hóa biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển, cải thiện sinh kế và tăng thu nhập cho cư dân vùng ven biển. (5) Bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền biển đảo. (6) Đối ngoại và hợp tác quốc tế. (7) Phát triển khoa học công nghệ, xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên môi trường phục vụ quản lý và phát triển kinh tế biển.

Trên cơ sở quan điểm của Đảng và Đảng bộ thành phố Đà Nẵng, để phù hợp với luận án tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, luận án tập trung nghiên cứu Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lãnh đạo phát triển kinh tế biển trên các lĩnh vực:

- 1) Kinh tế du lịch biển
- 2) Kinh tế thủy, hải sản (đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy hải sản)
- 3) Kinh tế hàng hải (cảng biển, dịch vụ cảng biển, vận tải biển, đóng tàu)
- 4) Xây dựng các khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất ven biển gắn với phát triển các khu đô thị ven biển.

5) Các lĩnh vực liên quan đến phát triển kinh tế biển gồm: Bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu; Bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền biển đảo; Mở rộng liên kết vùng và

² Chủ trương phát triển kinh tế biển của Thành ủy Đà Nẵng thông qua tại Chương trình hành động số 13-CTr/TU, ngày 15/5/2007 của Thành ủy Đà Nẵng về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư (khóa X) về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 và Chương trình hành động số 28-CTr/TU, ngày 18/2/2018 của Thành ủy Đà Nẵng về phát triển bền vững kinh tế biển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045,

hợp tác quốc tế; Phát triển khoa học công nghệ và nguồn nhân lực phát triển kinh tế biển.

- *Về phạm vi không gian nghiên cứu:* Luận án nghiên cứu trong phạm vi thành phố Đà Nẵng, bao gồm 6/8 quận huyện, cụ thể là: Quận Sơn Trà, Quận Ngũ Hành Sơn, Quận Hải Châu, Quận Thanh Khê, Quận Cẩm Lệ, Quận Liên Chiểu, Huyện Hòa Vang và Huyện đảo Hoàng Sa.

- *Về phạm vi thời gian nghiên cứu:* Luận án nghiên cứu quá trình Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lãnh đạo phát triển kinh tế biển từ năm 2007 đến năm 2020. (Năm 2007, Ban Chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TW (khóa X) về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020. Đây là nghị quyết chuyên đề đầu tiên của Đảng về biển, tạo cơ sở chính trị quan trọng để các địa phương ven biển, trong đó có Đà Nẵng, hoạch định chủ trương, chính sách và tổ chức thực hiện phát triển kinh tế biển một cách toàn diện, có hệ thống. Năm 2020 đánh dấu thời điểm kết thúc Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, đồng thời là năm cuối thực hiện nhiều nghị quyết, chương trình phát triển KT-XH của thành phố và nhiệm kỳ đại hội Đảng bộ. Đây là thời điểm phù hợp để đánh giá kết quả, hạn chế, rút ra kinh nghiệm trong lãnh đạo phát triển kinh tế biển của Đảng bộ thành phố). Trong quá trình nghiên cứu, đề tài sử dụng một số tài liệu, tư liệu liên quan trước năm 2007 và sau năm 2020 để có cơ sở đánh giá sát thực quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế biển của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng.

4. Cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu và nguồn tư liệu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế biển.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt mục đích nghiên cứu, luận án sử dụng hai phương pháp phổ quát của khoa học lịch sử là phương pháp lịch sử và phương pháp logic. Ngoài ra,

luận án còn sử dụng một số phương pháp khác như: phân tích, tổng hợp, so sánh, liên ngành. Cụ thể:

- *Phương pháp lịch sử*: được sử dụng chủ yếu trong chương 2 và chương 3 khi phân kỳ các giai đoạn lịch sử 2007-2015 và 2015-2020; nhằm hệ thống hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam, của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng theo tiến trình lịch sử để thấy rõ sự hình thành và phát triển đường lối, chủ trương phát triển kinh tế biển.

- *Phương pháp logic*: chủ yếu được sử dụng để đi sâu, làm rõ từng vấn đề nội dung thuộc nội hàm kinh tế biển. Thông qua các sự kiện lịch sử, luận án đánh giá ưu điểm, hạn chế, làm rõ nguyên nhân và đúc rút kinh nghiệm lịch sử, làm rõ giá trị lịch sử của những nhận xét và kinh nghiệm rút ra.

- *Phương pháp phân tích thống kê*: được sử dụng nhằm hệ thống, đánh giá các vấn đề, nội dung của luận án đồng thời xử lý tư liệu, số liệu được phản ánh trong luận án.

- *Phương pháp đối chiếu, so sánh*: nhằm làm rõ chủ trương và sự chỉ đạo phát triển kinh tế biển của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng trong mối quan hệ đối sánh với một số tỉnh thuộc khu vực Duyên Hải miền Trung và cả nước; qua đó làm bật tính đặc thù, thành tựu đạt được trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế biển của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng.

4.3. Nguồn tư liệu

Nguồn tư liệu sử dụng nghiên cứu đề tài “Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lãnh đạo phát triển kinh tế biển từ năm 2007 đến năm 2020” gồm ba nguồn chính:

- Văn kiện của Trung ương Đảng: gồm Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam; những nghị quyết, kết luận của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng; những nghị quyết, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng về phát triển kinh tế biển.

- Văn kiện của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng: Văn kiện Đại hội Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lần thứ XVII, XVIII, XIX, XX, XXI; nghị quyết, báo cáo, báo cáo tổng kết, chương trình, đề án, kế hoạch, kết luận của Thành ủy, Ủy Ban nhân dân, Hội đồng nhân dân, các Sở ban ngành... về phát triển kinh tế biển. Đây chính là nguồn tư liệu gốc và có vai trò “xương sống” để thể hiện nội dung luận án.

- Những công trình nghiên cứu liên quan đến kinh tế biển của các học giả trong và ngoài nước đã được công bố như: sách, đề tài nghiên cứu khoa học các cấp đã nghiệm thu, tạp chí chuyên ngành, các bài tham luận in trong các kỷ yếu hội thảo khoa học, các luận án tiến sĩ đã được bảo vệ.

5. Đóng góp mới của luận án

- Cung cấp một số tư liệu mới; hệ thống hóa tư liệu liên quan đến quá trình Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lãnh đạo phát triển kinh tế biển từ năm 2007 đến năm 2020.

- Luận làm rõ quá trình Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lãnh đạo phát triển kinh tế biển (thông qua hệ thống các chủ trương do Đảng bộ thành phố đề ra và chỉ đạo thực hiện), góp góp phần vào việc phục dựng, làm phong phú và sâu sắc thêm quá trình Đảng lãnh đạo phát triển kinh tế biển trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế (qua thực tiễn địa bàn thành phố Đà Nẵng).

- Luận án đánh giá toàn diện những thành tựu, ưu điểm và hạn chế trong quá trình lãnh đạo của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng; đồng thời rút ra một số kinh nghiệm thực tiễn nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả lãnh đạo phát triển kinh tế biển trong thời gian tới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Những nhận xét, đánh giá và những kinh nghiệm được đúc rút từ thực tiễn của quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế biển của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng từ năm 2007 đến năm 2020 không chỉ cung cấp thêm những luận cứ khoa học cho việc hoạch định chiến lược phát triển kinh tế biển của Đảng bộ thành

phố Đà Nẵng, mà còn làm sáng rõ hơn những nhận định của Đảng về vai trò, vị trí của kinh tế biển trong chiến lược phát triển đất nước nói chung và các địa phương có biển nói riêng.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Luận án cung cấp những dữ liệu, gợi mở một số vấn đề có tính chất tham khảo về phát triển kinh tế biển cho Thành ủy và UBND thành phố Đà Nẵng, sở, ban, ngành có liên quan để xây dựng, bổ sung chủ trương, cơ chế, giải pháp để phát triển nhanh, bền vững kinh tế biển ở thành phố Đà Nẵng.

- Luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, giảng dạy môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tại các cơ sở đào tạo trong nước nói chung và tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Chính trị Khu vực III nói riêng.

7. Bố cục luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình của tác giả đã công bố liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được kết cấu thành 4 chương, 8 tiết.

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Chương 2: Chủ trương và sự chỉ đạo phát triển kinh tế biển của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng từ năm 2007 đến năm 2015

Chương 3: Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lãnh đạo đẩy mạnh phát triển kinh tế biển từ năm 2015 đến năm 2020

Chương 4: Nhận xét và kinh nghiệm

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về biển và kinh tế biển ở một số nước trên thế giới

- Nhóm công trình sách:

Cuốn sách: *The Asian experience in developing the maritime sector: Some case studies and lessons for Malaysia* (Kinh nghiệm của châu Á trong phát triển ngành hàng hải: Một số nghiên cứu điển hình và bài học cho Malaysia), Nazety Khalid, Armi Suzana, and Farida Farid, Center for Economic Studies and Ocean Industries, 2008 [177]. Công trình nghiên cứu các ngành khai thác tài nguyên biển (dầu khí, đánh bắt hải sản...) trong phát triển kinh tế biển của Malaysia; nhấn mạnh tăng cường quản lý biển, bảo vệ môi trường sinh thái biển.

Cuốn sách: *The Blue Economy: 10 Years, 100 Innovations, 100 Million Jobs* - Gunter Pauli, Paradigm Publications, 2010 [180] (Kinh tế biển xanh: 10 năm, 100 đổi mới sáng tạo, 100 triệu việc làm” - Gunter Pauli, Nhà xuất bản Paradigm Publications, 2010). Nội dung cuốn sách giới thiệu 100 sáng kiến và công nghệ đổi mới được tổng hợp từ nhiều nghiên cứu khoa học trên thế giới. Những giải pháp này tập trung vào việc tận dụng nguồn lực sẵn có tại địa phương, giảm ô nhiễm môi trường, nâng cao hiệu quả sản xuất và tạo ra các mô hình kinh doanh bền vững.

Cuốn sách: *The Ocean Economy in 2030, Organization for Economic Cooperation and Development (OECD), Publishing, Paris, 2016* (Kinh tế đại dương vào năm 2030, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Nhà xuất bản OECD, Paris, 2016) [178]. Nội dung chủ yếu là nghiên cứu kinh tế biển

của thế giới, phân tích xu hướng kinh tế toàn cầu, xu hướng biến đổi môi trường biển, tác động tới các ngành kinh tế gắn với biển; nêu cách tiếp cận theo hướng phát triển bền vững đối với kinh tế biển của các quốc gia đến năm 2030-kinh tế biển xanh.

Cuốn sách: *Economics of the Marine: Modelling Natural Resources* - Karyn Morrissey, Rowman & Littlefield Publishers (Rowman & Littlefield International), London, 2017 [181] (Kinh tế học biển: Mô hình hóa tài nguyên thiên nhiên - Karyn Morrissey, Nhà xuất bản Rowman & Littlefield Publishers (thuộc Rowman & Littlefield International), London, 2017). Nội dung cuốn sách trên cơ sở nghiên cứu các ngành kinh tế biển như: thủy sản, vận tải biển, năng lượng biển, công nghiệp biển, tác giả khẳng định vai trò của kinh tế biển trong phát triển kinh tế quốc gia và khu vực. Ngoài ra, cuốn sách đề cập đến các mô hình kinh tế để quản lý tài nguyên biển có hiệu quả.

- Nhóm công trình là bài viết đăng tạp chí, đề tài khoa học:

Bài viết: *Kinh nghiệm của Nhật Bản về xây dựng và triển khai Chiến lược biển* của Trần Nguyễn Tuyên [131]. Bài viết nêu rõ Nhật Bản coi trọng xây dựng Chiến lược quốc gia về biển; Quốc hội Nhật Bản thông qua Đạo luật cơ bản về chính sách biển năm 2007; Chính phủ Nhật Bản thông qua Kế hoạch thực hiện chính sách biển giai đoạn 2018-2023.

Bài viết: *Vấn đề xây dựng năng lực nhận thức biển của Nhật Bản* của Hà Anh Tuấn [132]. Nội dung bài viết đề cập đến việc Chính phủ Nhật Bản thực hiện chính sách nâng cao năng lực nhận thức biển, khả năng nhận biết các thông tin xảy ra trên biển nhằm đưa ra quyết sách và các hành động ứng phó phù hợp, bảo đảm an ninh, an toàn và lợi ích quốc gia trên biển...

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ: *Biển Đông trong chiến lược xây dựng cường quốc biển của Trung Quốc từ sau Đại hội XVIII của Đỗ Tiến Sâm* [109]. Nội dung nghiên cứu của công trình tập trung làm rõ chính sách biện pháp thực

hiện chiến lược biển của Trung Quốc ở Biển Đông từ sau Đại hội XVIII; Phản ứng của các nước trong và ngoài khu vực đối với chiến lược biển của Trung Quốc ở Biển Đông, cung cấp các thông tin liên quan đến phản ứng của các nước có liên quan như: Philippines, Malaysia, Brunei, Indonesia, Thái Lan, Lào và phản ứng của ASEAN với tính chất tổ chức khu vực; phản ứng của các nước lớn ngoài khu vực: Mỹ, Nhật, Ấn Độ, Nga, Úc; phản ứng của các tổ chức quốc tế và diễn đàn đa phương: ARF, Shangri-La, G7. Đề tài cũng nêu dự báo xu hướng phát triển của vấn đề Biển Đông trong thời gian tới và kiến nghị đối sách của Việt Nam: Xu hướng phát triển của vấn đề Biển Đông trong quá trình Trung Quốc xây dựng chiến lược cường quốc biển; cạnh tranh chiến lược giữa Trung Quốc và Mỹ ở Biển Đông sau Phán quyết của Tòa Trọng tài thường trực quốc tế (PCA); chính sách Đài Loan ở Biển Đông sau Phán quyết của PCA; kiến nghị đối với Việt Nam trong thời gian tới.

1.1.2. Những công trình nghiên cứu về biển và kinh tế biển Việt Nam

Phát triển kinh tế biển là lĩnh vực được các nhà nghiên cứu quan tâm nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau, từ vị trí vai trò của kinh tế biển đến tư duy làm kinh tế biển, thực trạng phát triển kinh tế biển của Việt Nam. Nhiều tác giả đã nghiên cứu và cho xuất bản các công trình có liên quan đến kinh tế biển Việt Nam như:

- Nhóm công trình sách:

Cuốn sách: *Kinh tế biển và khoa học kỹ thuật về biển ở nước ta* của tác giả Võ Nguyên Giáp [66]. Cuốn sách khẳng định trong suốt chiều dài hàng nghìn năm lịch sử, biển đóng vai trò quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển, với công cuộc dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Cuốn sách cũng chỉ rõ nhiệm vụ khoa học kỹ thuật về biển là phải góp phần xây dựng và phát triển kinh tế- xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh trong thời gian trước mắt và lâu dài.

Lê Cao Đoàn với cuốn sách: *Đổi mới và phát triển kinh tế vùng ven biển* [64]. Trong công trình này tác giả nghiên cứu trường hợp đổi mới phát triển kinh tế vùng nước lợ của tỉnh Thái Bình như một thực tiễn sinh động cho quá trình phát triển kinh tế ven biển của các địa phương khác trong cả nước từ đó đưa ra những cách tiếp cận mới đối với việc khai thác tiềm năng, phát triển kinh tế vùng ven biển đối với các địa phương có biển trong quá trình phát triển KT-XH.

Đào Mạnh Sơn với cuốn sách: *Nghiên cứu, thăm dò nguồn lợi hải sản và lựa chọn công nghệ khai thác phù hợp phục vụ phát triển nghề cá xa bờ ở Việt Nam* [110]. Cuốn sách đã phân tích các kết quả nghiên cứu, thăm dò nguồn lợi thủy sản, đưa ra các hướng chọn lựa giải pháp công nghệ cho việc khai thác hải sản xa bờ hiệu quả, ổn định gắn khai thác với bảo vệ nguồn lợi và phát triển bền vững nghề cá.

Nguyễn Bá Diễn với cuốn sách: *Chính sách, pháp luật biển của Việt Nam và Chiến lược phát triển bền vững* [43]. Trong công trình này, tác giả đã giới thiệu khái quát hệ thống chính sách, pháp luật về biển của Việt Nam, về nguyên tắc phát triển bền vững của kinh tế biển Việt Nam và đề ra một số kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách về biển Việt Nam trong tương lai.

Cuốn sách: *Một số giải pháp đột phá phát triển du lịch vùng biển và ven biển Việt Nam* của tác giả Lê Trọng Bình [11]. Công trình đã tập trung phân tích tiềm năng du lịch biển cũng như hiện trạng khai thác du lịch biển Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa; những bất cập trong khai thác du lịch biển và đề xuất những giải pháp nhằm đẩy mạnh phát triển du lịch biển ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Cuốn sách: *Nền kinh tế các vùng ven biển của Việt Nam*” của tác giả Thế Đạt [63]. Công trình nghiên cứu hệ thống môi trường sinh thái biển và kinh tế ven biển các địa phương ở Việt Nam từ các tỉnh phía bắc như: Thái Bình, Nam Định, Hải Phòng, Quảng Ninh đến các tỉnh ven biển khu vực Nam bộ như Thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu...

từ đó khái quát đặc điểm phát triển kinh tế vùng ven biển từ việc khai thác tiềm năng biển cho đến sự phát triển đến đặc điểm kinh tế - văn hóa vùng biển.

Cuốn sách: *Kinh tế biển Việt Nam - Tiềm năng, cơ hội và thách thức* của tác giả Nguyễn Văn Đễ [65]. Cuốn sách đã làm rõ tình hình quản lý và khai thác biển ở Việt Nam. Bên cạnh việc đồng tình với chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, tác giả còn nêu ra một số nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò của biển đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tác giả Vũ Văn Phái với cuốn sách: *Biển và phát triển kinh tế biển Việt Nam: Quá khứ, hiện tại và tương lai* [96]. Cuốn sách đã phác họa hoạt động kinh tế biển của Việt Nam từ xa xưa đến nay. Đặc biệt, nhấn mạnh từ khi có Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước, hoạt động kinh tế biển đã có sự khởi sắc đáng kể đối với các lĩnh vực như: nghề cá, khai thác khoáng sản biển, giao thông vận tải và du lịch giải trí trên biển. Các hoạt động kinh tế biển đã góp phần tăng tỷ trọng của kinh tế biển từ nguồn thu của nhà nước cho đến thu nhập của người lao động, đồng thời giải quyết một số vấn đề xã hội như: tăng việc làm, giảm thất nghiệp...góp phần tạo ra tiềm lực để củng cố quốc phòng, an ninh.

Nguyễn Thái Anh và cộng sự với cuốn sách: *Bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam* [2]. Trong cuốn sách, tác giả giới thiệu tổng quan về biển đảo, tiềm năng biển đảo của Việt Nam; những tư liệu lịch sử, pháp lý về chủ quyền biển đảo Việt Nam; vai trò của biển, đảo trong quá trình dựng nước và trong xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay; những văn bản của quốc tế, của Việt Nam về Luật biển, quá trình ký kết và nội dung các hiệp định phân định biển giữa Việt Nam với các nước trong khu vực...Đồng thời tiếp tục cung cấp thêm những tài liệu khẳng định chủ quyền biển, đảo của Việt Nam, đồng thời nêu lên những quan điểm nhất quán của Đảng, Nhà nước trước việc một số nước vi phạm chủ quyền trên biển đảo của Việt Nam.

Cuốn sách: *Những mô hình phát triển kinh tế hải đảo Việt Nam* của tác giả Phạm Hoàng Hải [68]. Cuốn sách tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển bền vững kinh tế - xã hội dải ven biển, hải đảo và các khu vực trọng điểm. Đồng thời xác lập các tuyến và các mô hình thực tiễn phát triển bền vững kinh tế-xã hội dải ven biển và hải đảo Việt Nam. Tác giả cũng đưa ra một số giải pháp, định hướng phát triển vùng ven biển, đảo theo hướng bền vững, đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh và chủ quyền quốc gia.

Nguyễn Thanh Minh với cuốn sách: *Tiềm năng biển Việt Nam và chính sách hợp tác quốc tế về biển trong thập niên đầu thế kỷ XXI* [90]. Trong công trình, tác giả tập trung nêu rõ vị trí, vai trò của biển, vấn đề phân định ranh giới trên biển giữa Việt Nam với các nước trong khu vực; nêu bật được tiềm năng của biển và chính sách về biển của Đảng và Nhà nước. Theo tác giả, trong bối cảnh hội nhập, đòi hỏi phải tận dụng được vị trí, tiềm năng của vùng biển để khai thác nguồn tài nguyên phục vụ cho phát triển đất nước. Ngoài ra cuốn sách cũng đề cập đến quá trình hợp tác quốc tế về biển và triển vọng phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh của Việt Nam.

Tác giả Lê Minh Thông với cuốn sách: *“Chính sách phát triển kinh tế ven biển Thanh Hóa”* [123]. Công trình trình bày một cách có hệ thống những vấn đề lý luận chung về biển và kinh tế biển, kinh tế ven biển cũng như thực trạng phát triển kinh tế ven biển tỉnh Thanh Hoá, từ đó đưa ra những khuyến nghị quan trọng nhằm phát triển kinh tế ven biển Thanh Hóa cũng như kinh nghiệm hoạch định chính sách phát triển kinh tế ven biển ở các địa phương khác có điều kiện phát triển tương đồng.

Cuốn sách của tác giả Ngô Lực Tãi: *“Kinh tế biển Việt Nam trên đường phát triển và hội nhập”* [114]. Công trình đã tập trung phân tích những vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế biển Việt Nam dưới nhiều chiều cạnh khác nhau đặc biệt trong lĩnh vực cảng biển, vận tải biển trong đó chỉ ra thực trạng phát triển một số ngành kinh tế thuộc kinh tế biển, phân tích làm rõ những thách thức mà kinh

tế biển Việt Nam phải đổi mặt trong thời kỳ hội nhập, từ đó tác giả cũng đưa ra một số kiến nghị nhằm phát triển kinh tế biển tương xứng với tiềm năng của đất nước, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế- xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước.

Nguyễn Ngọc Trường với cuốn sách: *Vấn đề biển Đông* [134]. Cuốn sách khẳng định thế kỷ XXI là thế kỷ của đại dương, sự xuất hiện các cường quốc biển khiến cho vấn đề tự do và an toàn hàng hải được coi trọng. Khu vực Châu Á Thái Bình Dương trong xu thế hợp tác luôn tiềm ẩn nguy cơ cạnh tranh, xung đột diễn ra gay gắt. Nước nhỏ có biển ra sức bảo vệ đường biên giới biển như là không gian sinh tồn của quốc gia. Nước lớn tìm cách mở rộng ranh giới biển thông qua tranh chấp và xung đột để tối đa hóa vùng lãnh hải phục vụ chiến lược cường quốc biển. Điều đó cho thấy, biển Đông là vùng biển giàu tiềm năng nhưng cũng là khu vực chứa đựng nhiều biến động và tiềm ẩn nguy cơ xung đột. Những nghiên cứu trên là cơ sở quan trọng cho Việt Nam hoạch định chính sách phát triển kinh tế biển và ứng phó với những nguy cơ trong quá trình phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Tác giả Nguyễn Văn Kim, Nguyễn Mạnh Dũng với cuốn sách: *Việt Nam truyền thống kinh tế - văn hóa biển* [83]. Trong công trình các tác giả đã đi sâu nghiên cứu, phân tích lịch sử, truyền thống văn hóa, khai thác kinh tế biển của Việt Nam trong quá trình hình thành dân tộc, từ truyền thống khai thác biển, thích nghi với môi trường biển đến việc ban hành, thực thi chính sách quản lý biển đảo, bảo vệ các vùng đặc quyền kinh tế... tất cả đều cho thấy một truyền thống sông nước, truyền thống biển và hải thương của người Việt. Văn hóa biển là nét đặc trưng trong quá trình hình thành, phát triển và thích nghi với tự nhiên của người Việt, các triều đại phong kiến Việt Nam đã sớm có tư duy hướng biển, khai thác tiềm năng biển để phục vụ mục đích phát triển.

Đặng Thị Huyền Trang sưu tầm, biên soạn cuốn sách: *"Các khu dịch vụ du lịch biển, đảo vùng ven biển nước ta và chiến lược phát triển bền vững đến*

năm 2020 [128]. Trong công trình, tác giả giới thiệu khái quát các khu dịch vụ du lịch vùng ven biển Việt Nam, những kết quả phát triển dịch vụ du lịch vùng ven biển và những hạn chế, yếu kém của các khu dịch vụ du lịch ven biển Việt Nam. Từ đó tác giả đưa ra gợi ý về giải pháp phát triển các khu dịch vụ du lịch ven biển theo hướng bền vững.

Cuốn sách: *Nhận thức về biển và sức mạnh các thế lực đại dương trong tư tưởng một số nhà cải cách Việt Nam cuối thế kỷ XIX* của tác giả Nguyễn Văn Bắc [10]. Nội dung cuốn sách khái quát nhận thức về biển và sức mạnh của các thế lực đại dương trong tư tưởng một số nhà cải cách của Việt Nam cuối thế kỉ XIX. Từ đó khẳng định vai trò của biển và an ninh biển đối với sự ổn định và phát triển của các quốc gia.

Nguyễn Chu Hồi với cuốn sách: *Kinh tế biển xanh, các vấn đề và cách tiếp cận cho Việt Nam* [77]. Cuốn sách đã làm rõ cơ sở lý luận, cách tiếp cận và mục tiêu thực hiện kinh tế biển xanh, thực tế phát triển kinh tế biển xanh trên thế giới với một số kinh nghiệm thực tiễn về phát triển kinh tế biển xanh; vị thế, tiềm năng phát triển các ngành kinh tế biển của Việt Nam trong thời gian qua cùng những thách thức đối với việc phát triển bền vững kinh tế biển. Qua đó, nhóm tác giả đưa ra giải pháp nhằm xây dựng, thúc đẩy phát triển kinh tế biển xanh ở Việt Nam

Đỗ Bang với cuốn sách: *Hoàng Sa - Trường Sa: Chủ quyền của Việt Nam* [9]. Nội dung cuốn sách hệ thống hóa nhiều nguồn sử liệu quan trọng như châu bản triều Nguyễn, chính sử (Đại Nam thực lục, Đại Nam nhất thống chí), bản đồ cổ Việt Nam và phương Tây, cùng các ghi chép của nhà truyền giáo và thương nhân nước ngoài. Từ các tư liệu này, tác giả làm rõ quá trình nhà nước Việt Nam tổ chức các đội Hoàng Sa và Bắc Hải, thực hiện việc khai thác sản vật, đo đạc hải trình và quản lý thực tế tại hai quần đảo trong thời kỳ lịch sử kéo dài. Cuốn sách nhấn mạnh rằng hoạt động của cư dân và nhà nước Việt Nam ở Hoàng Sa – Trường Sa không chỉ mang ý nghĩa kinh tế biển mà còn là

sự thực thi chủ quyền liên tục, hòa bình và có tổ chức. Đồng thời, các bản đồ và tài liệu quốc tế cũng được phân tích để bổ sung chứng cứ lịch sử, cho thấy sự hiện diện của Việt Nam trong khu vực Biển Đông. Từ đó tác giả kết luận rằng Việt Nam có đầy đủ cơ sở lịch sử và pháp lý để khẳng định chủ quyền đối với Hoàng Sa và Trường Sa, đồng thời khẳng định vai trò chiến lược của biển đảo trong phát triển kinh tế và bảo vệ an ninh quốc gia.

- *Nhóm công trình là luận án tiến sĩ*

Nguyễn Thị Anh với đề tài luận án tiến sĩ: *Đảng bộ thành phố Hải Phòng lãnh đạo phát triển kinh tế biển từ năm 1996 đến năm 2010* [3]. Luận án đã phân tích làm rõ những chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ thành phố Hải Phòng đối với các ngành kinh tế biển từ năm 1996 đến năm 2010. Những nghiên cứu của tác giả đã làm rõ sự lãnh đạo phát triển kinh tế biển của Đảng bộ thành phố Hải Phòng, đồng thời đúc rút một số kinh nghiệm để Đảng bộ thành phố Hải Phòng có những chủ trương, quyết sách đúng đắn hơn trong lãnh đạo phát triển kinh tế biển, góp phần vào sự phát triển của thành phố và toàn vùng Đông Bắc bộ trong tương lai.

Nguyễn Thanh Minh với đề tài luận án tiến sĩ: *Quá trình triển khai chính sách về biển của Việt Nam từ năm 1986 đến năm 2010* [89]. Luận án trình bày quá trình triển khai chính sách về biển của Việt Nam từ năm 1986-2010. Thông qua việc phân tích chủ trương, chính sách và kết quả thực hiện, luận án khẳng định rằng giai đoạn 1986–2010 là thời kỳ chuyển biến căn bản trong nhận thức và hành động của Việt Nam đối với vấn đề biển. Chính sách biển đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, mở rộng quan hệ đối ngoại, nâng cao năng lực quản lý biển và bảo vệ chủ quyền quốc gia. Tuy nhiên, tác giả cũng chỉ ra những hạn chế như quản lý biển còn phân tán, khai thác tài nguyên thiếu bền vững, ô nhiễm môi trường biển gia tăng và năng lực thực thi chính sách chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn.

Nguyễn Thị Thơm với đề tài luận án tiến sĩ: *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo phát triển kinh tế hàng hải từ năm 1996 đến năm 2011* [122]. Luận án nghiên cứu quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với sự phát triển kinh tế hàng hải trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Luận án tập trung làm rõ vai trò của Đảng trong việc hoạch định chủ trương, chính sách và tổ chức thực hiện chiến lược phát triển kinh tế hàng hải nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng biển của đất nước. Trên cơ sở phân tích những thành tựu và hạn chế trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế hàng hải từ năm 1996-2011, tác giả đúc rút một số kinh nghiệm có giá trị lý luận và thực tiễn cho giai đoạn tiếp theo.

Nguyễn Đức Phương với đề tài luận án tiến sĩ: *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo bảo vệ chủ quyền biển, đảo Tổ quốc từ năm 2001 đến năm 2011* [97]. Tác giả đã chỉ ra yêu cầu khách quan của việc tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với việc bảo vệ chủ quyền biển, đảo, hệ thống các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về bảo vệ chủ quyền biển, đảo Tổ quốc từ năm 2001 đến năm 2011. Trên cơ sở chủ trương của Đảng, tác giả làm rõ quá trình chỉ đạo thực hiện chủ trương và kết quả đạt được trong công tác lãnh đạo bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Đảng từ năm 2001 đến năm 2011 qua đó rút ra những kinh nghiệm có giá trị cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong thời gian tiếp theo.

Nguyễn Thị Hoa Phượng với đề tài luận án tiến sĩ: *Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu lãnh đạo phát triển kinh tế biển từ năm 2000 đến năm 2015* [99]. Luận án tập trung phân tích các yếu tố tác động; quá trình hoạch định chủ trương và chỉ đạo thực hiện phát triển kinh tế biển của Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Trên cơ sở những kết quả đạt được và những tồn tại hạn chế, luận án đúc kết một số bài học kinh nghiệm chủ yếu góp phần định hướng cho Đảng bộ tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu đề ra những quyết sách đúng đắn hơn cho quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế biển trong các giai đoạn tiếp theo.

Nguyễn Thị Thu Hương với đề tài luận án tiến sĩ: *Phát triển kinh tế biển tại Quảng Ninh theo hướng bền vững* [81]. Luận án phân tích tiềm năng và thực trạng phát triển kinh tế biển của tỉnh Quảng Ninh. Trên cơ sở đánh giá các ngành kinh tế biển chủ yếu của tỉnh Quảng Ninh như: du lịch biển, cảng biển, khai thác thủy sản và dịch vụ ven biển, luận án đề xuất hệ thống giải pháp nhằm góp phần phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững.

- *Nhóm công trình các bài viết đăng tạp chí*

Lê Nguyên với bài viết: “*Chiến lược phát triển kinh tế biển Việt Nam*” [88]. Trong bài viết này, tác giả phân tích và làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn của Chiến lược phát triển kinh tế biển Việt Nam trong đó phân tích sâu sắc các yếu tố quốc tế tác động tới việc phát triển kinh tế biển Việt Nam. Trình bày có hệ thống quan điểm, mục tiêu phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Tác giả Mạnh Hùng với bài viết: “*Chiến lược biển Việt Nam tầm nhìn đến năm 2020*” [78]. Bài viết trình bày những điểm cơ bản trong chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, qua đó đưa ra những dự báo và đề xuất một số giải pháp cơ bản thúc đẩy sự phát triển kinh tế biển Việt Nam.

Tác giả Bùi Thị Thanh Hương với bài viết: “*Phát triển kinh tế biển: kinh nghiệm quốc tế và một số vấn đề đối với Việt Nam*” [80]. Từ việc nghiên cứu quá trình khai thác, quản lý kinh tế biển của một số quốc gia, tác giả đã rút ra những kinh nghiệm có giá trị gắn với thực tiễn phát triển kinh tế biển của Việt Nam. Đồng thời cũng từ những kinh nghiệm quốc tế mang tính chất gợi mở, tác giả nêu ra một số vấn đề cần giải quyết trong việc thực hiện chiến lược kinh tế biển tại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế...

Bài viết: *Khai thác tiềm năng thế mạnh để phát triển kinh tế biển ở Hải phòng* của Phạm Ngọc Thúc [127]. Nội dung bài viết khẳng định với lợi thế của mình, Hải phòng có thể phát triển các ngành kinh tế biển như: cảng biển, thủy sản, dầu khí và các dịch vụ kinh tế biển. Để phát triển kinh tế biển, Hải phòng đã tiến hành xã hội hóa trong lĩnh vực đầu tư, khuyến khích mạnh mẽ

các hình thức đầu tư và đẩy mạnh huy động vốn đầu tư, phát triển khoa học công nghệ biển. Đây là vấn đề không chỉ thành phố Hải Phòng quan tâm mà còn là vấn đề chung để phát triển kinh tế biển có hiệu quả, bền vững góp phần đảm bảo quốc phòng, an ninh.

- *Nhóm công trình đề tài khoa học, kỹ yếu hội thảo khoa học*

Hồ Tấn Sáng với đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ: *Khai thác tiềm năng kinh tế biển, đảo các tỉnh duyên hải miền Trung - Thực trạng và giải pháp* [108]. Đề tài đánh giá tiềm năng kinh tế biển đảo và các nhân tố ảnh hưởng đến việc khai thác tiềm năng kinh tế biển đảo các tỉnh duyên hải miền Trung trên các khía cạnh: điều kiện tự nhiên, nguồn lợi hải sản, công nghiệp dịch vụ vận tải biển, du lịch biển đảo, về tài nguyên, khoáng sản biển, về nguồn nhân lực-lao động

Chu Đức Dũng với đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ: *“Chiến lược phát triển kinh tế biển Đông của một số nước Đông Á - tác động và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam”* [42]. Công trình nghiên cứu đã làm rõ chiến lược phát triển kinh tế Biển Đông của một số nước Đông Á trong đó đi sâu phân tích, so sánh các chiến lược của các nước và đánh giá tác động của việc thực hiện các chiến lược đó đối với khu vực và Việt Nam. Trên cơ sở phân tích những vấn đề đặt ra cho Việt Nam và đề xuất các giải pháp chính sách thực hiện và điều chỉnh chiến lược phát triển kinh tế biển của Việt Nam đến năm 2020.

Kỹ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: *Khai thác tiềm năng biển, đảo vì sự phát triển bền vững của Quảng Ngãi và miền Trung* [162]. Kỹ yếu Hội thảo có các bài viết về kinh tế biển ở miền Trung: “Khai thác có hiệu quả tiềm năng biển, đảo để phát triển bền vững miền Trung” (Bùi Quang Bình); “Du lịch biển đảo vùng duyên hải Nam Trung Bộ-tiềm năng và một số định hướng phát triển” (Lê Du Phong); “Thực trạng và giải pháp quản lý, khai thác tiềm năng, lợi thế biển đảo miền Trung” (Phạm Xuân Trường); “Đánh giá tiềm năng đánh bắt hải sản của vùng duyên hải Nam Trung Bộ và chiến lược phát triển đánh bắt hải

sản của vùng đến năm 2010” (Đào Hữu Hòa); “Các giải pháp về cơ chế, chính sách để khai thác có hiệu quả tiềm năng biển, đảo miền Trung” (Lê Xuân Bá); “Phát triển có hệ thống cảng biển miền Trung: vai trò, thực trạng, vấn đề và giải pháp” (Nguyễn Minh Đức); “Các giải pháp môi trường để khai thác tối đa lợi thế biển, đảo của cả tỉnh Nam Trung Bộ nhằm mục tiêu phát triển bền vững” (Phan Sĩ Mẫn); “Liên kết vùng các tỉnh miền Trung trong phát triển kinh tế biển” (Nguyễn Ngọc Tuấn)... Các nghiên cứu đều tập trung đánh giá tiềm năng, thực trạng và đưa ra các giải pháp để phát triển các ngành KTB cho các tỉnh miền Trung và tỉnh Quảng Ngãi.

Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: *Xúc tiến thương mại nhằm phát triển thủy sản bền vững vùng duyên hải miền Trung* [18]. Các chuyên đề nghiên cứu trong kỷ yếu Hội thảo làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về xúc tiến thương mại nhằm phát triển thủy sản bền vững vùng duyên hải miền Trung; đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp phát triển bền vững ngành thủy sản vùng duyên hải miền Trung.

Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: *Liên kết phát triển du lịch vùng duyên hải miền Trung với vùng Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, các tỉnh Nam Lào và Đông Bắc Campuchia* [19]. Các tham luận đã làm rõ những vấn đề lý luận về liên kết phát triển du lịch vùng duyên hải miền Trung với vùng Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, các tỉnh Nam Lào và Đông Bắc Campuchia; đánh giá thực trạng, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả liên kết phát triển du lịch vùng duyên hải miền Trung với vùng Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, các tỉnh Nam Lào và Đông Bắc Campuchia.

Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Phát triển bền vững kinh tế biển ở các tỉnh, thành duyên hải miền Trung và phía Nam dựa trên lợi thế so sánh* [20]. Hội thảo tập trung làm rõ các vấn đề chính: Khái quát thực trạng phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững dựa trên lợi thế so sánh của Việt Nam, đối với các tỉnh, thành duyên hải miền Trung và phía Nam; Phân tích, nhận diện, làm rõ

những tồn tại, bất cập trong quá trình thực hiện chiến lược biển, phát triển kinh tế biển tại các tỉnh, thành duyên hải miền Trung và phía Nam có biển; Đề xuất và kiến nghị với Đảng, Nhà nước và lãnh đạo các tỉnh thành duyên hải miền Trung và phía Nam những giải pháp cơ bản thực hiện chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển dựa trên lợi thế so sánh.

Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Kinh tế biển các tỉnh duyên hải miền Trung trong chiến lược kinh tế biển Việt Nam* [76]. Kỷ yếu Hội thảo có các bài viết đáng chú ý như: “Tiềm năng và định hướng phát triển kinh tế biển miền Trung” của tác giả Trương Minh Dục; “Phát triển kinh tế biển, đảo các tỉnh duyên hải miền Trung - Thực trạng và triển vọng” của tác giả Phạm Thanh Khiết; “Khai thác và phát triển du lịch biển, đảo ở các tỉnh duyên hải miền Trung - Thực trạng và giải pháp” của Đỗ Thanh Phương; “Hệ thống cảng biển các tỉnh miền Trung- Thực trạng và giải pháp phát triển” của Trần Thị Bích Hạnh; “Tăng cường quản lý nhà nước đối với các hoạt động khai thác hải sản ở các tỉnh duyên hải miền Trung” của Nguyễn Thế Trâm; “Bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế biển ở các tỉnh duyên hải miền Trung” của Phạm Quốc Tuấn... Các bài viết đều hướng đến đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp và định hướng để phát triển kinh tế biển các tỉnh duyên hải miền Trung.

1.1.3. Nhóm công trình nghiên cứu về biển và kinh tế biển ở Đà Nẵng - *Nhóm công trình sách*

Cuốn sách: *Đà Nẵng bước vào thế kỷ XXI* do tác giả Ngô Quy Nhơn làm chủ biên [92]. Trong cuốn sách này đã tập hợp nhiều bài viết của các nhà nghiên cứu về Đà Nẵng. Đặc biệt, chương III của cuốn sách đã khái quát về lịch sử hình thành, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và đưa ra những dự báo triển vọng về sự phát triển của thành phố Đà Nẵng đến năm 2010.

Chu Viết Luân với cuốn sách: *Đà Nẵng - Thế và lực mới trong thế kỷ XXI* [85]. Cuốn sách gồm 8 phần, đặc biệt ở phần II cuốn sách đề cập đến các chương trình kinh tế trọng điểm tạo thế và lực trong thế kỷ XXI, trong đó có nhấn mạnh

đến lĩnh vực kinh tế biển. Ở phần phần VIII, trên cơ sở khái quát bức tranh kinh tế xã hội của thành phố Đà Nẵng, cuốn sách đúc kết những bài học thành công và chỉ ra những thách thức của thành phố về phát triển kinh tế xã hội trong đó có lĩnh vực phát triển kinh tế biển.

Cuốn sách: *Đà Nẵng 10 năm thành tựu và phát triển* [149]. Nội dung cuốn sách đề cập đến quá trình phát triển kinh tế xã hội của thành phố trên tất cả các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực phát triển kinh tế biển. Trên cơ sở khái quát những thành tựu đạt được, cuốn sách cũng chỉ ra những hạn chế, thách thức của thành phố trong quá trình phát triển kinh tế xã hội nói chung và lĩnh vực kinh tế biển nói riêng, cuốn sách đã đúc rút một số bài học kinh nghiệm có giá trị.

Cuốn sách: *“Lược sử Đà Nẵng 700 năm”*, của Lê Duy Anh - Lê Hoàng Vinh [4]. Nội dung cuốn sách đã khái quát lịch sử Đà Nẵng trong suốt 700 năm (1306-2006) đồng thời khẳng định truyền thống vươn khơi, bám biển của nhân dân Đà Nẵng đã có từ thời xưa.

Cuốn sách: *Đô thị hóa ở các tỉnh Miền Trung, Tây Nguyên và những vấn đề kinh tế xã hội đặt ra* của tập thể nhiều tác giả [116]. Nội dung cuốn sách, các tác giả đề cập đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở Đà Nẵng, trong đó nhấn mạnh đến yêu cầu phát triển các khu đô thị ven biển, đồng thời đề xuất một số giải pháp để phát triển các khu đô thị ven biển.

Cuốn sách: *Lịch sử Đảng bộ thành phố Đà Nẵng (1975-2015)* [8]. Đây là công trình nghiên cứu, tổng kết quá trình lãnh đạo phát triển KT-XH của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng từ năm 1975 đến năm 2015. Dựa trên những tư liệu quý giá trong hệ thống lưu trữ lịch sử, công trình đã phục dựng lại quá trình lãnh đạo phát triển KT-XH và bảo vệ Tổ quốc của quân và dân thành phố Đà Nẵng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh đồng thời cũng rút ra những kinh nghiệm lịch sử quý giá sau mỗi chặng đường lãnh đạo phát triển của Đảng bộ thành phố qua các kỳ Đại hội Đảng bộ.

Cuốn sách: *Đà Nẵng - 20 năm xây dựng & phát triển* [159]. Cuốn sách là tập hợp các bài viết của nhiều tác giả. Trong đó, phần lớn các bài viết đã tái hiện lại quá trình xây dựng và phát triển của thành phố Đà Nẵng sau 20 năm thành lập. Một số bài viết đã đề cập đến biển và kinh tế biển như: *Đà Nẵng với chủ quyền quốc gia ở biển Đông* của PGS.TS Trương Minh Dục, *xứng tầm ngành kinh tế mũi nhọn* của tác giả Ngô Quang Vinh, *động lực tăng trưởng kinh tế bền vững* của tác giả Hồ Kỳ Minh, *Đà Nẵng vươn khơi* của tác giả Hà Văn Thoong; *làm giàu từ biển* của tác giả Ngọc Phú, *Đà Nẵng liên kết đào tạo nguồn nhân lực* của Trần Văn Nam...

Lê Nhị Hòa với cuốn sách: *Công tác thông tin, tuyên truyền chủ quyền Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa* [71]. Tác giả đã nghiên cứu nhiều nội dung và kết quả liên quan đến vấn đề khai thác, quản lý và đấu tranh bảo vệ chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trên mặt trận thông tin, tuyên truyền; trong đó có những đóng góp rất lớn từ Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố Đà Nẵng trong các hoạt động quản lý, khai thác và đấu tranh bảo vệ chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa.

Cuốn sách: *Đà Nẵng thành tựu và khát vọng* [160]. Cuốn sách điểm lại những thành tựu nổi bật của Đảng bộ thành phố trong 5 năm qua (nhiệm kỳ 2020-2025) và những khát vọng “vươn ra biển lớn” trong giai đoạn 5 năm tiếp theo cũng như chặng đường phía trước. Trong đó, một số bài viết đã khái quát thực trạng các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kinh tế xã hội nói chung và kinh tế biển nói riêng và đề xuất các giải pháp như: Đà Nẵng thực hiện đột phá xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hoạt động đối ngoại góp phần kết nối Đà Nẵng với thế giới; Hoạt động khoa học công nghệ thành phố, thành tựu và định hướng; Phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp công nghệ thông tin gắn với xây dựng đô thị sáng tạo, khởi nghiệp; Những điểm nhấn trong việc thực hiện đột phá phát triển ngành du lịch; Đà Nẵng xây dựng thành phố môi trường, hướng đến thành phố sinh thái; Phát huy các

nguồn lực, xây dựng cảng Đà Nẵng phát triển nhanh và bền vững; Công tác tuyên truyền khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa của UBND huyện Hoàng Sa...

- *Nhóm công trình đề tài khoa học, kỹ yếu hội thảo khoa học*

Đề tài khoa học cấp thành phố, *Những giải pháp cơ bản nhằm phát triển bền vững và có hiệu quả kinh tế biển Đà Nẵng* [112]. Đề tài phân tích những lợi thế về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, KT-XH của thành phố Đà Nẵng, từ đó nhấn mạnh vai trò quan trọng của thành phố Đà Nẵng trong việc góp phần vào quá trình phát triển kinh tế biển của cả nước. Đề tài đưa ra các giải pháp để phát triển bền vững kinh tế biển: Thứ nhất, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển KT-XH với bảo đảm QP, AN, hợp tác quốc tế. Thứ hai, cần chú trọng tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách và luật pháp về lĩnh vực biển, đảo và có cơ chế phù hợp để hỗ trợ phát triển kinh tế biển, đảo. Thứ ba, hình thành và phát triển một số ngành mũi nhọn phù hợp với lợi thế của vùng đảo như: du lịch, dịch vụ biển, khai thác và nuôi trồng hải sản. Thứ tư, tổ chức phát triển hợp lý không gian KT-XH vùng biển và ven biển. Thứ năm, đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học - công nghệ về quản lý và phát triển kinh tế biển, đảo nhằm khai thác, sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, đảo. Thứ sáu, tổ chức tốt công tác tuyên truyền về biển, đảo, nâng cao ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia, công tác quản lý khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, các quy định của quốc tế về bảo vệ nguồn lợi thủy sản không chỉ với cư dân biển, đảo mà còn với toàn xã hội.

Kỹ yếu Hội thảo khoa học: *Phát triển nhanh và bền vững kinh tế - xã hội khu vực duyên hải miền Trung và Tây Nguyên* của Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng, [61]. Kỹ yếu Hội thảo tập hợp các tham luận khoa học của các nhà nghiên cứu, nhà quản lý, giảng viên và chuyên gia, tập trung làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển kinh tế - xã hội vùng duyên

hải miền Trung và Tây Nguyên trong bối cảnh mới. Nội dung chủ yếu gồm: Cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển nhanh và bền vững vùng; Thực trạng phát triển KT-XH của khu vực; Phát triển kinh tế biển và kinh tế ven biển miền Trung; Liên kết vùng và phát triển hạ tầng; Phát triển bền vững tài nguyên, môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu; Nguồn nhân lực, KHCN và đổi mới sáng tạo; Giải pháp và kiến nghị chính sách. Trong đó, đáng chú ý là chuyên đề miền Trung khai thác tiềm năng biển đảo để phát triển bền vững; Nội dung của tham luận tập trung phân tích tiềm năng, thế mạnh về biển đảo đồng thời chỉ ra những khó khăn và thách thức trong khai thác tiềm năng biển đảo ở khu vực miền Trung. Từ đó, tham luận đề ra một số giải pháp nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng biển đảo để phát triển bền vững.

- *Nhóm công trình luận án tiến sĩ:*

Luận án Tiến sĩ của Nguyễn Thị Anh Thi: *Kinh tế biển trong mối quan hệ với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở Thành phố Đà Nẵng* [121]. Tác giả đã luận giải, làm rõ vai trò của kinh tế biển trong việc đảm bảo quốc phòng, an ninh ở Đà Nẵng; chỉ ra những kết quả đạt được của thành phố trong phát triển kinh tế biển gắn với nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng, an ninh. Từ đó luận án đã đề xuất hệ thống các giải pháp để góp phần phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Luận án Tiến sĩ: *Hoạt động khai thác và bảo vệ chủ quyền quần đảo Hoàng Sa của chính quyền Việt Nam Cộng hòa (1954 -1975)* của Nghiên cứu sinh Lưu Anh Rô [107]. Luận án góp phần dựng lại bức tranh tương đối đầy đủ và toàn diện về các hoạt động khai thác và bảo vệ của chính quyền Việt Nam Cộng hòa đối với quần đảo Hoàng Sa; nhìn nhận, đánh giá một cách khách quan về các hoạt động trên theo góc độ phù hợp với luật pháp Quốc tế, đặt trong bối cảnh lịch sử mà sự tác động, đan xen nhau qua lại giữa các mối quan hệ Quốc tế, khu vực đa chiều. Từ đó, luận án góp phần làm phong phú hơn các đề tài nghiên cứu về quần đảo Hoàng Sa; tập hợp một cách có

hệ thống các tài liệu lịch sử có tính pháp lý cao nhằm khẳng định tính liên tục chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, góp phần củng cố thêm hồ sơ pháp lý về vấn đề này. Qua luận án có thể rút ra những bài học bổ ích, gợi ý thiết thực về các chính sách khai thác, quản lý nhà nước về biển, đảo nói chung và quần đảo Hoàng Sa nói riêng; đồng thời góp phần quan trọng vào việc giáo dục truyền thống yêu biển, đảo, bảo vệ lãnh thổ quốc gia hiện nay.

- *Nhóm công trình bài viết đăng tạp chí:*

Bài viết: “*Phát triển kinh tế biển Đà Nẵng theo hướng bền vững*” của Hoàng Thị Diệu Hiền [70]. Trên cơ sở khái quát những điều kiện thuận lợi về tự nhiên, kinh tế, xã hội của Đà Nẵng để phát triển kinh tế biển; bài viết khẳng định phát triển kinh tế biển ở Đà Nẵng trở thành xu thế tất yếu.

Bài viết: “*Phát triển kinh tế biển Đà Nẵng, tiềm năng và thách thức*” của Vũ Diệu Ngân [91]. Theo tác giả, Đà Nẵng có những lợi thế to lớn để phát triển kinh tế biển mạnh mẽ do có 6/8 quận, huyện giáp biển, trong đó có huyện đảo Hoàng Sa. Các ngành kinh tế biển được xác định là thế mạnh, gồm: khai thác hải sản, du lịch, công nghiệp cơ khí và chế biến, vận tải biển. Bài viết đánh giá, dù đạt được nhiều thành tựu, nhưng kinh tế biển của Đà Nẵng vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế như: Năng lực khai thác hải sản chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế do quy hoạch các ngành biển chưa hợp lý nên cảng biển Đà Nẵng luôn phải trong tình trạng cạnh tranh. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho du lịch biển cũng chưa đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Các ngành kinh tế biển vẫn chưa thực sự gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh...

Tác giả Nguyễn Thị Thanh Huyền với bài viết: “*Thành phố Đà Nẵng phát triển ngành thủy sản theo hướng bền vững*” [79]. Nội dung bài viết trên cơ sở khái quát thực trạng khai thác, nuôi trồng thủy sản của thành phố Đà

Năng, tác giả đề xuất 5 giải pháp nhằm góp phần phát triển ngành thủy sản theo hướng bền vững.

Bùi Văn Tiêng với bài viết: “*Đà Nẵng với cuộc đấu tranh khẳng định, bảo vệ chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa*” [141]. Trong bài viết, tác giả đã nhấn mạnh đến những đóng góp cũng như vai trò của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Đà Nẵng trong cuộc đấu tranh khẳng định, bảo vệ chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa, nhất là trong giai đoạn từ năm 1974 đến nay.

Bài viết: “*Phát triển bền vững kinh tế biển ở thành phố Đà Nẵng - Từ nhận thức đến thực tiễn*” của Lê Nhị Hòa [72]. Nội dung bài viết, trên cơ sở khái quát nhận thức của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng về phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững; tác giả đánh giá thực trạng phát triển kinh tế biển ở Đà Nẵng đồng thời đề xuất 5 giải pháp để phát triển bền vững kinh tế biển ở Đà Nẵng.

Tác giả Lê Phú Nguyễn với bài viết “*Việc quản lý quần đảo Hoàng Sa từ năm 1975 đến nay*” [95]. Bài viết đã khái quát một số chủ trương lớn của Đảng về khai thác, bảo vệ chủ quyền biển đảo nói chung và quần đảo Hoàng Sa nói riêng giai đoạn 1975 đến nay; đồng thời chỉ ra một số khó khăn, thách thức trong công tác khai thác, quản lý, đấu tranh bảo vệ chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa trong bối cảnh mới.

1.2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ TỔNG QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN CẦN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU

1.2.1. Đánh giá kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học đã tổng quan

Qua khảo cứu các công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài luận án cho thấy:

Thứ nhất, về phương diện tư liệu: Các công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài luận án nghiên cứu đã góp phần cung cấp cơ sở dữ liệu

về khoa học biển: tài nguyên biển, hệ sinh thái biển, khí hậu và môi trường biển, nguồn lợi thủy sản, giao thông hàng hải... Một số công trình nghiên cứu đã xác lập luận cứ khoa học cho quy hoạch biển, xây dựng chính sách khai thác tài nguyên, phát triển các ngành kinh tế biển. Bên cạnh đó, một số công trình nghiên cứu có giá trị là tư liệu có ý nghĩa quan trọng trong bảo vệ QP, AN và khẳng định chủ quyền biển đảo.

Thứ hai, về phương pháp: Các công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài luận án được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau và vận dụng đa dạng các phương pháp nghiên cứu. Đây là cơ sở quan trọng để luận án tham khảo, kế thừa và vận dụng phù hợp các phương pháp nghiên cứu trong quá trình triển khai đề tài.

Thứ ba, về nội dung:

- Phần lớn nhóm công trình nghiên cứu về biển và kinh tế biển trên thế giới và ở Việt Nam dù nghiên cứu, tiếp cận dưới nhiều góc độ, phạm vi khác nhau, nhưng đều đề cập đến vị trí, vai trò quan trọng của biển và kinh tế biển đối với sự phát triển KT-XH, QP, AN. Qua đó các công trình khẳng định các quốc gia có biển đều xác định phát triển kinh tế biển là nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển tổng thể quốc gia.

Một số công trình tập trung phân tích lợi ích chiến lược mà biển mang lại cho các quốc gia nên xuất hiện nhiều tranh chấp, bất đồng trong việc khẳng định chủ quyền biển, đảo, khai thác tài nguyên biển. Từ đó nhấn mạnh đến việc phát triển kinh tế biển gắn liền với đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo.

Ngoài ra, một số công trình nghiên cứu đã làm rõ vai trò các ngành kinh tế biển truyền thống và xu hướng phát triển các ngành kinh tế biển mới, nội dung các hoạt động phát triển kinh tế biển, vấn đề tổ chức không gian biển, hợp tác quốc tế biển, những thách thức đặt ra trong phát triển kinh tế biển.

- Nhóm công trình nghiên cứu về biển và kinh tế biển ở các địa phương đều tập trung phân tích thực trạng phát triển kinh tế biển ở các địa phương. Thông qua đánh giá thực trạng phát triển kinh tế biển, các tác giả đã chỉ ra những kết quả bước đầu, đồng thời cũng nêu ra những hạn chế cơ bản, từ đó đề xuất phương hướng và giải pháp để phát triển kinh tế biển trong những năm tới. Bên cạnh đó, một số công trình nghiên cứu về sự lãnh đạo của Đảng đối với thực hiện phát triển kinh tế biển ở các địa phương khác nhau, hoặc các vùng khác nhau, các ngành kinh tế biển cụ thể của kinh tế biển. Qua nghiên cứu, các tác giả đều khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu đối với việc thực hiện phát triển kinh tế biển.

- Nhóm công trình nghiên cứu về biển và kinh tế biển ở thành phố Đà Nẵng, phần lớn công trình nghiên cứu về lịch sử hình thành vùng đất, văn hóa và con người Đà Nẵng. Qua nghiên cứu, các tác giả khẳng định truyền thống vươn khơi, bám biển của cư dân Đà Nẵng và quá trình đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo trong lịch sử

Một số công trình nghiên cứu sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với một số ngành thuộc lĩnh vực kinh tế biển như: thực trạng nguồn lực, hạ tầng cảng, dịch vụ hậu cần nghề cá và tiềm năng phát triển du lịch biển...; nhưng chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện, hệ thống về quá trình Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lãnh đạo phát triển kinh tế biển từ năm 2007 đến năm 2020 dưới góc độ chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đây là những tài liệu quý để nghiên cứu sinh có thể kế thừa, tham khảo về tư liệu, nội dung, phương pháp nghiên cứu trong quá trình thực hiện luận án.

1.2.2. Những nội dung luận án cần tập trung nghiên cứu

Qua khảo cứu các công trình khoa học đã công bố có liên quan đến đề tài luận án, những vấn đề đặt ra cho luận án cần tập trung nghiên cứu là:

Thứ nhất, khái quát thực trạng kinh tế biển của thành phố Đà Nẵng trước năm 2007, phân tích làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến sự lãnh đạo phát triển kinh tế biển của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng; chỉ ra yêu cầu khách quan phát triển kinh tế biển thành phố Đà Nẵng từ năm 2007 đến năm 2020.

Thứ hai, phân tích chủ trương của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng về phát triển kinh tế biển; làm rõ quá trình Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế biển, góp phần phát triển KT-XH của địa phương trong thời gian từ năm 2007 đến năm 2020.

Thứ ba, nhận xét về những thành công, hạn chế; phân tích nguyên nhân của thành công, hạn chế và rút ra một số kinh nghiệm từ thực tiễn Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lãnh đạo phát triển kinh tế biển trong giai đoạn 2007 - 2020.

Tiểu kết chương 1

Các công trình nghiên cứu về biển và kinh tế biển trên thế giới cho thấy, nhiều quốc gia đã triển khai đồng bộ các chiến lược phát triển bền vững, kết hợp khai thác nguồn lợi thủy sản, vận tải biển và du lịch biển. Tại Việt Nam, nghiên cứu tập trung đánh giá tiềm năng kinh tế biển, cơ chế quản lý và phát triển các khu kinh tế ven biển, đồng thời đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả khai thác. Ở một số địa phương như Quảng Ninh, Khánh Hòa, Bà Rịa - Vũng Tàu, các nghiên cứu nhấn mạnh việc kết hợp phát triển kinh tế biển với bảo vệ môi trường và chủ quyền biển đảo. Riêng tại Đà Nẵng, các nghiên cứu các tập trung phân tích một số ngành thuộc lĩnh vực kinh tế biển. Nhìn chung, các nghiên cứu đều nhấn mạnh sự cần thiết của việc quản lý bền vững, đào tạo nguồn nhân lực và nâng cao năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực kinh tế biển.

Tổng quan các nghiên cứu vừa giúp nhận diện tiềm năng và lợi thế của Đà Nẵng, vừa làm rõ những hạn chế, khó khăn cần khắc phục; đồng thời định hướng xây dựng chiến lược phát triển bền vững phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương. Qua đó, việc triển khai các giải pháp kinh tế biển không chỉ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà còn đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, củng cố QP, AN và nâng cao đời sống người dân vùng ven biển. Những phân tích này nhấn mạnh rằng chỉ khi các yếu tố quản lý, con người và chính sách được kết hợp đồng bộ, kinh tế biển của Đà Nẵng mới có thể phát triển bền vững, hiệu quả và nâng cao vị thế của thành phố trên bản đồ kinh tế biển quốc gia và khu vực. Đồng thời, kết quả nghiên cứu cung cấp cơ sở khoa học để đánh giá hiệu quả lãnh đạo của Đảng bộ thành phố, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm về tổ chức thực hiện, cơ chế quản lý và chính sách phát triển kinh tế biển.

Chương 2

CHỦ TRƯỞNG VÀ SỰ CHỈ ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN CỦA ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG TỪ NĂM 2007 ĐẾN NĂM 2015

2.1. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN CỦA ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG TRONG GIAI ĐOẠN 2007-2015

2.1.1. Tình hình thế giới và trong nước

Trong giai đoạn 2007-2015, phát triển kinh tế biển Việt Nam chịu tác động đan xen của nhiều thuận lợi và khó khăn từ bối cảnh trong nước và quốc tế.

2.1.1.1. Tình hình quốc tế

Trên bình diện quốc tế, xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra mạnh mẽ, đặc biệt sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) năm 2007, đã mở rộng thị trường xuất khẩu, thu hút vốn đầu tư nước ngoài và tạo điều kiện tiếp cận khoa học - công nghệ hiện đại trong các ngành kinh tế biển như vận tải biển, dầu khí, thủy sản và du lịch biển. Nhu cầu giao thương hàng hải và khai thác tài nguyên biển gia tăng, tạo động lực thúc đẩy kinh tế biển phát triển. Bên cạnh đó, sự phát triển nhanh của KHCN biển, nhất là trong lĩnh vực đóng tàu, logistics hàng hải, khai thác dầu khí ngoài khơi và nuôi trồng thủy sản công nghệ cao, đã tạo ra nhiều cơ hội để các quốc gia ven biển nâng cao hiệu quả khai thác, tăng giá trị gia tăng và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Các hiệp định thương mại và liên kết khu vực cũng góp phần thúc đẩy hợp tác quốc tế về biển, tạo môi trường thuận lợi cho Việt Nam mở rộng hợp tác, học hỏi kinh nghiệm quản lý và phát triển kinh tế biển theo hướng hiện đại và bền vững.

Bên cạnh những thuận lợi, tình hình quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường. Khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu giai đoạn 2008-

2009 đã tác động tiêu cực đến thương mại quốc tế, làm giảm nhu cầu vận tải biển, xuất khẩu thủy sản và khả năng thu hút đầu tư vào các ngành kinh tế biển. Giá nhiên liệu và nhiều loại nguyên, vật liệu đầu vào biến động mạnh, chi phí sản xuất tăng cao, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả khai thác, đánh bắt và dịch vụ trên biển. Bên cạnh đó, tình hình Biển Đông có nhiều diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định.

2.1.1.2. Tình hình trong nước: Trong giai đoạn 2007-2015, nền kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng khá, tiềm lực quốc gia không ngừng được nâng cao, tạo nguồn lực quan trọng cho đầu tư phát triển các ngành kinh tế biển. Hệ thống cảng biển, khu kinh tế ven biển và hạ tầng giao thông kết nối từng bước được đầu tư xây dựng và mở rộng, góp phần nâng cao năng lực vận tải, logistics và thu hút các hoạt động sản xuất, dịch vụ gắn với biển. Các ngành khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản, dầu khí, du lịch biển có điều kiện phát triển cả về quy mô và chất lượng. Đặc biệt, Đảng và Nhà nước ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng như Chiến lược biển Việt Nam, cùng các chương trình, quy hoạch phát triển kinh tế biển và vùng ven biển, đã tạo hành lang pháp lý và định hướng lâu dài cho phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia, bảo đảm QP, AN và hướng tới phát triển bền vững.

Tuy nhiên, ngoài những thuận lợi nêu trên, tình hình trong nước cũng đối diện với nhiều khó khăn. Kết cấu hạ tầng ven biển và hải đảo còn thiếu đồng bộ, năng lực cảng biển, dịch vụ logistics và công nghiệp hỗ trợ biển chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Trình độ KHCN biển còn hạn chế, chất lượng nguồn nhân lực biển chưa cao, chưa theo kịp yêu cầu hiện đại hóa các ngành kinh tế biển. Công tác quản lý, khai thác và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển còn nhiều bất cập; ô nhiễm môi trường, suy giảm nguồn lợi thủy sản và tác động của biến đổi khí hậu ngày càng rõ nét, đặt ra nhiều thách thức lớn đối với mục tiêu phát triển kinh tế biển nhanh, hiệu quả và bền vững. Đặc biệt sự kiện Trung

Quốc triển khai đặt giàn khoan di động HD-981 trái phép trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam (từ ngày 1/5/2014-15/8/2014, đi kèm với đó là 80 tàu thuyền các loại, trong đó có 07 tàu quân sự, như tàu hộ vệ tên lửa 534, tàu tuần tiễu tên lửa tấn công nhanh 753, 33 tàu hải cảnh, cùng nhiều tàu vận tải và ngư binh. Ngoài ra, hàng ngày còn có hàng chục tập máy bay hoạt động trên khu vực. Có những thời điểm, số lượng tàu hộ tống của Trung Quốc lên tới hơn 100 chiếc) đã tác động sâu sắc đến quá trình phát triển kinh tế biển của Việt Nam. Sự kiện này không chỉ gây ảnh hưởng đến hoạt động khai thác dầu khí, đánh bắt hải sản và giao thương trên Biển Đông mà còn làm gia tăng những thách thức đối với môi trường hòa bình, ổn định phục vụ phát triển kinh tế biển. Đồng thời, vụ việc đã đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc tăng cường quản lý, bảo vệ chủ quyền biển đảo, nâng cao năng lực chấp pháp trên biển và thúc đẩy chiến lược phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm QP, AN.

2.1.2. Chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển kinh tế biển

Trong thời kỳ đổi mới, Đảng đã từng bước nhận thức rõ và xác định đúng vị trí, vai trò của kinh tế biển và chủ trương phát triển kinh tế biển. Về cơ bản, Đảng chủ trương: “Tiến mạnh ra biển và làm chủ vùng biển. Phát triển tổng hợp kinh tế biển và ven biển. Xây dựng căn cứ hậu cần ở một số đảo để tiến ra biển khơi. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với bảo vệ an ninh trên biển” [50, tr.181]; “Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm; sớm đưa đất nước trở thành quốc gia mạnh về biển trong khu vực, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế” [51, tr.43]. Tuy nhiên, Đảng vẫn chưa ban hành được chiến lược về biển và phát triển kinh tế biển.

Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X (2006), ngày 9 /2/2007, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) lần

đầu tiên Đảng thông qua “*Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*” với quan điểm chỉ đạo:

Nước ta phải trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng từ biển, phát triển toàn diện các ngành, nghề biển với cơ cấu phong phú, hiện đại, tạo ra tốc độ phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả cao với tầm nhìn dài hạn; Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, hợp tác quốc tế và bảo vệ môi trường; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển vùng biển, ven biển, hải đảo với phát triển vùng nội địa theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Thu hút mọi nguồn lực để phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường biển trên tinh thần chủ động, tích cực mở cửa. Phát huy đầy đủ, có hiệu quả các nguồn lực bên trong, tranh thủ hợp tác quốc tế, thu hút mạnh các nguồn lực bên ngoài theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước [53, tr.74].

Nghị quyết đề ra mục tiêu tổng quát: “Đến năm 2020, phấn đấu đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, bảo đảm vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia trên biển, đảo, góp phần quan trọng trong sự nghiệp CNH, HĐH làm cho đất nước giàu mạnh” [52, tr.75]. Mục tiêu cụ thể của Nghị quyết là khai thác hiệu quả tiềm năng và lợi thế từ biển nhằm góp phần nâng cao sức mạnh kinh tế quốc gia, bảo đảm bảo vệ môi trường biển và phát triển bền vững. Theo định hướng phát triển, đến năm 2020, các hoạt động kinh tế biển và vùng ven biển được kỳ vọng đóng góp khoảng 53-55% tổng GDP của cả nước. Tập trung xây dựng và phát triển toàn diện các lĩnh vực KT-XH, KHCN, tăng cường củng cố QP, AN, làm cho đất nước giàu mạnh từ biển, bảo vệ môi trường biển. Chú trọng giải quyết các vấn đề xã hội, từng bước cải thiện và nâng cao đời sống của cư dân tại các khu vực ven biển, hướng tới mức

thu nhập bình quân đầu người cao gấp khoảng hai lần so với mức trung bình chung của cả nước. Đồng thời, phát triển hệ thống cảng biển có quy mô quốc tế mang tầm khu vực, hình thành các tập đoàn kinh tế mạnh hoạt động trong lĩnh vực biển. Các ngành khai thác, chế biến nguồn lợi từ biển và các dịch vụ liên quan đến biển cũng cần được đẩy mạnh, kết hợp với việc xây dựng các khu kinh tế ven biển có tiềm lực phát triển. Ngoài ra, việc hoàn thiện hệ thống quản lý nhà nước thống nhất và hiệu quả đối với lĩnh vực biển, cùng với mở rộng hợp tác quốc tế trong các hoạt động liên quan đến biển, là những yếu tố quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế biển trong dài hạn.

Về định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội: Xác định phát triển kinh tế biển là nhiệm vụ chiến lược, gắn liền với bảo vệ chủ quyền và phát triển bền vững đất nước. Đẩy mạnh điều tra, nghiên cứu tài nguyên và môi trường biển; ứng dụng KHCN hiện đại vào khai thác, quản lý và bảo vệ biển. Đồng thời, chú trọng xây dựng hạ tầng ven biển, hình thành tuyến đường và cảng biển trọng điểm, phát triển các dịch vụ vận tải, logistics và du lịch biển. Các trung tâm kinh tế ven biển được định hướng trở thành động lực tăng trưởng, thúc đẩy hội nhập quốc tế. Bên cạnh đó, quan tâm nâng cao đời sống nhân dân vùng ven biển, trên các đảo, đồng thời tăng cường năng lực quốc phòng, cứu hộ, cứu nạn và phòng chống thiên tai. Mục tiêu đến năm 2020 là tạo bước đột phá về kinh tế biển với các ngành chủ lực như dầu khí, hàng hải, thủy sản, du lịch và phát triển các KCN ven biển. Sau năm 2020, định hướng tập trung vào kinh tế hàng hải, khai thác khoáng sản và du lịch biển, hướng tới phát triển toàn diện, hiện đại và bền vững.

Về định hướng điều tra cơ bản về tài nguyên, môi trường biển: Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản về tài nguyên, môi trường biển để xác lập căn cứ khoa học cho việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, chính sách quản lý tài nguyên, môi trường biển theo hướng phát triển bền vững.

Đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học; nâng cao chất lượng điều tra, quan trắc, dự báo về tài nguyên và môi trường biển phục vụ phát triển KT-XH. Nhà nước thống nhất tổ chức, quản lý, điều hành công tác điều tra, thăm dò và sử dụng dữ liệu về tài nguyên biển.

Về định hướng phát triển khoa học - công nghệ biển: Phát triển KHCN biển phải trở thành động lực của phát triển các lĩnh vực liên quan đến biển. Xây dựng tiềm lực khoa học - công nghệ biển đáp ứng yêu cầu sự nghiệp đổi mới, phục vụ hiệu quả quá trình CNH, HĐH đất nước. Đẩy mạnh nghiên cứu và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ứng dụng KHCN, phục vụ công tác điều tra cơ bản, dự báo thiên tai và khai thác tài nguyên biển; nhanh chóng nâng cao tiềm lực KHCN cho nghiên cứu và khai thác tài nguyên biển; đáp ứng yêu cầu giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Về định hướng xây dựng kết cấu hạ tầng: Phát triển hệ thống cảng biển quốc gia hiện đại, đồng bộ, trong đó ưu tiên xây dựng một số cảng nước sâu ở cả ba miền để tạo cửa ngõ giao thương quốc tế. Cùng với đó, Nhà nước tập trung đầu tư nâng cấp kỹ thuật, hiện đại hóa thiết bị bốc xếp nhằm tăng năng lực vận chuyển hàng hóa và giảm chi phí logistics, nâng cao sức cạnh tranh trong hội nhập kinh tế toàn cầu. Bên cạnh hệ thống cảng, việc hoàn thiện sân bay ven biển, tuyến đường ven biển và đường cao tốc Bắc - Nam trên biển được xem là yếu tố then chốt để thúc đẩy phát triển kinh tế vùng duyên hải. Đồng thời, chú trọng xây dựng hệ thống cung cấp điện, nước ngọt, thông tin liên lạc, cũng như các trung tâm quan trắc, nghiên cứu và dự báo biển, nhằm bảo đảm phát triển bền vững và phục vụ tốt đời sống dân cư ven biển, hải đảo.

Trong định hướng chiến lược các vùng biển: Nghị quyết nêu rõ, xây dựng Đà Nẵng thành trung tâm phát triển các lĩnh vực liên quan đến biển của vùng, là một trong ba trung tâm kinh tế lớn của nước ta. Xây dựng hành lang kinh tế trên cơ sở tuyến cao tốc Bắc - Nam, các cảng nước sâu, sân bay quốc

tế, phát triển các đô thị ven biển. Xây dựng các khu kinh tế tổng hợp, chú trọng phát triển kinh tế hàng hải, du lịch.

Đồng thời, *Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020* đã đề ra nhiệm vụ và giải pháp về chiến lược biển bao gồm: Nâng cao nhận thức về vai trò chiến lược của biển trong công tác xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là yêu cầu cấp thiết. Công tác tuyên truyền, giáo dục cần được thực hiện đồng bộ và hệ thống nhằm tạo sự chuyển biến trong nhận thức của các cấp chính quyền, ngành, địa phương và cộng đồng dân cư ven biển. Đồng thời, việc triển khai điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ biển cần được coi là giải pháp tiên phong, phục vụ cho hoạch định chính sách phát triển kinh tế biển, xây dựng hệ thống thông tin khoa học và cơ sở dữ liệu tin cậy. Quy hoạch tổng thể KT-XH ven biển và trên biển cần có tầm nhìn dài hạn, phù hợp tiêu chuẩn quốc tế, tập trung phát triển các ngành chế biến từ tài nguyên biển, hạn chế xuất khẩu thô. Hệ thống quản lý nhà nước và pháp luật về biển cần được hoàn thiện, kết hợp với cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư từ mọi thành phần kinh tế, đặc biệt vào hạ tầng cảng biển, khu công nghiệp và đô thị ven biển. Phát triển nguồn nhân lực chuyên ngành biển, bao gồm quản lý, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật hàng hải, khai thác dầu khí, hải sản và du lịch biển, là yêu cầu quan trọng để đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững. Song song, cần đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống cộng đồng ven biển, bảo đảm an toàn tính mạng, phòng chống thiên tai và duy trì môi trường sinh thái biển. Hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, khai thác và bảo vệ biển được xác định là yếu tố chiến lược nhằm khai thác hiệu quả nguồn lực, bảo vệ chủ quyền quốc gia và duy trì ổn định khu vực. Xây dựng các tập đoàn kinh tế mạnh làm lực lượng nòng cốt trong phát triển kinh tế biển, bao gồm khai thác và chế biến dầu khí, khoáng sản, hải sản, vận tải biển và công nghiệp đóng tàu, nhằm tạo nền tảng phát triển kinh tế bền vững và hội nhập quốc tế.

Đại hội lần thứ XI (2011) của Đảng, tiếp tục khẳng định: Phát triển mạnh mẽ kinh tế biển tương xứng với vị thế và tiềm năng biển của nước ta, gắn phát triển kinh tế biển với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ vùng biển. Nhiệm vụ cụ thể là phải:

Phát triển nhanh một số khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp năng lượng, đóng tàu, xi măng, chế biến thủy sản chất lượng cao... Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, tạo thành các trung tâm kinh tế biển mạnh, tạo thế tiến ra biển, gắn với phát triển đa dạng các ngành dịch vụ, nhất là các ngành có giá trị tăng cao như dịch vụ xuất, nhập khẩu, du lịch, dịch vụ nghề cá, dịch vụ dầu khí, vận tải... Phát triển cảng biển, dịch vụ cảng và vận tải biển; phát triển các đội tàu, công nghiệp đóng mới và sửa chữa tàu biển... Phát triển kinh tế đảo phù hợp với vị trí, tiềm năng và lợi thế của từng đảo [53, tr.121]

Có thể thấy, từ khi khởi xướng và lãnh đạo sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước tại Đại hội lần thứ VI (1986) đến Đại hội lần thứ XI (2011), nhận thức của Đảng về vị trí, vai trò của kinh tế biển đối với sự phát triển của đất nước ngày một đồng bộ, xác định rõ trọng tâm, trọng điểm. Những chủ trương đó có tác động sâu sắc tới sự phát triển kinh tế biển của cả nước; đây cũng là cơ sở quan trọng để Đảng bộ thành phố Đà Nẵng vận dụng vào thực tiễn của địa phương để phát huy mạnh mẽ tiềm năng, lợi thế nhằm thực hiện phát triển kinh tế biển, góp phần vào thực hiện thắng lợi Chiến lược biển Việt Nam.

2.1.3. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thành phố Đà Nẵng

2.1.3.1. Điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội

Về điều kiện tự nhiên

Biển và kinh tế biển có vai trò chiến lược quan trọng đối với mỗi quốc gia, vừa là động lực tăng trưởng KT-XH, vừa là yếu tố quyết định trong bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia, đồng thời gắn liền với mục tiêu tăng trưởng bền

vững. Đà Nẵng là một thành phố lớn của khu vực miền Trung và Tây Nguyên, bao gồm vùng đất liền và vùng quần đảo trên biển Đông. Vùng đất liền nằm ở $15^{\circ}55'$ đến $16^{\circ}14'$ vĩ độ Bắc, $107^{\circ}18'$ đến $108^{\circ}20'$ kinh độ Đông, Đà Nẵng giáp với tỉnh Thừa Thiên - Huế về phía Bắc, phía Tây và phía Nam giáp tỉnh Quảng Nam, phía Đông giáp Biển Đông; cách Hà Nội 764 km, cách Thành phố Hồ Chí Minh 964 km. Tổng diện tích tự nhiên của thành phố Đà Nẵng là 1.255,53 km²; trong đó, các quận nội thành chiếm diện tích 213,05 km², các huyện ngoại thành chiếm diện tích 1.042,48 km² [171]. Đất ngoại thành rộng và chưa khai thác là điều kiện thuận lợi để thành phố tiếp tục chỉnh trang đô thị, phát triển kết cấu hạ tầng, thu hút đầu tư.

Từ năm 1997, thành phố Đà Nẵng được tách ra thành đơn vị hành chính độc lập, là thành phố trực thuộc Trung ương. Về đơn vị hành chính, từ năm 1997 đến ngày 30/6/2025, Đà Nẵng có 6 quận, 2 huyện và 56 phường, xã (45 phường, 11 xã). Từ ngày 1/7/2025 đến nay thành phố Đà Nẵng có 94 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 23 phường, 70 xã, 1 đặc khu.

Nằm ở vị trí trung độ của đất nước, Đà Nẵng là đầu mối giao thông quan trọng (kể cả về đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không) nối liền hai miền Bắc và Nam. Quốc lộ 14B nối cảng Tiên Sa với các tỉnh Tây Nguyên và hệ thống đường xuyên Á qua Lào, Đông Bắc Campuchia, Thái Lan. Đà Nẵng được đánh giá là cửa ngõ quan trọng ra biển Đông của các tỉnh Tây Nguyên và các nước thuộc Tiểu vùng sông Mê Kông nằm trong Hành lang kinh tế Đông - Tây (EWEC). Sân bay quốc tế Đà Nẵng là một trong ba sân bay hiện đại của cả nước, có quy mô lớn, có khả năng phục vụ các loại máy bay thương mại cỡ lớn, là trạm trung chuyển, quá cảnh của nhiều hãng hàng không trong nước, khu vực và thế giới. Ngoài ra, Đà Nẵng có hai cảng biển lớn là cảng Tiên Sa và cảng sông Hàn vừa rộng, vừa sâu thuận lợi cho các tàu thuyền trọng tải lớn ra vào.

Đà Nẵng có những phong cảnh đẹp, các công trình văn hóa nổi tiếng như: Bà Nà - Núi Chúa, Hải Vân, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Bảo tàng nghệ thuật

điều khắc Champa và nhiều bãi biển đẹp, trong đó bãi biển Mỹ Khê - Non Nước được tạp chí Forbes (Hoa Kỳ) bình chọn “là 1 trong 6 bãi biển đẹp và quyến rũ nhất hành tinh”.

Điều kiện kinh tế - xã hội

Nhìn tổng thể, Đà Nẵng là thành phố có ngành kinh tế khá đa dạng bao gồm công nghiệp, nông nghiệp, các dịch vụ về du lịch, thương mại, tài chính... Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành dịch vụ, công nghiệp và giảm tỷ trọng nông nghiệp. “Đến năm 2015, Dịch vụ 62,6%; công nghiệp - xây dựng 35,3%; nông nghiệp 2,1%”[58, tr.2]. Đà Nẵng có nhiều làng nghề truyền thống nổi tiếng như: Làng đá mỹ nghệ Non Nước nằm dưới chân núi Ngũ Hành Sơn, làng chiếu Cẩm Nê, làng nghề nước mắm Nam Ô ở quận Liên Chiểu... với những sản phẩm nổi tiếng không chỉ trong vùng, trong nước mà còn có mặt ở nhiều nước trên thế giới.

Kinh tế Đà Nẵng luôn đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn bình quân chung của cả nước. “Tổng sản phẩm trên địa bàn GRDP giai đoạn 2010 - 2015 tăng 9,7 %/năm, năm 2015 đạt 45.885 tỷ đồng, GRDP bình quân đầu người đạt 62,65 triệu đồng, tương đương 2.908 USD [58, tr.2].

Về kết cấu hạ tầng: Mạng lưới đường bộ trong đô thị của thành phố phát triển mạnh. Với chủ trương “tạo vốn phát triển từ quỹ đất”, thành phố đã triển khai nhiều công trình quy mô lớn. Hệ thống đường giao thông trong và ngoài thành phố không ngừng được mở rộng và xây mới, không chỉ tạo điều kiện thuận lợi về giao thông và phát triển du lịch mà còn tạo cảnh quan, làm thay đổi cơ bản diện mạo của một đô thị thuộc loại sầm uất nhất ở miền Trung Việt Nam. Trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, “có 1.303,574km đường bộ, trong đó: Quốc lộ 119,276km; đường đô thị 954,348km; đường tỉnh 75,210 km; đường huyện, xã 110,744 km; đường chuyên dùng 43,996km” [171]. Đà Nẵng còn đầu tư xây dựng 6 cây cầu hiện đại bắc qua Sông Hàn như cầu: Rồng, Nguyễn Văn Trỗi, Trần Thị Lý, Thuận Phước, Tuyên Sơn... Hạ tầng giao thông đường

thủy, đường sắt, và đường hàng không được đầu tư mở rộng, nâng cấp như: Cảng Tiên Sa; Ga Đà Nẵng và Nhà ga sân bay quốc tế Đà Nẵng.

Về dân số, văn hóa, giáo dục: “Tính đến năm 2015, dân số Đà Nẵng có 1.028.838 người” [29]. Dân cư Đà Nẵng phân bố không đều giữa các quận, huyện; chủ yếu tập trung cao ở hai quận trung tâm là Thanh Khê (19.527,54 người/km²) và Hải Châu (8.688,62 người/km²) và thấp nhất là ở huyện Hòa Vang với mật độ 169,88 người/km². Quy mô nhân lực thành phố tương đối lớn, tăng nhanh và đang trong thời kỳ cơ cấu dân số vàng, đến năm 2015 “lực lượng lao động 547.007, trong đó 523.280 có việc làm, 23.727 thất nghiệp” [29].

Trong quá trình hình thành và phát triển, Đà Nẵng là vùng đất giàu truyền thống lịch sử, văn hóa hết sức phong phú, đa dạng và mang bản sắc riêng. Con người Đà Nẵng có truyền thống vươn khơi, bám biển, lấy biển làm không gian sinh tồn, mưu sinh và phát triển. Những thế hệ ngư dân cần cù, gan dạ đã vượt qua sóng gió, kiên trì bám ngư trường, khai thác nguồn lợi từ biển và từng bước hình thành các làng nghề, các cộng đồng cư dân biển giàu bản sắc. Truyền thống ấy không chỉ thể hiện ở tinh thần lao động cần cù, ý chí vượt khó và khả năng thích ứng với thiên nhiên, mà còn được hun đúc bởi tinh thần đoàn kết, tương trợ giữa những người đi biển. Trong quá trình phát triển, truyền thống vươn khơi, bám biển của cư dân Đà Nẵng còn gắn với ý thức bảo vệ biển, đảo, góp phần khẳng định sự hiện diện của cư dân Việt Nam trên các vùng biển. Đây là một giá trị truyền thống quan trọng, tạo nền tảng để Đà Nẵng tiếp tục phát huy các giá trị truyền thống để khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh để phát triển kinh tế biển.

Đà Nẵng còn là vùng đất giàu truyền thống văn hóa, tiêu biểu như: văn hóa Đình làng (Túy Loan, Hòa Mỹ, An Hải...); văn hóa lễ hội (Lễ Bà Chúa Thu Bồn, Lễ hội Quán Thế Âm, Lễ Hội Cầu Ngư...) và các loại văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng khác ở trong gia đình như: Tín ngưỡng thờ thần linh tại gia, tín ngưỡng thờ cá ông (cá voi), tín ngưỡng cúng lạch, cúng thuyền của cư dân

ven biển... Văn hóa vật thể cũng được chú trọng, nhiều di tích được trùng tu, tôn tạo khang trang như: di tích thành Điện Hải; nhà thờ tiền hiền làng An Hải và Thoại Ngọc Hầu; tượng đài Mẹ Nhu và 7 dũng sĩ Thanh Khê; đình Hải Châu; đình Nại Nam, đình Túy Loan... Bảo tàng điêu khắc Chăm pa với giá trị riêng có trở thành nét đặc sắc làm phong phú cho văn hóa Đà Nẵng. Tất cả tạo nên hệ thống giá trị văn hóa phong phú, đa dạng trong đời sống tâm linh, tinh thần của nhân dân Đà Nẵng từ xưa đến nay.

2.1.3.2. Tác động của điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội đến sự lãnh đạo của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng về kinh tế biển

Tác động thuận lợi: Đà Nẵng có vị trí địa lý nằm ở khu vực trung tâm Nam Trung bộ và nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng. Đây chính là lợi thế quan trọng để thành phố Đà Nẵng phát triển mạnh các ngành kinh tế biển. Thành phố có đường bờ biển dài hơn 90km, vùng đặc quyền kinh tế trên 15000 km², nước biển trong xanh, bãi cát mịn và cảnh quan hấp dẫn, thuận lợi cho phát triển du lịch biển - dịch vụ mũi nhọn của địa phương. Những bãi tắm nổi tiếng như Mỹ Khê, Non Nước hay Nam Ô được nhiều tạp chí quốc tế vinh danh góp phần thu hút du khách trong nước và quốc tế. Ngoài ra, vị trí địa lý của Đà Nẵng nằm trên trục giao thông Bắc - Nam, gần các tuyến hàng hải quốc tế và có cảng Tiên Sa - cảng nước sâu quan trọng của khu vực, giúp thành phố trở thành điểm trung chuyển hàng hóa, dịch vụ logistics và giao thương quốc tế. Vùng biển Đà Nẵng còn có nguồn hải sản phong phú, đa dạng, thuận lợi cho khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản. Khí hậu tương đối ôn hòa, ít chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão lớn so với các vùng ven biển khác cũng tạo điều kiện cho hoạt động kinh tế biển diễn ra ổn định quanh năm.

Bên cạnh đó, các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội cũng có tác động mạnh mẽ đến quá trình phát triển kinh tế biển như: Dân cư Đà Nẵng nhìn chung rất năng động, trình độ dân trí cao, lực lượng lao động trẻ, dễ thích ứng với các ngành nghề dịch vụ và công nghiệp mới. Hạ tầng giao thông, cảng biển, du lịch

và đô thị ven biển được đầu tư đồng bộ, tạo nên bộ mặt hiện đại, hấp dẫn nhà đầu tư. Ngoài ra, sự ổn định chính trị - xã hội và định hướng chiến lược “thành phố hướng ra biển” đã giúp Đà Nẵng trở thành điểm sáng trong phát triển kinh tế biển ở khu vực miền Trung.

Tác động khó khăn: Mặc dù khí hậu Đà Nẵng tương đối ôn hòa, nhưng thành phố vẫn chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu như nước biển dâng, xói mòn bờ biển, nhiệt độ tăng cao và thời tiết cực đoan. Các cơn bão mạnh vào mùa mưa (khoảng từ tháng 9 đến tháng 11) thường gây thiệt hại cho cơ sở hạ tầng ven biển, tàu thuyền, nuôi trồng thủy sản và du lịch.

Bên cạnh những thuận lợi, các yếu tố điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội cũng có tác động dẫn đến một số khó khăn cho quá trình Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lãnh đạo phát triển kinh tế biển. Hoạt động khai thác hải sản quá mức, nước thải từ đô thị, khu công nghiệp và du lịch ven biển đang làm ô nhiễm môi trường biển, ảnh hưởng đến hệ sinh thái san hô, nguồn lợi thủy sản và cảnh quan tự nhiên. Một số vùng biển ven bờ đã có dấu hiệu suy giảm đa dạng sinh học và ô nhiễm rác thải nhựa. Việc mở rộng đô thị, xây dựng khu du lịch ven biển đôi khi xung đột với mục tiêu bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ rừng dương, san hô và vùng sinh thái nhạy cảm, gây mất cân bằng sinh thái và ảnh hưởng lâu dài đến môi trường sống.

Dù có tiềm năng lớn, song ngành công nghiệp chế biến, logistics, và dịch vụ hàng hải của Đà Nẵng vẫn chưa phát triển tương xứng. Cơ cấu ngành nghề biển còn thiên về du lịch và đánh bắt truyền thống, thiếu sự đa dạng và công nghiệp hóa cao. Một số cảng biển, khu neo đậu tàu cá và cơ sở hậu cần nghề cá quy mô còn nhỏ, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển. Công nghệ khai thác, chế biến và quản lý biển còn lạc hậu, năng suất thấp, khó cạnh tranh với các địa phương có tiềm lực mạnh hơn.

Bên cạnh đó, lực lượng lao động có tay nghề cao trong các ngành kinh tế biển ở Đà Nẵng còn hạn chế, trong khi vốn đầu tư cho nghiên cứu, đổi mới công nghệ biển vẫn chưa đáp ứng yêu cầu.

Như vậy, có thể thấy rằng những nhân tố tác động thuận lợi và khó khăn đặt ra yêu cầu khách quan cho Đảng bộ thành phố Đà Nẵng khi hoạch định chủ trương, đường lối phát triển kinh tế biển phải căn cứ vào những nhân tố tác động nhằm phát huy tối đa nhân tố thuận lợi, đồng thời hạn chế đến mức thấp nhất những nhân tố khó khăn để đưa kinh tế biển Đà Nẵng phát triển đúng định hướng.

2.1.4. Thực trạng phát triển kinh tế biển của thành phố Đà Nẵng trước năm 2007

Ngày 1/1/1997, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa IX đã ban hành Nghị quyết tách thành phố Đà Nẵng khỏi tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng để trở thành đơn vị hành chính mới trực thuộc trung ương. Tháng 10/1997, Đại hội Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lần thứ XVII (nhiệm kỳ 1997-2000) xác định: “Phát triển Đà Nẵng theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với sự phát triển của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, với sự phát triển kinh tế xã hội chung của cả nước” [55, tr.44].

Theo đó, cơ cấu kinh tế của thành phố được xác định là: Công nghiệp - thương mại, du lịch, dịch vụ - nông nghiệp. Đây là cơ sở quan trọng để Đảng bộ thành phố tập trung đầu tư vào một số ngành trọng điểm nhằm phát triển kinh tế biển tương xứng với tiềm năng của Đà Nẵng: “Chú trọng phát triển mạnh dịch vụ cảng biển, vận tải quá cảnh, dịch vụ dầu khí...” [55, tr.53]. Để thực hiện được mục tiêu trên, Đảng bộ thành phố chủ trương đầu tư cơ sở hạ tầng, phương tiện, thiết bị, tổ chức quản lý hợp lý và phối hợp khai thác có hiệu quả hệ thống cảng biển, tăng cường lượng hàng hóa qua cảng. Nâng công suất cụm cảng Tiên Sa đạt 3 triệu tấn/năm vào cuối năm 2000.

Về phát triển nghề cá, thành phố chú trọng phát triển nghề cá nhân dân, đóng mới tàu thuyền có công suất lớn để đánh bắt xa bờ, di chuyển ngư trường kịp thời, chuyển dịch cơ cấu nghề nghiệp, nâng cao năng lực khai thác, phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá. Đầu tư nâng cấp chất lượng hải sản đông lạnh, triển khai dự án nâng cao nuôi tôm hùm xuất khẩu. Bên cạnh đó, tiếp tục triển

khai các dự án phát triển du lịch, tôn tạo và xây dựng các điểm du lịch, đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.

Trong những năm 2000-2005, Đảng bộ thành phố tiếp tục chủ trương thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng “công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp”. Nghị quyết của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lần thứ XVIII (năm 2000) xác định nhiệm vụ tập trung ưu tiên đầu tư một số ngành công nghiệp chế biến như chế biến hải sản; phát triển mạnh các hoạt động dịch vụ có thể mạnh như vận tải cảng biển; xây dựng Đà Nẵng trở thành đầu mối trung chuyển, quá cảnh và giao lưu hàng hóa dịch vụ của miền Trung và khu vực; phát triển mạnh du lịch, thực hiện đa dạng hóa các loại hình du lịch: du lịch sinh thái biển, du lịch văn hóa truyền thống, du lịch quốc tế và du lịch nội địa; nâng cao hiệu quả sản xuất thủy sản.

Nhằm đạt được mục tiêu và thực hiện các nhiệm vụ đề ra, Thành ủy đề ra nhiều giải pháp để quản lý, khai thác tiềm năng, thế mạnh về biển. Nhờ đó, các lĩnh vực kinh tế biển đã đạt nhiều thành tựu quan trọng, “đến năm 2005, tỷ trọng các ngành trong GDP là: công nghiệp 48,2%, dịch vụ 46,1%, nông nghiệp 5,7%” [55, tr.18]. Thu nhập bình quân đầu người năm 2005 đạt 15,23 triệu đồng, giá trị sản xuất công nghiệp tăng 20,1%, các hoạt động vận tải, dịch vụ cảng biển đều có bước phát triển khá. Ngành du lịch có mức tăng trưởng cao, “lượng khách tăng 10,9%/năm, tổng doanh thu tăng 7,9%” [55, tr.18]. Tuyến du lịch kết nối Đà Nẵng với 3 di sản văn hóa thế giới Mỹ Sơn, Hội An và cố đô Huế bước đầu phát huy hiệu quả

Bên cạnh những kết quả đạt được, Đảng bộ thành phố chưa đề ra được chương trình, chiến lược toàn diện để phát triển kinh tế biển. Quy mô kinh tế biển còn nhỏ; các công trình hạ tầng thiếu đồng bộ; sản lượng hàng hóa qua cảng và năng lực vận tải còn thấp, du lịch biển chưa phát triển mạnh; khai thác thủy sản chủ yếu ở ven bờ, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp chế biến thấp; công tác điều tra, nghiên cứu nguồn lợi thủy sản và ứng dụng khoa học

và công nghệ trong sản xuất và chế biến chưa được chú trọng; đời sống của ngư dân còn khó khăn; công tác đảm bảo an toàn và an ninh trên biển còn hạn chế.

Những kết quả đạt được bước đầu và những tồn tại, hạn chế trong quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế biển của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng trước năm 2007, là cơ sở quan trọng để Đảng bộ thành phố tiếp tục lãnh đạo phát triển kinh tế biển có hiệu quả hơn trong giai đoạn tiếp theo.

2.2. CHỦ TRƯỞNG VÀ SỰ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN TỪ NĂM 2007 ĐẾN NĂM 2015

2.2.1. Chủ trương của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng về phát triển kinh tế biển

Nhận thức đúng tầm quan trọng đặc biệt của biển và kinh tế biển, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đã sớm ban hành nhiều chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế biển, tập trung khai thác tối đa mọi tiềm năng và lợi thế vùng biển, ven biển, đảo kết hợp với bảo đảm QP, AN và lợi ích quốc gia trên biển. Đại hội Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lần thứ XIX (nhiệm kỳ 2005-2010), khẳng định:

Chú trọng phát triển kinh tế biển gắn với phát triển đa dạng các dịch vụ cảng biển nhằm khai thác lợi thế tuyến hành lang Đông - Tây. Xây dựng cảng Đà Nẵng thành cảng trung chuyển hàng hóa quốc tế, cải tạo, mở rộng cụm cảng Đà Nẵng, phân đấu lượng hàng hóa thông qua cụm cảng đạt mức 7 triệu tấn vào năm 2010. Xây dựng mới cảng biển nước sâu Liên Chiểu [57, tr.57].

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XIX và Nghị quyết số 09-NQ/TW của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về *Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*, ngày 15/5/2007, Thành ủy Đà Nẵng ban hành Chương trình hành động số 13-CTr/TU về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, với những nội dung cơ bản. Về nhiệm vụ chung, Đại hội chỉ rõ:

Khai thác tối đa mọi tiềm năng và lợi thế vùng biển, ven biển, đảo kết hợp với quốc phòng an ninh để xây dựng và phát triển nền kinh tế hướng mạnh về xuất khẩu; ưu tiên phát triển các ngành khai thác và dịch vụ, như: cảng biển, sân bay và công nghiệp gắn với cảng. Trong đó tập trung các khâu đột phá phát triển kinh tế về vùng biển, ven biển, đảo Đà Nẵng với các ngành kinh tế chủ yếu: Kinh tế hàng hải; du lịch và dịch vụ biển, ven biển; khai thác và chế biến hải sản; xây dựng các khu kinh tế tập trung, khu chế xuất ven biển gắn với phát triển các khu đô thị ven biển [138, tr.2].

Về nhiệm vụ cụ thể: Phấn đấu xây dựng Đà Nẵng là một trong những đầu mối giao thông quan trọng của khu vực và cả nước về vận tải nội địa và trung chuyển quốc tế; đẩy mạnh phát triển du lịch biển, phấn đấu trở thành trung tâm du lịch biển chất lượng cao theo tiêu chuẩn quốc tế; đẩy mạnh phát triển kinh tế thủy sản theo hướng bền vững; phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng một cách đồng bộ, tập trung phát triển khoa học kỹ thuật và công nghệ biển, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; thực hiện công tác điều tra cơ bản về tài nguyên môi trường biển và bảo vệ môi trường biển, ven biển; đào tạo phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế biển; đảm bảo an ninh quốc phòng trên biển.

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lần thứ XIX, đến Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XX (nhiệm kỳ 2010-2015) thể hiện bước phát triển nhận thức mới của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng. Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020:

Tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, giữ vững ổn định chính trị, phát huy dân chủ và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát triển kinh tế nhanh và bền vững, xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành

một đô thị lớn của cả nước; là trung tâm kinh tế xã hội của miền Trung với vai trò trung tâm dịch vụ; là thành phố cảng biển; đầu mối giao thông quan trọng về trung chuyển vận tải trong nước và quốc tế...là địa bàn giữ vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh của miền Trung và cả nước, tạo nền tảng để xây dựng thành phố trở thành thành phố công nghiệp trước năm 2020 [58, tr.88].

Để hoàn thành mục tiêu trên, Đảng bộ thành phố đề ra nhiệm vụ cụ thể để phát triển kinh tế biển:

Phát huy lợi thế biển trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, tạo tiền đề để đến năm 2020 xây dựng Đà Nẵng trở thành một trung tâm hậu cần nghề cá, phát triển các lĩnh vực liên quan đến biển của vùng; là một trong ba trung tâm kinh tế biển lớn của cả nước. Đầu tư xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng, cơ sở dịch vụ phục vụ đánh bắt, chế biến và xuất khẩu thủy sản, tạo động lực phát triển kinh tế biển. Triển khai công tác điều tra cơ bản về tài nguyên, môi trường biển, ven biển. Chú trọng bảo vệ môi trường sinh thái và bảo vệ đa dạng sinh học biển; bảo tồn và xây dựng vệt sinh thái cảnh quan ven bờ; nghiên cứu giải pháp bảo vệ bờ biển, chống xâm thực do tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho chiến lược phát triển kinh tế biển [58, tr.96].

Phát huy tiềm năng, thế mạnh về biển, đảo tạo ra vị thế, động lực phát triển kinh tế biển của thành phố Đà Nẵng trong quá trình CNH, HĐH và chủ động hội nhập quốc tế. Tăng cường các nguồn lực đầu tư để phát triển Đà Nẵng trở thành một trung tâm kinh tế biển. Tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế biển. Khai thác bền vững, có hiệu quả tài nguyên biển, đảo gắn với bảo vệ môi trường biển. Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ ngư dân đóng tàu công suất lớn, tăng cường bám biển, nâng cao năng lực khai thác hải sản xa bờ.

Đồng thời Đảng bộ thành phố đã đề ra nhiệm vụ riêng đối với các ngành kinh tế biển.

Về phát triển ngành du lịch biển biển: Đà Nẵng là địa phương có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển du lịch, do đó để phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương, Đại hội đại biểu lần thứ XIX Đảng bộ thành phố chủ trương: “Đầu tư phát triển du lịch với vai trò là ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố, tạo nền tảng để phát triển các ngành dịch vụ sau năm 2010. Nghiên cứu từng bước xây dựng Đà Nẵng trở thành đô thị du lịch ven biển chất lượng cao” [57, tr.57]. Vì vậy:

Phải tăng cường thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài song song với việc sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước trên lĩnh vực du lịch, chỉnh đốn hoạt động du lịch và có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp du lịch đầu tư tạo sản phẩm mới, với nhiều loại hình, nhiều chủng loại hàng hóa, dịch vụ chất lượng cao, hấp dẫn du khách nhằm đảm bảo tốc độ tăng trưởng du lịch ngang bằng hoặc cao hơn công nghiệp, để sớm đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có vị trí quan trọng trong cơ cấu kinh tế thành phố [57, tr.144].

Trên cơ sở nắm bắt sự thay đổi nhu cầu của khách du lịch trong giai đoạn mới, Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XX (nhiệm kỳ 2010-2015) đề ra nhiệm vụ:

Đầu tư phát triển du lịch bền vững trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, với một số dự án trọng điểm...phát triển mạnh mẽ du lịch nghỉ dưỡng và du lịch công vụ; liên kết với các địa phương trong khu vực theo hướng xã định những sản phẩm chủ yếu, các thị trường trọng điểm; xây dựng các chương trình kích cầu mạnh mẽ, với những chiến lược quảng bá, tiếp thị đồng bộ dài hạn. Đẩy mạnh đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực du lịch. Tăng cường quản lý nhà nước về du lịch [58, tr.91-92].

Về phát triển ngành thủy, hải sản: Với nguồn lợi phong phú tài nguyên sinh vật biển, xác định lĩnh vực đánh bắt, nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy hải sản là nội dung quan trọng trong phát triển kinh tế biển, Đảng bộ thành phố chủ trương: “Đẩy mạnh khai thác hải sản, xây dựng và hình thành trung tâm nghề cá của khu vực” [57, tr.148]; đồng thời:

Khuyến khích phát triển đội tàu cá công suất lớn, từ 10-15 chiếc/ đội, trang thiết bị hiện đại gắn với việc vận động tự nguyện thành lập các tổ hợp để khai thác hải sản xa bờ (gồm đầu tư mới và cải hoán. Phấn đấu đến năm 2010, đưa công suất tàu cá Đà Nẵng tăng lên 80.000CV (tăng thêm 20.000CV). Dự kiến nâng sản lượng khai thác hải sản đến năm 2010 khoảng 57.000 tấn [57, tr.148].

Đảng bộ thành phố xác định mục tiêu: “Phát huy lợi thế biển trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, tạo tiền đề đến năm 2020 xây dựng Đà Nẵng trở thành một trung tâm hậu cần nghề cá, phát triển các lĩnh vực liên quan đến biển của vùng; là một trong ba trung tâm kinh tế biển lớn của cả nước” [58, tr.95].

Về phát triển ngành hàng hải: Với vị trí địa lý đặc biệt, Đà Nẵng có khả năng phát triển hệ thống cảng biển đáp ứng nhu cầu dịch vụ cho cả khu vực kinh tế trọng điểm miền Trung. Vì vậy, Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XIX đề ra chủ trương:

Chú trọng phát triển kinh tế biển gắn với phát triển đa dạng các dịch vụ cảng biển nhằm khai thác lợi thế tuyến hành lang Đông Tây. Xây dựng cảng Đà Nẵng thành cảng trung chuyển hàng hóa quốc tế, cải tạo, mở rộng cụm cảng Đà Nẵng, phấn đấu lượng hàng hóa thông qua cụm cảng đạt mức 7 triệu tấn vào năm 2010. Xây dựng mới cảng biển nước sâu Liên Chiểu [57, tr.57].

Tiếp đó, Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XX đề ra mục tiêu tổng quát đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020: “Xây dựng thành phố Đà Nẵng trở

thành một đô thị lớn của cả nước; là trung tâm dịch vụ, là thành phố cảng biển; đầu mối giao thông quan trọng về trung chuyển và vận tải trong nước và quốc tế...” [58, tr.88].

Về xây dựng các KCN tập trung, khu chế xuất ven biển gắn với phát triển các khu đô thị ven biển: Đảng bộ thành phố xác định: “Khai thác, sử dụng có hiệu quả KCN chế biến và dịch vụ Thọ Quang; trong đó, tiếp tục đầu tư, nâng cao năng lực chế biến và vệ sinh an toàn thực phẩm, phấn đấu đến năm 2020, hàng chế biến xuất khẩu tại KCN này chiếm 80% hàng thủy sản xuất khẩu” [139, tr.4]. Chủ động rà soát, mở rộng các KCN ven biển, thu hút các nhà đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất không gây ô nhiễm môi trường, sử dụng lao động trình độ kỹ thuật cao và hướng đến xuất khẩu như: sản xuất linh kiện điện tử, lắp ráp các thiết bị điện tử viễn thông, gia công hàng hóa xuất khẩu... tạo nguồn hàng cho kinh tế hàng hải phát triển. Quy hoạch phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế biển: cảng biển, giao thông, sân bay, KCN; xây dựng các KCN, khu du lịch và các tuyến du lịch ven biển gắn kết với cơ sở hạ tầng đã được đầu tư để phát triển nhanh KT-XH khu vực ven biển nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế các lĩnh vực kinh tế biển.

Về các vấn đề liên quan đến phát triển kinh tế biển: Trước thực trạng ô nhiễm môi trường do các hoạt động khai thác, chế biến, các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch gây ra. Đảng bộ thành phố Đà Nẵng xác định bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững là quan điểm bao trùm, mục tiêu xuyên suốt trong quá trình phát triển của thành phố. Theo đó, Đảng bộ thành phố chủ trương: “Chú trọng bảo vệ môi trường sinh thái, kiên quyết không chạy theo những lợi ích kinh tế trước mắt mà coi nhẹ những tác hại lâu dài về môi trường” [57, tr.54]; chủ trương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của nhân dân về vai trò của bảo vệ môi trường biển, kiên quyết xử lý các hoạt động gây ô nhiễm môi trường,

Cùng với bảo vệ môi trường sinh thái, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng cũng nhận thức rõ phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm QP, AN là vấn đề có ý nghĩa chiến lược xuyên suốt, Đại hội Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lần thứ XIX khẳng định: “Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, tập trung phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với củng cố thể trận an ninh nhân dân và biên phòng toàn dân vững mạnh” [57, tr.66]. Là địa bàn có biển và kinh tế biển giữ vai trò chủ đạo nên Đảng bộ thành phố chủ trương “Xây dựng lực lượng biên phòng thành phố vững mạnh, hoàn thành nhiệm vụ nòng cốt, chuyên trách trong bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh vùng biển; tham gia phát triển kinh tế xã hội” [57, tr.67]. Đồng thời, Đảng bộ thành phố cũng chủ trương tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng; làm tốt công tác thông tin liên lạc; có chính sách hỗ trợ cụ thể nhằm khuyến khích ngư dân vừa tham gia phát triển kinh tế vừa tham gia phối hợp bảo vệ an ninh quốc phòng, bảo vệ vùng biển của tổ quốc.

Đảng bộ thành phố Đà Nẵng chủ trương đẩy mạnh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng liên kết vùng, kết nối các thị trường trong và ngoài nước nhằm tạo cơ hội để phát triển toàn diện kinh tế-xã hội của thành phố. Trong đó, Thành ủy Đà Nẵng chủ trương: “Đẩy mạnh hợp tác, liên kết phát triển với các địa phương trong khu vực, trong nước và quốc tế. Đặc biệt là có chính sách hợp tác, hỗ trợ thiết thực đối với tỉnh Quảng Nam anh em và các tỉnh Nam Lào” [58, tr.16]. Để thực hiện được mục tiêu trên, Đảng bộ thành phố cũng yêu cầu các ngành, các cấp phải nâng cao năng lực điều hành và quản lý nhà nước về hợp tác đầu tư; quản lý, sử dụng cách nguồn vốn vay một cách hiệu quả; đồng thời, tổ chức cho các ngành, các doanh nghiệp nghiên cứu các hiệp định song phương và đa phương mà nước ta đã ký kết với các nước, các tổ chức kinh tế thế giới. Chủ động xây dựng và triển khai thực hiện những phương án nâng cao khả năng cạnh tranh đối với những sản phẩm quan trọng của các ngành kinh tế biển để tham gia vào quá trình liên kết vùng và hợp tác quốc tế.

Phát triển KHCN để phát triển kinh tế biển là yêu cầu cấp thiết trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH. Vì vậy, trong Chương trình hành động số 13-CTr/TU, Thành ủy Đà Nẵng xác định: “Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng KHCN trong sản xuất thủy sản, nhất là kỹ thuật, công nghệ khai thác xa bờ, thiết bị an toàn cho tàu cá hoạt động trên biển; chú trọng công nghệ sinh học trong sản xuất giống, nuôi trồng và bảo quản sản phẩm thủy sản; đầu tư thâm canh, tăng năng suất hiệu quả kinh tế trên lĩnh vực nuôi trồng đánh bắt thủy sản nhằm tạo nguyên liệu phục vụ chế biến xuất khẩu, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong khai thác gắn với chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá” [138, tr.5].

Chương trình hành động cũng nhấn mạnh:

Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và phát triển kinh tế biển, tăng cường công tác thông tin và quản lý thông tin giữa biển -bờ, ứng dụng công nghệ GIS và các công nghệ hiện đại trong quản lý tàu cá, tàu vận tải, đảm bảo xác định tọa độ của tàu thuyền trong mọi tình huống để hỗ trợ, hướng dẫn và xử lý kịp thời [138, tr.5].

Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế biển, công tác đào tạo nguồn nhân lực được Đảng bộ thành phố chú trọng. Chương trình hành động số 13-CTr/TU của Thành ủy xác định:

Đầu tư, xây dựng trung tâm đào tạo, huấn luyện nghề cá khu vực miền Trung tại Đà Nẵng để đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho nghề cá thành phố và các tỉnh lân cận; chủ động liên kết với các Viện, Trường Đại học để thực hiện đào tạo về kinh tế biển; tăng cường liên doanh, liên kết với các cơ sở đào tạo để tập huấn, hội thảo chuyên đề, đa dạng hóa các loại hình đào tạo để nâng cao tay nghề cho người lao động [138, tr.6].

Như vậy, chủ trương của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng về phát triển kinh tế biển trong giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2015 ngày càng được hoàn thiện với nhiều điểm bổ sung và phát triển so với giai đoạn trước năm 2007. Điểm

nổi bật trong chủ trương về phát triển kinh tế biển của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng thể hiện trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XIX, XX và các nghị quyết, chương trình hành động của Thành ủy là chú trọng phát triển đồng bộ các ngành kinh tế biển gồm du lịch biển, thủy sản, xây dựng các KCN ven biển, hàng hải (chủ yếu là cảng biển); đồng thời, xác định rõ nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế biển và quan tâm đến các vấn đề liên quan đến biển và kinh tế biển của thành phố (Bảo vệ môi trường biển; Mở rộng liên kết vùng và hợp tác quốc tế; Phát triển KHCN và nguồn nhân lực biển; bảo đảm QP,AN và bảo vệ chủ quyền biển đảo). Đây là cơ sở quan trọng để Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế biển đúng định hướng và phát huy hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của thành phố.

2.2.2. Đảng bộ thành phố Đà Nẵng chỉ đạo phát triển kinh tế biển

2.2.2.1. Chỉ đạo phát triển ngành du lịch biển

Với mục tiêu, “đầu tư phát triển du lịch với vai trò là ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố, tạo nền tảng để phát triển mạnh mẽ các ngành dịch vụ sau năm 2010. Nghiên cứu từng bước xây dựng Đà Nẵng trở thành đô thị du lịch ven biển chất lượng cao” [57, tr.57], Đảng bộ thành phố Đà Nẵng giao UBND phối hợp với các sở ban ngành liên quan tập trung xây dựng các chương trình, đề án, kế hoạch cụ thể để phát triển du lịch biển. Quán triệt chủ trương của Đảng bộ thành phố, ngày 17/9/2007, UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 7346/QĐ-UBND về việc ban hành Chương trình phát triển du lịch thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2007-2010. Chương trình xác định mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể để từng bước đưa Đà Nẵng trở thành trung tâm du lịch biển trong cả nước và khu vực.

Để cụ thể hóa mục tiêu trên, ngày 10/12/2007, UBND thành phố ban hành Quyết định số 9763/QĐ/UBND về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy Đà Nẵng về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về Chiến lược

biển Việt Nam đến năm 2020. Kế hoạch hành động xác định nhiệm vụ cụ thể của các sở, ban, ngành và địa phương trong việc phát huy tiềm năng, lợi thế vùng biển, ven biển, kết hợp giữa phát triển kinh tế với bảo vệ an ninh, quốc phòng và chủ quyền vùng biển quốc gia, góp phần thực hiện hoàn thành các nội dung của Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 theo Nghị quyết của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khóa X). Kế hoạch hành động nhấn mạnh các nhiệm vụ trọng tâm: Khai thác và phát huy tiềm năng lợi thế biển trong phát triển du lịch nhằm tạo ra sản phẩm du lịch biển độc đáo, có tính đặc thù cao để thu hút du khách. UBND thành phố chỉ đạo rà soát, sắp xếp lại hệ thống các lĩnh vực, loại hình du lịch biển để xây dựng chương trình phát triển sản phẩm văn hóa du lịch biển đặc thù, chất lượng cao. Tiến hành nghiên cứu và xây dựng hệ thống chính sách hỗ trợ nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng và lợi thế của biển trong phát triển du lịch. Việc phát triển các sản phẩm du lịch biển được định hướng theo hướng chuyên biệt hóa, gắn với đặc trưng tự nhiên và văn hóa biển của thành phố. Đồng thời, khuyến khích chuyển đổi hoạt động nghề cá ven bờ sang cung cấp các dịch vụ phục vụ khách du lịch, góp phần đa dạng hóa sinh kế và phát triển kinh tế cộng đồng ven biển. Triển khai các mô hình làng nghề nuôi trồng thủy sản nước ngọt theo tiêu chuẩn an toàn, tạo ra sản phẩm đặc trưng phục vụ du khách và phát triển du lịch nông thôn bền vững. Quy hoạch, xây dựng tuyến đường Sơn Trà - Điện Ngọc (đoạn Nguyễn Văn Thoại - Phạm Văn Đồng) theo hướng tuyến du lịch kiểu mẫu, có cảnh quan hài hòa và hạ tầng đồng bộ. Ngoài ra, việc nghiên cứu và áp dụng các hình thức tuyên truyền, quảng bá du lịch biển sáng tạo, hiệu quả là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hình ảnh và sức hấp dẫn của du lịch biển Đà Nẵng.

Để tạo ra sự phong phú trong xây dựng sản phẩm du lịch biển, UBND thành phố chỉ đạo xây dựng Dự án Khu Bảo tồn thiên nhiên rừng biển tại khu vực Bán đảo Sơn Trà - Nam Hải Vân với mục tiêu: tăng cường các biện pháp quản lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản ven bờ, đặc biệt là hệ sinh thái rạn san

hồ, thảm cỏ biển và các vùng sinh cảnh đặc trưng tại khu vực Nam Hải Vân - Sơn Trà. Việc bảo tồn đa dạng sinh học biển cần được gắn với bảo vệ tài nguyên rừng và các hệ sinh thái liên kết, hướng tới hình thành khu bảo tồn thiên nhiên đặc thù của thành phố Đà Nẵng, góp phần duy trì cân bằng sinh thái và phát triển bền vững du lịch biển địa phương.

Để hình thành sản phẩm du lịch mang tính cạnh tranh cao trên cơ sở khai thác tiềm năng, lợi thế về biển của thành phố, UBND thành phố chỉ đạo xây dựng Công viên tri thức biển Đông - khu công viên đặc trưng của thành phố Đà Nẵng để phục vụ du lịch, nghỉ ngơi, thư giãn,... Đồng thời, thành phố tăng cường hoạt động phổ biến, tuyên truyền về văn hoá biển, sản phẩm biển, ứng dụng KH-CN cao liên quan đến biển nhằm nâng cao nhận thức của người dân và du khách đối với việc hình thành ý thức bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch biển

Nhằm tăng cường công tác quản lý hoạt động du lịch, UBND thành phố ban hành các văn bản: ngày 11/01/2007, UBND thành phố ban hành Chỉ thị số 02/2007/CT-UBND về việc tăng cường công tác quản lý và chấn chỉnh môi trường du lịch tại các điểm tham quan du lịch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; ngày 01/3/2007, UBND thành phố ban hành Quyết định số 18/2007/QĐ-UBND về việc Quản lý các hoạt động kinh doanh, dịch vụ; bảo vệ cảnh quan môi trường và giữ gìn an ninh trật tự tại các bãi biển trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; ngày 09/4/2007, UBND thành phố ban hành Quyết định số 25/2007/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định về quản lý, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hoá và danh lam thắng cảnh trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; ngày 12/8/2009 UBND thành phố ban hành Chỉ thị số 09/CT-UBND về việc chấn chỉnh công tác an ninh trật tự tại các bãi tắm biển trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Các văn bản chỉ đạo của UBND thành phố góp phần chấn chỉnh công tác an ninh trật tự tại các bãi tắm biển trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, tạo môi trường lành mạnh cho hoạt động du lịch.

Để thu hút đầu tư phát triển du lịch, ngày 24/6/2009, UBND thành phố ban hành Quyết định số 16/2009/QĐ-UBND về việc Quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư và phát triển tàu du lịch trên sông Hàn và các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Chính sách của UBND thành phố góp phần tạo điều kiện thuận lợi các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào hoạt động du lịch.

Từ năm 2010 đến năm 2015, thực hiện mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lần thứ XX (nhiệm kỳ 2010-2015) đề ra là xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một đô thị lớn của cả nước, là trung tâm KT-XH của miền Trung với vai trò là trung tâm dịch vụ; du lịch được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn để góp phần thúc đẩy phát triển KT-XH của thành phố. Trên cơ sở đó, ngày 30/6/2011, UBND thành phố ban hành Quyết định số 5528/QĐ-UBND về việc ban hành chương trình phát triển du lịch thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011-2015, với mục tiêu: “Đến năm 2015 đón 4.000. 000 lượt khách, trong đó 1.000.000 khách quốc tế; doanh thu ngành du lịch đạt 3.420 tỷ đồng; tập trung phát triển du lịch biển, nghỉ dưỡng, sinh thái, du lịch văn hóa - lịch sử” [153]. Để đạt được mục tiêu, UBND thành phố chỉ đạo Sở Du lịch phối hợp với các ngành liên quan đề ra giải pháp cụ thể để phát triển du lịch: tập trung quy hoạch và đầu tư hạ tầng đồng bộ để khai thác hiệu quả tiềm năng biển, gắn kết với cảng biển, sân bay và các di sản văn hóa như Hội An, Mỹ Sơn, Huế. Bên cạnh đó, Đà Nẵng chú trọng đa dạng hóa sản phẩm du lịch theo hướng bền vững và có tính cạnh tranh cao, phát triển mạnh các loại hình du lịch thể thao, sinh thái, nghỉ dưỡng kết hợp với văn hóa, làng nghề và lịch sử. Công tác xúc tiến, quảng bá điểm đến được đẩy mạnh song hành với bảo vệ môi trường, xây dựng hình ảnh thành phố du lịch thân thiện và hiện đại. Thành phố cũng triển khai chính sách thu hút đầu tư, khuyến khích xã hội hóa và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm tạo nền tảng vững chắc cho mục tiêu trở thành trung tâm du lịch biển hàng đầu trong nước và khu vực.

Trên cơ sở chỉ đạo của UBND thành phố, Sở Du lịch thành phố đã xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, trong đó nổi bật nhất là tổ chức chương trình khai trương mùa du lịch biển, chương trình kích cầu du lịch mùa thấp điểm, kế hoạch hành động “Đà Nẵng điểm đến nổi bật nhất năm 2015”... Các văn bản chỉ đạo và chương trình hành động của ngành du lịch Đà Nẵng giai đoạn 2010 - 2015 có vai trò quan trọng trong việc cụ thể hóa định hướng phát triển du lịch của Đảng bộ thành phố. Trong đó, chương trình “Khai trương mùa du lịch biển” được tổ chức hằng năm đã góp phần quảng bá hình ảnh thành phố Đà Nẵng như một điểm đến năng động, thân thiện và hấp dẫn du khách trong nước lẫn quốc tế. Hoạt động này không chỉ kích thích nhu cầu du lịch biển trong mùa cao điểm mà còn giúp định hình thương hiệu “Thành phố biển Đà Nẵng”.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ thành phố, du lịch thành phố Đà Nẵng có sự chuyển biến tích cực. Tổng số lượt khách từ năm 2007 đến năm 2010 tăng đều qua các năm:

Bảng 2.1: Bảng thống kê số lượng khách đến thành phố Đà Nẵng, giai đoạn 2007-2010

Đơn vị: lượt khách

Năm	Khách nội địa	Khách quốc tế	Tổng lượt khách
2007	1.000.000	168.000	1.168.000
2008	1.093.000	257.000	1.350.000
2009	1.318.000	185.000	1.503.000
2010	1.440.000	340.000	1.780.000

Nguồn: Tổng hợp của NCS từ nguồn Niên giám thống kê thành phố Đà Nẵng, các năm 2007, 2008, 2009, 2010. Lưu tại Cục thống kê thành phố Đà Nẵng

Từ năm 2010- 2015, ngành du lịch nói chung và du lịch biển nói riêng của thành phố đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

Bảng 2.2: Bảng thống kê số lượng khách đến thành phố Đà Nẵng, giai đoạn 2011 - 2015

Đơn vị: lượt khách

Năm	Khách quốc tế	Khách nội địa	Tổng lượt khách
2011	534.134	1.840.889	2.375.023
2012	630.908	2.028.645	2.659.553
2013	743.183	2.374.375	3.117.558
2014	955.675	2.863.008	3.818.683
2015	1.266.272	3.415.777	4.682.049

Nguồn: Tổng hợp của NCS từ nguồn Niên giám thống kê thành phố Đà Nẵng, các năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015. Lưu tại Cục thống kê thành phố Đà Nẵng

Sản phẩm du lịch thành phố ngày càng được đầu tư phát triển đa dạng. Chất lượng dịch vụ du lịch được củng cố và nâng cao, cơ bản đáp ứng được nhu cầu và thị hiếu của du khách. Công tác xúc tiến quảng bá đã được đầu tư và có sự chuyển biến thông qua việc tham gia các hội chợ, triển lãm du lịch; quảng bá đến các thị trường quốc tế với quy mô ngày càng tăng về số lượng và chất lượng; Hoạt động xúc tiến, quảng bá, phát triển sản phẩm và bảo vệ môi trường du lịch tiếp tục được đẩy mạnh. Chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho hoạt động du lịch được nâng cao. Kết cấu hạ tầng ngành kinh tế du lịch phát triển tạo tiền đề quan trọng cho không chỉ việc thu hút khách du lịch, tăng thêm hiệu quả phát triển kinh tế du lịch mà còn đảm bảo cho hoạt động quốc phòng, an ninh.

Tuy đạt được những kết quả quan trọng trong quá trình chỉ đạo phát triển ngành du lịch, nhưng Đảng bộ thành phố vẫn còn những hạn chế nhất định. Công tác quy hoạch còn thiếu đồng bộ, chưa gắn chặt với quy hoạch đô thị và bảo vệ môi trường sinh thái. Việc khai thác tài nguyên du lịch có lúc chưa hợp lý, nhất là khu vực bán đảo Sơn Trà và khu vực ven biển. Sản phẩm du lịch

chưa thật sự đa dạng, chủ yếu vẫn dựa vào lợi thế biển và nghỉ dưỡng; chưa hình thành nhiều sản phẩm đặc trưng để giữ chân khách lâu dài. Chất lượng nguồn nhân lực du lịch chưa đáp ứng yêu cầu; đội ngũ lao động du lịch thiếu nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là quản lý khách sạn, hướng dẫn viên quốc tế và lao động thành thạo ngoại ngữ. Hoạt động quảng bá còn dàn trải, thiếu chiến lược dài hạn và chưa khai thác hiệu quả thị trường quốc tế. Hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ du lịch chưa đồng bộ. Công tác quản lý nhà nước về du lịch có thời điểm chưa theo kịp thực tiễn; sự phối hợp giữa các sở, ngành trong quản lý du lịch có lúc còn chông chéo. Đà Nẵng chưa khai thác hiệu quả liên kết với các địa phương miền Trung như Huế và Hội An để hình thành chuỗi sản phẩm du lịch đặc sắc và đồng bộ.

2.2.2.2. Chỉ đạo phát triển ngành thủy, hải sản

Phát huy thế mạnh về nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy hải sản, Đảng bộ thành phố xác định: “Xây dựng Đà Nẵng trở thành trung tâm hậu cần nghề cá” [58, tr.94]. Thực hiện chủ trương của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng, UBND thành phố ban hành Chương trình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 (Theo Quyết định 131/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ), với mục tiêu: bảo vệ và gìn giữ sự đa dạng sinh học thủy sinh, đồng thời bảo vệ các hệ sinh thái nước ngọt, nước lợ và nước mặn. Hoạt động khai thác và phát triển nghề cá được triển khai theo hướng bền vững, đảm bảo kết hợp giữa khai thác và bảo tồn nguồn lợi thủy sản. Đồng thời, thành phố tăng cường năng lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực này, bảo đảm công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản được thực hiện đồng bộ, thống nhất từ cấp thành phố đến các quận, huyện và xã, phường. Trên cơ sở đó, thành phố chú trọng đẩy mạnh hoạt động đầu tư, phát triển tất cả các khâu của ngành.

Về khai thác thủy, hải sản: Với lợi thế bờ biển dài và ngư trường rộng lớn, Đà Nẵng có điều kiện để phát triển ngành đánh bắt thủy, hải sản. Để đảm

bảo cho công tác đánh bắt hải sản đạt kết quả cao, ngày 29/01/2007, UBND thành phố ban hành Quyết định 10/2007/QĐ-UBND về việc Quy định về quản lý khai thác, nuôi trồng thủy sản trong khu vực vùng nước đường thủy nội địa trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Nhằm đạt được sản lượng khai thác lớn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiến hành công tác tuyên truyền, vận động ngư dân đẩy mạnh khai thác hải sản bền vững theo hướng khai thác xa bờ, hạn chế khai thác ven bờ, gắn khai thác với bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản, bảo tồn đa dạng sinh học biển ven bờ.

UBND thành phố đã triển khai chương trình chuyển đổi cơ cấu nghề khai thác và tàu thuyền theo hướng bền vững, đồng thời đảm bảo an ninh vùng lãnh hải; điều chỉnh cơ cấu tàu thuyền và nghề khai thác để cân đối giữa năng lực khai thác và hiện trạng nguồn lợi biển tại từng khu vực, nhằm phát triển nghề cá một cách bền vững. Việc khai thác được gắn liền với bảo vệ và phục hồi nguồn lợi hải sản, đồng thời đảm bảo an ninh, chủ quyền vùng biển quốc gia. Một trong những mục tiêu cụ thể là giảm số lượng tàu khai thác ven bờ có công suất dưới 20 CV từ 620 chiếc vào năm 2007 xuống còn 500 chiếc vào năm 2010.

Nhằm thực hiện các mục tiêu trên, UBND thành phố tập trung đánh giá tình hình hiện tại về cơ cấu tàu thuyền và nghề khai thác trên địa bàn, từ đó đề xuất các chính sách hỗ trợ nâng cấp, cải hoán tàu, chuyển đổi nghề khai thác và giảm cường lực khai thác vùng gần bờ, đồng thời khuyến khích phát triển khai thác xa bờ. Chương trình còn hướng tới hỗ trợ chuyển đổi nghề đối với các tàu nhỏ dưới 30 CV và tàu khai thác ven bờ, hình thành các đội tàu khai thác xa bờ và đội tàu dân quân biển. Công tác khuyến ngư và chuyển giao tiến bộ KH-CN trong khai thác, chế biến và bảo quản sản phẩm được đẩy mạnh, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế và bền vững cho ngành thủy sản thành phố.

Về nuôi trồng thủy, hải sản: Đảng bộ thành phố chú trọng phát triển các mô hình nuôi trồng hải sản biển có hiệu quả kinh tế cao, kết hợp với bảo vệ môi trường và khai thác bền vững nguồn lợi thủy sản. Các loại hình nuôi trồng phổ

biển bao gồm nuôi cá, tôm, hàu và ngao, vừa phục vụ thị trường trong nước, vừa đáp ứng nhu cầu xuất khẩu. Đồng thời, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng chỉ đạo tập trung đầu tư hạ tầng hỗ trợ như cảng cá, khu chế biến hải sản và các trạm kiểm dịch, đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao giá trị sản phẩm. Nhờ đó, nuôi trồng hải sản không chỉ là ngành nghề truyền thống mà còn trở thành điểm nhấn trong chiến lược phát triển kinh tế biển bền vững của thành phố.

Về chế biến thủy, hải sản: Thực hiện chỉ đạo của Đảng bộ thành phố, hoạt động chế biến hải sản trên địa bàn thành phố tăng trưởng khá nhanh về số lượng và chất lượng. UBND thành phố, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã ban hành nhiều kế hoạch, chương trình nhằm nâng cao năng lực chế biến, bảo quản và xuất khẩu sản phẩm hải sản, đồng thời áp dụng tiến bộ KHCN để nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm. Thành phố tập trung vào xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, như cảng cá, kho lạnh, khu chế biến, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, gắn kết chặt chẽ giữa khai thác, nuôi trồng và chế biến. Đề hỗ trợ doanh nghiệp cải tiến kỹ thuật và khuyến khích liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ, góp phần nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế, UBND thành phố ban hành Chương trình chế biến xuất khẩu đến năm 2015, định hướng đến năm 2020, với mục tiêu: Tăng nguồn thu ngoại tệ xuất khẩu thủy sản cho thành phố; tạo động lực để thúc đẩy các lĩnh vực khai thác, nuôi trồng phát triển theo hướng bền vững, chất lượng cao; giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần xóa đói giảm nghèo.

Căn cứ vào mục tiêu đề ra, UBND thành phố yêu cầu các sở, ban, ngành tiến hành rà soát năng lực và tình trạng hoạt động của các cơ sở chế biến trên địa bàn; khuyến khích và đề xuất các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư đổi mới máy móc, thiết bị và công nghệ nhằm nâng cao năng lực chế biến. Các doanh nghiệp được tạo điều kiện tiếp cận tiến bộ KHCN và các tiêu chuẩn quản lý chất lượng quốc tế, từ đó nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. UBND thành phố ban hành các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong hoạt động xúc tiến thương mại, nghiên cứu thị trường, phát triển các sản

phẩm chủ lực, đồng thời đào tạo cán bộ quản lý và nâng cao tay nghề cho người lao động; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư sản xuất hàng xuất khẩu thủy sản ngay tại địa phương. Nhờ vậy, ngành thủy hải sản của thành phố phát triển tương đối ổn định:

Bảng 2.3: Hoạt động khai thác thủy hải sản của thành phố Đà Nẵng, giai đoạn 2007-2010

Đơn vị: Tấn

Năm	Đánh bắt (khai thác)	Nuôi trồng	Tổng sản lượng	Chế biến thủy, hải sản
2007	28.500	650	29.150	38.000
2008	29.600	680	30.280	40.000
2009	31.000	750	31.750	42.000
2010	32.800	820	33.620	45.000

Nguồn: Tổng hợp của NCS từ nguồn Niên giám thống kê thành phố Đà Nẵng, các năm 2007, 2008, 2009, 2010. Lưu tại Cục thống kê thành phố Đà Nẵng

Bảng 2.4: Hoạt động khai thác thủy hải sản của thành phố Đà Nẵng, giai đoạn 2011-2015

Đơn vị: Tấn

Năm	Đánh bắt (khai thác)	Nuôi trồng	Tổng sản lượng	Chế biến thủy, hải sản
2011	33.900	840	34.740	47.000
2012	35.000	870	35.870	48.000
2013	36.100	910	37.010	50.000
2014	37.200	1.000	38.200	52.000
2015	38.600	1.050	39.650	55.000

Nguồn: Tổng hợp của NCS từ nguồn Niên giám thống kê thành phố Đà Nẵng, các năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015. Lưu tại Cục thống kê thành phố Đà Nẵng)

Đảng bộ thành phố tập trung đẩy mạnh phát triển hình thức tổ chức sản xuất trên biển theo tổ, đội khai thác; theo đó, đã thành lập và duy trì hoạt động

của 92 tổ khai thác hải sản với 675 tàu, tổng công suất 41.395 CV (chiếm 50,8% tổng số tàu thuyền của thành phố), với 42 tổ khai thác xa bờ (179 tàu), trong đó có 1 tổ dịch vụ hậu cần nghề cá để phục vụ nhu cầu dịch vụ hậu cần trên biển [145, tr.2]. Các tổ, đội khai thác đã tăng cường phối hợp và hỗ trợ lẫn nhau trong các hoạt động cứu hộ, cứu nạn, tìm kiếm ngư trường; đồng thời hỗ trợ vốn để đầu tư ngư lưới cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cũng như hướng dẫn phòng tránh thiên tai và bảo đảm an toàn trên biển. Điểm nhấn là năm 2013, thành phố Đà Nẵng thành lập ba nghiệp đoàn nghề cá tại các phường Nại Hiên Đông, Thanh Khê Đông và Xuân Hà, với 77 tàu và 250 ngư dân tham gia. Mô hình nghiệp đoàn đã giúp ngư dân đoàn kết, hỗ trợ nhau trong sản xuất, bảo vệ quyền lợi khi gặp rủi ro, tranh chấp, đồng thời củng cố mối quan hệ hài hòa giữa chủ tàu và người lao động.

Công tác khuyến ngư, ứng dụng KHCN và hỗ trợ chuyển đổi nghề khai thác được tập trung chú trọng theo hướng bền vững nên hoạt động khai thác hải sản đã có sự chuyển biến tích cực theo hướng khai thác xa bờ. UBND thành phố Đà Nẵng đã “tiến hành hỗ trợ chuyển đổi nghề cá khai thác cho 98 hộ ngư dân quận Sơn Trà với tổng kinh phí 484,7 triệu đồng và bước đầu triển khai mô hình quản lý cộng đồng khai thác kết hợp bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại 2 phường Thọ Quang, Mân Thái (quận Sơn Trà)” [145, tr.2]; qua đó đã làm thay đổi nhận thức của ngư dân đối với việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản, nhất là nguồn lợi thủy sản ven bờ.

Triển khai chính sách của Nhà nước về hỗ trợ ngư dân khai thác hải sản theo Quyết định 289/QĐ-TTg về một số chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ thuộc diện chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo và ngư dân và Quyết định 48/2010/QĐ-TTg về một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa... Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách hỗ trợ ngư dân khai thác hải sản như:

Hỗ trợ 97 máy thông tin liên lạc icom - m710 cho tổ, đội khai thác; hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo thuyền trưởng, máy trưởng cho 742 người, kinh phí 547 triệu đồng. Năm 2008-2009 đã hỗ trợ 50% lãi suất vay cho 24 tàu bị thiệt hại trong cơn bão Chanchu để khôi phục sản xuất, kinh phí hỗ trợ 443,16 triệu đồng và hỗ trợ gần 4 tỷ đồng đóng mới 11 tàu công suất lớn khai thác xa bờ (400 CV) theo Quyết định số 7068/QĐ-UBND ngày 29/8/2012 của UBND thành phố [145, tr.3].

Nhờ những chính sách hỗ trợ tích cực, các mô hình khuyến ngư hiệu quả và công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật, bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn lợi thủy sản cho cộng đồng ngư dân ven biển... đã tác động và tạo chuyển biến tích cực trong phát triển kinh tế thủy sản.

Đến năm 2013, tổng số tàu thuyền của thành phố có 1.330 chiếc, tổng công suất 96.156 CV, bình quân 72 CV/tàu, trong đó tàu công suất từ 90 CV trở lên là 216 chiếc; sản lượng khai thác hằng năm đạt 34.000-35.000 tấn. Riêng năm 2012, ngư dân thành phố đã mạnh dạn bỏ vốn đầu tư 1 tàu khai thác xa bờ công suất 948 CV và 1 tàu dịch vụ công công suất 1.200 CV (một trong những tàu có công suất lớn khu vực miền Trung) để vươn khơi khai thác [145, tr.3].

Cơ sở hạ tầng nghề cá từng bước được hoàn thiện theo hướng phát triển thành phố Đà Nẵng trở thành 1 trong 6 trung tâm nghề cá của khu vực theo quy hoạch tổng thể của ngành thủy sản Việt Nam. Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đã chỉ đạo hoàn thiện đầu tư và đưa vào sử dụng Khu công nghiệp - dịch vụ hậu cần nghề cá và Âu thuyền Thọ Quang, với quy mô khoảng 150 ha, có khả năng tiếp nhận hơn 1.000 tàu có công suất từ 45 CV trở lên. Khu vực này được quy hoạch đồng bộ với các hạng mục chức năng như nhà máy chế biến thủy sản, hệ thống cầu cảng, chợ dịch vụ, cơ sở đóng - sửa tàu, sản xuất nước đá, cửa hàng xăng dầu và ngư lưới cụ..., cơ bản đáp ứng nhu cầu dịch vụ hậu cần nghề cá cho ngư dân Đà Nẵng và các địa phương lân cận. Ngoài ra thành phố tiếp tục

đầu tư, nâng cấp 28 phao neo và đầu tư, đưa vào sử dụng 2 bến cầu tàu đã tạo điều kiện thuận lợi cho tàu thuyền cập cảng và đảm bảo an toàn cho tàu thuyền neo đậu trú bão.

Chợ đầu mối thủy sản Thọ Quang được đầu tư xây dựng với diện tích khoảng 2 ha, được xếp loại là chợ đầu mối thủy sản cấp khu vực miền Trung (loại 1). Hằng năm, sản lượng hàng hóa thông qua cảng đạt khoảng 85.000 tấn, góp phần thu hút nguồn nguyên liệu thủy sản từ các tỉnh lân cận, phục vụ nhu cầu chế biến xuất khẩu và tiêu thụ trong nước của thành phố Đà Nẵng. Bên cạnh đó, thành phố xúc tiến chuẩn bị đầu tư Dự án nâng cấp, mở rộng Cảng cá Thọ Quang thành cảng cá loại 1 cấp quốc gia theo quy hoạch của Chính phủ (tại Quyết định 346/QĐ-TTg ngày 15-3-2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch hệ thống cảng cá, bến cá đến năm 2020, định hướng đến năm 2030).

Đảng bộ thành phố Đà Nẵng chỉ đạo UBND và các sở, ngành liên quan thường xuyên theo dõi, hỗ trợ hoạt động của các doanh nghiệp thủy sản nhằm tháo gỡ khó khăn, điều chỉnh chính sách và tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất, chế biến. Từ năm 2008 đến năm 2012, Quỹ Đầu tư phát triển thành phố đã cho 13 doanh nghiệp chế biến thủy hải sản vay 44 tỷ đồng và hỗ trợ 03 doanh nghiệp về lãi suất cùng chi phí tư vấn với tổng mức 377,3 triệu đồng [139, tr.5]. Dù nguồn kinh phí còn hạn chế, song các chính sách hỗ trợ này đã góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường tiêu thụ cho doanh nghiệp địa phương.

Để tìm đầu ra cho các hoạt động khai thác, chế biến thủy hải sản, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng triển khai Chương trình xúc tiến thương mại trọng điểm quốc gia nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp thủy sản, tham gia trung bình 6-7 hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước mỗi năm; đồng thời tổ chức khảo sát, nghiên cứu thị trường trên tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây và cung cấp thông tin, văn bản pháp luật liên quan cho doanh nghiệp có nhu cầu.

Trong quá trình chỉ đạo phát triển ngành thủy sản, Đảng bộ thành phố

vẫn còn một số hạn chế. Công tác quy hoạch khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản chưa gắn kết chặt chẽ với quy hoạch đô thị, du lịch và bảo vệ môi trường biển. Tình trạng khai thác ven bờ quá mức vẫn diễn ra, làm suy giảm nguồn lợi thủy sản. Công tác kiểm tra, xử lý các hành vi khai thác bằng phương tiện hủy diệt (xung điện, chất nổ, lưới cấm...) chưa triệt để. Diện tích nuôi trồng thủy sản còn nhỏ lẻ, phân tán; việc áp dụng KHCN vào nuôi trồng và chế biến còn yếu. Điều đó dẫn đến sản lượng ngành thủy sản chưa đạt được mục tiêu đề ra.

2.2.2.3. Chỉ đạo phát triển ngành hàng hải

Đảng bộ thành phố Đà Nẵng xác định: “Xây dựng cảng Đà Nẵng trở thành cảng trung chuyển hàng hóa quốc tế” [57, tr.57], mục tiêu phấn đấu xây dựng thành phố trở thành một trong những đầu mối giao thông quan trọng của khu vực và cả nước về vận tải nội địa và trung chuyển quốc tế. Đảng bộ thành phố đề ra các giải pháp cụ thể như: tập trung đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng cảng biển, hướng tới xây dựng cảng Đà Nẵng trở thành một cụm cảng hiện đại và quy mô lớn của khu vực miền Trung. Nâng cao năng lực và công suất của cảng để đảm bảo đáp ứng toàn bộ khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu. Phát triển các dịch vụ vận tải biển và dịch vụ hàng hải được trở thành điểm nhấn và động lực thúc đẩy sự phát triển của các lĩnh vực kinh tế khác.

Quán triệt chủ trương của Đảng bộ thành phố, UBND thành phố giao cho Sở Giao thông phối hợp với Sở Xây dựng và Sở Kế hoạch đầu tư tập trung nâng cấp cảng Tiên Sa giai đoạn 2 và đầu tư trang thiết bị hiện đại, đồng bộ để phát triển trở thành cảng container, cảng trung chuyển của khu vực, cảng du lịch. Phát triển cảng tổng hợp Thọ Quang và chuẩn bị đầu tư phát triển Cảng Liên Chiểu. Đầu tư, chuyển đổi công năng của cảng Sông Hàn thành cảng dịch vụ, cảng du lịch biển. Phát triển đội tàu vận tải biển trọng tải lớn để thực hiện chức năng vận chuyển hàng hóa lớn, vận chuyển container, đồng thời mở rộng, đa dạng hóa loại hình dịch vụ hàng hải. Nâng cấp, mở rộng bến, bãi tăng năng suất

khai thác, xây dựng bến số 7, đầu tư trang thiết bị hiện đại, đồng bộ để phát triển trở thành cảng container, cảng trung chuyển của khu vực. Bộ Giao thông vận tải cũng đã cho phép lập dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng Cảng Tiên Sa giai đoạn 2 (Quyết định số 609/QĐ-BGTVT ngày 14-3-2013) để kêu gọi đầu tư theo hướng khuyến khích các doanh nghiệp tự bỏ vốn đầu tư xây dựng các bến theo quy hoạch.

Cảng Đà Nẵng đã đầu tư khu kho vận hỗ trợ năng lực cho Cảng Tiên Sa (diện tích xây dựng 5.200m²), hình thành các khu ngoại quan, thiết bị khai thác container chuyên dụng và đang đầu tư mạnh mẽ để trở thành cảng hiện đại hơn và là cảng container đạt 150.000 TEUS, tàu hàng đến 4.000 DWT và tàu khách đến 75.000 GRT. Hằng năm, cảng tiếp nhận trên 300 chuyến tàu container cập cảng, năng suất bình quân 22 conts/giờ/cầu, ngang bằng với các cảng hiện đại của thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng. Vì vậy, khối lượng hàng hóa qua cảng khu vực Đà Nẵng giai đoạn 2006-2013 tăng 10,2%/năm với sản lượng năm 2013 đạt hơn 4,9 triệu tấn, gấp 2,2 lần so với năm 2005, trong đó hàng container đạt 145.000 TEUs, đạt mức tăng cao nhất từ trước đến nay [145, tr.5].

Thành phố Đà Nẵng đã triển khai phát triển cảng tổng hợp Thọ Quang (Khu dịch vụ hậu cần cảng địa phương) thông qua việc nạo vét vùng thủy khu vực dịch vụ hậu cần cảng địa phương 4, di dời và bố trí lại các phao neo do Vùng 3 Hải quân quản lý, đồng thời nạo vét khu vực xung quanh bán kính quay của phao neo số 14. UBND thành phố đã phê duyệt quy hoạch Dự án Khu du lịch - dịch vụ hậu cần cảng địa phương 6.

Để phát triển dịch vụ cảng, Đảng bộ thành phố đã tạo điều kiện để các doanh nghiệp triển khai đầu tư. Theo đó, đã được bàn giao mặt bằng và các hạng mục xây dựng. Đầu tư xây dựng cảng Sơn Trà, Trung tâm Logistics (20 ha) tại huyện Hòa Vang. Đầu tư hoàn thiện các tuyến đường phục vụ vận tải hàng hóa qua cảng nhằm nâng cao khả năng thu hút hàng hóa vào cụm cảng Đà Nẵng.

Nhằm phát triển đội tàu vận tải biển trọng tải lớn để thực hiện chức năng vận chuyển hàng hóa lớn, vận chuyển container, đồng thời mở rộng, đa dạng hóa loại hình dịch vụ hàng hải; UBND Thành phố triển khai lập Quy hoạch phát triển vận tải biển thành phố Đà Nẵng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 để có cơ sở thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển vận tải biển, phát triển đội tàu, nâng cấp hệ thống cảng biển, nâng cao chất lượng vận tải và dịch vụ phù hợp với yêu cầu phát triển của thành phố.

Đến năm 2015, trên địa bàn thành phố Đà Nẵng có khoảng 50 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ hỗ trợ vận tải biển, trong đó có các công ty hàng đầu về dịch vụ hàng hải của Việt Nam mở chi nhánh tại Đà Nẵng như: Vosa, Viconship, Gemadept, Vietfracht..., với đầy đủ các loại hình dịch vụ (đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, thủ tục hải quan, dịch vụ xếp dỡ, lưu kho bãi) và đã bước đầu cung cấp dịch vụ logistics. Thị trường vận tải container đường biển của Đà Nẵng tuy quy mô nhỏ song cũng đã thu hút 22 hãng tàu container nước ngoài đặt văn phòng đại diện và có 7 hãng tàu đã mở tuyến trực tiếp đến cảng Đà Nẵng, như: WANHAI, KLINE, SAMUDERA, MCC, ACL và CMA-CGM...” [145, tr.6].

Trong giai đoạn 2007-2015, mặc dù Đảng bộ thành phố đã quan tâm chỉ đạo phát triển ngành hàng hải theo hướng hiện đại, nhưng kết quả đạt được chưa tương xứng với lợi thế của ngành. Nhiều hạn chế về quy hoạch, hạ tầng logistics, nguồn nhân lực vẫn chưa được khắc phục triệt để.

2.2.2.4. Chỉ đạo xây dựng và phát triển các khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất ven biển gắn với phát triển các khu đô thị ven biển

Với mục tiêu, phát triển các khu công nghiệp tập trung, gắn sự phát triển của các khu, cụm công nghiệp với sự phát triển của hệ thống đô thị, dịch vụ, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng tập trung chỉ đạo quy hoạch, hình thành các khu đô thị, các KCN, cụm công nghiệp ven biển với nhằm khai thác tiềm năng, lợi

thể khu vực ven biển để tập trung phát triển đô thị trong tương lai, tạo sự chuyển biến tích cực về kinh tế - văn hoá - xã hội của khu vực ven biển; hình thành các cụm công nghiệp biển gắn với các KCN tập trung, hệ thống hạ tầng của thành phố để hướng mạnh vào công nghiệp chế biến và xuất khẩu của thành phố.

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ thành phố, ngày 10/12/2007, UBND thành phố ban hành Quyết định số 9763/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của thành ủy Đà Nẵng về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020. Theo đó, UBND thành phố chỉ đạo các sở, ban, ngành rà soát, sắp xếp lại hệ thống các khu, cụm công nghiệp hiện có, hình thành các KCN mới nhằm chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghệ cao, đẩy mạnh xuất khẩu. Hình thành mạng lưới các khu đô thị ven biển để thúc đẩy KT-XH của thành phố, đặc biệt là khu vực ven biển.

Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng các quận ven biển như: Ngũ Hành Sơn, Sơn Trà, Thanh Khê, Liên Chiểu. Các tuyến đường ven biển: Nguyễn Tất Thành nối qua cầu Thuận Phước đi đường Võ Nguyên Giáp, Trường Sa, Hoàng Sa đến giáp ranh tỉnh Quảng Nam đi Hội An dài khoảng 40 Km đã hoàn thiện, theo đó, hàng loạt các khu đô thị, khu dân cư dọc tuyến đường ven biển được triển khai đầu tư theo quy hoạch, thu hút hàng trăm ngàn dân cư từ nội thành và các nơi khác đến, góp phần phát triển mạnh mẽ, nhanh chóng các khu vực ven biển.

Đồng thời, tập trung khai thác và sử dụng hiệu quả các KCN, khu chế xuất ven biển và dịch vụ thủy sản Thọ Quang, đầu tư nâng cao năng lực chế biến và vệ sinh an toàn thực phẩm, phấn đấu đến năm 2020, hàng chế biến xuất khẩu khu công nghiệp này chiếm 80% hàng thủy sản xuất khẩu; Nâng cao năng lực đóng sửa tàu biển của thành phố theo công nghệ mới, thực hiện liên doanh, liên kết trong lĩnh vực đóng tàu đáp ứng nhu cầu đóng, sửa tàu khai thác, tàu vận tải cho thành phố và cho khu vực.

Bên cạnh đó, Thành ủy đã chỉ đạo UBND thành phố rà soát, mở rộng các

KCN, khu chế xuất ven biển, thu hút các nhà đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất không gây ô nhiễm môi trường; sử dụng lao động trình độ kỹ thuật cao và hướng đến xuất khẩu như: linh kiện điện tử, lắp ráp các thiết bị viễn thông, gia công hàng hóa xuất khẩu... Triển khai quy hoạch phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế biển: cảng, giao thông, sân bay, các khu công nghiệp; xây dựng các khu công nghiệp, khu du lịch và các tuyến du lịch ven biển gắn kết với cơ sở hạ tầng đã được đầu tư để phát triển nhanh KT -XH khu vực ven biển nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế các lĩnh vực kinh tế biển.

Trong quá trình chỉ đạo phát triển các KCN, cụm công nghiệp ven biển, Đảng bộ thành phố vẫn còn một số hạn chế. Công tác quy hoạch KCN, cụm công nghiệp ven biển chưa đồng bộ, thiếu tính liên kết với quy hoạch đô thị, cảng biển và bảo vệ môi trường. Hạ tầng kỹ thuật chưa thật sự hoàn chỉnh; công tác giải phóng mặt bằng ở một số dự án còn chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án. Một số KCN ven biển phát sinh ô nhiễm nước thải, khí thải và chất thải rắn, ảnh hưởng đến môi trường biển và đời sống dân cư. Công tác thu hút đầu tư chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển, dẫn đến tỷ lệ lấp đầy ở một số KCN còn chưa cao.

2.2.2.5. Chỉ đạo các lĩnh vực liên quan đến phát triển kinh tế biển

Bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu: Trước thực trạng môi trường sống, môi trường du lịch của thành phố bị đe dọa do các hoạt động chế biến thủy, hải sản; xả thải của các nhà hàng, doanh nghiệp kinh doanh du lịch và của khách du lịch trên bãi biển... Đảng bộ thành phố Đà Nẵng chủ trương xây dựng thành phố trở thành một trung tâm kinh tế biển có tốc độ phát triển cao trên cơ sở phát triển kinh tế, xã hội đi đôi với bảo vệ môi trường, đảm bảo phát triển bền vững. Quán triệt chủ trương của Đảng bộ thành phố, ngày 21/8/2008, UBND thành phố ban hành Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND về việc ban hành Đề án “Xây dựng Đà Nẵng - Thành phố môi trường”, phấn đấu đến năm 2020, Đà Nẵng sẽ là thành phố thân thiện môi trường.

Để gắn phát triển kinh tế biển với đảm bảo môi trường, ngày 26/4/2010, UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 2468/KH-UBND về việc triển khai thực hiện Chỉ thị 29-CT/TW của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW, ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2010 - 2015; ngày 30/3/2011, UBND thành phố ban hành Quyết định số 2493/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi cơ cấu tàu thuyền, cơ cấu nghề khai thác theo hướng bền vững giai đoạn 2011 - 2015, nhằm hỗ trợ chuyển đổi nghề cá khai thác cho 98 hộ ngư dân quận Sơn Trà với tổng kinh phí 484,7 triệu đồng; triển khai mô hình quản lý cộng đồng khai thác kết hợp bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại hai phường Thọ Quang và Mân Thái (quận Sơn Trà), làm thay đổi nhận thức của ngư dân đối với bảo vệ nguồn lợi thủy sản, nhất là nguồn lợi thủy sản ven bờ. Mục tiêu của kế hoạch hành động nhằm ngăn chặn mức độ gia tăng ô nhiễm, khắc phục dần các cơ sở đang gây ô nhiễm môi trường, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học; đồng thời, tích cực khắc phục ô nhiễm môi trường ở sông Hàn và các cơ sở đang hoạt động trong ngành thủy, hải sản. Thành phố tập trung các nguồn kinh phí thực hiện các mô hình, hạng mục chuyển đổi nghề khai thác hiệu quả, bền vững cho ngư dân: mô hình bảo quản tôm, mực cho tàu xa bờ, mô hình hầm bảo quản sản phẩm vật liệu composit; hỗ trợ máy dò ngang trong khai thác hải sản; hỗ trợ chuyển đổi nghề khai thác ven bờ sang nghề câu lồng, câu khơi; hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa. Những chính sách hỗ trợ tích cực, các mô hình khuyến ngư hiệu quả cùng với công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn lợi thủy sản đã tạo những chuyển biến tích cực trong phát triển kinh tế biển.

Cùng với chính sách hỗ trợ ngư dân chuyển đổi ngành nghề khai thác, Đảng bộ thành phố đã chủ động phòng ngừa các hoạt động ảnh hưởng đến môi trường biển, ven biển và vùng bờ như: khai thác, nuôi trồng thủy sản, các cơ sở

sản xuất công nghiệp, các phương tiện giao thông vận tải biển, phát triển du lịch biển...; bảo vệ các hệ sinh thái, thảm cỏ biển và rạn san hô tại khu vực bán đảo Sơn Trà- Nam Hải Vân; đẩy nhanh tiến độ trồng cây chắn gió, chắn sóng và dự án kè, đê biển nhằm phòng tránh thiên tai và xói lở bờ biển; tăng cường kiểm tra, kiểm soát bảo đảm an toàn đối với các phương tiện vận tải, hạn chế sự cố môi trường biển.

Để gắn phát triển kinh tế biển với bảo tồn đa dạng sinh học và cảnh quan biển, thực hiện chỉ đạo của Đảng bộ thành phố, ngày 31/7/2009, UBND ban hành Quyết định số 5808/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án phối hợp hài hoà giữa bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và phát triển du lịch ở Khu bảo tồn thiên nhiên Bà Nà - Núi Chúa; ngày 29/02/2008, UBND thành phố ban hành Quyết định số 16/2008/QĐ-UBND về ban hành Quy định quản lý tổng hợp vùng bờ trên địa bàn quận Sơn Trà và quận Ngũ Hành Sơn. UBND thành phố giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan chủ động tiến hành điều tra, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên biển, ven biển. Trên cơ sở đó, xây dựng quy định quản lý tổng hợp vùng biển ven bờ để hạn chế, ngăn ngừa sự gia tăng ô nhiễm và suy thoái môi trường biển, bảo vệ và phát triển bền vững các hệ sinh thái biển, ven biển, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế biển của thành phố. Ngăn ngừa, hạn chế sự cố môi trường biển ven bờ, nâng cao năng lực phòng tránh, ứng phó và khắc phục sự cố tràn dầu, ngăn chặn trình trạng sử dụng các công cụ, phương tiện huỷ diệt nguồn tài nguyên biển, phục vụ cho sự phát triển bền vững.

Đảng bộ thành phố cũng quan tâm đến đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ KH-CN, nâng cao chất lượng điều tra, quan trắc, dự báo về tài nguyên, môi trường biển phục vụ sự phát triển KT-XH thành phố và bảo vệ QP, AN. Chủ động phòng ngừa, kiểm soát các hoạt động ô nhiễm môi trường biển, ven biển. Tăng cường kiểm tra, xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường biển, xử lý các nguồn nước thải ra biển từ các cơ sở sản xuất, cơ sở nuôi trồng, sử dụng

phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, các hoạt động khai thác khoáng sản trên biển, ven biển. Thực hiện các biện pháp giám sát, phòng tránh thiên tai, xói lở bờ biển, sạt lở ven biển. Thường xuyên tiến hành kiểm tra, kiểm soát các phương tiện vận tải biển, ven biển, thực hiện các dự án đê kè biển, trồng cây chắn sóng, chắn cát. Tập trung đầu tư hệ thống thông tin quản lý nghề cá, phối hợp thông tin phòng, chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn với mục tiêu để nâng cao năng lực thông tin liên lạc giữa biển - bờ, thực hiện tốt công tác giám sát các hoạt động trên biển, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, giảm thiểu rủi ro trên biển; Tăng cường công tác quản lý tàu cá, đảm bảo an toàn cho người và phương tiện khi hoạt động trên biển.

Tuy nhiên, do thành phố Đà Nẵng có nhiều cơ sở chế biến thủy, hải sản nằm xen kẽ trong khu dân cư, có nhiều khu công nghiệp, bến cảng và lượng du khách đông nên vấn đề môi trường biển của thành phố vẫn luôn là vấn đề nóng, chưa được giải quyết triệt để.

Bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền biển đảo: Thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng trong việc phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm QP,AN và bảo vệ chủ quyền biển đảo. UBND thành phố chỉ đạo tăng cường trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền trong việc củng cố, nâng cao chất lượng về mọi mặt cho lực lượng vũ trang thành phố; chủ động phối hợp tốt với các lực lượng vũ trang đứng chân trên địa bàn, nòng cốt là Bộ đội Biên phòng, Hải quan, Cảnh sát biển để thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động trên biển, bảo vệ an ninh trên biển; đảm bảo an toàn ngư dân và các hoạt động khai thác tài nguyên biển. Trong đó, tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật làm chuyển biến nhận thức trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của hai nhiệm vụ có vị trí chiến lược đó là: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; chú trọng xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và thế trận biên phòng toàn dân, phong trào quần chúng tự quản an ninh trật tự khu vực biên

giới biển và phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; không ngừng củng cố thể trận lòng dân vững chắc. Phong trào quần chúng tự quản an ninh trật tự khu vực biên giới biển được tăng cường; nâng cao hiệu quả các biện pháp nghiệp vụ trong công tác nắm tình hình, quản lý chặt chẽ các đối tượng có liên quan đến an ninh quốc gia và các loại tội phạm khác; công tác quản lý bảo vệ rừng phòng hộ, bố trí khu dân cư dọc tuyến biển, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng - an ninh được chú trọng.

Căn cứ theo Nghị định 30/2010/NĐ-CP ngày 29/3/2010 của Chính phủ về huy động nhân lực, tàu thuyền và phương tiện dân sự tham gia bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền các vùng biển của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đã chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra các phương tiện giao thông trên biển, bến cảng. Công tác tuyên truyền cho chủ tàu, thuyền trưởng và ngư dân về việc giữ gìn chủ quyền biển đảo, về các quy định về khai thác hải sản được tăng cường. Ngoài ra, thành phố cũng luôn chú trọng đẩy mạnh công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho cộng đồng dân cư ven biển về ý nghĩa và tầm quan trọng của hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tổ chức thực hiện tốt phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia trong tình hình mới theo Chỉ thị 01/CT-TTg ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ; quản lý chặt chẽ mọi hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03/9/2015 của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan.

Đảng bộ thành phố chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của nhân dân về vai trò của biển trong chiến lược CNH, HĐH đất nước; đổi mới tư duy, nhận thức về biển, đảo, về bảo vệ và phát triển nguồn tài nguyên biển, bảo vệ vùng biển, bảo vệ chủ quyền của đất nước. Tuyên truyền luật pháp, công ước quốc tế liên quan về biển với nhiều hình thức: tài liệu tuyên truyền, phóng sự, phim tài liệu, hội thảo các chuyên đề về chiến lược kinh tế biển, bảo vệ phát triển nguồn tài nguyên biển. Từng bước xây dựng, đào tạo,

bồi dưỡng đội ngũ cộng tác viên, tuyên truyền viên cơ sở về bảo vệ nguồn lợi thủy sản và kinh tế biển tại các phường trọng điểm nghề cá. Thành phố đã triển khai thực hiện thí điểm mô hình Làng văn hóa nghề cá tại các quận Thanh Khê, Sơn Trà và Liên Chiểu.

Thực hiện sự chỉ đạo của Thành ủy, UBND thành phố đã xây dựng chính sách hỗ trợ, khuyến khích ngư dân đánh bắt xa bờ, vừa phát triển kinh tế, vừa tham gia phối hợp trong công tác bảo vệ an ninh quốc phòng, vùng biển Tổ Quốc với mục tiêu nhằm tăng cường công tác bảo vệ an ninh chủ quyền, vùng biển Tổ quốc, đảm bảo an toàn cho ngư dân và các hoạt động khai thác tài nguyên biển; kết hợp tốt giữa phát triển kinh tế với QP,AN trên biển.

Mở rộng liên kết vùng và hợp tác quốc tế: Ngoài những ưu thế về điều kiện tự nhiên, Đà Nẵng còn đóng vai trò đầu tàu phát triển kinh tế của các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên, nên thành phố luôn chú trọng khai thác hiệu quả nội lực và tranh thủ các nguồn lực từ bên ngoài để phát triển kinh tế biển.

Thực hiện chủ trương Đại hội lần thứ XX của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng: “Đẩy mạnh hợp tác, liên kết phát triển với các địa phương trong khu vực, trong nước và quốc tế” [58, tr.16], Đảng bộ thành phố chỉ đạo tăng cường đẩy mạnh hợp tác quốc tế, kết hợp với các nguồn nội lực, thế mạnh về biển để tạo sức mạnh tổng hợp trong phát triển kinh tế biển góp phần phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ vững chắc quốc phòng, an ninh vùng biển; đồng thời nâng cao vai trò, vị thế và uy tín của Đà Nẵng trên thị trường thế giới.

Để đạt được mục tiêu trên, Đảng bộ thành phố chỉ đạo các sở, ban ngành liên quan xây dựng cơ chế cởi mở, thông thoáng theo quy định pháp luật để thu hút các nguồn lực từ bên ngoài nhằm phục vụ cho việc phát triển KT-XH, đẩy nhanh sự nghiệp CNH, HĐH; đa dạng hóa các hoạt động hợp tác quốc tế về kinh tế, văn hóa, khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo và chăm sóc sức khỏe người dân. Ngoài quan hệ hợp tác của chính quyền các cấp, Đảng bộ thành phố cũng chủ trương khuyến khích các doanh nghiệp, các hội đoàn thể, tổ chức quần chúng tăng cường mở rộng liên kết vùng và hợp tác quốc tế; qua đó, vừa tranh

thủ các nguồn lực hỗ trợ trên các lĩnh vực, vừa đẩy mạnh góp phần quảng bá hình ảnh của thành phố và người dân thành phố đến với bạn bè thế giới. Đến năm 2010, thành phố đã thiết lập quan hệ đối ngoại, kinh tế đối ngoại lâu dài với trên 100 quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới. Nhiều hội nghị quốc tế được tổ chức thành công tại Đà Nẵng như: Hội nghị quan chức cấp cao APEC lần thứ 3 (SOM III), Hội nghị Bộ trưởng Du lịch các nước thành viên APEC, Hội nghị Thượng đỉnh tham tán thương mại Mỹ của các quốc gia ASEAN, sự kiện Tuần lễ Hành lang kinh tế Đông - Tây.

Trong việc hợp tác với các tỉnh lân cận, thành phố Đà Nẵng đặc biệt chú trọng thiết lập quan hệ đối với tỉnh Quảng Nam ngay từ khi chia tách tỉnh, xem đây là một trong những chủ trương mang tính xuyên suốt, lâu dài và không tách rời của quá trình xây dựng, phát triển thành phố. Mối quan hệ hợp tác phát triển Đà Nẵng - Quảng Nam được minh chứng sinh động qua Chương trình hợp tác, hỗ trợ giữa hai địa phương theo Kết luận số 08-KL/TUĐN-TUQN của Thành ủy Đà Nẵng và Tỉnh ủy Quảng Nam, bắt đầu triển khai từ năm 2008. Để triển khai Kết luận nêu trên, ngày 8/7/2008, UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 5516/QĐ-UBND về việc Hợp tác liên kết, hỗ trợ giữa thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam. Trong đó, nhấn mạnh việc hợp tác xây dựng Đà Nẵng - Quảng Nam thành trung tâm du lịch, dịch vụ lớn của cả nước và khu vực. Qua đó, hai địa phương sẽ xây dựng chung chương trình xúc tiến, quảng bá du lịch và đẩy mạnh việc kết nối các chương trình lễ hội văn hóa - du lịch.

Phát triển khoa học công nghệ và nguồn nhân lực phát triển kinh tế biển:

Trên cơ sở xác định nghiên cứu KHCN biển là nhiệm vụ quan trọng, làm cơ sở để phát triển kinh tế biển, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đã chỉ đạo tăng cường đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển; thực hiện các giải pháp hiệu quả phù hợp với điều kiện tại địa phương. Nhiều giải pháp công nghệ áp dụng đạt hiệu quả cao trong thực tiễn: ứng dụng công nghệ đá tuyết vào công tác bảo quản hải sản trong quá trình đánh bắt cá xa bờ, trong đó nghiên

cứu làm chủ công nghệ, thiết kế, chế tạo máy tạo đá tuyết sẽ tạo ra tiền đề quan trọng để ứng dụng công nghệ đá tuyết vào công tác bảo quản hải sản trong đánh bắt cá xa bờ tại Việt Nam; nghiên cứu, hoàn thiện và chuyển giao công nghệ sinh sản giống nhân tạo và nuôi thương phẩm các đối tượng thủy sản, có giá trị kinh tế cao cho người nuôi trồng thủy sản.

Thực hiện sự chỉ đạo của Thành ủy, UBND thành phố đã triển khai ứng dụng công nghệ trong chế biến, xuất khẩu thủy hải sản, dịch vụ hậu cần nghề cá cho khu vực; chuyển đổi cơ cấu nghề, cơ cấu tàu thuyền trong khai thác trong hoạt động thủy hải sản theo hướng bền vững, tăng cường năng lực khai thác, đánh bắt xa bờ. Thành phố đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thông tin kịp thời các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về chính sách hỗ trợ cho ngư dân khai thác các vùng biển xa bờ; tổ chức Hội thảo khoa học bàn về quản lý và phát triển bền vững kinh tế biển ở Đà Nẵng; triển khai nhiều chương trình nghiên cứu và các đề tài khoa học về nội dung phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững đến năm 2020... Một số đề tài, dự án nghiên cứu khoa học về tài nguyên, môi trường biển thành phố Đà Nẵng được thực hiện: đề tài: “Điều tra nghiên cứu rạn san hô và các hệ sinh thái liên quan vùng biển từ Hòn Chảo đến Nam đèo Hải Vân và bán đảo Sơn Trà” do Viện Hải dương học Nha Trang chủ trì thực hiện (năm 2004-2006); đề tài “Điều tra nghiên cứu nguồn giống của một số nguồn lợi thủy sinh vật chủ yếu liên quan đến rạn san hô vùng ven bờ Đà Nẵng từ đó đề xuất các giải pháp bảo vệ và quản lý” do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Đà Nẵng chủ trì thực hiện (năm 2011-2014); đề tài “Điều tra đánh giá tài nguyên môi trường vùng vịnh Đà Nẵng” do Trung tâm Địa chất và Khoáng sản biển thuộc Tổng cục Biển và Hải đảo chủ trì thực hiện (năm 2007-2009); đề tài “Nghiên cứu đề xuất biện pháp phòng ngừa và phương án ứng cứu sự cố tràn dầu mức 1” do Phân viện Nhiệt đới - Môi trường Quân sự, Bộ Quốc Phòng chủ trì thực hiện; đề tài “Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu cơ bản của thành phố về điều kiện tự nhiên, môi trường, sinh thái nhằm

cung cấp căn cứ khoa học cho việc bố trí qui hoạch phát triển ngành, lãnh thổ, xây dựng kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Đà Nẵng” (2008), do thuộc Tổng cục Biển và Hải đảo chủ trì thực hiện... Kết quả của các đề tài khoa học là cơ sở khoa học quan trọng phục vụ cho việc khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên biển, đồng thời góp phần định hướng các giải pháp bảo vệ môi trường, phát triển bền vững kinh tế biển Đà Nẵng.

Công tác đào tạo nguồn nhân lực luôn được Đảng bộ thành phố quan tâm chỉ đạo sâu sát. Thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy Đà Nẵng về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, ngày 10/12/2007, UBND thành phố ban hành Quyết định số: 9763/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy Đà Nẵng với mục tiêu: Đào tạo lực lượng lao động kỹ thuật có đủ trình độ chuyên môn, kiến thức về hàng hải, khai thác, kỹ thuật bảo quản sản phẩm, đáp ứng nhu cầu về lao động có kỹ thuật cao phục vụ khai thác hải sản xa bờ; Đào tạo, nâng cao trình độ, năng lực cho lao động các nghề: nuôi trồng, chế biến, du lịch biển, vận tải biển, đóng sửa tàu thuyền, cơ khí,... để phục vụ cho các lĩnh vực kinh tế biển; Đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, các bộ nghiên cứu khoa học đủ mạnh để đáp ứng được nhu cầu phát triển đối với các lĩnh vực kinh tế biển.

Để thực hiện mục tiêu trên, UBND thành phố tập trung phát triển Trung tâm huấn luyện và đào tạo lao động nghề cá phục vụ khu vực miền Trung tại Đà Nẵng. Tiến hành đánh giá hiện trạng, số lượng và chất lượng nguồn lao động để làm cơ sở xây dựng kế hoạch đào tạo phù hợp, tránh lãng phí và đảm bảo an toàn trong sản xuất. Đồng thời, các chương trình và nội dung đào tạo được tiêu chuẩn hóa, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và tuân thủ quy định trong khu vực và quốc tế. Hệ thống cơ sở dạy nghề liên quan đến kinh tế biển được quy hoạch, sắp xếp, nâng cấp; các thành phần kinh tế được khuyến khích tham gia đào tạo, nâng cao kỹ năng cho người lao động. Ngoài ra, thành phố Đà Nẵng hỗ trợ đào tạo thuyền trưởng, máy trưởng và nghiệp vụ khai thác cho ngư dân,

tích hợp chương trình giáo dục quốc phòng trong quá trình đào tạo và phối hợp với các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu trong nước và quốc tế để nâng cao trình độ nghề cho người lao động, phục vụ phát triển kinh tế biển.

Để xây dựng Đà Nẵng trở thành trung tâm nghề cá của nước, UBND thành phố đã triển khai xây dựng trung tâm đào tạo, huấn luyện nghề các khu vực miền Trung tại Đà Nẵng nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực nghề cá; liên kết với các viện nghiên cứu, các trường đại học để thực hiện đào tạo về kinh tế biển; mở rộng ngành nghề, quy mô đào tạo các ngành trọng điểm như: Kinh tế vận tải biển, kinh tế biển, máy tàu biển, đóng tàu, khai thác, nuôi trồng thủy sản, quản lý môi trường, chế biến thủy sản...

Tăng cường đào tạo nghề cho người lao động trên các lĩnh vực kinh tế biển như: thợ cơ khí, nuôi trồng, chế biến, khai thác, sơ chế, bảo quản sản phẩm, đóng tàu biển, du lịch biển. Bên cạnh đó, thành phố chủ động liên doanh, liên kết với các cơ sở đào tạo để tập huấn, hội thảo chuyên đề, đa dạng hóa các loại hình đào tạo để nâng cao tay nghề cho người lao động, kết hợp đào tạo tay nghề cho người lao động.

Dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ thành phố, các lĩnh vực liên quan đến phát triển kinh tế biển đạt nhiều kết quả tích cực. Tuy vậy, vẫn còn một số tồn tại cần phải khắc phục như: tình trạng ô nhiễm môi trường biển; vấn đề bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền biển đảo còn nhiều diễn biến phức tạp; việc mở rộng liên kết vùng và hợp tác quốc tế chưa chặt chẽ và hiệu quả; Phát triển KH-CN và nguồn nhân lực phát triển kinh tế biển chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Tiểu kết chương 2

Là địa phương có tiềm năng, lợi thế để phát triển các ngành kinh tế biển, trong giai đoạn 2007-2015, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đã nhận thức rõ vị trí, vai trò của kinh tế biển và những lợi thế, tiềm năng những điểm mạnh của thành phố về phát triển kinh tế biển.

Đảng bộ thành phố Đà Nẵng luôn quán triệt quan điểm, chủ trương phát triển kinh tế biển của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết số 09-NQ/TW về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 của Ban Chấp hành Trung ương. Trên cơ sở đó, Đảng bộ thành phố đã vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của địa phương, từ đó đề ra những chủ trương, nhiệm vụ và giải pháp về phát triển kinh tế biển cơ bản toàn diện, sát với tình hình thực tiễn của thành phố. Trong quá trình lãnh đạo, Đảng bộ thành phố luôn chủ trương phát huy những tiềm năng, lợi thế, vì vậy kinh tế biển Đà Nẵng đã có những bước tiến mới.

Quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế biển của Đảng bộ thành phố tuy gặp nhiều thách thức, khó khăn.... song rút kinh nghiệm từ thực tiễn quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế biển sau 10 năm đầu thành lập tỉnh (1997-2007), Đảng bộ thành phố nhận thức sâu sắc hơn tầm quan trọng của kinh tế biển trong chiến lược phát triển KT-XH. Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, lần thứ XX của Đảng bộ thành phố đề ra chủ trương phát triển kinh tế biển một cách toàn diện và quyết tâm chỉ đạo thực hiện hiệu quả. Nhờ đó kinh tế biển của thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn 2007-2015 đã có bước phát triển khá rõ nét, đưa Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế biển của khu vực miền Trung và cả nước.

Những kết quả thực hiện chủ trương phát triển kinh tế biển thành phố Đà Nẵng từ năm 2007 đến năm 2015, chính là cơ sở quan trọng để Đảng bộ thành phố tiếp tục lãnh đạo phát triển kinh tế biển trong những năm tiếp theo.

Chương 3

ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG LÃNH ĐẠO ĐẦY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2020

3.1. NHỮNG YẾU TỐ MỚI TÁC ĐỘNG ĐẾN QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN CỦA ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.1.1. Những tác động của tình hình thế giới và trong nước

3.1.1.1. Tình hình thế giới

Việt Nam là một quốc gia có đường bờ biển dài nên tất yếu chịu tác động, ảnh hưởng trực tiếp từ các vấn đề quốc tế liên quan đến biển. Những biến động về chính sách và chiến lược biển của các cường quốc, tình trạng ô nhiễm môi trường biển, hay các tranh chấp trên các vùng biển có liên quan đến Việt Nam nói chung và thành phố Đà Nẵng nói riêng; đều là những yếu tố có thể tác động sâu sắc đến quá trình phát triển kinh tế biển của đất nước. Có thể khái quát tình hình quốc tế tác động đến Việt Nam nói chung và thành phố Đà Nẵng nói riêng thành bốn nhóm vấn đề chính sau đây:

Thứ nhất, sự cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, cùng với các tranh chấp về chủ quyền trên biển, cũng như những bất đồng giữa các quốc gia tại khu vực Biển Đông, có thể gây ra những nguy cơ trực tiếp đối với lợi ích kinh tế biển, an ninh và chủ quyền quốc gia của Việt Nam. Những tác động này đặc biệt rõ nét ở các vùng biển và ven biển tiếp giáp Biển Đông, trong đó bao gồm cả thành phố Đà Nẵng. Không thể phủ nhận tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với các cường quốc. Đối với Hoa Kỳ, khu vực này là tuyến hàng hải trọng yếu, nơi lưu thông lượng hàng hóa trị giá khoảng 5.000 tỷ USD mỗi năm, đồng thời giữ vai trò then chốt trong việc bảo đảm khả năng triển khai sức mạnh quân sự và kiểm chế ảnh hưởng của Trung Quốc. Đối với Trung Quốc, từ sau Đại hội lần thứ XVIII năm 2012, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã xác định mục tiêu trở thành “cường quốc biển”, coi phát triển kinh tế biển và

mở rộng ảnh hưởng trên biển là chiến lược quốc gia, được cụ thể hóa qua “Chiến lược hải dương xanh”. Đây được xem là bước đi quan trọng nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia và củng cố vị thế toàn cầu. Đối với Nhật Bản, Biển Đông không chỉ là khu vực tranh chấp lãnh thổ mà còn là điểm nóng tiềm ẩn nguy cơ xung đột quân sự, đe dọa ổn định khu vực. Vì vậy, Nhật Bản đặc biệt quan ngại các hoạt động quân sự hóa và cải tạo đảo của Trung Quốc, cũng như khả năng đối đầu Mỹ - Trung có thể làm gia tăng bất ổn tại châu Á - Thái Bình Dương.

Có thể nói, căng thẳng và tranh chấp trên biển Đông vẫn luôn thường trực, diễn biến khó lường. Với vị thế địa chính trị quan trọng của Biển Đông, Việt Nam có nhiều lợi thế trong giao thương và hội nhập kinh tế quốc tế, song đồng thời cũng giữ vị trí trọng yếu về QP, AN, nên nước ta khó tránh khỏi tác động từ cạnh tranh, căng thẳng giữa các cường quốc cũng như những tranh chấp trong khu vực Biển Đông. Vì vậy, để bảo vệ chủ quyền biển đảo và đảm bảo an toàn cho các hoạt động kinh tế biển, Việt Nam cần có sự chuẩn bị toàn diện và vững chắc. Nhà nước phải ban hành và thực thi các chủ trương, chính sách phù hợp nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng của biển, vùng ven biển và hải đảo, đồng thời gắn với nhiệm vụ bảo vệ quốc phòng, an ninh, môi trường và toàn vẹn lãnh thổ, xây dựng Việt Nam trở thành “quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh và an toàn.”

Thứ hai, ô nhiễm môi trường xuyên biên giới, biến đổi khí hậu và hiện tượng nước biển dâng đang là những thách thức toàn cầu mang tính cấp bách tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế biển ở Việt Nam, đặc biệt là các đô thị ven biển như Đà Nẵng. Du lịch là ngành chịu tác động mạnh từ biến đổi khí hậu do phụ thuộc nhiều vào tài nguyên thiên nhiên. Hiện tượng này ảnh hưởng trực tiếp đến hạ tầng, hoạt động lễ hành, tài nguyên du lịch, cũng như các lĩnh vực kinh tế biển khác như giao thương, đánh bắt và đóng tàu, qua đó tác động đến đời sống người dân ven biển và quốc phòng, an ninh. Vì vậy, cần chú trọng các giải

pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường và bảo đảm an toàn cho các hoạt động trên biển.

Thứ ba, phát triển bền vững, hài hòa giữa khai thác và bảo tồn biển đang trở thành xu thế chủ đạo toàn cầu, được gọi là “*kinh tế biển xanh*”. Mô hình này hướng đến sự cân bằng giữa phát triển và bảo tồn thông qua quản lý tổng hợp tài nguyên biển, tăng cường hợp tác quốc tế, lấy KHCN cùng nguồn nhân lực làm nền tảng. Đây là hướng phát triển tất yếu, bởi mọi tăng trưởng thiếu bền vững đều không thể lâu dài. Trong bối cảnh hướng ra biển ngày càng mạnh mẽ, bảo tồn biển không chỉ mang ý nghĩa quốc gia mà còn có tầm quan trọng toàn cầu, gắn liền với sự tồn tại của nhân loại. Các quốc gia cần tuân thủ Công ước Luật Biển 1982, bảo đảm an ninh, an toàn và tự do hàng hải trên cơ sở tôn trọng chủ quyền lẫn nhau. Việt Nam và thành phố Đà Nẵng hiện cũng đang triển khai phát triển “*kinh tế biển xanh*” theo xu hướng này, góp phần củng cố quốc phòng và an ninh trên biển..

Thứ tư, toàn cầu hóa cùng với cuộc cách mạng KHCN mang đến cả cơ hội lẫn thách thức cho phát triển kinh tế biển, đồng thời đặt ra những yêu cầu mới trong việc gắn kết với nhiệm vụ bảo đảm QP, AN. Về mặt cơ hội, xu hướng mở cửa hội nhập và hợp tác kinh tế khu vực và quốc tế về biển ngày càng phát triển, kèm theo đó là việc nước ta hội nhập ngày càng sâu, rộng vào các tổ chức kinh tế như ASEM, AKFT, APEC, AFTA, WTO....góp phần mở ra cơ hội phát triển toàn diện cho ngành kinh tế biển. Tuy nhiên, toàn cầu hóa đồng nghĩa với mở cửa, và càng mở rộng thì nguy cơ đe dọa an ninh, an toàn càng cao. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã tác động mạnh mẽ đến phát triển kinh tế biển, đòi hỏi trong quá trình phát triển kinh tế biển Việt Nam phải hướng đến các mô hình sản xuất tiên tiến, ứng dụng KHCN hiện đại và nguồn nhân lực chất lượng cao. Điều này đặt ra áp lực lớn trong việc hoạch định chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế biển phải phù hợp với bối cảnh, tình hình mới.

Thứ năm, Đại dịch COVID-19 đã tác động mạnh mẽ đến quá trình phát triển kinh tế biển của Việt Nam cũng như nhiều quốc gia trên thế giới. Các hoạt động kinh tế biển như du lịch biển, vận tải hàng hải, khai thác hải sản, dịch vụ cảng biển và xuất nhập khẩu đều chịu ảnh hưởng nghiêm trọng do bị gián đoạn chuỗi cung ứng, hạn chế đi lại và suy giảm nhu cầu thị trường. Ngành du lịch biển và dịch vụ ven biển bị đình trệ trong thời gian dài, gây thiệt hại lớn về doanh thu và việc làm cho người dân vùng ven biển. Hoạt động khai thác, nuôi trồng và tiêu thụ thủy sản gặp nhiều khó khăn do chi phí tăng cao và thị trường xuất khẩu bị thu hẹp. Tuy nhiên, đại dịch cũng đặt ra yêu cầu thúc đẩy chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững, tăng cường ứng dụng công nghệ số, nâng cao năng lực thích ứng và bảo đảm an ninh kinh tế biển trong bối cảnh biến động toàn cầu.

3.1.1.2. Tình hình trong nước

Giai đoạn 2015-2020, công cuộc đổi mới ở Việt Nam tiếp tục đạt nhiều kết quả quan trọng. Kinh tế duy trì tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công CNH, HĐH; kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, môi trường đầu tư được cải thiện. Lĩnh vực xã hội có nhiều tiến bộ, đời sống nhân dân được nâng cao, an sinh xã hội và giảm nghèo đạt kết quả tích cực; giáo dục, y tế, KHCN tiếp tục được quan tâm. Hệ thống chính trị và quản lý nhà nước được củng cố, cải cách hành chính và phòng, chống tham nhũng đạt nhiều chuyển biến; QP, AN được giữ vững. Hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế được đẩy mạnh, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Việt Nam tiếp tục tham gia các cam kết hợp tác kinh tế, chính trị và QP, AN khu vực và quốc tế, từ đó củng cố vị thế và sức mạnh trong khu vực Đông Nam Á và thế giới, đồng thời tạo tiền đề để tái cấu trúc kinh tế biển theo hướng hiện đại, gắn phát triển kinh tế biển với bảo vệ quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển đảo trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng.

Ngành kinh tế biển của Việt Nam nói chung, kinh tế biển ở các địa phương có biển nói riêng, đang đối mặt nhiều thách thức từ khai thác và bảo vệ tài nguyên biển. Tài nguyên bị khai thác lãng phí, môi trường ô nhiễm, hiệu quả khai thác thủy sản chưa cao và chưa bền vững; hạn mức khai thác chưa được kiểm soát, dẫn tới suy giảm nguồn lợi ven bờ. Hệ sinh thái ven biển như rừng ngập mặn, vùng triều, rạn san hô suy giảm nghiêm trọng, trong khi ô nhiễm nước biển, cửa sông và vịnh do hoạt động công nghiệp, nuôi trồng, cảng biển và đô thị vẫn chưa được khắc phục. Những vấn đề này đặt ra thách thức lớn cho phát triển kinh tế biển, đòi hỏi phải có chủ trương, chính sách để giải quyết kịp thời.

Quá trình Việt Nam hội nhập kinh tế sâu rộng khiến áp lực cạnh tranh với các ngành kinh tế biển gia tăng. Theo đó, cảng biển cần nâng cấp hạ tầng, tăng công suất và hiện đại hóa dịch vụ hậu cần để đáp ứng yêu cầu quốc tế. Lĩnh vực vận tải biển đang gặp hạn chế về thiết bị, năng lực vận chuyển và cơ cấu đội tàu chưa hợp lý, thiếu tàu container và tàu chuyên dụng, trong khi nhiều tàu cũ chỉ hoạt động tuyến gần. Ngành khai thác, chế biến dầu khí chịu tác động từ giá dầu thế giới giảm, sản lượng khai thác sụt giảm và các vấn đề an ninh trên Biển Đông.

Vấn đề an ninh, chính trị và xã hội ở Việt Nam, trong đó có Đà Nẵng, mặc dù tương đối ổn định, nhưng vẫn tồn tại các nguy cơ tiềm ẩn và diễn biến khó lường, đặc biệt từ xung đột ở Biển Đông và mâu thuẫn lợi ích với một số nước. Những yếu tố này ảnh hưởng trực tiếp đến mối quan hệ giữa phát triển kinh tế biển và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Vì vậy, cần có sự phối hợp giữa các địa phương nhằm tăng cường quốc phòng toàn dân, nâng cao nhận thức về chủ quyền biển đảo, tinh thần yêu nước và cải thiện đời sống cho cư dân ven biển, hải đảo.

3.1.2. Chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển kinh tế biển trong tình hình mới

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XI (2011) của Đảng, kinh tế biển Việt Nam đã có bước phát triển đáng kể. Trên cơ sở những kết quả đạt được, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016) của Đảng tiếp tục có bước phát triển mới trong nhận thức về phát triển kinh tế biển. Đại hội tiếp tục khẳng định: “Phát triển kinh tế biển nhằm tăng cường tiềm lực kinh tế quốc gia và bảo vệ chủ quyền biển đảo” [52, tr.94]. Để đạt được mục tiêu đề ra, Đại hội chủ trương:

Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp dầu khí, đánh bắt xa bờ và hậu cần nghề cá, kinh tế hàng hải (kinh doanh dịch vụ cảng biển, đóng và sửa chữa tàu, vận tải biển), du lịch biển, đảo. Có cơ chế tạo ra bước đột phá về tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế biển, thu hút mạnh hơn mọi nguồn lực đầu tư để phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, khai thác tài nguyên biển, đảo một cách bền vững. Tập trung đầu tư nâng cao hoạt động các khu kinh tế ven biển [52, tr 94-95].

Về phương hướng phát triển kinh tế biển trong những năm 2016-2020, Đại hội XII của Đảng chỉ rõ:

Phát triển mạnh các ngành kinh tế biển gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia và nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các ngành khai thác, chế biến dầu khí; cảng biển, đóng và sửa chữa tàu biển, vận tải biển; khai thác và chế biến hải sản, các dịch vụ hậu cần nghề cá; du lịch biển, đảo. Xây dựng các khu kinh tế, các KCN tập trung và khu chế xuất ven biển gắn với phát triển các khu đô thị ven biển. Xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH phục vụ sản xuất và đời sống vùng biển, đảo. Đẩy nhanh điều tra cơ bản về tài nguyên, môi trường biển, đảo. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng KH-CN, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong việc khai thác hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên biển. Xây dựng các

cơ sở hậu cần nghề cá, tránh trú bão, hỗ trợ ngư dân khai thác hải sản a bờ và hoạt động dài ngày trên biển. Tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích người dân định cư lâu dài trên các đảo. Tăng cường công tác cứu hộ, cứu nạn và bảo đảm an ninh, an toàn trên biển, đảo [52, tr.288-289].

Quán triệt chủ trương của Đảng, để thực hiện phát triển kinh tế biển Việt Nam đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, ngày 22/10/2018, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) thông qua Nghị quyết số 36- NQ/TW *Về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*. Về quan điểm chỉ đạo, Nghị quyết nêu rõ:

Việt Nam phải trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh và an toàn; phát triển bền vững kinh tế biển gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tăng cường đối thoại, hợp tác quốc tế về biển, góp phần duy trì môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển [53, tr.2].

Nghị quyết nêu rõ mục tiêu tổng quát đến năm 2030:

Đưa Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh; đạt cơ bản các tiêu chí về phát triển bền vững kinh tế biển; hình thành văn hóa sinh thái biển; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; ngăn chặn xu thế ô nhiễm, suy thoái môi trường biển, tình trạng sạt lở bờ biển và biển xâm thực; phục hồi và bảo tồn các hệ sinh thái biển quan trọng. Những thành tựu khoa học mới, tiên tiến, hiện đại trở thành nhân tố trực tiếp thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế biển [53, tr.2].

Tầm nhìn đến năm 2045:

Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh, an toàn; kinh tế biển đóng góp quan trọng vào nền kinh tế đất nước, góp phần xây dựng nước ta thành nước công nghiệp

hiện đại và theo định hướng xã hội chủ nghĩa; tham gia chủ động và có trách nhiệm vào giải quyết các vấn đề quốc tế và khu vực về biển và đại dương [53, tr.3].

Nghị quyết thực sự mở ra giai đoạn phát triển mới, nhanh, bền vững cho kinh tế biển Việt Nam.

Về một số chủ trương lớn, Nghị quyết chỉ rõ cần tập trung phát triển kinh tế biển và ven biển. Theo đó, chú trọng phát triển các ngành kinh tế biển trọng điểm như: Du lịch biển và dịch vụ biển, kinh tế hàng hải, khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển, nuôi trồng và khai thác hải sản, công nghiệp ven biển, năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới. Phát triển đồng bộ, từng bước hình thành khu kinh tế, KCN, khu đô thị sinh thái ven biển.

Cùng với chủ trương về phát triển các ngành kinh tế biển, Nghị quyết còn nhấn mạnh đến phát triển các vùng biển dựa trên lợi thế về điều kiện tự nhiên, hài hòa giữa bảo tồn và phát triển; Bảo vệ môi trường, bảo tồn, phát triển bền vững đa dạng sinh học biển, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và phòng chống thiên tai; Nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng văn hóa biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển; Bảo đảm QP, AN, đối ngoại và hợp tác quốc tế.

Để thực hiện được mục tiêu đề ra, Nghị quyết đề ra 3 khâu đột phá:

(1) Hoàn thiện thể chế phát triển bền vững kinh tế biển, ưu tiên hoàn thiện hành lang pháp lý, đổi mới, phát triển mô hình tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh quốc tế của các ngành kinh tế biển.

(2) Phát triển KH-CN và đào tạo nguồn nhân lực biển chất lượng cao, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, tận dụng thành tựu KH-CN tiên tiến, KH-CN mới, thu hút chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu, nhân lực chất lượng cao.

(3) Phát triển kết cấu hạ tầng đa mục tiêu, đồng bộ, mạng lưới giao thông kết nối với các trung tâm kinh tế lớn của cả nước, các KCN, đô thị, các vùng biển với các cảng biển trên hệ sinh thái kinh tế và tự nhiên, kết nối chiến lược Bắc – Nam, Đông – Tây giữa các vùng trong nước và quốc tế.

Về các giải pháp, Nghị quyết đề ra 8 giải pháp cụ thể: Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển bền vững biển, tạo đồng thuận trong toàn xã hội; Hoàn thiện thể chế, chính sách, chiến lược quy hoạch, kế hoạch về phát triển bền vững kinh tế biển; Phát triển KHCN và tăng cường điều tra cơ bản biển; Đẩy mạnh giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển; Tăng cường năng lực bảo đảm QP, AN, thực thi pháp luật trên biển; Chủ động tăng cường và mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển; Huy động nguồn lực, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư cho phát triển bền vững biển, xây dựng các tập đoàn kinh tế biển mạnh.

Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX, ngày 16/10/2003 *Về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, ngày 24/1/2019 Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 43-NQ/TW *Về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*. Nghị quyết đề ra mục tiêu tổng quát:

Xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và Đông Nam Á với vai trò là trung tâm về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, du lịch, thương mại, tài chính, logistics, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghiệp hỗ trợ; là một trong những trung tâm văn hóa - thể thao, giáo dục - đào tạo, y tế chất lượng cao, khoa học - công nghệ phát triển của đất nước; trung tâm tổ chức các sự kiện tầm khu vực và quốc tế; thành phố cảng biển, đô thị biển quốc tế với vị trí là hạt nhân của

chuỗi đô thị và cực tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung - Tây Nguyên; trở thành đô thị sinh thái, hiện đại và thông minh, thành phố đáng sống, có tổ chức đảng và hệ thống chính trị vững mạnh, chính quyền tiên phong trong đổi mới và phát triển, người dân có mức sống thuộc nhóm địa phương dẫn đầu cả nước với chất lượng cuộc sống tốt, thân thiện, hạnh phúc và sáng tạo; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc” [13, tr.3-4].

Nghị quyết số 43-NQ/TW cũng xác định những mục tiêu cụ thể phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Để hiện thực hóa được mục tiêu trên, Nghị quyết đề ra nhiều nhiệm vụ và giải pháp cho thành phố Đà Nẵng: Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh, đồng thời chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp. Tập trung phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ an ninh, chủ quyền biển đảo; hiện đại hóa các ngành dịch vụ trọng điểm như du lịch, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe. Ưu tiên phát triển 5 lĩnh vực mũi nhọn: du lịch - dịch vụ cao cấp kết hợp bất động sản nghỉ dưỡng; cảng biển, hàng không và logistics; công nghiệp công nghệ cao gắn đô thị sáng tạo, khởi nghiệp; công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông gắn nền kinh tế số; nông nghiệp công nghệ cao và ngư nghiệp.

Những chủ trương của Đảng trong giai đoạn 2015-2020, đặc biệt là Nghị quyết số 36-NQ/TW và Nghị quyết số 43-NQ/TW của Bộ Chính trị, là kim chỉ nam, là định hướng quan trọng để Đảng bộ thành phố Đà Nẵng triển khai có hiệu quả nhiệm vụ lãnh đạo phát triển kinh tế biển trong giai đoạn mới.

3.1.3. Nhiệm vụ phát triển của thành phố Đà Nẵng và yêu cầu đổi mới với phát triển kinh tế biển trong giai đoạn 2015-2020

Trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước có cả thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen. Toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế, cách mạng khoa học và công nghệ phát triển mạnh mẽ; việc tham gia các hiệp định thương mại, cộng đồng kinh tế quốc tế mở ra nhiều cơ hội và thách thức đối với sự phát triển KT-XH của thành phố. Công cuộc đổi mới đất nước tiếp tục được đẩy mạnh toàn diện. Đảng bộ và nhân dân thành phố đoàn kết, phấn khởi, có quyết tâm cao; sự đồng thuận trong nhân dân được phát huy; kinh tế, chính trị ổn định, tiềm lực, vị thế được nâng cao; có nhiều kinh nghiệm trong lãnh đạo, quản lý... Đó là những nguồn lực quan trọng để thành phố phát triển kinh tế biển nhanh, bền vững trong giai đoạn đến.

Tuy nhiên, quá trình phát triển kinh tế biển đang diễn ra trong bối cảnh tình hình chính trị - an ninh thế giới và khu vực biến động nhanh, phức tạp và khó lường. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, cùng với các tranh chấp lãnh thổ và hành vi xâm phạm chủ quyền trên biển tiếp tục gia tăng, tác động trực tiếp đến môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển kinh tế biển. Bên cạnh đó, những mặt trái của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế cũng ảnh hưởng tiêu cực đến tư tưởng, văn hóa và lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân, đặt ra yêu cầu tăng cường quản lý và định hướng phát triển bền vững các hoạt động kinh tế biển. Đồng thời, các thách thức về an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, cùng với biến đổi khí hậu, thiên tai và dịch bệnh diễn biến ngày càng phức tạp, đã và đang tác động sâu sắc đến khai thác, sử dụng tài nguyên biển, bảo vệ môi trường biển và bảo đảm phát triển kinh tế biển lâu dài.

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XX của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng, thành phố Đà Nẵng đạt được nhiều kết quả quan trọng, tương đối toàn diện trên các lĩnh vực. Trên cơ sở đó, Đại hội Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lần thứ XXI (nhiệm kỳ 2015-2020) đề ra mục tiêu tổng quát:

Xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, giữ vững ổn định chính trị, phát huy dân chủ và sức mạnh đồng thuận, năng động, sáng tạo, huy động mọi nguồn lực xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những đô thị lớn của cả nước, là trung tâm kinh tế, văn hoá - xã hội, động lực phát triển của khu vực miền Trung - Tây Nguyên; là địa bàn giữ vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh của cả nước; phấn đấu xây dựng Đà Nẵng giàu đẹp, an bình, văn minh, hiện đại [59, tr.19].

Là địa phương có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế biển, trong giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2015, công tác lãnh đạo phát triển kinh tế biển đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Nhận thức về vị trí, vai trò của kinh tế biển ngày càng được nâng cao; nhiều chủ trương, chính sách và quy hoạch liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên biển được ban hành và triển khai tương đối đồng bộ. Các ngành kinh tế biển như du lịch biển, dịch vụ cảng biển, vận tải hàng hải và khai thác, nuôi trồng thủy sản có bước phát triển khá, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng các ngành gắn với biển. Hệ thống kết cấu hạ tầng ven biển từng bước được đầu tư, đời sống của cư dân ven biển được cải thiện, đồng thời quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển đảo được chú trọng bảo đảm.

Tuy nhiên, quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế biển trong giai đoạn này vẫn bộc lộ một số hạn chế. Việc khai thác tiềm năng biển chưa tương xứng với lợi thế; chất lượng và hiệu quả phát triển của một số ngành kinh tế biển còn thấp, thiếu tính bền vững. Công tác quy hoạch và quản lý còn bất cập, sự phối hợp giữa các ngành, các cấp chưa chặt chẽ; đầu tư cho KH-CN, bảo vệ môi trường biển còn hạn chế, dẫn đến nguy cơ suy thoái tài nguyên và ô nhiễm môi trường ven biển. Những hạn chế này đặt ra yêu cầu cần tiếp tục đổi mới tư duy, hoàn thiện cơ chế, chính sách và nâng cao hiệu lực lãnh đạo trong phát triển kinh tế biển ở giai đoạn tiếp theo.

3.2. CHỦ TRƯỞNG VÀ SỰ CHỈ ĐẠO ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN CỦA ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2020

3.2.1. Chủ trương đẩy mạnh phát triển kinh tế biển của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng

Nhằm lãnh đạo phát triển kinh tế biển của thành phố trong giai đoạn 2015-2020, Đại hội Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lần thứ XXI (2015) khẳng định: “Tăng cường nguồn lực đầu tư để phát triển Đà Nẵng trở thành một trung tâm kinh tế biển” [59, tr.21]; đồng thời chỉ rõ: Tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế biển; khai thác bền vững, hiệu quả tài nguyên biển, đảo gắn với bảo vệ môi trường biển. Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ ngư dân đóng tàu công suất lớn, tăng cường bám biển, nâng cao năng lực khai thác hải sản xa bờ.

Ngày 5/12/2018, Ban Thường vụ Thành ủy ban hành Kế hoạch số 74-KH/TU về học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW. Theo đó, các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể chính trị xã hội trên địa bàn thành phố đã tích cực tổ chức học tập, nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết, tổ chức tuyên truyền về vị trí, vai trò của biển đảo trong phát triển KT-XH thành phố.

Ngày 18/2/2019, Ban Thường vụ Thành ủy ban hành Chương trình hành động số 28-CTr/ TU về triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW với mục tiêu đến năm 2030:

Xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trung tâm kinh tế biển lớn của cả nước, đô thị biển quốc tế trên cơ sở phát triển mạnh các ngành kinh tế biển, đảm bảo an sinh xã hội và bảo vệ môi trường, đảm bảo phát triển bền vững; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; ngăn chặn tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường biển, sạt lở bờ biển và biển, xâm thực; phục hồi và bảo tồn các hệ sinh thái biển quan trọng. Những thành tựu khoa

học mới, tiên tiến, hiện đại trở thành nhân tố trực tiếp thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế biển” [140, tr.2].

Tầm nhìn đến năm 2045:

Xây dựng Đà Nẵng trở thành thành phố phát triển kinh tế biển bền vững, thịnh vượng, an ninh, an toàn, góp phần quan trọng vào sự phát triển bền vững của kinh tế đất nước; tham gia chủ động và có trách nhiệm vào giải quyết các vấn đề quốc tế về biển và đại dương [140, tr.2].

Để đạt được mục tiêu trên, Thành ủy xác định tập trung thực hiện đồng bộ 9 giải pháp: Tăng cường năng lực quản trị biển và hải đảo; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển kinh tế biển; Phát triển các ngành kinh tế biển; Bảo vệ môi trường biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng cao và phòng chống thiên tai; Bảo tồn, phát triển đa dạng sinh học biển; Xây dựng văn hóa biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển, cải thiện sinh kế và tăng thu nhập cho cư dân vùng ven biển; Bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền biển đảo; tăng cường đối ngoại và hợp tác quốc tế; Phát triển khoa học công nghệ, xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường phục vụ quản lý và phát triển kinh tế biển.

Về phát triển kinh tế du lịch biển: Đảng bộ thành phố chủ trương: “Tạo điều kiện thu hút đầu tư phát triển du lịch bền vững, tương xứng với ngành mũi nhọn” [59, tr.20]. Để thực hiện mục tiêu này, Đảng bộ thành phố nhấn mạnh đến việc tập trung triển khai hiệu quả Đề án phát triển du lịch 2016-2020. Hoàn thiện quy hoạch du lịch và thu hút đầu tư vào các dự án du lịch trọng điểm như: Bán đảo Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Bà Nà, Làng Vân. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng, thu hút đầu tư, hình thành trung tâm du lịch ven biển tầm quốc gia và quốc tế. Đồng thời, tăng cường quảng bá, mở rộng các đường bay quốc tế, đẩy mạnh liên kết du lịch trong vùng. Phát triển sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, kết nối văn hóa và du lịch, nâng cấp du lịch sinh thái, văn hóa, lịch sử, lễ hội, đồng

thời khai thác các sản phẩm như khu mua sắm, trung tâm giải trí, làng nghề và nghệ thuật điêu khắc đá để tạo sự đa dạng, đặc trưng cho du lịch Đà Nẵng.

Về phát triển ngành thủy, hải sản: Nhằm xây dựng Đà Nẵng trở thành 1 trong 5 trung tâm nghề cá lớn của cả nước, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng chủ trương: “Tập trung đẩy nhanh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển toàn diện cả về nông, lâm nghiệp và thủy sản theo hướng hiện đại. Tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất và chế biến, tạo ra các vùng chuyên canh ứng dụng công nghệ cao, phục vụ cho du lịch và đô thị trung tâm” [59, tr.21]. Đảng bộ thành phố cũng xác định nhiệm vụ cơ bản là: Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về thủy sản, đảm bảo thống nhất từ thành phố đến cơ sở. Chuyển đổi khai thác từ truyền thống sang hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, ưu tiên khai thác xa bờ, nghiêm cấm phương thức hủy diệt; đồng thời đào tạo, chuyển đổi nghề cho ngư dân. Kết hợp khai thác với bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo đảm an ninh chủ quyền. Hiện đại hóa quản lý nghề cá, thúc đẩy liên kết sản xuất theo hợp tác xã và chuỗi giá trị, đồng thời phát triển các ngành kinh tế dựa trên tài nguyên đa dạng sinh học biển như được liệu, rong, tảo, cỏ biển.

Về phát triển kinh tế hàng hải: Nhận thức được tầm quan trọng của kinh tế hàng hải đối với sự phát triển KT-XH của địa phương, Đại hội lần thứ XXI của Đảng bộ thành phố đã xác định rõ:

Tập trung đầu tư nâng cấp cả về quy mô, chất lượng hệ thống cảng biển, phát triển Cảng Đà Nẵng trở thành cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực (loại I); nâng cấp Cảng Tiên Sa giai đoạn 2; phấn đấu sản lượng hàng hóa qua khu vực Cảng Đà Nẵng tăng 8-10%/năm, sản lượng năm 2020 đạt 10 triệu tấn [59, tr.21].

Cùng với tập trung nâng cấp hệ thống cảng biển, phải chú trọng đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện hạ tầng Logistics và các tuyến đường giao thông kết nối liên thông các cảng biển với các khu công nghiệp thành phố và với các vùng,

miền, địa phương trong nước và quốc tế. Ngoài ra chú trọng phát triển đội tàu vận tải biển với cơ cấu hợp lý, ứng dụng công nghệ hiện đại, nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu vận tải nội địa, tham gia sâu vào các chuỗi cung ứng vận tải, từng bước gia tăng, chiếm lĩnh thị phần quốc tế.

Về xây dựng các KCN, cụm khu CN ven biển: Với mục tiêu tiếp tục chuyển đổi cơ cấu kinh tế thành phố theo hướng “dịch vụ, công nghiệp - xây dựng, nông nghiệp”, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lần thứ XXI chỉ rõ:

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp công nghệ cao. Hình thành hệ thống các khu công nghiệp sinh thái, cụm khu công nghiệp sạch, thân thiện với môi trường gắn với hệ thống giao thông và cảng biển của thành phố để hướng mạnh vào công nghiệp chế biến, xuất khẩu; Phát triển hợp lý một số ngành công nghiệp phục vụ các ngành kinh tế biển, nâng cao hiệu quả và chất lượng sản phẩm công nghiệp [59, tr.7].

Giải pháp đề ra là tập trung ứng dụng công nghệ tiên tiến trong khai thác, bảo quản và chế biến hải sản để tạo sản phẩm chất lượng, giá trị cao; đồng thời nghiên cứu, đánh giá khoáng sản biển chiến lược, kết hợp khai thác với bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học. Bên cạnh đó, tập trung nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh quy hoạch KCN Dịch vụ Thủy sản Đà Nẵng; tạo điều kiện về cơ chế, chính sách để thu hút đầu tư nhằm phát triển các KCN, Khu chế xuất ven biển.

Về các lĩnh vực liên quan đến phát triển kinh tế biển:

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu đối với sự phát triển bền vững của thành phố, Đại hội Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lần thứ XXI chủ trương:

Kiên trì thực hiện có hiệu quả Đề án “Xây dựng Đà Nẵng - Thành phố môi trường”, Chương trình hành động của thành phố về ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, Dự án Phát triển bền vững

(đường vành đai phía Nam, hệ thống xe buýt nhanh BRT, hệ thống thoát nước và các trạm xử lý nước thải Hòa Xuân, Sơn Trà, Liên Chiểu). Quản lý chặt chẽ, ngăn chặn kịp thời các hành vi khai thác tài nguyên trái phép. Chủ động phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai; từng bước hình thành các tiêu chuẩn xây dựng công trình thích ứng với biến đổi khí hậu. Nghiên cứu, triển khai các biện pháp sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả. Tăng cường hợp tác quốc tế và xã hội hoá về bảo vệ môi trường; đẩy mạnh thực hiện Đề án thu gom rác thải theo giờ, phong trào “Ngày Chủ nhật xanh - sạch - đẹp”; giải quyết cơ bản tình trạng ngập úng, ô nhiễm tại các khu dân cư, xử lý nước thải các khu, cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm, không để phát sinh các điểm ô nhiễm mới [59, tr.23].

Đảng bộ thành phố xác định các giải pháp như: Ngăn ngừa, kiểm soát các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường biển; Nâng cao năng lực phòng tránh, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường; Tiên phong trong lĩnh vực về giảm thiểu chất thải nhựa đại dương; phấn đấu 100% chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn môi trường; Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, động đất, sóng thần; thực hiện tốt công tác sẵn sàng ứng phó, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, giảm thiểu rủi ro từ các sự cố trên biển; Xây dựng các tiêu chí, yêu cầu kỹ thuật nghiêm ngặt theo chuẩn quốc tế về môi trường biển đối với các nguồn thải ra biển; Xác định, phân loại, đánh giá các nguồn thải ảnh hưởng đến môi trường biển; Đẩy mạnh các biện pháp phòng, chống xâm thực, xói lở bờ biển, ngập lụt và xâm nhập mặn; Tăng cường đầu tư, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án cơ sở hạ tầng môi trường ven biển, chú trọng đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước thải, xử lý dứt điểm các điểm nóng gây ô nhiễm môi trường biển.

Trong bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, Đảng bộ thành phố nhấn mạnh bảo đảm tính đa dạng và toàn vẹn các hệ sinh thái biển; tăng cường công tác bảo

tồn đa dạng sinh học biển trên cơ sở quy hoạch không gian biển của thành phố; phục hồi các hệ sinh thái, đặc biệt là các rạn nứt san hô, thảm cỏ biển; đảm bảo tính toàn vẹn và mối quan hệ tự nhiên giữa các hệ sinh thái đất và biển. Bảo vệ và phát triển bền vững các hệ sinh thái biển, ven biển; ngăn chặn tình trạng sử dụng các công cụ, phương tiện hủy diệt khai thác tài nguyên biển; sử dụng có hiệu quả hệ sinh thái san hô phục vụ phát triển du lịch; Bảo vệ các hệ sinh thái rừng giáp ranh giữa biển và đất liền như rừng tại đèo Hải Vân, Bán đảo Sơn Trà... phục hồi và phát triển rừng phòng hộ ven biển; Điều tra, đánh giá hiện trạng nguồn tài nguyên sinh vật biển, các hệ sinh thái liên quan đến biển và có giải pháp khai thác hiệu quả, bền vững; nghiên cứu khoanh nuôi, tái tạo, phục hồi hệ sinh thái rạn san hô, thảm cỏ biển và các hệ sinh thái liên quan khác trong vùng biển ven bờ.

Vấn đề bảo đảm QP, AN và chủ quyền biển đảo được Đảng bộ thành phố xác định là nhiệm vụ chiến lược xuyên suốt. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XXI của thành phố Đà Nẵng khẳng định:

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 28-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân, thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong tình hình mới. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia. Chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống [59, tr.27].

Trong bối cảnh tình hình khu vực biển Đông nhiều diễn biến phức tạp, nhiều nguy cơ tiềm ẩn đến lợi ích quốc gia trên biển, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng chủ trương:

Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về Chiến lược Biển Việt Nam đến năm 2020, gắn với Luật Biên giới quốc gia, Luật Biển Việt Nam. Nâng cao chất lượng xây dựng nền biên phòng toàn dân, xây dựng lực lượng biên phòng thành phố vững mạnh. Triển khai có chất lượng Đề án tuyên truyền phổ biến pháp luật cho cán bộ, nhân dân, nhất là ngư dân lao động trên biển. Tích cực đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia trên Biển Đông và quần đảo Hoàng Sa [59, tr.27].

Đảng bộ thành phố chú trọng tăng cường công tác bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia trên biển; trật tự an toàn xã hội trong khu vực biên giới biển; đảm bảo an toàn cho ngư dân và các hoạt động khai thác tài nguyên biển; Bảo đảm đủ năng lực xử lý tốt các tình huống xảy ra trên biển, giữ vững độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên các vùng biển, đảo của thành phố Đà Nẵng; Triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Nhà nước về khai thác hải sản xa bờ, rà soát, sửa đổi, ban hành các chính sách hỗ trợ ngư dân thành phố Đà Nẵng tham gia khai thác hải sản xa bờ kết hợp nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trên biển, đặc biệt vùng biển Hoàng Sa thuộc thành phố Đà Nẵng.

Đối với vấn đề liên kết vùng, ngoài việc tiếp tục tiếp tục củng cố, tăng cường hợp tác với các mối quan hệ truyền thống với tỉnh Quảng Nam, Đảng bộ thành phố còn chủ trương mở rộng liên kết với các tỉnh khác ở khu vực miền Trung, Tây Nguyên. Để làm được điều đó, một mặt chú trọng xây dựng, kết nối hạ tầng giao thông với các tỉnh, mặt khác huy động nguồn lực từ Trung ương để xây dựng các tuyến cao tốc để tăng cường tính liên kết. Đảng bộ thành phố tiếp tục nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề liên kết vùng để phát triển toàn diện thành phố Đà Nẵng. Do vậy, ngoài việc tiếp tục củng cố, tăng cường hợp tác với các mối quan hệ truyền thống như tỉnh Quảng Nam, Đảng bộ thành phố còn chủ trương mở rộng liên kết với các tỉnh khác ở khu vực miền Trung,

Tây Nguyên. Để làm được điều đó, một mặt chú trọng xây dựng, kết nối hạ tầng giao thông với các tỉnh, mặt khác huy động nguồn lực từ Trung ương để xây dựng các tuyến cao tốc để tăng cường tính liên kết.

Nhằm đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH và hội nhập quốc tế, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng chỉ rõ: “Tạo chuyển biến mới trong nhận thức và chỉ đạo, thực hiện để phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ” [59, tr.21]. Phối hợp xúc tiến đầu tư xây dựng Khu nghiên cứu - phát triển, đào tạo và ươm tạo doanh nghiệp tại Khu Công nghệ cao, Trung tâm Công nghệ sinh học khu vực miền Trung, Trung tâm Thông tin khoa học và công nghệ Đà Nẵng. Tăng đầu tư nhà nước cho Quỹ phát triển khoa học công nghệ tương xứng với yêu cầu; gắn kết việc nghiên cứu, đào tạo với sản xuất - kinh doanh theo phương thức nghiên cứu theo đơn đặt hàng với các nhà khoa học, các cơ quan nghiên cứu và khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư nghiên cứu, phát triển đổi mới công nghệ, xây dựng thương hiệu.

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học nhằm phát huy tiềm năng kinh tế biển, bảo vệ tài nguyên và môi trường biển; tăng cường ứng dụng công nghệ mới, hiện đại để tạo sản phẩm có lợi thế cạnh tranh cao, khai thác hợp lý, hiệu quả tài nguyên biển. Nghiên cứu các công nghệ khai thác cảng biển, vận chuyển hàng hóa hiện đại, đồng bộ để tăng năng lực vận chuyển hàng hóa cho thành phố; ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm tăng cường thông tin liên lạc, đảm bảo an toàn cho người và phương tiện khi hoạt động trên biển. Đẩy mạnh, ưu tiên đầu tư cho công tác điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển; thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, ứng dụng các thành tựu KH-CN tiên tiến, ứng dụng công nghệ sinh học biển. Xây dựng, cập nhật thường xuyên bộ cơ sở dữ liệu về tài nguyên, môi trường biển phục vụ cho công tác quản lý.

Trước yêu cầu phát triển của các ngành kinh tế biển, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đã chủ trương phát triển nguồn nhân lực biển: “Liên kết phát triển du lịch, khai thác và chế biến tài nguyên biển; liên kết đào tạo nguồn nhân lực”

[59, tr.24]. Để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành kinh tế biển, Đảng bộ thành phố cũng chỉ rõ:

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khoá XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Phát triển mạng lưới trường học theo cơ cấu hợp lý giữa các ngành học, cấp học, vừa đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, vừa phù hợp với định hướng xã hội hoá giáo dục [59, tr.25].

Chủ trương của Đảng bộ thành phố về phát triển kinh tế biển trong giai đoạn mới không chỉ phản ánh sự nâng cao nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của kinh tế biển đối với sự phát triển, mà còn thể hiện tầm nhìn chiến lược và định hướng phát triển lâu dài cho địa phương. Đây là cơ sở quan trọng cho việc phát triển đồng bộ các ngành kinh tế biển theo hướng bền vững.

3.2.2. Đảng bộ thành phố Đà Nẵng chỉ đạo đẩy mạnh phát triển kinh tế biển từ năm 2015 đến năm 2020

3.2.2.1. Chỉ đạo đẩy mạnh phát triển ngành du lịch biển

Trên cơ sở Nghị quyết của Đảng bộ thành phố lần thứ XXI, ngày 9/11/2015, UBND thành phố ban hành quyết định số 8373/QĐ-UBND về phê duyệt Đề án phát triển du lịch Đà Nẵng giai đoạn 2016-2020, với định hướng: phát triển du lịch theo hướng trở thành trung tâm du lịch đẳng cấp quốc tế, thiên đường nghỉ dưỡng, trung tâm mua sắm, trung tâm của các cuộc thi sắc đẹp - nghệ thuật và trung tâm giải trí hàng đầu khu vực, thu hút khách có mức chi tiêu cao.

Ngày 19/8/2017 UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 5245/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án phát triển ngành kinh tế biển thành phố Đà Nẵng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Mục tiêu đề án là: Phát triển du lịch biển mang tầm cỡ quốc gia và quốc tế. Đầu tư theo hướng tập trung chất lượng cao, chuyên nghiệp, phát triển du lịch biển chất lượng cao và bền vững: vừa tập trung phát triển theo chiều sâu, theo hướng nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch biển và tỉnh chuyên nghiệp, kết hợp đa dạng hóa các loại

hình du lịch phù hợp, tạo nên thương hiệu riêng đặc trưng của Đà Nẵng. Bên cạnh đó, phát triển du lịch cũng phải đặt trong mối quan hệ với phát triển kinh tế xã hội cũng như đảm bảo an ninh quốc phòng, bảo vệ chủ quyền đất nước.

Ngày 30/12/2017, UBND thành phố ban hành Kế hoạch hành động số 10652/KH-UBND về triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/1/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Kế hoạch xác định các định hướng cụ thể cho thành phố Đà Nẵng, bao gồm phát triển du lịch theo hướng bền vững, đa dạng hóa sản phẩm có chất lượng cao, thúc đẩy kinh tế ban đêm, nâng cao năng lực ứng phó với biến động thị trường, đồng thời chú trọng cải thiện chất lượng dịch vụ và nguồn nhân lực du lịch.

Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đã tập trung lãnh đạo và triển khai các giải pháp phát triển du lịch gắn với việc phát huy các giá trị văn hóa, bảo vệ môi trường và bảo tồn các di sản thiên nhiên. Tập trung đa dạng hóa các sản phẩm du lịch biển chủ lực gồm: du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, du lịch kết hợp y học cổ truyền, du lịch giáo dục và nghiên cứu thực địa, du lịch sinh thái gắn với di sản văn hóa, du lịch tàu biển và đường sông, cùng du lịch mua sắm và hội nghị, hội thảo (MICE). Đồng thời, thành phố phát triển các sản phẩm phụ trợ như thể thao và dịch vụ biển, du thuyền, vui chơi giải trí trong nhà và ngoài trời, kết hợp các lễ hội văn hóa, âm nhạc, ẩm thực để đa dạng hóa trải nghiệm. Đồng thời, chú trọng quảng bá đặc sản, thủ công mỹ nghệ và quà lưu niệm, quy hoạch các khu phố ẩm thực ven biển kết hợp không gian vui chơi, giải trí và mua sắm, tạo điểm nhấn hấp dẫn cho du khách trong nước và quốc tế.

Năm 2020, để tạo ra sự phong phú về sản phẩm du lịch, góp phần tạo ra thu nhập và sinh kế cho người dân, ngày 28/9/2020, UBND thành phố ban hành Quyết định số 3613/QĐ-UBND về việc ban hành đề án Phát triển kinh tế ban đêm tại thành phố Đà Nẵng. Ngoài ra, còn phê duyệt các đề án về tổ chức sự kiện, lễ hội văn hóa đặc sắc hàng năm gắn với các hoạt động kinh tế đêm.

Thực hiện sự chỉ đạo của Đảng bộ thành phố về phát triển du lịch, Sở Du lịch đã triển khai kế hoạch truyền thông, xúc tiến quảng bá du lịch với thông điệp: “*Enjoy Da Nang - Tận hưởng Đà Nẵng*”, thu hút du khách đến và có những trải nghiệm ấn tượng tại Đà Nẵng. Các hoạt động vệ sinh môi trường, cảnh quan đô thị cũng được Sở du lịch tăng cường đẩy mạnh góp phần tạo ra môi trường sạch đẹp, văn minh thu hút khách du lịch.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ thành phố, ngành kinh tế du lịch đã có nhiều chuyển biến tích cực. Số lượng khách đến Đà Nẵng tăng đều theo hàng năm. Tuy nhiên, riêng năm 2020, do tác động của đại dịch Covid -19, lượng khách đến Đà Nẵng bị sụt giảm.

Bảng 3.1: Bản thống kê số lượng khách đến thành phố Đà Nẵng, giai đoạn 2016 - 2020

Đơn vị: lượt khách

Năm	Khách quốc tế	Khách nội địa	Tổng lượt khách
2016	1.677.297	3.868.942	5.546.239
2017	2.331.887	4.302.094	6.633.981
2018	2.875.371	4.787.600	7.662.971
2019	3.522.928	5.169.493	8.692.421
2020	667.048	1.293.903	1.960.951

Nguồn: Tổng hợp của NCS từ nguồn Niên giám thống kê thành phố Đà Nẵng, các năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020. Lưu tại Cục thống kê thành phố Đà Nẵng

Tổng thu từ hoạt động du lịch và các dự án đầu tư về du lịch không ngừng tăng lên, Thành phố Đà Nẵng ưu tiên thu hút những dự án đề cao trách nhiệm đối với cộng đồng, lựa chọn các dự án có hiệu quả nhằm đóng góp vào sự phát triển KT -XH theo hướng bền vững, đồng thời bảo đảm ổn định và an ninh trên địa bàn.

Sản phẩm du lịch ngày càng được đầu tư phát triển đa dạng, chất lượng dịch vụ du lịch được củng cố và nâng cao, cơ bản đáp ứng được nhu cầu và thị hiếu của khách với các sản phẩm mới như quần thể du lịch sinh thái Bà Nà - Suối Mơ, Bán đảo Sơn Trà, các khu du lịch Hòa Phú Thành, Phước Nhơn, Công viên suối khoáng nóng Núi Thần Tài, Công viên Châu Á, định kỳ tổ chức các hoạt động khu vực trực lễ hội hai bên bờ sông Hàn; chương trình show diễn "Đà Nẵng quyến rũ"... Năm 2016, Đà Nẵng lọt vào Top 10 điểm đến nghỉ dưỡng hàng đầu châu Á do độc giả Tạp chí Smart Travel Asia bình chọn. Năm 2018, Đà Nẵng lọt vào danh sách những điểm đến nên ghé thăm trước khi trở nên quá nổi tiếng trên trang Business Insider. Theo báo Nikkei của Nhật Bản, trong bảng xếp hạng các điểm đến du lịch năm 2018 của Airbnb - trang web đặt phòng nghỉ lớn nhất thế giới, Đà Nẵng đứng thứ 5 toàn cầu và số 1 tại Đông Nam Á về thu hút khách du lịch. Năm 2018, hiện tượng Cầu Vàng đã trở thành tâm điểm trên các trang báo nổi tiếng trên thế giới. Năm 2019, tờ báo uy tín hàng đầu của Mỹ- New York Times bình chọn Đà Nẵng được ngợi ca như *"Miami của Việt Nam"* đứng thứ 15 trong danh sách 52 điểm phải đến trên thế giới. Như vậy, sản phẩm du lịch của Đà Nẵng đã có được vị thế mang tầm quốc tế, qua đó khẳng định thêm về một Đà Nẵng bình yên, trật tự, quốc phòng an ninh đảm bảo, là điểm đến tin cậy của mọi nơi trên thế giới.

Hoạt động xúc tiến, quảng bá, phát triển sản phẩm và bảo vệ môi trường du lịch tiếp tục được đẩy mạnh, có sự chuyển biến thông qua việc tham gia các hội chợ, triển lãm du lịch trong và ngoài nước với quy mô ngày càng tăng về số lượng và chất lượng. Thành phố tham gia, xúc tiến du lịch Đà Nẵng tại Hội chợ Du lịch quốc tế ở Thái Lan, Indonesia, Hồng Kông, Nhật Bản, Hàn Quốc... và triển khai kế hoạch mở rộng thị trường, xúc tiến, mở rộng khai thác thị trường khách Nhật Bản, Australia, Ấn Độ, Tây Âu và Nga. Nội dung cốt lõi của các sự kiện quảng bá luôn nhấn mạnh tới tính an ninh, trật tự, một môi trường sống, tham quan du lịch trong lành, hoà bình và thân thiện. Điều này

không chỉ giúp cho du lịch ngày càng thu hút mà thông qua đó còn thu hút đầu tư trong và ngoài nước cho thành phố phát triển du lịch.

Chất lượng nguồn nhân lực du lịch biển ở Đà Nẵng từng bước được nâng lên thông qua việc Đảng bộ thành phố chỉ đạo triển khai các chương trình đào tạo chuyên sâu, gắn với thực tiễn và nhu cầu của thị trường lao động du lịch, nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là năng lực ngoại ngữ và kỹ năng mềm cho đội ngũ làm việc trong ngành du lịch.

Kết cấu hạ tầng ngành du lịch phát triển tạo tiền đề quan trọng cho việc thu hút khách du lịch, tăng thêm hiệu quả phát triển kinh tế du lịch. Từ đầu năm 2018, đề án Quản lý và khai thác các bãi biển du lịch tuyến đường Nguyễn Tất Thành giai đoạn 2018-2020 được triển khai. Theo thống kê của Sở Du lịch Đà Nẵng, lượng khách tại các bãi biển trên tuyến Nguyễn Tất Thành tăng trung bình khoảng 15-20%/năm do xu thế di dân từ nông thôn đến thành thị, lượng công nhân, sinh viên từ các khu công nghiệp và sự phát triển của các dự án đầu tư xây dựng khu du lịch, khu đô thị mới... Do đó, việc đầu tư thực hiện dự án sẽ không chỉ phục vụ cho phát triển du lịch mà còn tạo cơ sở để người dân có thêm việc làm, thu hút họ ra sinh sống và làm việc nhiều hơn ở các khu vực ven biển Đà Nẵng.

Trong giai đoạn 2015 - 2020, mặc dù Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm đẩy mạnh phát triển du lịch biển và đạt được những kết quả tích cực, song công tác lãnh đạo, chỉ đạo vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định. Công tác quy hoạch và quản lý phát triển du lịch biển có thời điểm chưa đồng bộ; sản phẩm du lịch biển còn đơn điệu, chủ yếu tập trung vào nghỉ dưỡng và tham quan, chưa khai thác hiệu quả các loại hình du lịch biển chất lượng cao như thể thao biển, du lịch sinh thái biển hay du lịch trải nghiệm văn hóa biển. Chất lượng nguồn nhân lực du lịch biển chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu hội nhập quốc tế; công tác quảng bá, xúc tiến du lịch chưa tạo được sức lan tỏa mạnh mẽ trên thị trường quốc tế. Ngoài ra, tình trạng ô nhiễm môi trường biển cục bộ và tác động của dịch COVID-19 vào cuối giai

đoạn cũng gây ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển bền vững của ngành du lịch biển thành phố.

3.2.2.2. Chỉ đạo đẩy mạnh phát triển ngành thủy, hải sản

Nhằm phát triển ngành thủy, hải sản trong giai đoạn 2015-2020, Đảng bộ thành phố tập trung chỉ đạo phát triển ngành thủy, hải sản trở thành ngành kinh tế trọng điểm, trở thành 1 trong 5 trung tâm nghề cá lớn của cả nước. Để thực hiện được mục tiêu đề ra, UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 5245/QĐ-UBND ngày 18/9/2017 về việc phê duyệt Đề án phát triển ngành kinh tế biển thành phố Đà Nẵng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Đối với lĩnh vực khai thác hải sản: UBND thành phố và các sở, ngành liên quan tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao hoạt động đánh bắt xa bờ, hạn chế khai thác gần bờ để tái tạo nguồn lợi thủy sản đang bị cạn kiệt. Tập trung nhân lực và nguồn vốn cho các tàu lớn để tăng cường năng lực, hiệu quả khai thác hải sản xa bờ và hiệu quả dịch vụ hậu cần nghề cá. Phát triển khai thác hải sản xa bờ và dịch vụ hậu cần nghề cá vừa tạo nguyên liệu cho chế biến, vừa góp phần bảo vệ an ninh chủ quyền vùng biển của quốc gia. Bên cạnh đó, với lợi thế về du lịch, khai thác hải sản và dịch vụ hậu cần nghề cá phát triển theo hướng lồng ghép, kết hợp và phục vụ du lịch.

Đối với hoạt động nuôi trồng thủy, hải sản: Thành phố tập trung khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển nuôi trồng hải sản trên biển và đảo. Hình thành các vùng nuôi công nghiệp tập trung, áp dụng công nghệ mới vào nuôi trồng thủy sản. Đồng thời, để tăng cường hiệu quả nuôi trồng thủy, hải sản, Đảng bộ thành phố đã chỉ đạo UBND thành phố và các sở, ngành triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản như: Tập huấn kỹ thuật, chuyển giao ứng dụng các mô hình nuôi thủy sản đạt hiệu quả cao cho các hộ nuôi. Các cơ quan chức năng thường xuyên lấy mẫu nước, quan trắc, kiểm tra, cảnh báo tình trạng môi trường trên các vùng nuôi thủy sản tập trung cho các hộ nuôi biết để xử lý trước khi lấy nước vào ao nuôi, phòng chống dịch bệnh cho thủy, hải sản nuôi trồng.

Về phát triển công nghiệp chế biến thủy, hải sản: Thành phố tập trung phát triển ngành chế biến thủy sản theo hướng hiện đại và bền vững, dựa trên lợi thế của các nhóm sản phẩm có nhu cầu cao, khả năng cạnh tranh và giá trị xuất khẩu lớn, đồng thời mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước. Trong định hướng phát triển chế biến thủy, hải sản, Đảng bộ thành phố chỉ đạo gắn với quy hoạch vùng nguyên liệu ổn định, khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên biển. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới, tăng cường chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao tỷ trọng sản phẩm giá trị gia tăng và giảm dần hoạt động xuất khẩu thô. Bên cạnh đó, khuyến khích đầu tư công nghệ xử lý ô nhiễm trong các nhà máy, hướng tới sản xuất thân thiện với môi trường. Chú trọng xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm thủy sản địa phương, thúc đẩy liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, giúp doanh nghiệp tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng thực phẩm toàn cầu.

Để đảm bảo phát triển công nghiệp chế biến gắn với bảo vệ môi trường, Đảng bộ thành phố chỉ đạo tập trung di dời các khu chế biến xen lẫn trong khu dân cư, thành lập khu chế biến tập trung. Song song với đó, tăng cường áp dụng KHCN, nhất là KHCN cao để nâng cao chất lượng sản phẩm; đồng thời giao cho sở ban ngành thúc đẩy tìm kiếm thị trường để đẩy mạnh xuất khẩu. Chủ động nghiên cứu xây dựng đề án đánh bắt và xuất khẩu cá ngừ đại dương trong mối quan hệ với Nhật Bản.

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ thành phố, ngày 26/7/2016, UBND thành phố ban hành Quyết định số 4991/QĐ-UBND Về việc ban hành Đề án Giảm số lượng tàu cá có công suất nhỏ hơn 20 CV và thuyền thúng gắn máy công suất nhỏ hơn 20 CV khai thác hải sản ở vùng biển ven bờ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026-2020. Bên cạnh đó, UBND thành phố giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện công tác chuyển đổi ngành nghề từ khai thác nhỏ, khai thác không hiệu quả sang ngành nghề khác cho ngư dân, nhằm đảm bảo việc làm cho ngư dân và giữ vững môi trường biển.

Để hỗ trợ ngư dân vươn khơi bám biển, ngày 11/7/2019, HĐND thành phố Đà Nẵng ban hành Nghị quyết số 255/2019/NQ-HĐND về quy định chính sách hỗ trợ phát triển khai thác hải sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2019-2025. Theo nghị quyết, thành phố Đà Nẵng hỗ trợ 40% kinh phí mua bảo hiểm thân tàu cho tàu chính sách hỗ trợ của Trung ương; hỗ trợ 100% kinh phí mua thiết bị giám sát hành trình khai thác thủy sản hoặc hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản ngoài mức hỗ trợ 50% theo các trình lắp đặt trên tàu cá và kinh phí thuê bao năm đầu tiên; hỗ trợ 50% kinh phí trang bị máy, thiết bị dùng trong bảo quản sản phẩm, máy, thiết bị dùng trong khai thác thủy sản.

Để nâng cao hiệu quả các cơ sở chế biến thủy hải sản gắn với bảo vệ môi trường. Đảng bộ thành phố chỉ đạo tập trung di dời các khu chế biến xen lẫn trong khu dân cư, thành lập khu chế biến tập trung. Mặt khác đẩy mạnh áp dụng khoa học công nghệ, nhất là khoa học công nghệ cao để nâng cao chất lượng sản phẩm, đồng thời giao cho sở ban ngành tìm kiếm thị trường để đẩy mạnh xuất khẩu. Chủ động nghiên cứu xây dựng đề án đánh bắt và xuất khẩu cá ngừ đại dương trong mối quan hệ với Nhật Bản.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng, ngành thủy hải sản đạt được nhiều kết quả tích cực. Sản lượng đánh bắt, nuôi trồng và chế biến thủy, hải sản tăng đều hàng năm:

Bảng 3.2: Hoạt động thủy hải sản của thành phố Đà Nẵng, giai đoạn 2016-2020

Đơn vị: Tấn

Năm	Đánh bắt (khai thác)	Nuôi trồng	Tổng sản lượng	Chế biến thủy, hải sản
2016	41.300	1.100	42.400	57.000
2017	42.000	1.120	43.120	58.000
2018	42.800	1.140	43.940	59.000
2019	43.300	1.045	44.345	60.000
2020	42.900	1.167	44.067	60.000

Nguồn: Tổng hợp của NCS từ nguồn Niên giám thống kê thành phố Đà Nẵng, các năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020. Lưu tại Cục thống kê thành phố Đà Nẵng

Cơ sở hạ tầng nghề cá được tập trung đầu tư xây dựng: hoàn chỉnh Khu công nghiệp dịch vụ hậu cần nghề cá và Âu thuyền Thọ Quang (quy mô 150 ha, sức chứa trên 1.000 tàu công suất từ 45 CV trở lên); đầu tư xây dựng Chợ đầu mối thủy sản Thọ Quang (02 ha) với quy mô chợ đầu mối thủy sản khu vực miền Trung (đi vào hoạt động từ 12/2010); đầu tư dự án nâng cấp, mở rộng Cảng cá Thọ Quang thành Cảng cá loại I cấp quốc gia...

Hoạt động khai thác thủy, hải sản của thành phố Đà Nẵng phát triển mạnh. Quá trình khai thác được tổ chức theo mô hình tổ, đội, có sự liên kết, hỗ trợ nhau bảo đảm an toàn cho người và phương tiện khi hoạt động trên biển. Các tổ, đội khai thác hải sản thành lập trên nguyên tắc tự nguyện, tinh thần tương trợ lẫn nhau trong khai thác hải sản, phòng chống thiên tai và cứu hộ, cứu nạn trên biển.

Bảng 3.3: Cơ cấu tàu thuyền khai thác hải sản của thành phố Đà Nẵng, giai đoạn 2016-2020

Danh mục	ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng tàu thuyền	chiếc	1.608	1.444	1.702	1.871	1.765
Loại 10> 90 CV	chiếc	1.907	1.888	1.895	1.882	1.893
Loại từ 90> 500 CV	chiếc	98	125	132	137	142
Tổng công suất	chiếc	221.887	277.958	358.363	399.621	387.531

Nguồn: Tổng hợp của NCS từ nguồn Niên giám thống kê thành phố Đà Nẵng, các năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020. Lưu tại Cục thống kê thành phố Đà Nẵng

Thành phố đã triển khai thực hiện đồng bộ, tuyên truyền và hỗ trợ ngư dân đóng mới, mua bảo hiểm thân tàu, thuyền viên theo Nghị định số 67/2014/NĐCP của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản. Theo đó:

Toàn thành phố có 7 phương tiện tàu cá đóng mới theo Nghị định 67 (gồm 5 tàu vỏ thép và 2 tàu vỏ gỗ), với tổng vốn vay là 117,146 tỷ đồng; có 2 tàu cá được hỗ trợ vay vốn nâng cấp theo Nghị định này với tổng vốn vay là 1,85 tỷ đồng; có tổng số gần 12,5 nghìn lượt mua bảo hiểm thuyền viên với tổng kinh phí hỗ trợ là 3,74 tỷ đồng và 743 lượt mua bảo hiểm thân tàu với kinh phí hỗ trợ là 16,16 tỷ đồng. Ngoài ra, thành phố cũng đã triển khai hỗ trợ duy tu, sửa chữa cho các phương tiện được đóng mới theo Nghị định này lên đến 551 triệu đồng [119].

Sự chuyển hướng phát triển đội tàu có công suất lớn giúp cho không chỉ tăng sản lượng đánh bắt hải sản mà trong đó quan trọng hơn khi sử dụng công nghệ, thiết bị hiện đại tạo điều kiện kết nối thông tin giữa các lực lượng đảm bảo an ninh, an toàn trên biển. Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động đánh bắt của các phương tiện này còn nhiều hạn chế, do đó đã gây ra tình trạng nợ xấu, nhiều chủ tàu không trả được vốn vay ngân hàng, dẫn đến phá sản.

Trong giai đoạn 2015–2020, công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển ngành thủy sản của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng vẫn còn một số hạn chế như quy hoạch phát triển ngành thủy sản chưa đồng bộ, chưa có sự kết hợp chặt chẽ giữa khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản; hoạt động khai thác hải sản còn nhỏ lẻ và công nghệ khai thác lạc hậu. Công tác quản lý nguồn lợi thủy sản có lúc chưa chặt chẽ, tình trạng khai thác ven bờ quá mức vẫn diễn ra. Cơ sở hạ tầng hậu cần nghề cá còn hạn chế, ứng dụng KH-CN chưa cao và khả năng cạnh tranh của sản phẩm thủy sản còn thấp.

3.2.2.3. Chỉ đạo đẩy mạnh phát triển ngành hàng hải

Đà Nẵng có vị trí trung tâm trên trục giao thông huyết mạch Bắc - Nam bao gồm đường bộ, đường sắt, đường hàng không và đường biển; là điểm cuối trong hệ thống Hành lang kinh tế Đông - Tây đi qua các nước Thái Lan, Lào, Myanmar và Việt Nam. Bên cạnh đó, với vị trí địa lý thuận lợi là tiếp giáp biển, thành phố đã tận dụng phát triển các ngành nghề liên quan tới biển, khai thác tuyến đường biển để vận chuyển hàng hóa nội địa rất hiệu quả. Vì vậy, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng xác định kinh tế hàng hải là một lĩnh vực chính của phát triển kinh tế biển.

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng và tiếp tục thực hiện Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 27/3/2014 về thực hiện Đề án Phát triển ngành dịch vụ logistics thành phố Đà Nẵng đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020. Ngày 8/9/2017, UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 5245/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án phát triển ngành kinh tế biển thành phố Đà Nẵng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, mục tiêu:

Phát triển Đà Nẵng thành cảng tổng hợp quốc gia, cảng đầu mối khu vực (loại I), đến năm 2025 đảm nhận vai trò cảng cửa ngõ quốc tế ở khu vực miền Trung. Nâng cao số lượng lẫn chất lượng các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng hải trên địa bàn thành phố; đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ logistics giá trị gia tăng để nâng cao năng lực cạnh tranh [156, tr.11].

Để thực hiện mục tiêu trên, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng tập trung chỉ đạo phát triển Cảng Đà Nẵng theo 2 trụ cột: *Thứ nhất* là những hoạt động dịch vụ trong cảng, phát triển cảng Đà Nẵng theo hướng phục vụ tàu container, tàu khách, tàu chuyên dụng có trọng tải lớn (trong đó lấy tàu container là dịch vụ cốt lõi, thị trường mục tiêu của cảng là tàu container, tàu khách, tàu có trọng tải lớn). *Thứ hai* là dịch vụ ngoài cảng - dịch vụ logistics gồm: hệ thống kho bãi và các dịch vụ như đóng gói, dịch vụ phụ trợ vận tải, container, kho thuê hải quan, dịch vụ phân phối hàng đến kho thu hàng...

Để nâng cao chất lượng dịch vụ Cảng và vận tải biển, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng chú trọng chỉ đạo phát triển theo hướng nâng cao chất lượng và tính chuyên nghiệp, hướng tới cung cấp các dịch vụ trọn gói; nâng cao thị phần của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố trên thị trường. Phát triển theo hướng hiện đại hóa cả về số lượng và chất lượng đội tàu, dịch vụ chuyên dụng: tàu công vụ, hoa tiêu, lai dắt, bảo đảm hàng hải, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ hàng hải, nghiên cứu khoa học biển, thăm dò - khảo sát tài nguyên biển, du lịch, thể thao, giải trí và các loại tàu dịch vụ chuyên dụng khác. Đầu tư xây dựng các cảng cạn nhằm hỗ trợ cho hoạt động của Cảng biển Đà Nẵng.

Phát triển cảng Đà Nẵng trở thành cảng cửa ngõ quốc tế (Cảng đa năng với các loại hàng: hành khách, container, tổng hợp và hàng long) theo 2 khu vực Tiên Sa và Liên Chiểu. Trong đó, khu cảng Tiên Sa phục vụ hành khách, đầu tư khu bến chuyên biệt cho tàu du lịch. Khu cảng Liên Chiểu phục vụ hàng container, hàng tổng hợp (có hàng rời) và hàng lòng.

Thực hiện sự chỉ đạo của Thành ủy, UBND thành phố giao Sở Xây dựng phối hợp với các sở, ngành liên quan lập quy hoạch chi tiết và triển khai xây dựng trung tâm logistics Đà Nẵng. Xây dựng và ban hành đề án vận chuyển container giữa hai cảng Tiên Sa và cảng Liên Chiểu để giảm vận tải qua nội thành. Tiến hành phân luồng và điều tiết giao thông, giảm mâu thuẫn giữa vận tải và du lịch, cải thiện tốc độ di chuyển của các phương tiện. Ngoài ra UBND thành phố ban hành chính sách đảm bảo công bằng trong tiếp cận sử dụng kho bãi phục vụ vận tải, cho phép các doanh nghiệp logistic được quyền đấu thầu sử dụng quỹ đất dành cho phát triển logistics của thành phố. Quy định phí liên quan đến dịch vụ hàng hải để đảm bảo lợi ích tối ưu cho thành phố trong khai thác và phát triển kinh tế hàng hải. Đầu tư phát triển kho lạnh thương mại và kho lạnh ngoại quan (tại cảng hàng không và cảng biển theo như quy hoạch phát triển chế biến thủy sản toàn quốc đến 2020). Xúc tiến đầu tư xây dựng các cảng cạn để đáp ứng nhu cầu xuất, nhập khẩu

hàng hóa, nhu cầu vận chuyển hàng hóa qua hành lang kinh tế Đông - Tây, đặc biệt là hàng hóa được vận chuyển bằng container. Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực phục vụ dịch vụ logistics, bố trí nhân lực theo dõi và nghiên cứu thường xuyên nhằm tham mưu chính sách phát triển kinh tế hàng hải.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ thành phố, kinh tế hàng hải Đà Nẵng đạt được nhiều kết quả quan trọng. Năm 2015, sản lượng thông qua Cảng thực hiện được 5.333,6 nghìn tấn, trong đó: hàng nhập khẩu đạt 1.593,7 nghìn tấn, tăng; hàng xuất khẩu đạt 1.874,2 nghìn tấn [178].

Năm 2018, tổng sản lượng hàng hóa qua Cảng Đà Nẵng đạt 8,65 triệu tấn; trong đó sản lượng container đạt 370.000 TEUS; số lượng tàu cập cảng đạt 1.967 lượt, trong đó, tàu container đạt hơn 1.110 lượt. Cảng Đà Nẵng giữ vững vị thế là cảng số 1 tại miền Trung, là một trong 100 doanh nghiệp phát triển bền vững và 60 doanh nghiệp vì người lao động [172].

Đến năm 2020, tổng lượng hàng hóa qua cảng đạt 11,4 triệu tấn, sản lượng container đạt 554.000 Teus, tăng 17% so với năm 2019; lợi nhuận đạt 260 tỷ đồng, tăng gần 15%; doanh thu đạt 930 tỷ đồng [179].

Bên cạnh đó, thành phố Đà Nẵng còn tập trung đầu tư phát triển hạ tầng cảng biển như: Nâng cấp, mở rộng bến bãi, tăng năng suất khai thác, đầu tư trang thiết bị hiện đại, đồng bộ để Cảng Tiên Sa trở thành cảng container, cảng trung chuyển của khu vực; phát triển Cảng tổng hợp Thọ Quang; đầu tư xây dựng Cảng Sơn Trà, Trung tâm logistics (20 ha) tại huyện Hòa Vang; đầu tư hoàn thiện các tuyến đường phục vụ vận tải hàng hóa qua cảng; phát triển đội tàu vận tải biển trọng tải lớn để thực hiện chức năng vận chuyển hàng hóa lớn, vận chuyển container; triển khai lập Quy hoạch phát triển vận tải biển thành phố Đà Nẵng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 phù hợp với yêu cầu phát triển của thành phố.

Từ năm 2015 -2020, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình chỉ đạo phát triển ngành hàng hải vẫn còn một số hạn chế. Hệ thống cảng biển và dịch

vụ logistics phát triển chưa đồng bộ, quy mô khai thác còn hạn chế, chưa phát huy hết tiềm năng kinh tế biển của thành phố. Công tác kết nối giữa cảng biển với hạ tầng giao thông và các KCN chưa thật sự hiệu quả. Việc thu hút đầu tư vào lĩnh vực hàng hải còn gặp khó khăn, chất lượng nguồn nhân lực và ứng dụng KHCN trong quản lý, khai thác cảng biển chưa đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế.

3.2.2.4. Chỉ đạo đẩy mạnh xây dựng và phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất ven biển

Nhằm phát triển kinh tế biển toàn diện, Đảng bộ thành phố đặc biệt quan tâm chỉ đạo việc xây dựng các KCN, cụm khu công nghiệp, khu chế xuất và đô thị ven biển; xác định đây là nhiệm vụ quan trọng để thúc đẩy các ngành kinh tế biển của thành phố phát triển.

Đảng bộ thành phố chỉ đạo UBND thành phố Đà Nẵng phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tập trung rà soát, bổ sung quy hoạch cụm các KCN; trong đó tập trung ưu tiên các KCN công nghệ cao; hình thành hệ thống khu công nghiệp sinh thái, cụm công nghiệp sạch, thân thiện với môi trường gắn với hệ thống giao thông và cảng biển của thành phố để hướng mạnh vào công nghiệp chế biến, xuất khẩu. Tập trung nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm công nghiệp.

Đẩy mạnh phát triển và nâng công suất chế biến thủy sản theo hướng hiện đại và bền vững trên cơ sở phát huy lợi thế từ các nhóm sản phẩm chủ lực có dung lượng thị trường lớn, có lợi thế cạnh tranh và giá trị xuất khẩu cao. Giảm dần thu hút đầu tư các dự án mới về chế biến xuất khẩu sản phẩm thô; thúc đẩy đầu tư xử lý ô nhiễm môi trường trong các nhà máy chế biến hiện có; phát triển chế biến thủy sản phải đi đôi với bảo vệ môi trường. Xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm, thúc đẩy hình thành và phát triển các liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, nhanh chóng đưa các doanh nghiệp tham gia sâu vào chuỗi giá trị thực phẩm toàn cầu.

Thực hiện chỉ đạo của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng, đến năm 2020, Đà Nẵng đã hình thành được 6 cụm công nghiệp và khu công nghiệp, gồm: KCN Đà Nẵng, KCN Hòa Khánh, KCN Hòa Khánh mở rộng, KCN Liên Chiểu, KCN Hòa Cầm và Khu dịch vụ Thủy sản Đà Nẵng với tổng diện tích đất hơn 1.160,18 ha [171]. Trong 6 cụm khu công nghiệp, có 3 khu công nghiệp hoạt động phục vụ trực tiếp cho các ngành kinh tế biển như chế biến thủy, hải sản; logistics cảng biển là: KCN Hòa Khánh mở rộng, KCN Liên Chiểu và Khu dịch vụ thủy sản Đà Nẵng. Hoạt động của các KCN này góp phần đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển ngành kinh tế biển của thành phố. Các KCN này không chỉ cung cấp hạ tầng và mặt bằng sản xuất hiện đại cho các doanh nghiệp chế biến thủy - hải sản mà còn liên kết trực tiếp với hoạt động cảng biển, kho bãi, logistics và xuất nhập khẩu, tạo ra chuỗi giá trị khép kín từ khai thác đến chế biến và xuất khẩu. Nhờ vậy, các KCN ven biển góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành thủy sản, gia tăng giá trị xuất khẩu, đồng thời tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người dân ven biển. Ngoài ra, sự hiện diện của các KCN này còn thúc đẩy liên kết vùng giữa công nghiệp, dịch vụ và du lịch ven biển, góp phần hình thành nền kinh tế biển đa ngành, bền vững và có định hướng phát triển lâu dài. Các KCN ven biển không chỉ là trụ cột của công nghiệp địa phương mà còn là động lực quan trọng hỗ trợ phát triển toàn diện ngành kinh tế biển của Đà Nẵng.

Trong giai đoạn 2015–2020, công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển các khu KCN, cụm công nghiệp, khu chế xuất ven biển của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng vẫn còn một số hạn chế. Công tác quy hoạch phát triển chưa thật sự đồng bộ, việc thu hút đầu tư vào các ngành công nghệ cao và công nghiệp hỗ trợ còn hạn chế. Hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng kết nối ở một số KCN ven biển chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Công tác quản lý môi trường có thời điểm chưa chặt chẽ, nguy cơ ô nhiễm môi trường biển còn tồn tại. Sự liên kết giữa

các KCN với dịch vụ cảng biển và logistics chưa phát huy hiệu quả, làm giảm sức cạnh tranh và khả năng khai thác tiềm năng kinh tế biển của thành phố.

3.2.2.5. Chỉ đạo đẩy mạnh các lĩnh vực liên quan đến phát triển kinh tế biển

- *Công tác bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu:* Thực hiện chủ trương và chỉ đạo của Đảng bộ thành phố, ngày 1/10/2018, UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 33/2018/QĐ - UBND về việc Ban hành quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Đối với hoạt động bảo vệ môi trường biển và ven bờ, quyết định nêu rõ: Nghiêm cấm mọi hành vi xả thải, đổ bỏ hóa chất, chất thải chưa được xử lý hoặc bất kỳ hoạt động nào khác gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường biển và vùng ven bờ. Các nguồn phát thải từ đất liền, cũng như các hoạt động diễn ra trên biển và hải đảo, phải được kiểm soát, ngăn ngừa, giảm thiểu và xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Công tác phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trên biển và hải đảo phải được thực hiện trên cơ sở phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước, lực lượng cứu hộ - cứu nạn và các tổ chức, cá nhân có liên quan. Các tổ chức, cá nhân hoạt động trên biển và hải đảo phải có trách nhiệm chủ động trong việc ứng phó sự cố môi trường, đồng thời phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước và các bên liên quan để kịp thời xử lý, khắc phục hậu quả.

Để tổ chức triển khai hiệu quả công tác bảo vệ môi trường, Đảng bộ thành phố chỉ đạo UBND phối hợp với các sở, ban ngành tích cực giải quyết nạn ô nhiễm môi trường. Ngành chế biến thủy, hải sản đã tăng cường kiểm soát chặt chẽ các nguồn phát sinh chất thải đang gây ô nhiễm môi trường từ hoạt động chế biến hải sản trên địa bàn thành phố. UBND thành phố chỉ đạo các đơn vị hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở chế biến hải sản vay vốn từ Quỹ Bảo vệ môi trường Trung ương và của tỉnh để đầu tư xử lý chất thải đạt quy chuẩn môi trường. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục ý thức cộng đồng, huy

động sự tham gia của người dân, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội trong công tác bảo vệ môi trường. Chủ động đánh giá tác động môi trường, tiến hành đồng bộ các giải pháp nhằm giảm thiểu tác động môi trường trong phát triển du lịch, cảng biển, logistics và dịch vụ hậu cần nghề cá; đầu tư phương tiện, trang thiết bị và năng lực quản lý hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển, hải đảo.

Nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt và đồng bộ, thành phố từng bước hiện thực hóa mục tiêu xây dựng “Thành phố môi trường” - một mô hình phát triển bền vững, thân thiện với thiên nhiên và đáng sống.

- *Bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền biển đảo*: Đà Nẵng là địa phương có địa bàn chiến lược trọng yếu về QP, AN nên Đảng bộ thành phố luôn xác định đây là nhiệm vụ thường xuyên và liên tục. Để giữ vững QP, AN và chủ quyền quốc gia trên biển, Đảng bộ thành phố chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và giáo dục nhằm nâng cao tinh thần yêu nước, nhận thức về bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia. Chủ động phòng ngừa và vô hiệu hóa các âm mưu, hành vi chống phá từ các thế lực thù địch, đảm bảo không bị động hoặc bất ngờ trong mọi tình huống. Tăng cường tiềm lực QP, AN cả về cơ sở vật chất và thể trận; đầu tư xây dựng các công trình phòng thủ, đồng thời gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh. Phối hợp hiệu quả với Quân khu V và các lực lượng đóng quân trên địa bàn để thực hiện nghiêm túc các phương án, nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương. Nâng cao chất lượng công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức về QP, AN, chủ quyền biển đảo cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Chú trọng thực hiện đầy đủ chính sách hậu phương quân đội, cũng như các chế độ, quyền lợi đối với lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên.

Đảng bộ thành phố chủ trương đẩy mạnh khai thác xa bờ gắn với bảo vệ QP, AN, chủ quyền biển, đảo quốc gia. Thực hiện chỉ đạo của Đảng bộ thành phố, UBND cùng các lực lượng chức năng phát huy vai trò quản lý theo chính

sách, pháp luật của Nhà nước về khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản trong phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh; triển khai nhiều hoạt động thực thi bảo vệ chủ quyền biển đảo; bảo vệ, bảo hộ ngư dân đánh bắt cá hợp pháp trong vùng biển Việt Nam. Các tổ chức nghề cá như nghiệp đoàn, tổ đoàn kết, hợp tác xã, tổ hợp tác được củng cố, nhân rộng nhằm gắn kết hỗ trợ nhau trong khai thác hải sản xa bờ, cứu hộ, cứu nạn. UBND thành phố Đà Nẵng xây dựng và triển khai thực hiện tốt các chính sách, cơ chế đặc biệt hỗ trợ, khuyến khích ngư dân khai thác, đánh bắt thủy hải sản xa bờ trên các ngư trường truyền thống Hoàng Sa, Trường Sa, kết hợp phát triển kinh tế biển với nhiệm vụ bảo vệ lãnh hải quốc gia. Nhờ đó, kinh tế biển, trong đó có khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản ngày càng đóng vai trò quan trọng vào phát triển kinh tế, góp phần tăng cường tiềm lực QP,AN, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo.

Từ thực tế các chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản của Chính phủ và thành phố, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố xây dựng và đề xuất UBND thành phố trình HĐND thông qua Nghị quyết số 255/2019/NQ-HĐND, ngày 11/7/2019 về Quy định chính sách hỗ trợ phát triển xa bờ trên địa bàn thành phố trong giai đoạn từ năm 2019-2025. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để UBND thành phố triển khai chi ngân sách địa phương hỗ trợ nghề đánh bắt xa bờ cho ngư dân bám biển. Triển khai thực hiện Nghị quyết, “Thành phố sử dụng ngân sách hỗ trợ 40% bảo hiểm thân tàu cho các chủ tàu có hộ khẩu tại thành phố và nằm trong các tổ, đội đoàn kết khai thác xa bờ; hỗ trợ 100% kinh phí đầu tư, lắp đặt giám sát hành trình cho các tàu có chiều dài từ 15m trở lên; hỗ trợ thiết bị bảo quản hải sản và máy, thiết bị dùng trong khai thác hải sản” [173].

- *Mở rộng liên kết vùng và hợp tác quốc tế*: Liên kết vùng là một trong những yếu tố quan trọng để thúc đẩy phát triển KT-XH bền vững, đặc biệt đối với các địa phương ven biển như Đà Nẵng. Việc tăng cường hợp tác giữa các

tỉnh, thành phố trong khu vực không chỉ giúp khai thác hiệu quả các lợi thế về cảng biển, logistics, du lịch và nguồn lực lao động mà còn tạo điều kiện chia sẻ hạ tầng, công nghệ và kinh nghiệm quản lý. Liên kết vùng còn góp phần nâng cao khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường và khai thác tài nguyên biển - ven bờ một cách bền vững. Thông qua các cơ chế phối hợp, liên kết vùng giúp tạo ra giá trị kinh tế lớn hơn so với phát triển đơn lẻ từng địa phương, đồng thời thúc đẩy phát triển đồng đều và giảm khoảng cách chênh lệch giữa các khu vực, hướng tới mục tiêu tăng trưởng chung, ổn định và bền vững cho toàn vùng.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của liên kết vùng đối với phát triển kinh tế biển, Đảng bộ thành phố chỉ đạo UBND và các sở, ban, ngành triển khai đồng bộ các giải pháp. Chú trọng liên kết, phối hợp với các địa phương trong vùng phát triển công nghiệp, các KCN gần với biển và dịch vụ cảng. Liên kết, phối hợp nâng cao chất lượng ngành dịch vụ, du lịch nói chung, ngành du lịch biển nói riêng. Phối hợp với các tỉnh trong vùng nhằm phát triển du lịch biển trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn với sản phẩm đa dạng, hấp dẫn, đặc thù. Phối hợp phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế biển; gắn việc giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực với nhu cầu của thị trường lao động trong lĩnh vực kinh tế biển. Liên kết, phối hợp với các địa phương trong vùng thực hiện chính sách phòng chống, giảm nhẹ thiên tai trong phát triển kinh tế biển.

Thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Đảng bộ Thành phố chú trọng tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế, kết hợp với các nguồn nội lực, thế mạnh về biển của địa phương để tạo sức mạnh tổng hợp trong phát triển kinh tế biển. Với mục tiêu đẩy mạnh các hoạt động kinh tế, đối ngoại, hợp tác quốc tế để phát triển kinh tế biển, Thành ủy chỉ đạo UBND thành phố phối hợp với các sở, ban, ngành triển khai đồng bộ các giải pháp.

Trên cơ sở chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ thành phố, ngày 28/02/2020, UBND thành phố ban hành quyết định số 688/QĐ-UBND về việc ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 28 -CTr/TU. Kế hoạch hành động của UBND thành phố tập trung nâng cao vai trò, vị thế và uy tín của các sản phẩm của ngành kinh tế biển Đà Nẵng trên thị trường thế giới, góp phần quan trọng vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế đất nước. Chủ động tham gia có trách nhiệm vào giải quyết các vấn đề quốc tế về biển và đại dương. Mở rộng hợp tác quốc tế với các nước trong khu vực và thế giới để tìm kiếm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nghề cá, điều tra nguồn lợi ven bờ, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ kinh tế biển. Chủ động tham gia các diễn đàn quốc tế và khu vực, nhất là các hoạt động hợp tác biển trong khuôn khổ ASEAN. Đồng thời tiếp tục đẩy mạnh hợp tác, tranh thủ sự hỗ trợ của các đối tác, các tổ chức quốc tế và khu vực để phát triển nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng vùng biển, ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại vào các ngành kinh tế biển, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ thành phố, công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế đạt được nhiều kết quả quan trọng. Thành phố đã phối hợp tổ chức nhiều sự kiện lớn, quan trọng của khu vực và quốc tế như Đại hội Thể thao bãi biển Châu Á 2016 (ABG5), Đại Hội đồng Quỹ Môi trường toàn cầu lần thứ 6 (GEF6), đặc biệt là Tuần lễ Cấp cao Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương 2017 (APEC 2017) và các hoạt động bên lề, Diễn đàn đầu tư Đà Nẵng 2017[164]. Đặc biệt, Đà Nẵng trở thành địa chỉ tin cậy của các sự kiện lớn trong và ngoài nước như Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) tháng 11/2017, Lễ hội pháo hoa quốc tế thường niên kể từ năm 2008... Những kết quả đó góp phần quảng bá hình ảnh, thu hút đầu tư để phát triển kinh tế biển cho thành phố Đà Nẵng.

- *Phát triển khoa học công nghệ và nguồn nhân lực phát triển kinh tế biển:* Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành kinh tế biển trong thời kỳ

đẩy mạnh CNH, HĐH, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng luôn chú trọng đến nhiệm vụ phát triển KHCN. Thực hiện mục tiêu, đến năm 2020, tỷ lệ giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt 40% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp; tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị công nghệ đạt trên 20%/năm [61, tr.25], Thành ủy đã chỉ đạo UBND thành phố phối hợp với sở Khoa học và Công nghệ đẩy mạnh nghiên cứu khoa học nhằm phát huy tiềm năng kinh tế biển, bảo vệ tài nguyên và môi trường biển.

Trên cơ sở chủ trương của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng, ngày 18/12/2015, UBND thành phố ban hành Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND về quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thành phố Đà Nẵng, với nội dung xây dựng khung quản lý các đề tài, dự án KHCN trên địa bàn thành phố. Để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, ngày 9/1/2015, UBND thành phố ban hành Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND về quy chế khen thưởng trong hoạt động khoa học và công nghệ thành phố Đà Nẵng, nhằm thiết lập chính sách khuyến khích hoạt động KHCN phục vụ phát triển kinh tế biển.

Triển khai chỉ đạo của UBND, Sở Khoa học và Công nghệ đề ra các giải pháp cụ thể nhằm phát triển kinh tế biển trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH: Đẩy mạnh việc áp dụng các công nghệ tiên tiến và hiện đại nhằm tạo ra sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao và khai thác hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên biển. Thường xuyên nghiên cứu và đề xuất các mô hình sản xuất tối ưu, đồng thời đưa ra các giải pháp bảo vệ môi trường biển, giảm bớt áp lực từ các hoạt động kinh tế. Triển khai công nghệ tiên tiến trong quá trình khai thác, chế biến và bảo quản sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh, đồng thời thúc đẩy xuất khẩu. Nghiên cứu, áp dụng các công nghệ hiện đại trong khai thác cảng biển và vận chuyển hàng hóa để tăng năng lực lưu thông. Sử dụng các giải pháp công nghệ mới để cải thiện hệ thống thông tin liên lạc, bảo đảm an toàn cho con người và phương tiện trên biển. Ưu tiên đầu tư cho công tác khảo sát cơ bản về tài nguyên và môi trường biển, khuyến khích đổi

mới, sáng tạo và ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến, trong đó có công nghệ sinh học biển.

Xác định phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là nhân tố then chốt quyết định đến sự phát triển KT-XH nói chung và kinh tế biển nói riêng. Thực hiện chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ thành phố, UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt quy hoạch phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2016-2020, với quan điểm phát triển nguồn nhân lực phục vụ kinh tế biển đồng về số lượng, đảm bảo về chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển ngành kinh tế biển trong tình hình mới. Nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế biển, ngày 29/6/2017, UBND thành phố ban hành Quyết định số 3513/QĐ-UBND về việc Ban hành kế hoạch tổng thể triển khai chiến lược hội nhập quốc tế về lao động và xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, với mục tiêu nâng cao chất lượng hội nhập quốc tế nhất là chất lượng cuộc sống nhân dân và chất lượng nguồn nhân lực.

Triển khai thực hiện, UBND thành phố chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các sở, ngành liên quan tập trung đào tạo, cải thiện kỹ năng cho lao động trong lĩnh vực kinh tế biển. Đẩy mạnh các hình thức đào tạo kết hợp giữa lý thuyết và thực hành; khuyến khích các cơ sở giáo dục chuyên về lĩnh vực hàng hải như dịch vụ cảng và logistics. Xây dựng kế hoạch đào tạo mới và đào tạo lại nhằm bổ sung và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, đảm bảo đủ trình độ để đáp ứng yêu cầu phát triển ngành. Năm 2018, Sở du lịch thành phố Đà Nẵng đã phối hợp với Hội khách sạn, câu lạc bộ buồng phòng, cụ thể:

Tổ chức 06 lớp bồi dưỡng kiến thức định kỳ hướng dẫn viên, 10 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch cho đối tượng lái xe và phụ xe cấp 507 giấy chứng nhận; 02 lớp nghiệp vụ cho thuyền viên, nhân viên phục vụ trên tàu du lịch cấp 92 Chứng nhận nghiệp vụ; 03 lớp đào tạo nghiệp vụ buồng với 87 học viên, 03

lớp đào tạo nghiệp vụ lễ tân; 02 lớp đào tạo bổ sung nguồn hướng dẫn viên tiếng Nhật, Hàn với 60 học viên [127, tr.87].

Đồng thời, tổ chức các chuyến đi thực tế trong và ngoài nước để học hỏi kinh nghiệm về phát triển kinh tế biển và du lịch biển. Những chính sách này góp phần hỗ trợ ngư dân, lao động cảng biển, công nhân trong các khu công nghiệp ven biển và những người làm việc trong ngành du lịch tiếp cận công nghệ mới và nâng cao tay nghề, tăng hiệu quả khai thác, chế biến và dịch vụ liên quan đến kinh tế biển. Các chính sách còn tạo điều kiện cho việc phát triển đội ngũ quản lý, kỹ thuật và chuyên gia trong ngành, giúp Đà Nẵng hình thành nền kinh tế biển đa ngành, bền vững và cạnh tranh hơn trên thị trường quốc tế.

Trong giai đoạn 2015–2020, công tác chỉ đạo của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng trong các lĩnh vực bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm QP, AN, liên kết vùng, hợp tác quốc tế, phát triển KH-CN và nguồn nhân lực biển vẫn còn một số hạn chế. Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường có lúc chưa chặt chẽ, tình trạng ô nhiễm môi trường và suy giảm tài nguyên tại một số khu vực vẫn diễn ra. Hạ tầng và năng lực phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Việc kết hợp phát triển kinh tế biển với bảo đảm QP, AN có mặt chưa thật sự hiệu quả. Hoạt động liên kết vùng và hợp tác quốc tế chưa phát huy hết tiềm năng, thiếu các dự án mang tính đột phá và bền vững. Việc ứng dụng KH-CN vào phát triển kinh tế biển còn chậm, chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế.

Tiểu kết chương 3

Từ năm 2015 đến năm 2020, do tác động của tình hình thế giới, khu vực và trong nước, sự lãnh đạo của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng về phát triển kinh tế biển tuy có nhiều thuận lợi, song cũng gặp không ít khó khăn đan xen. Mặc dù phải đối mặt với nhiều thách thức, nhưng Đảng bộ thành phố đã tập trung lãnh đạo phát triển toàn diện kinh tế biển.

Đảng bộ thành phố Đà Nẵng luôn bám sát quan điểm, chủ trương của Đảng về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, vận dụng đúng đắn, sáng tạo vào thực tiễn địa phương một cách khoa học, kịp thời đề ra chủ trương phát triển kinh tế biển phù hợp với đặc điểm của thành phố. Trong quá trình chỉ đạo, Đảng bộ thành phố luôn sâu sát, kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Các ngành kinh tế biển như du lịch; khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản; kinh tế hàng hải... tiếp tục có sự phát triển ổn định. Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đã thành công trong lãnh đạo phát triển kinh tế biển, đặc biệt là định hướng phát triển ngành du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đóng góp quan trọng vào sự tăng trưởng KT -XH của thành phố Đà Nẵng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế biển của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn 2015-2020 còn tồn tại một số hạn chế: Một số chỉ tiêu kinh tế tuy có tăng trưởng, nhưng chưa đạt mục tiêu đề ra, tiềm năng, công suất cảng biển còn lãng phí, hiệu quả sử dụng chưa cao; du lịch phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của thành phố; hạ tầng giao thông kết nối hệ thống cảng chưa đồng bộ,... Đây cũng là những vấn đề cần được Đảng bộ thành phố quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao hơn nữa, để trong tương lai, kinh tế biển của thành phố thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, chủ đạo.

Chương 4

NHẬN XÉT VÀ KINH NGHIỆM

4.1. NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN TỪ NĂM 2007 ĐẾN NĂM 2020

4.1.1. Ưu điểm và nguyên nhân

4.1.1.1. Ưu điểm

Thứ nhất, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đã vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng để lãnh đạo phát triển kinh tế biển phù hợp với điều kiện thực tiễn của thành phố.

Từ năm 2007 đến năm 2020, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chú trọng lãnh đạo phát triển kinh tế biển của đất nước thông qua việc ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, chương trình và chiến lược mang tính định hướng tổng thể thúc đẩy kinh tế biển Việt Nam phát triển nhanh, bền vững.

Nhiều văn kiện của Đảng về phát triển kinh tế biển được ban hành như: Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 06/5/1993 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ phát triển kinh tế biển trong những năm trước mắt; Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 22/9/1997 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển theo hướng CNH, HĐH; Nghị quyết số 09-NQ/TW của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) ngày 9/2/2007 về Chiến lược Biển Việt Nam đến năm 2020. Đặc biệt, ngày 22/10/2018, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8 (khóa XII) thông qua Nghị quyết số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; trong đó, mục tiêu hướng tới là xây dựng Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về biển và khai thác hiệu quả tiềm năng từ biển. Cùng với các Nghị quyết chung, Bộ Chính trị đã ban hành các Nghị quyết riêng cho thành phố Đà Nẵng như: Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 16/10/2003 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ CNH, HĐH đất nước; Nghị quyết số 43-NQ/TW, ngày

24/1/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Các chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế biển là nền tảng quan trọng để Đảng bộ thành phố Đà Nẵng linh hoạt vận dụng, phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương, đồng thời định hướng phát triển kinh tế biển đáp ứng yêu cầu hội nhập và thực tiễn phát triển.

Quán triệt sâu sắc chủ trương và chính sách phát triển kinh tế biển của Đảng, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đã tổ chức học tập, triển khai nghị quyết đến các cấp ủy, cơ quan ngành, đặc biệt là các địa phương ven biển trên địa bàn thành phố. Công tác tuyên truyền được thực hiện hiệu quả nhằm nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và nhân dân thành phố Đà Nẵng, tạo sự đồng thuận xã hội trong phát triển kinh tế biển.

Trên cơ sở chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế biển, từ năm 2007 đến năm 2020, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đã xây dựng và hoàn thiện chủ trương phát triển kinh tế biển toàn diện, có chiều sâu. Với lợi thế về tiềm năng và vị trí địa lý, Đà Nẵng được xác định là địa phương có khả năng phát triển kinh tế biển. Vì vậy, ngay sau khi Ban Chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 9/2/2007 về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, Đảng bộ thành phố đã đề ra nhiều chủ trương nhằm khai thác tiềm năng, thế mạnh để đẩy phát triển kinh tế biển. Ngày 15/5/2007, Thành ủy Đà Nẵng ban hành Chương trình hành động số 13-CTr/TU thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 với quan điểm chỉ đạo: “Xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trung tâm kinh tế biển có tốc độ phát triển cao trên cơ sở phát triển kinh tế xã hội đi đôi với bảo vệ môi trường, đảm bảo phát triển bền vững” [138, tr.2]. Ngày 18/2/2019, Thành ủy Đà Nẵng ban hành Chương trình hành động số 28-CTr/TU về phát triển bền vững kinh tế biển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 với mục tiêu: Xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trung tâm kinh tế biển lớn của cả nước, đô thị biển quốc tế trên cơ

sở phát triển mạnh các ngành kinh tế biển, đảm bảo an sinh xã hội và bảo vệ môi trường, đảm bảo phát triển bền vững; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; ngăn chặn tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường biển, sạt lở bờ biển và biển xâm thực; phục hồi và bảo tồn các hệ sinh thái biển quan trọng.

Phát triển các khu công nghiệp ven biển được xem là lĩnh vực quan trọng trong phát triển các ngành kinh tế biển, do đó Đảng bộ thành phố chỉ đạo tập trung nguồn lực để phát triển khu công nghiệp ven biển thành khu vực phát triển năng động, làm động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của cả thành phố, trong đó lấy Khu công nghiệp công nghệ cao làm hạt nhân, phát triển công nghiệp đa ngành.

Phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng xác định du lịch và dịch vụ biển là ngành kinh tế mũi nhọn của kinh tế biển. Vì vậy, Thành ủy đã tập trung nguồn lực cho đầu tư phát triển hạ tầng du lịch một cách đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm; khuyến khích, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia phát triển du lịch sinh thái, thám hiểm khoa học, các khu du lịch nghỉ dưỡng biển cao cấp vùng ven biển đường Nguyễn Tất Thành, đường Võ Nguyên Giáp và Hoàng Sa - Trường Sa và trên bán đảo Sơn Trà. Để thu hút khách du lịch trong và ngoài nước. Đảng bộ thành phố chủ trương đa dạng hoá các sản phẩm, chuỗi sản phẩm, thương hiệu du lịch biển địa phương trên cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, phát huy giá trị văn hoá, lịch sử đặc sắc của các vùng, miền, kết nối với các tuyến du lịch trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây. Bên cạnh đó, công tác quảng bá, xúc tiến thương hiệu biển, đảo Đà Nẵng trên các kênh thông tin đại chúng và mạng xã hội được Đảng bộ thành phố quan tâm chỉ đạo.

Với định hướng phát triển ngành thủy sản trở thành ngành kinh tế mạnh, là 1 trong 5 trung tâm nghề cá lớn của cả nước, Đảng bộ thành phố chủ trương chuyển mạnh từ nuôi trồng, khai thác hải sản theo phương thức truyền thống sang công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao. Tổ chức lại hoạt động khai thác

hải sản theo hướng giảm khai thác gần bờ, đẩy mạnh khai thác tại các vùng biển xa bờ đi đôi với thực hiện đồng bộ, có hiệu quả công tác đào tạo, chuyển đổi nghề cho ngư dân. Kết hợp nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa bền vững, tăng cường bảo vệ, tái sinh nguồn lợi hải sản. Là địa phương có nhiều lợi thế để phát triển ngành hàng hải, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng xác định đây là ngành kinh tế tiềm năng của thành phố. Vì vậy, Đảng bộ thành phố luôn chú trọng thúc đẩy đầu tư xây dựng Cảng Đà Nẵng thành cảng trung chuyển hàng hóa lớn của cả nước.

Như vậy, so với trước năm 2007, nhận thức của Đảng bộ, chính quyền thành phố Đà Nẵng về phát triển kinh tế biển đã được hình thành về cơ bản, những chủ trương phát triển kinh tế biển của Đảng bộ thành phố thể hiện trên một số lĩnh vực kinh tế biển cơ bản đã cho thấy sự thay đổi trong tư duy làm kinh tế vốn phụ thuộc nhiều vào tài nguyên khoáng sản được khai thác từ nhiều năm trước, thay vào đó là việc tìm tòi phát huy các nguồn tài nguyên, lợi thế mới mà địa phương có tiềm năng trong đó có tiềm năng biển.

Sự phát triển nhận thức của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng về phát triển kinh tế biển thể hiện rõ qua hai giai đoạn: Từ năm 2007 đến năm 2015, chủ trương phát triển kinh tế biển của Đảng bộ thành phố đã được hình thành tương đối đầy đủ, tuy nhiên những chủ trương đó chủ yếu tập trung vào phát triển các lĩnh vực kinh tế biển riêng lẻ, chưa hình một cách có hệ thống. Từ năm 2015 đến năm 2020, Đảng bộ thành phố đã nhận thức rõ hơn vị trí, vai trò của kinh tế biển đối với sự phát triển KT-XH của thành phố. Chủ trương phát triển kinh tế biển được hình thành mang tính bao quát, có chiều sâu, tư duy hướng biển ngày một rõ ràng hơn. Đặc biệt sau khi có Nghị quyết số 36-NQ/TW của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) ngày 22/10/2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Đảng bộ thành phố đã đẩy mạnh công tác nghiên cứu, hoạch định chủ trương phát triển từng lĩnh vực kinh tế biển. Ngày 18/2/2019,

Thành ủy Đà Nẵng ban hành Chương trình hành động số 28-CTr/TU về phát triển bền vững kinh tế biển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đề ra mục tiêu, quan điểm phát triển kinh tế biển toàn diện trên nhiều lĩnh vực. Trong đó, phát triển kinh tế biển không chỉ dừng lại ở phát triển các ngành kinh tế biển mà còn gắn với các lĩnh vực liên quan đến biển như: bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng văn hóa biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển, cải thiện sinh kế và tăng thu nhập cho cư dân vùng ven biển; gắn phát triển kinh tế biển với bảo đảm quốc phòng, an ninh; mở rộng liên kết vùng và hợp tác quốc tế trong phát triển kinh tế biển; phát triển khoa học công nghệ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực biển...

Quá trình xây dựng và triển khai các chủ trương phát triển kinh tế biển của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng cho thấy nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của kinh tế biển ngày càng được nâng cao, hệ thống chính sách từng bước được bổ sung và hoàn thiện theo hướng đồng bộ, toàn diện hơn. Sự lãnh đạo của Đảng bộ thành phố về phát triển kinh tế biển đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện hiệu quả Chiến lược biển Việt Nam. Thực tiễn phát triển kinh tế biển tại Đà Nẵng từ năm 2007 đến năm 2020 cho thấy, các nghị quyết của Đảng đã dần được hiện thực hóa, mang lại hiệu quả KT-XH rõ nét, góp phần cải thiện đời sống người dân, nhất là cộng đồng ven biển, đồng thời tăng cường tiềm lực QP, AN trên địa bàn thành phố.

Thứ hai, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng chỉ đạo quyết liệt, linh hoạt, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm trong triển khai thực hiện phát triển kinh tế biển.

Sự quyết liệt trong chỉ đạo của Đảng bộ thành phố thể hiện ở chỗ nhanh chóng cụ thể hóa chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế biển vào thực tiễn của địa phương. Từ năm 2007 đến năm 2020, Thành ủy Đà Nẵng đã chủ động chỉ đạo UBND thành phố phối hợp với các bộ, ngành Trung ương xây dựng các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế biển, thể hiện bằng các văn bản chỉ đạo cụ thể, toàn diện trên nhiều lĩnh vực kinh tế biển.

Thực hiện Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, ngày 15/5/2007 Thành ủy ban hành Chương trình hành động số 13/CTr/TU về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020. Thực hiện chỉ đạo của Đảng bộ thành phố, ngày 12/10/2007, UBND thành phố ban hành Quyết định số 9763/QĐ-UBND về thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy.

Nhằm cụ thể hóa Nghị quyết số 36-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 8 (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, ngày 18/2/2019, Thành ủy ban hành Chương trình hành động số 28-Ctr/TU về phát triển bền vững kinh tế biển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trên cơ sở Chương trình hành động của Thành ủy, ngày 28/2/2020, UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 688/QĐ-UBND về việc Ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 28-Ctr/TU của Thành ủy về phát triển bền vững kinh tế biển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. UBND thành phố Đà Nẵng đã xây dựng kế hoạch chi tiết từ xác định mục tiêu, nhiệm vụ và đưa ra các giải pháp cụ thể thúc đẩy ngành kinh tế biển phát triển. Việc thúc đẩy phát huy thế mạnh của vùng biển, đảo chính là tiền đề vật chất quan trọng để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cư dân vùng biển, đảo đồng thời góp phần củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh. Việc ban hành các nghị quyết chuyên đề là điều kiện quan trọng cho Đảng bộ thành phố phân tích thấu đáo tiềm năng, thực trạng phát triển mỗi lĩnh vực kinh tế, từ đó đưa ra các giải pháp tổ chức thực hiện hiệu quả đối với mỗi lĩnh vực góp phần phát triển kinh tế biển toàn diện.

Ngoài việc quyết liệt trong việc ban hành chủ trương, chương trình kế hoạch, Đảng bộ thành phố còn tập trung huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển các ngành kinh tế biển. Công tác quy hoạch được chú trọng theo hướng đồng bộ, có tầm nhìn dài hạn nhằm bảo đảm sự liên kết giữa phát triển kinh tế

biển với hạ tầng giao thông và bảo vệ môi trường. Trong quá trình triển khai, Đảng bộ thành phố tăng cường quản lý công tác quy hoạch, siết chặt kỷ cương trong quản lý đất đai, đầu tư xây dựng và xử lý nghiêm các sai phạm. Điều đó góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và tạo động lực thúc đẩy các ngành kinh tế biển phát triển bền vững.

Sự linh hoạt trong chỉ đạo là ưu điểm nổi bật trong quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế biển của Đảng bộ thành phố. Trước những biến động của tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, cũng như yêu cầu mới đặt ra từ thực tiễn địa phương, Đảng bộ thành phố đã chủ động điều chỉnh mục tiêu, giải pháp và lộ trình phát triển cho phù hợp. Theo đó, ngoài tập trung phát triển các ngành kinh tế biển truyền thống như: khai thác thủy sản, cảng biển và dịch vụ hàng hải, thành phố đẩy mạnh phát triển các ngành du lịch biển, dịch vụ chất lượng cao, logistics. Sự linh hoạt trong chỉ đạo của Đảng bộ thành phố còn thể hiện qua việc kết hợp hài hòa giữa phát triển nhanh và phát triển bền vững, giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường biển và bảo đảm an sinh xã hội cho cư dân ven biển. Đây là nhân tố quan trọng giúp thành phố tận dụng tiềm năng, lợi thế biển để thúc đẩy phát triển kinh tế biển.

Trong quá trình chỉ đạo, Đảng bộ thành phố luôn thể hiện tính đồng bộ, xác định trọng tâm, trọng điểm. Điều đó giúp Đảng bộ thành phố Đà Nẵng khai thác hiệu quả tiềm năng và lợi thế biển. Sự đồng bộ trong chỉ đạo được thể hiện rõ qua việc gắn kết phát triển kinh tế biển với các lĩnh vực KT-XH khác và nhiệm vụ QP, AN. Đảng bộ thành phố đã lãnh đạo phát triển kinh tế biển không tách rời với quy hoạch không gian đô thị ven biển, phát triển hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực và quản lý tài nguyên, môi trường. Các ngành, các cấp được phân công nhiệm vụ cụ thể, phối hợp chặt chẽ trong quá trình triển khai, tạo nên sức mạnh tổng hợp trong phát triển kinh tế biển.

Để phát triển các ngành kinh tế biển có trọng tâm, trọng điểm, Đảng bộ thành phố chỉ đạo Quy hoạch phát triển kinh tế biển đến 2020; ban hành kế

hoạch để cụ thể hóa các mục tiêu chiến lược của quốc gia về kinh tế biển. Theo đó xác định các lĩnh vực ưu tiên phát triển như đánh bắt xa bờ, hệ thống cảng biển, logistics hàng hải, dịch vụ và du lịch gắn với biển. Mục tiêu trong chiến lược này là tối ưu nguồn lực địa phương, tạo ra chuỗi giá trị gia tăng liên quan đến biển và dịch vụ đi kèm. Đây là bước đi quan trọng nhằm tạo đồng thuận về chiến lược lâu dài, tránh phát triển “manh mún”.

Nhằm cải thiện điều kiện sản xuất cho cư dân nghề biển, thúc đẩy tăng giá trị sản lượng và giảm phụ thuộc khai thác ven bờ, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đã chỉ đạo xây dựng và triển khai các chính sách mang tính đột phá nhằm hỗ trợ hoạt động đánh bắt và phát triển ngư nghiệp. Tiêu biểu là chính sách hỗ trợ đóng mới, nâng cấp tàu cá được ban hành năm 2012; Quyết định số 7068/QĐ-UBND (2012) về hỗ trợ tài chính cho ngư dân đầu tư đóng mới tàu cá có công suất lớn, từ 400CV đến trên 800CV, với mức hỗ trợ từ 500 đến 800 triệu đồng cho mỗi cơ sở, tùy theo công suất tàu. Việc triển khai chính sách này đã góp phần quan trọng vào hiện đại hóa đội tàu khai thác xa bờ, nâng cao năng lực đánh bắt, đồng thời gia tăng hiệu quả khai thác và giá trị sản phẩm thủy sản của địa phương.

Để phát triển kinh tế thủy, hải sản gắn với bảo vệ tài nguyên biển, Đảng bộ thành phố chỉ đạo ưu tiên phát triển theo hướng bền vững, tập trung vào quản lý khai thác thủy sản hợp lý. Thành phố điều chỉnh hoạt động đánh bắt ven bờ để bảo tồn nguồn lợi, đồng thời khuyến khích ngư dân khai thác xa bờ, tránh khai thác quá mức gần bờ. Tiến hành hỗ trợ trang thiết bị, kỹ thuật và khả năng tiếp cận vốn cho ngư dân nhằm nâng cao năng lực sản xuất. Cách làm này giúp giảm áp lực lên nguồn thủy sản ven bờ, tăng giá trị sản phẩm và cải thiện năng lực cạnh tranh của ngành thủy sản địa phương.

Xác định hạ tầng kinh tế là vấn đề “then chốt” để thu hút các hoạt động kinh tế gắn với biển, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng chỉ đạo tập trung phát triển kết cấu hạ tầng cảng biển, logistics và gắn kết dịch vụ biển. Việc xây dựng và

mở rộng cảng cá - bến cá Thọ Quang (62 ha) với cảng cá, chợ đầu mối và khu neo đậu tàu đã tạo nền tảng cho tập kết, bảo quản, lưu thông hải sản, đồng thời hỗ trợ dịch vụ đóng mới, sửa chữa tàu. Thành phố cũng tăng cường kết nối cảng biển với đường bộ, vận tải thủy, hướng tới hình thành trung tâm dịch vụ hàng hải khu vực, thu hút đầu tư, đặc biệt là đầu tư nước ngoài, phục vụ phát triển kinh tế biển bền vững.

Đảng bộ thành phố chỉ đạo tăng cường hợp tác quản lý và nâng cao năng lực địa phương, nhằm cải thiện hiệu quả quản lý và tạo điều kiện thuận lợi cho các tác nhân kinh tế biển hoạt động. Theo đó, thành phố thắt chặt liên kết giữa chính quyền, doanh nghiệp và các tổ chức nghề cá, đồng thời tăng cường tuyên truyền, đào tạo kỹ năng nghề biển và an toàn khai thác, kết hợp với bảo vệ chủ quyền biển đảo trong quá trình phát triển KT-XH.

Công tác thu hút các nguồn lực đầu tư, đẩy mạnh ứng dụng KHCN và triển khai các hoạt động khảo sát, điều tra cơ bản về nguồn lợi biển luôn được Đảng bộ thành phố quan tâm và triển khai một cách có trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh tế biển. Đảng bộ thành phố tập trung xây dựng môi trường đầu tư thuận lợi, khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia vào các lĩnh vực như khai thác hải sản hiện đại, phát triển cảng biển - logistics, nuôi trồng thủy sản công nghệ cao và dịch vụ biển. Nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ về hạ tầng, tín dụng, chuyển giao công nghệ đã được ban hành nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp và ngư dân mạnh dạn đổi mới phương thức sản xuất.

Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đặc biệt chú trọng đưa tiến bộ KHCN vào các hoạt động khai thác, bảo quản sau thu hoạch, quan trắc môi trường biển và dự báo ngư trường. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, thiết bị giám sát hành trình, công nghệ số trong quản lý tàu thuyền và khai thác thủy sản đã góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm tổn thất và tăng tính bền vững. Thành phố cũng thường xuyên phối hợp với các viện nghiên cứu, trường đại

học triển khai các chương trình khảo sát, điều tra nguồn lợi thủy sản, đánh giá hiện trạng hệ sinh thái biển, qua đó làm cơ sở khoa học cho quy hoạch khai thác, bảo tồn và phục hồi tài nguyên biển. Đến năm 2020, về cơ bản những yếu tố này từng bước được hoàn thiện, điều đó góp phần phát huy được tiềm năng kinh tế biển, đồng thời đảm bảo sự cân bằng giữa khai thác và bảo vệ tài nguyên, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Bên cạnh đó, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng luôn chú trọng công tác sơ kết, tổng kết và tăng cường kiểm tra, giám sát. Trong quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế biển, luôn xác định công tác sơ kết, tổng kết, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các văn bản của Trung ương là một nhiệm vụ trọng tâm, góp phần bảo đảm sự thống nhất trong chỉ đạo và hiệu quả trong tổ chức thực hiện. Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng tiến hành tổng kết chuyên đề phát triển kinh tế biển trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (Báo cáo số 198-BC/TU của Thành ủy Đà Nẵng ngày 28/3/2013). Theo đó, việc tiến hành sơ kết, tổng kết được triển khai theo hướng toàn diện và có hệ thống, qua đó giúp nhận diện rõ mức độ phù hợp của các chủ trương, chính sách khi đi vào thực tế địa phương. Thông qua các báo cáo đánh giá định kỳ, thành phố kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế biển, từ đó đề xuất cơ chế điều chỉnh, bổ sung nhằm hoàn thiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo.

Hoạt động kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên, đồng bộ từ cấp thành phố đến cơ sở, bảo đảm các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương được quán triệt đầy đủ và thực thi nghiêm túc. Đảng bộ Đà Nẵng chú trọng kết hợp giữa kiểm tra theo kế hoạch với giám sát chuyên đề, đặc biệt là các lĩnh vực then chốt như khai thác hải sản, phát triển dịch vụ cảng biển, bảo

vệ môi trường biển và quản lý không gian ven bờ. Qua quá trình giám sát, nhiều mô hình hiệu quả được nhân rộng, đồng thời những thiếu sót, sai lệch trong tổ chức thực hiện được phát hiện sớm và xử lý kịp thời.

Nhờ duy trì cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ và hoạt động tổng kết, đánh giá khách quan, Đảng bộ thành phố đã tạo được nền tảng quan trọng để các chủ trương của Trung ương về phát triển kinh tế biển được triển khai thống nhất, đồng bộ và phù hợp với điều kiện thực tiễn của Đà Nẵng. Điều này không chỉ giúp nâng cao chất lượng công tác lãnh đạo mà còn góp phần phát huy tối đa tiềm năng biển đảo, thúc đẩy kinh tế biển phát triển theo hướng bền vững, hiện đại.

Thứ ba, sự lãnh đạo của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đã thúc đẩy kinh tế biển của thành phố phát triển, xây dựng Đà Nẵng thành địa phương làm giàu từ biển.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ thành phố, sự nỗ lực của cấp ủy, chính quyền và nhân dân, từ năm 2007 đến năm 2020 phát triển kinh tế biển đã đạt những kết quả quan trọng, cụ thể là:

Về phát triển các KCN, cụm KCN ven biển: Thực hiện chỉ đạo của Thành ủy Đà Nẵng, từ năm 2007 đến năm 2015, Đà Nẵng tiến hành quy hoạch các KCN, cụm công nghiệp gắn với không gian ven biển, nhằm khai thác lợi thế cảng biển, giao thông và vị trí trung tâm vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Các khu, cụm công nghiệp ven biển được quy hoạch và xây dựng chủ yếu tại những khu vực có điều kiện thuận lợi về giao thông đường biển và đường bộ, đặc biệt là khu vực phía Tây Bắc thành phố (quận Liên Chiểu), nơi tiếp giáp cảng biển và các trục giao thông huyết mạch. Mục tiêu chính là phục vụ công nghiệp chế biến, chế tạo, logistics và dịch vụ hậu cần cảng biển; tận dụng khả năng xuất nhập khẩu trực tiếp qua cảng, giảm chi phí vận chuyển cho doanh nghiệp. Các ngành nghề thu hút thiên về sản xuất truyền thống như: công nghiệp chế biến thủy sản, cơ khí lắp ráp, sản xuất vật liệu xây dựng... Những kết quả bước đầu đạt được góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo tiền đề cho

việc chuyển hướng sang công nghiệp công nghệ cao.

Giai đoạn từ 2015 đến năm 2020, đánh dấu sự chuyển biến quan trọng trong phát triển công nghiệp ven biển của thành phố Đà Nẵng, từ mô hình mở rộng không gian sản xuất sang nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính bền vững. Trên cơ sở 6 cụm công nghiệp và khu công nghiệp đã được hình thành (KCN Đà Nẵng, KCN Hòa Khánh, KCN Hòa Khánh mở rộng, KCN Liên Chiểu, KCN Hòa Cầm và Khu dịch vụ Thủy sản Đà Nẵng với tổng diện tích đất hơn 1.160,18ha), Đà Nẵng tập trung tái cơ cấu các KCN hiện hữu theo hướng ưu tiên các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao và ít ô nhiễm; giảm dần các ngành gây ô nhiễm môi trường; khuyến khích các ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao, cơ khí chính xác, điện - điện tử, logistics và dịch vụ cảng biển. Bên cạnh đó, Đà Nẵng còn tập trung hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật và cải thiện môi trường đầu tư. Nhờ vậy đến năm 2020, có 3 KCN là: KCN Hòa Khánh, KCN Đà Nẵng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng có tỷ lệ lấp đầy là 100%.

Việc hình thành mô hình đô thị biển - kinh tế biển tổng hợp là một điểm sáng trong quá trình lãnh đạo của Đảng bộ thành phố nhằm khai thác tiềm năng biển của Đà Nẵng. Mô hình này hướng đến việc kết hợp nhiều ngành kinh tế biển khác nhau như du lịch biển, dịch vụ cảng biển, logistics, khai thác và chế biến thủy sản, cũng như các hoạt động thương mại và dịch vụ ven biển. Với lợi thế sở hữu hệ thống bãi biển đẹp và tài nguyên biển phong phú, thành phố đã từng bước phát triển các khu đô thị ven biển gắn với các trung tâm du lịch, nghỉ dưỡng và dịch vụ hiện đại, tiêu biểu như khu vực ven biển tại Bãi biển Mỹ Khê và Bãi biển Non Nước. Sự kết hợp giữa phát triển đô thị và khai thác kinh tế biển đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao chất lượng hạ tầng và thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

Về phát triển du lịch và dịch vụ biển: Được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn của kinh tế biển, thành phố đã tập trung nguồn lực cho đầu tư phát triển hạ tầng du lịch một cách đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm. Khuyến khích,

tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia phát triển du lịch sinh thái, thám hiểm khoa học, các khu du lịch nghỉ dưỡng biển cao cấp vùng ven biển. Để thu hút khách du lịch trong và ngoài nước, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng chủ trương đa dạng hoá các sản phẩm, chuỗi sản phẩm, thương hiệu du lịch biển địa phương trên cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, phát huy giá trị văn hoá, lịch sử đặc sắc của các vùng, miền, kết nối với các tuyến du lịch trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây. Đảng bộ thành phố đã tập trung xây dựng và quảng bá hiệu quả thương hiệu biển, đảo Đà Nẵng trên các kênh thông tin đại chúng và mạng xã hội. Nhờ vậy, Đà Nẵng trở thành điểm đến hấp dẫn của khách du lịch trong nước và quốc tế.

So sánh kết quả của ngành du lịch qua 2 giai đoạn cho thấy: Giai đoạn 2007-2015, tổng số lượt khách đến Đà Nẵng tăng 3,58 triệu lượt khách (từ 1,02 triệu lượt khách năm 2007 lên 4,6 triệu lượt khách năm 2015) [Nguồn từ danh mục các bảng]. Doanh thu du lịch tăng 2.239 tỷ đồng (từ 369 tỷ đồng năm 2007 lên 2608 tỷ đồng năm 2015).

Giai đoạn từ 2015-2020, tổng lượng khách du lịch đến Đà Nẵng tăng 3,2 triệu lượt khách (từ 5,5 triệu lượt khách năm 2016 lên 8,7 triệu lượt khách năm 2019) [Nguồn từ danh mục các bảng]. Doanh thu du lịch tăng 14.890,2 tỷ đồng (từ 16.082,8 tỷ đồng năm 2016 lên 30.973 tỷ đồng năm 2019). Đến năm 2020, do chịu sự tác động của đại dịch Covid -19, tổng lượt khách du lịch đến Đà Nẵng bị giảm sút, tổng lượt khách do cơ sở lưu trú phục vụ ước đạt 2,67 triệu lượt, giảm hơn 64% so với năm 2019, trong đó khách quốc tế ước đạt 703 nghìn lượt, chỉ bằng 24,5% năm 2019 [176]. So với tỉnh Thừa Thiên Huế, năm 2020, tổng lượng khách đến Huế đạt 1.603.456 lượt, đạt 35,7% so với cùng kỳ năm 2019; trong đó khách quốc tế đạt 556.377 lượt, đạt 28,6% so với năm 2019” [173], lượng khách đến Đà Nẵng nhiều hơn 1 triệu lượt khách. So với tỉnh Khánh Hòa, “năm 2019 lượng khách đến Khánh Hòa đạt hơn 7 triệu lượt, tăng 13,3% so với năm 2018, trong đó khách quốc tế đạt 3,5 triệu lượt, tăng 27,5%.

Doanh thu du lịch ước đạt 27.100 tỷ đồng” [176]. Như vậy, lượng khách du lịch đến Đà Nẵng nhiều hơn 1,7 triệu lượt; doanh thu nhiều hơn 300.000 tỷ đồng.

Sản phẩm du lịch của thành phố được chú trọng đầu tư và phát triển đa dạng, chất lượng dịch vụ du lịch ngày càng được củng cố và nâng cao, cơ bản đáp ứng nhu cầu cũng như thị hiếu của du khách. Nhiều sản phẩm du lịch mới đã được hình thành như quần thể du lịch sinh thái Bà Nà - Suối Mơ, bán đảo Sơn Trà, các khu du lịch Hòa Phú Thành, Phước Nhơn, Công viên suối khoáng nóng Núi Thần Tài, hay Công viên Châu Á. Thành phố cũng thường xuyên tổ chức các sự kiện, lễ hội dọc hai bên bờ sông Hàn và chương trình biểu diễn nghệ thuật “Đà Nẵng quyến rũ”, góp phần tạo nên điểm nhấn văn hóa đặc sắc.

Đà Nẵng còn trở thành điểm đến uy tín của nhiều sự kiện lớn trong nước và quốc tế như Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) năm 2017, hay Lễ hội pháo hoa quốc tế được tổ chức thường niên từ năm 2008. Năm 2016, thành phố được độc giả tạp chí *Smart Travel Asia* bình chọn vào Top 10 điểm nghỉ dưỡng hàng đầu châu Á. Đến năm 2018, *Business Insider* xếp Đà Nẵng vào danh sách những điểm đến nên khám phá trước khi trở nên quá nổi tiếng. Theo *Nikkei* (Nhật Bản), trong bảng xếp hạng điểm đến du lịch năm 2018 của Airbnb, Đà Nẵng đứng thứ 5 toàn cầu và dẫn đầu khu vực Đông Nam Á về mức độ thu hút du khách. Cũng trong năm này, hình ảnh Cầu Vàng gây tiếng vang lớn và được truyền thông quốc tế ca ngợi rộng rãi. Đặc biệt, năm 2019, *The New York Times* ví Đà Nẵng như “Miami của Việt Nam”, được xếp ở vị trí thứ 15 trong danh sách 52 điểm đến hấp dẫn nhất thế giới.

Với sản phẩm du lịch phong phú, Đà Nẵng đã thu hút lượng khách du lịch dừng chân lâu hơn, từ đó góp phần tăng doanh thu cho ngành du lịch. Đà Nẵng cũng đã hình thành mô hình phát triển du lịch biển - dịch vụ ven biển. Mô hình này tổ chức triển khai các hoạt động thể thao biển, nghỉ dưỡng biển, du

lịch sinh thái biển, du lịch thuyền nhằm khai thác tối đa tiềm năng các bãi biển nổi tiếng như: Mỹ Khê, Non Nước, Nam Ô. Những kết quả trên cho thấy du lịch của Đà Nẵng đã vươn lên tầm quốc tế, góp phần khẳng định hình ảnh một thành phố yên bình, an toàn, có trật tự xã hội tốt và là điểm đến đáng tin cậy đối với du khách khắp nơi trên thế giới.

Về phát triển ngành thủy sản: Với định hướng phát triển ngành thủy sản trở thành ngành kinh tế mạnh của cả nước, từ năm 2007 đến năm 2020, thành phố Đà Nẵng chủ trương chuyển mạnh từ nuôi trồng, khai thác hải sản theo phương thức truyền thống sang công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao. Tổ chức lại hoạt động khai thác hải sản theo hướng giảm khai thác gần bờ, đẩy mạnh khai thác tại các vùng biển xa bờ đi đôi với thực hiện đồng bộ, có hiệu quả công tác đào tạo, chuyển đổi nghề cho ngư dân. Kết hợp nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa bền vững, tăng cường bảo vệ, tái sinh nguồn lợi hải sản. Các mô hình khai thác và chế biến thủy sản, mô hình liên kết ngư dân - hợp tác xã khai thác biển được hình thành góp phần tăng giá trị sản phẩm, nâng cao hiệu quả khai thác và an toàn cho người dân.

Nhờ vậy, ngành thủy sản phát triển cả về nuôi trồng và đánh bắt. Theo số liệu thống kê, năm 2010 sản lượng khai thác thủy sản ở Đà Nẵng đạt 35.940 tấn; đến năm 2015 sản lượng khai thác thủy sản có giảm nhẹ, đạt 33.773 tấn. Giai đoạn từ 2016-2020, sản lượng khai thác thủy sản 5 năm đạt 214.464 tấn, bình quân đạt 42.892 tấn/năm. Sản lượng khai thác cá chọn (chủ yếu các loại cá: cá ngừ, dưa, chuồn, cò, nục) chiếm tỷ trọng cao, từ 66% - 75% [175].

Về kinh tế hàng hải: Thực hiện chỉ đạo của Đảng bộ thành phố, kinh tế hàng hải Đà Nẵng đạt được nhiều kết quả quan trọng, sản lượng hàng hóa qua cảng tăng mạnh qua các năm. Cụ thể: Năm 2010, sản lượng hàng hóa qua cảng là 1.600.000 tấn; tổng doanh thu gần 110 tỷ đồng[172]. Năm 2015, sản lượng hàng hóa qua Cảng Đà Nẵng đạt trên 6,4 triệu tấn, sản lượng hàng container năm 2015 đạt 258.000 Teus; doanh thu đạt 525 tỷ đồng[173]. Đến năm 2020,

tổng lượng hàng hóa qua cảng đạt 11,4 triệu tấn, sản lượng container đạt 554.000 Teus; doanh thu đạt 930 tỷ đồng [179].

So sánh với cảng Quy Nhơn (Bình Định) một trong 3 cảng lớn của khu vực miền Trung cho thấy, trong giai đoạn từ 2015-2020, cảng Đà Nẵng có tổng sản lượng hàng hóa qua cảng tương đương với cảng Quy Nhơn (11 triệu tấn năm 2020 [180]), nhưng cảng Đà Nẵng phát triển mạnh hơn về container, là thị trường chính tâm cung cấp dịch vụ này ở miền Trung; cảng Quy Nhơn tăng trưởng tốt về tổng khối lượng hàng hóa, nhưng lượng container thấp hơn nhiều.

Công tác thu hút đầu tư phát triển hạ tầng cảng biển được Đảng bộ thành phố chú trọng theo hướng nâng cấp, mở rộng bến bãi, tăng năng suất khai thác, đầu tư trang thiết bị hiện đại, đồng bộ để Cảng Tiên Sa trở thành cảng container, cảng trung chuyển của khu vực. Phát triển Cảng tổng hợp Thọ Quang. đầu tư xây dựng Cảng Sơn Trà, Trung tâm logistics (20 ha) tại huyện Hòa Vang. Đầu tư hoàn thiện các tuyến đường phục vụ vận tải hàng hóa qua cảng; phát triển đội tàu vận tải biển trọng tải lớn để thực hiện chức năng vận chuyển hàng hóa lớn, vận chuyển container; triển khai lập Quy hoạch phát triển vận tải biển thành phố Đà Nẵng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 phù hợp với yêu cầu phát triển của thành phố.

Về phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm QP, AN: Trong quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế biển, việc kết hợp nhiệm vụ phát triển kinh tế biển với xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân luôn được các cấp ủy, chính quyền coi trọng. Từ năm 2007 đến năm 2020 trong quá trình chỉ đạo phát triển kinh tế biển, Đảng bộ thành phố luôn quan tâm chỉ đạo, đưa ra các giải pháp cụ thể trong việc gắn kết nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế với đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh ở mọi lĩnh vực đặc biệt là hoạt động khai thác hải sản, xây dựng KT-XH vùng đảo hướng tới xây dựng vùng biên giới biển an toàn góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

Về công tác bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu: Trong lãnh đạo phát triển kinh tế biển, các cấp ủy, chính quyền đã chú trọng kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên và ứng phó với biến đổi khí hậu. Việc quản lý, khai thác tài nguyên biển ngày càng theo hướng bền vững, môi trường biển được cải thiện, đồng thời nâng cao khả năng thích ứng của khu vực ven biển trước tác động của biến đổi khí hậu. Những kết quả này không chỉ thúc đẩy phát triển kinh tế biển hiệu quả mà còn góp phần bảo đảm phát triển bền vững, hài hòa giữa kinh tế, môi trường và xã hội.

Về mở rộng liên kết vùng và hợp tác quốc tế: Từ năm 2007 đến năm 2020, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng chủ động tăng cường liên kết với các địa phương ven biển miền Trung trong khai thác tiềm năng biển, phát triển hệ thống cảng biển, logistics, du lịch biển và dịch vụ hàng hải. Đồng thời, Đảng bộ thành phố chủ trương đẩy mạnh hợp tác quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực kinh tế biển, tiếp nhận kinh nghiệm quản lý, công nghệ hiện đại gắn với bảo vệ môi trường biển. Những kết quả này góp phần nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế biển, mở rộng không gian phát triển và từng bước khẳng định vai trò trung tâm kinh tế biển của khu vực miền Trung.

Về nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế biển: Từ năm 2007 đến năm 2020, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đã quan tâm lãnh đạo phát triển đội ngũ lao động có trình độ, đáp ứng yêu cầu của các ngành kinh tế biển. Thành phố chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trong các lĩnh vực du lịch biển, dịch vụ cảng biển, logistics, khai thác và nuôi trồng thủy sản, từng bước nâng cao chất lượng lao động gắn với ứng dụng KHCN. Nhờ đó, nguồn nhân lực phục vụ kinh tế biển không ngừng được củng cố, góp phần nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của kinh tế biển trên địa bàn.

4.1.1.2. Nguyên nhân của ưu điểm

Những thành tựu mà Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đạt được trong lãnh

đạo phát triển kinh tế biển từ năm 2007 đến năm 2020 bắt nguồn từ những nguyên nhân sau:

Thứ nhất, Đà Nẵng là địa phương giàu tiềm năng phát triển kinh tế biển,

Thành phố Đà Nẵng có đường bờ biển dài và đẹp, có cảng nước sâu, kín gió; có vùng đặc quyền kinh tế trên 15.000 km² rất thuận lợi cho việc phát triển kinh tế hàng hải, du lịch, khai thác và chế biến hải sản. Có quần đảo Hoàng Sa với tiềm năng kinh tế lớn và vị trí quốc phòng đặc biệt quan trọng. Là cửa ngõ ra biển của Tây Nguyên, Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanmar và các nước vùng Đông Bắc Á thông qua tuyến hành lang kinh tế Đông – Tây. Đây là những. Điều kiện tự nhiên thuận lợi, cư dân Đà Nẵng có kinh nghiệm vươn khơi, bám biển từ lâu đời là tiềm năng lớn để phát triển kinh tế biển.

Thứ hai, có sự quan tâm của Đảng và Nhà nước

Phát triển kinh tế biển luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm thông qua việc ban hành nhiều chủ trương, chính sách và chiến lược nhằm định hướng, lãnh đạo các địa phương triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn. Đây là cơ sở quan trọng để Đảng bộ thành phố Đà Nẵng quán triệt và xây dựng chủ trương phát triển kinh tế biển của địa phương. Đặc biệt, sau khi ban hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về Chiến lược Biển Việt Nam đến năm 2020 và Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 các bộ, ngành Trung ương đã tích cực phối hợp, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện về cơ chế, chính sách và nguồn lực để Đà Nẵng triển khai hiệu quả chiến lược phát triển kinh tế biển.

Thứ ba, sự chủ động sáng tạo của Đảng bộ thành phố trong lãnh đạo phát triển kinh tế biển

Trong quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế biển Đảng bộ thành phố Đà Nẵng luôn quán triệt sâu sắc và bám sát các quan điểm, chủ trương, đường lối

của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị, đặc biệt là những định hướng chiến lược về phát triển bền vững kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia. Trên cơ sở đó, Đảng bộ thành phố đã chủ động cụ thể hóa và vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo các chủ trương của Trung ương vào điều kiện thực tiễn của địa phương, từ đặc điểm vị trí địa lý, tiềm năng biển đến trình độ phát triển KT-XH của thành phố, đề ra những chủ trương, chính sách và giải pháp phù hợp, khả thi và có tính dài hạn.

Trong tổ chức thực hiện, Đảng bộ thành phố luôn thể hiện tư duy đổi mới, sự nhạy bén và tinh thần quyết liệt trong chỉ đạo, thường xuyên theo dõi sát diễn biến thực tiễn, kịp thời điều chỉnh chủ trương và biện pháp lãnh đạo nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển trong từng giai đoạn. Trước những vấn đề mới, phức tạp nảy sinh trong phát triển kinh tế biển như thu hút đầu tư, quản lý không gian biển - ven biển, bảo vệ môi trường và đảm bảo QP, AN, Đảng bộ thành phố đã kịp thời ban hành những chỉ đạo đúng đắn, đồng bộ và hiệu quả, góp phần tháo gỡ khó khăn, tạo động lực thúc đẩy kinh tế biển của Đà Nẵng phát triển theo hướng hiện đại, bền vững và gắn chặt với mục tiêu xây dựng thành phố biển năng động, giàu bản sắc.

Đảng bộ thành phố Đà Nẵng luôn xác định công tác thông tin, tuyên truyền về biển, đảo và kinh tế biển là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên và lâu dài, gắn chặt giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh và chủ quyền quốc gia. Trên cơ sở đó, Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ nhiều hình thức tuyên truyền, giáo dục, làm sâu sắc nhận thức về vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của biển, đảo đối với sự nghiệp phát triển KT-XH và bảo vệ Tổ quốc. Nội dung tuyên truyền không chỉ làm rõ tiềm năng, lợi thế của kinh tế biển mà còn nhấn mạnh trách nhiệm của mỗi tổ chức, cá nhân trong việc giữ gìn chủ quyền, an ninh, trật tự và môi trường biển.

Thông qua công tác tuyên truyền, nhận thức chính trị và ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là đội ngũ ngư

dân, ngày càng được nâng cao. Đảng bộ thành phố đã góp phần phát huy vai trò chủ thể của nhân dân trong tham gia phát triển kinh tế biển, khai thác, nuôi trồng thủy sản gắn với bảo vệ nguồn lợi và môi trường, đồng thời xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân trên biển. Qua đó, tạo sự thống nhất cao về tư tưởng và hành động trong toàn xã hội, hình thành sức mạnh tổng hợp để vừa thúc đẩy phát triển kinh tế biển bền vững, vừa góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Đảng bộ thành phố luôn đặc biệt quan tâm và tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo việc đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, thăm dò và điều tra cơ bản về biển như một khâu nền tảng, có ý nghĩa quyết định đối với quá trình hoạch định và tổ chức thực hiện các chủ trương phát triển kinh tế biển. Trên cơ sở nhận thức rõ vai trò của KHCB và dữ liệu điều tra cơ bản, Đảng bộ thành phố đã định hướng huy động các cơ quan chuyên môn, cơ sở nghiên cứu, đội ngũ trí thức và sự phối hợp với các bộ, ngành Trung ương để từng bước làm rõ tiềm năng, lợi thế, hiện trạng tài nguyên, môi trường biển và vùng ven biển của thành phố.

Kết quả nghiên cứu, khảo sát và điều tra cơ bản về biển đã cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn quan trọng cho việc xây dựng quy hoạch, chiến lược và các chương trình, dự án phát triển kinh tế biển phù hợp với điều kiện địa phương, bảo đảm tính khả thi và hiệu quả lâu dài. Các hoạt động này còn góp phần nâng cao năng lực quản lý nhà nước về biển, chủ động phòng ngừa rủi ro, bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, qua đó gắn kết chặt chẽ giữa mục tiêu phát triển kinh tế biển với yêu cầu củng cố QP, AN và bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo.

Đảng bộ thành phố luôn chú trọng công tác sơ kết và tổng kết một cách thường xuyên, toàn diện các hoạt động phát triển kinh tế biển, coi đây là một khâu quan trọng trong quá trình lãnh đạo và hoạch định chính sách. Việc tổng kết không chỉ dừng lại ở đánh giá kết quả, mà còn tập trung nhận diện những khó khăn, hạn chế, vướng mắc và những thách thức mới phát sinh trong thực tiễn, từ

đó kịp thời đề xuất các định hướng, chính sách và giải pháp khả thi, đồng bộ nhằm phát triển kinh tế biển. Thông qua công tác sơ kết, tổng kết đã góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, tạo sự chủ động trong việc điều chỉnh, bổ sung các chủ trương và biện pháp, đồng thời góp phần hình thành cơ sở dữ liệu, luận cứ khoa học phục vụ hoạch định chiến lược dài hạn. Nhờ đó, việc phát triển kinh tế biển của Đà Nẵng không chỉ được triển khai có bài bản, phù hợp với đặc thù địa phương mà còn đảm bảo tính bền vững, đúng định hướng.

4.1.2. Hạn chế và nguyên nhân

4.1.2.1. Hạn chế

- Trong hoạch định chủ trương về phát triển kinh tế biển

Trong những năm 2007 - 2010, mặc dù Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành *Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*, nhưng Đảng bộ thành phố Đà Nẵng chưa thực sự tập trung lãnh đạo khai thác, phát huy tiềm năng thế mạnh của một địa phương ven biển giàu tài nguyên và tiềm năng phát triển kinh tế biển. Đảng bộ thành phố mới chỉ dừng ở chủ trương phát triển một số lĩnh vực kinh tế biển như thủy sản, du lịch biển, hoạt động hàng hải nhưng còn mang tư duy manh mún, rời rạc, thiếu tư duy chặt chẽ, thiếu sự liên kết giữa các lĩnh vực kinh tế trong tổng thể cơ cấu kinh tế biển. Nhận thức chưa đủ rõ ràng về vị trí, vai trò của biển đối với sự phát triển của địa phương đã làm mất đi cơ hội hình thành một ngành kinh tế biển mạnh mẽ. Từ năm 2010 đến năm 2015, mặc dù nhận thức về vai trò của kinh tế biển đối với sự phát triển KT-XH của địa phương đã bắt đầu được chú trọng. Tuy nhiên Đảng bộ thành phố vẫn chưa thấy rõ sự quyết tâm, đột phá trong thực hiện chiến lược hướng mạnh ra biển, vươn biển trong bối cảnh nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trong khu vực và trên thế giới đã vươn biển mạnh mẽ. Trên thực tế, từ năm 2010-2015, chưa thấy có nhiều tính đột phá trong tư duy làm kinh tế biển của Đảng bộ thành phố, nhận thức về phát triển kinh tế biển vẫn dừng ở tư duy phát triển riêng lẻ từng lĩnh vực kinh tế biển.

Phải đến khi Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được ban hành; Đảng bộ thành phố Đà Nẵng mới thực sự hướng đến tư duy phát triển kinh tế biển mạnh mẽ, toàn diện, coi kinh tế biển là ngành kinh tế tổng hợp và xác định Đà Nẵng sẽ làm giàu từ biển, mạnh lên từ biển. Các nội dung về mục tiêu, giải pháp để phát triển kinh tế biển bền vững mới được làm sáng rõ hơn, cụ thể hơn.

- Trong chỉ đạo thực hiện

Sự chỉ đạo của Đảng bộ thành phố đối với công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực kinh tế biển chưa chặt chẽ. Phát triển kinh tế biển được Đảng bộ thành phố xác định là một trong những trụ cột quan trọng trong chiến lược phát triển KT-XH, song công tác quản lý nhà nước về kinh tế biển vẫn còn những hạn chế nhất định. Mặc dù Chi cục quản lý Biển và Hải đảo được thành lập theo Quyết định số 3004/QĐ-UBND ngày 9/4/2012, tuy nhiên hoạt động của Chi cục chưa thực sự rõ ràng và thiếu tính chuyên nghiệp, chưa thực sự trở thành cơ quan tham mưu cho UBND thành phố trong chỉ đạo phát triển kinh tế biển. Trên thực tế, vấn đề quản lý, phát triển các ngành kinh tế biển do rất nhiều đơn vị tham gia quản lý: Ngành thủy, hải sản do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý; ngành hàng hải do Sở Công thương và Sở Giao thông vận tải quản lý; ngành du lịch biển do Sở Du lịch quản lý...điều đó dẫn đến sự chồng chéo, không thống nhất trong công tác quản lý và hoạt động của các ngành kinh tế biển.

Hệ thống cơ chế, chính sách liên quan đến khai thác và phát triển kinh tế biển chưa thật sự đồng bộ, khiến việc triển khai ở các cấp còn thiếu tính thống nhất. Một số quy hoạch phát triển biển và vùng ven biển còn chậm điều chỉnh, chưa theo kịp yêu cầu phát triển mới, dẫn tới tình trạng chồng chéo trong sử dụng không gian biển. Công tác phối hợp giữa các sở, ngành và chính quyền địa phương ven biển đôi khi chưa hiệu quả, đặc biệt trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra,

nguồn nhân lực phục vụ quản lý nhà nước về kinh tế biển còn thiếu về số lượng và hạn chế về chuyên môn, làm giảm hiệu lực thực thi chính sách. Những yếu tố này đã ảnh hưởng nhất định đến khả năng phát huy tiềm năng biển của thành phố một cách bền vững và toàn diện.

Công tác quy hoạch và định hướng phát triển các ngành kinh tế biển còn bộc lộ những hạn chế nhất định, chưa bảo đảm tính đồng bộ và ổn định lâu dài. Thực hiện chủ trương phát triển kinh tế biển của Đảng Cộng sản Việt Nam, từ năm 2007 đến năm 2020, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đã quan tâm chỉ đạo công tác quy hoạch, đầu tư, quản lý các lĩnh vực liên quan đến phát triển kinh tế biển. Tuy nhiên, đến năm 2020, công tác quy hoạch vẫn chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ. Việc quy hoạch các khu công nghiệp, khu chế biến thủy sản, khu du lịch...còn chung chung, chưa công khai, minh bạch...dẫn đến khó khăn cho nhân dân và các nhà đầu tư. Nhiều công trình sử dụng ngân sách nhà nước để xây dựng còn chậm tiến độ gây thất thoát và lãng phí lớn.

Quy hoạch không gian biển chưa thật sự đồng bộ, thiếu tính liên kết vùng và tầm nhìn dài hạn, dẫn đến tình trạng chồng chéo trong khai thác và sử dụng tài nguyên biển. Nguồn vốn đầu tư cho các dự án hạ tầng cảng biển, khu du lịch ven biển và bảo vệ môi trường biển còn phân tán, chưa tương xứng với tiềm năng của thành phố. Công tác quản lý nhà nước về kinh tế biển vẫn còn hạn chế về năng lực dự báo, thanh tra, giám sát; cơ chế phối hợp giữa các ngành, địa phương trong quản lý vùng biển chưa hiệu quả. Bên cạnh đó, việc ứng dụng KHCN trong quản lý và khai thác tài nguyên biển còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Những hạn chế này đặt ra yêu cầu Đà Nẵng cần tiếp tục đổi mới tư duy quy hoạch, tăng cường đầu tư có trọng điểm và hoàn thiện cơ chế quản lý tổng hợp để phát huy tối đa tiềm năng kinh tế biển trong giai đoạn tới.

Chưa khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của địa phương vào phát triển kinh tế biển. Là địa phương có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế biển,

bao gồm vị trí địa lý chiến lược, nguồn lợi thủy sản phong phú, cảnh quan ven biển đa dạng và khả năng kết nối giao thương rộng mở, nhưng việc khai thác các tiềm năng này trong thực tiễn vẫn còn hạn chế. Các ngành kinh tế chủ lực gắn với biển như nuôi trồng khai thác thủy sản, dịch vụ hậu cần nghề cá, vận tải và cảng biển, du lịch biển và công nghiệp chế biến chưa được đầu tư đồng bộ, thiếu sự liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị. Hạ tầng kỹ thuật phục vụ kinh tế biển phát triển chậm, chưa đáp ứng yêu cầu của quá trình hiện đại hóa và hội nhập. Công tác quy hoạch không gian biển còn bất cập, chưa định hướng rõ vai trò và lợi thế từng khu vực, dẫn đến tình trạng nguồn lực bị phân tán và sử dụng chưa hiệu quả. Những hạn chế này khiến địa phương chưa phát huy được đầy đủ các lợi thế sẵn có, làm giảm sức cạnh tranh và khiến kinh tế biển chưa trở thành động lực tăng trưởng mạnh mẽ như mục tiêu đề ra.

Việc thu hút nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế biển chưa đúng mức dẫn đến không hoàn thành được mục tiêu đề ra. Mặc dù khu vực kinh tế biển được xác định là một trong những trụ cột trong định hướng phát triển của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng. Qua các kỳ Đại hội Đảng bộ của thành phố Đà Nẵng, mục tiêu phát triển kinh tế biển luôn được đặt ra một cách cụ thể. Để đạt được mục tiêu đề ra, Đảng bộ thành phố đề ra nhiều giải pháp để phát triển kinh tế biển, trong đó thu hút nguồn lực đầu tư được xác định là giải pháp mang tính đột phá. Tuy nhiên, trên thực tế công tác huy động vốn từ nhiều thành phần kinh tế, đặc biệt là doanh nghiệp lớn và nhà đầu tư chiến lược, còn chậm và thiếu tính đột phá. Nhiều dự án tiềm năng trong các lĩnh vực như dịch vụ cảng biển, logistics, du lịch biển hoặc công nghiệp chế biến hải sản không thu hút được nguồn lực tương xứng, làm hạn chế khả năng hình thành những chuỗi giá trị biển có sức cạnh tranh cao. Bên cạnh đó, cơ chế ưu đãi, thủ tục hành chính và chất lượng hạ tầng phục vụ đầu tư chưa thật sự tạo thuận lợi, khiến môi trường đầu tư chưa đủ hấp dẫn so với yêu cầu phát triển. Những hạn chế này đã tác động trực tiếp đến tiến độ thực hiện các chương trình kinh tế biển, khiến nhiều chỉ tiêu chiến lược không được hoàn thành đúng thời hạn và làm giảm hiệu quả tổng thể của quá trình phát triển kinh tế biển bền vững.

- Hạn chế trong thực tiễn phát triển các lĩnh vực kinh tế biển:

Ngành du lịch biển: Mặc dù sở hữu lợi thế về cảnh quan biển - đảo phong phú, ngành du lịch biển đảo của Đà Nẵng vẫn tồn tại nhiều hạn chế. Sản phẩm du lịch biển còn đơn điệu, chủ yếu tập trung vào tắm biển và nghỉ dưỡng, trong khi các loại hình mang tính trải nghiệm sâu như du lịch sinh thái biển, thể thao biển, khám phá đảo hay dịch vụ giải trí cao cấp chưa được phát triển tương xứng. Hạ tầng phục vụ du lịch ở một số khu vực ven biển chưa đồng bộ, đặc biệt là các dịch vụ hỗ trợ như bến tàu du lịch, hệ thống quản lý an toàn trên biển và cơ sở vui chơi giải trí ban đêm. Hoạt động quảng bá và liên kết tour biển, đảo với các địa phương lân cận còn rời rạc, chưa tạo được chuỗi giá trị du lịch thống nhất. Ngoài ra, vấn đề bảo vệ môi trường biển chưa được thực hiện triệt để, gây ảnh hưởng đến hình ảnh điểm đến. Những hạn chế này khiến tiềm năng du lịch biển, đảo của Đà Nẵng chưa được khai thác tối đa và chưa tạo được sự khác biệt mạnh mẽ trong cạnh tranh với các địa phương ven biển khác.

Ngành hàng hải: Mặc dù sở hữu vị trí chiến lược trên tuyến hàng hải quốc tế và tiềm năng phát triển lớn, song ngành hàng hải vẫn đang đối mặt với nhiều hạn chế đáng kể. Hệ thống cảng biển chưa được đầu tư mở rộng đồng bộ, cả về diện tích bến bãi, độ sâu luồng tàu và trang thiết bị bốc xếp, dẫn đến năng lực tiếp nhận tàu trọng tải lớn còn hạn chế. Mạng lưới logistics hỗ trợ như kho bãi, trung tâm phân phối và vận tải đa phương thức chưa phát triển tương xứng, làm tăng chi phí lưu thông hàng hóa và giảm hiệu quả khai thác. Bên cạnh đó, kết nối giữa cảng biển với hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt và các KCN còn thiếu đồng bộ, gây khó khăn trong quá trình luân chuyển hàng hóa. Nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao trong các lĩnh vực kỹ thuật cảng, logistics và quản lý vận hành còn thiếu, hạn chế khả năng cải tiến quy trình và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế.

Ngành thủy, hải sản: Mặc dù đạt được những kết quả quan trọng song

ngành thủy, hải sản của thành phố Đà Nẵng vẫn còn một số hạn chế. Hoạt động đánh bắt xa bờ chưa thật sự mạnh do đội tàu khai thác còn nhỏ, thiếu trang thiết bị hiện đại và khả năng ứng dụng công nghệ cao còn hạn chế. Công tác hậu cần nghề cá, bao gồm bảo quản sau thu hoạch, dịch vụ nhiên liệu, sửa chữa tàu thuyền và hệ thống cảng cá, chưa được đầu tư đồng bộ, dẫn đến thất thoát sản lượng và giảm chất lượng hải sản. Hoạt động nuôi trồng thủy sản còn thiếu các mô hình nuôi ứng dụng công nghệ cao. Những yếu tố này khiến ngành thủy, hải sản của thành phố chưa phát huy hết tiềm năng, đồng thời gặp khó khăn trong nâng cao giá trị sản xuất và khả năng cạnh tranh.

So sánh với tỉnh Quảng Ngãi - là địa phương nằm ở khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ, có nhiều tiềm năng biển, nhất là nguồn lợi hải sản. Theo số liệu thống kê, “sản lượng khai thác thủy sản tăng hàng năm, từ 156.897 tấn trong năm 2015 lên 264.945 tấn năm 2020” [181]. Có thể thấy sự phát triển ngành thủy sản, hải sản Đà Nẵng trong giai đoạn 2015-2020 tăng trưởng thấp hơn so với tỉnh Quảng Ngãi.

Đối với xây dựng các khu công nghiệp, khu đô thị ven biển: Việc phát triển các khu công nghiệp và khu đô thị ven biển tại Đà Nẵng mặc dù mang lại nhiều cơ hội về tăng trưởng kinh tế và thu hút đầu tư, nhưng vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế đáng kể. Một số khu công nghiệp chưa được quy hoạch đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật, như hệ thống giao thông, cấp thoát nước, điện năng, xử lý chất thải và các dịch vụ phụ trợ, dẫn đến tình trạng quá tải hoặc khó khăn trong vận hành. Một số khu đô thị ven biển phát triển nhanh nhưng thiếu kiểm soát về kiến trúc, mật độ xây dựng và quản lý môi trường, ảnh hưởng tới cảnh quan thiên nhiên và chất lượng sống của cư dân. Hệ quả là hiệu quả khai thác kinh tế từ các khu công nghiệp và khu đô thị ven biển chưa đạt kỳ vọng, tiềm năng đất ven biển chưa được sử dụng hợp lý, đồng thời có nguy cơ tác động tiêu cực đến môi trường và phát triển bền vững kinh tế biển của thành phố.

4.1.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

- Nguyên nhân khách quan:

Do tác động của bối cảnh kinh tế trong nước và quốc tế đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình phát triển kinh tế biển của thành phố. Biến động của kinh tế thế giới, suy giảm thương mại toàn cầu, dịch bệnh và biến đổi khí hậu, sự phức tạp trên khu vực biển Đông đã làm gián đoạn chuỗi cung ứng, hạn chế hoạt động vận tải biển, du lịch biển và khai thác thủy sản, qua đó gây khó khăn cho công tác lãnh đạo và tổ chức thực hiện.

Hệ thống chủ trương, chính sách về kinh tế biển ở tầm quốc gia còn chưa thật sự đồng bộ và hoàn thiện. Một số quy định pháp luật liên quan đến quản lý biển, hải đảo, đầu tư cảng biển, bảo vệ môi trường biển còn chồng chéo, thiếu thống nhất, gây khó khăn cho địa phương trong việc cụ thể hóa và triển khai thực hiện.

Đặc điểm tự nhiên và điều kiện phát triển của Đà Nẵng cũng đặt ra nhiều thách thức. Diện tích mặt biển và vùng ven biển không lớn, chịu ảnh hưởng nặng nề của thiên tai, bão lũ và xâm thực bờ biển, trong khi yêu cầu phát triển đô thị, du lịch và bảo vệ môi trường ngày càng cao, tạo áp lực lớn cho công tác quy hoạch và quản lý kinh tế biển. Nguồn lực đầu tư cho phát triển kinh tế biển còn hạn chế, ngân sách Trung ương và địa phương bố trí cho đầu tư phát triển trên một diện tích vùng biển và ven biển còn thấp nên việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH vùng biển, đảo chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển và hội nhập.

Trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực kinh tế biển ở Đà Nẵng còn thấp ảnh hưởng lớn tới việc khai thác các giá trị tài nguyên biển, đồng thời gây ô nhiễm môi trường và cạn kiệt, suy giảm tài nguyên biển.

- Nguyên nhân chủ quan:

Nhận thức và tư duy lãnh đạo của một bộ phận cấp ủy, cán bộ, đảng viên về phát triển kinh tế biển chưa theo kịp yêu cầu mới nên trong công tác hoạch định chủ trương, xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch chỉ đạo thực hiện còn có chỗ bất cập như: Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH chưa theo kịp

sự phát triển, quy hoạch ngành, lĩnh vực kinh tế biển còn thiếu, nhiều lĩnh vực chậm được bổ sung, hoàn thiện. Điều đó dẫn đến thiếu tầm nhìn dài hạn và chưa phát huy đầy đủ vai trò động lực của kinh tế biển trong phát triển KT-XH của thành phố.

Công tác chỉ đạo, phối hợp thực hiện giữa Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố và các sở, ban, ngành và địa phương liên quan có khi chưa hiệu quả, đồng bộ. Trong quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế biển, việc phân công trách nhiệm giữa các cơ quan có lúc chưa rõ ràng, còn xảy ra tình trạng chồng chéo hoặc bỏ sót nhiệm vụ, dẫn đến hiệu quả tổ chức thực hiện chưa cao. Cơ chế phối hợp liên ngành trong quản lý và phát triển kinh tế biển chưa được thiết lập một cách chặt chẽ và ổn định. Phát triển kinh tế biển liên quan đến nhiều lĩnh vực như quy hoạch, đầu tư, giao thông vận tải, tài nguyên - môi trường, du lịch, thủy sản..., song sự phối hợp giữa các ngành còn thiếu thống nhất, làm giảm tính đồng bộ trong triển khai các chương trình, dự án kinh tế biển. Việc trao đổi thông tin, phản hồi giữa các cấp, các ngành chưa thường xuyên, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế biển.

Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế biển chưa được tiến hành thường xuyên, thiếu chặt chẽ dẫn đến nhiều vấn đề thuộc về các ngành kinh tế biển còn tồn tại như: khai thác tài nguyên biển chưa hợp lý; vấn đề môi trường biển của ngành thủy, hải sản; các vi phạm trật tự an toàn, an ninh trên biển còn diễn biến phức tạp...

Do kinh tế biển là lĩnh vực có tính liên ngành, liên vùng và đòi hỏi kiến thức chuyên sâu, khả năng nghiên cứu, dự báo, nhận diện xu hướng phát triển, tham mưu hoạch định chính sách và tổ chức thực hiện các chủ trương về kinh tế biển. Tuy nhiên, trình độ, năng lực chuyên môn của một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở trong lĩnh vực kinh tế biển còn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn. Những hạn chế này phần nào ảnh hưởng đến chất lượng công tác tham mưu, hiệu quả quản lý nhà nước và khả năng khai thác, phát huy các tiềm năng, lợi thế về biển của thành phố. Một số tổ chức cơ sở đảng chưa thực sự phát

huy đầy đủ tinh thần chủ động, sáng tạo và vai trò lãnh đạo trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện các giải pháp phát triển kinh tế biển một cách hiệu quả.

4.2. MỘT SỐ KINH NGHIỆM

4.2.1. Đảng bộ thành phố Đà Nẵng xác định rõ vị trí, vai trò của kinh tế biển đối với sự phát triển của thành phố

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế ngày một sâu rộng, nhu cầu giao lưu, trao đổi thương mại giữa các quốc gia trên thế giới và trong khu vực ngày một gia tăng, đường biển vốn là con đường vận tải truyền thống vẫn giữ nguyên giá trị trong bối cảnh toàn cầu hóa. Vì vậy, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế từ biển để phát triển KT-XH là yêu cầu cấp thiết đặt ra đối với các địa phương có biển. Đà Nẵng là một địa phương có tiềm năng, lợi thế lớn, kinh tế biển luôn có thể mạnh phát triển nếu được nhận thức đúng và đầu tư phát triển hợp lý. Từ thực tiễn công tác lãnh đạo phát triển kinh tế biển thành phố Đà Nẵng từ năm 2007 đến năm 2020 cho thấy kinh tế biển giữ vị trí quan trọng và đóng vai trò lớn trong sự phát triển KT-XH, bảo đảm QP, AN của thành phố.

Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đã nhận thức ngày càng rõ, sâu sắc hơn về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của kinh tế biển đối với sự phát triển KT-XH ngày càng rõ hơn. Đảng bộ thành phố đã từng bước nhận thức sâu sắc hơn về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của kinh tế biển trong tổng thể phát triển KT-XH của địa phương. Chủ trương phát triển kinh tế biển của Đảng bộ thành phố được điều chỉnh qua kỳ Đại hội lần thứ XX (nhiệm kỳ 2010-2015) và Đại hội lần thứ XXI (nhiệm kỳ 2015-2020). Đặc biệt, sau khi có Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đã nhận thức nhất quán, toàn diện về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của kinh tế biển và chủ trương tập trung nguồn lực, khẩn trương đẩy nhanh tốc độ xây dựng Đà Nẵng trở thành địa phương giàu mạnh về kinh tế biển, gắn phát triển kinh tế biển với bảo đảm quốc phòng, an ninh chung của thành phố; hướng tới xây dựng Đà Nẵng thành trung tâm kinh tế biển của khu vực miền Trung và cả nước.

Có thể thấy, từ năm 2007 đến năm 2020, nhận thức của Đảng bộ, chính quyền thành phố Đà Nẵng về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của kinh tế biển của địa phương đã được bổ sung và ngày thêm hoàn thiện hơn. Việc thống nhất nhận thức về phát triển kinh tế biển từ Đảng bộ tới các cấp ủy, chính quyền và quần chúng giữ vai trò quan trọng trong việc tạo nên sự đồng thuận cao trong huy động mọi nguồn lực thực hiện phát triển kinh tế biển. Nhận thức đúng về vai trò động lực của kinh tế biển đối với sự phát triển KT-XH địa phương, Thành ủy, UBND thành phố đẩy mạnh công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện quy hoạch, xây dựng chiến lược, các đề án, kế hoạch phát triển kinh tế biển cụ thể, chi tiết với từng giai đoạn, từng địa bàn. Đồng thời, Đảng bộ thành phố chú trọng đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, chỉ đạo thực hiện tổng kết đánh giá việc phát triển kinh tế biển nhằm kịp thời điều chỉnh, bổ sung chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế biển cho phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương.

Như vậy, việc nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của kinh tế biển của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng góp phần to lớn trong việc đề ra chủ trương, định hướng và các giải pháp cụ thể để lãnh đạo phát triển kinh tế biển toàn diện, phù hợp, phát huy lợi thế của địa phương nhằm hướng tới mục tiêu xây dựng Đà Nẵng thành địa phương giàu từ biển, mạnh từ biển, góp phần phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh.

Trong bối cảnh hiện nay, kinh nghiệm nhận thức đúng vị trí, vai trò của kinh tế biển của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng là cơ sở quan trọng để các Đảng bộ địa phương tham khảo trong việc đề ra chủ trương và giải pháp phát triển kinh tế biển phù hợp. Theo đó, các địa phương có biển cần tiếp tục nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và xác định kinh tế biển là một động lực quan trọng của phát triển kinh tế - xã hội. Trên cơ sở đó, chủ động khai thác tiềm năng, lợi thế biển gắn với phát triển các ngành kinh tế có giá trị gia tăng cao, đồng thời chú trọng bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Qua đó, phát huy hiệu quả nguồn lực biển, tạo động lực phát triển nhanh, bền vững và nâng cao vị thế của địa phương trong giai đoạn hiện nay.

4.2.2. Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lãnh đạo phát triển kinh tế biển toàn diện, đồng thời xác định đúng trọng tâm, trọng điểm

Kinh tế biển là một lĩnh vực tổng hợp, bao gồm nhiều ngành nghề có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Việc lãnh đạo và định hướng phát triển kinh tế biển theo hướng toàn diện là rất cần thiết, tuy nhiên cần xác định rõ những lĩnh vực trọng tâm để ưu tiên đầu tư. Cách tiếp cận này giúp huy động hiệu quả các nguồn lực, khai thác tối đa lợi thế sẵn có, qua đó tạo động lực thúc đẩy sự phát triển chung của các ngành kinh tế khác. Thực tiễn lãnh đạo phát triển kinh tế biển của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng từ năm 2007 đến năm 2020 cho thấy, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đã thực hiện công tác lãnh đạo phát triển kinh tế biển toàn diện trên nhiều lĩnh vực kinh tế như: du lịch biển đảo; thủy, hải sản; phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển; hàng hải. Bên cạnh ưu tiên đối với các ngành kinh tế biển trọng điểm, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng còn đặc biệt quan tâm đến các lĩnh vực liên quan đến hoạt động kinh tế biển như: Nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng văn hóa biển thân thiện; phát triển KH-CN, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để phục vụ kinh tế biển; tăng cường bảo vệ môi trường biển; gắn hoạt động phát triển kinh tế biển với đảm bảo QP, AN; tăng cường mở rộng liên kết vùng và hợp tác quốc tế... Chủ trương phát triển kinh tế biển toàn diện của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đã góp phần không nhỏ vào sự phát triển KT-XH, nâng cao đời sống nhân dân thành phố và bảo vệ vững chắc QP, AN, chủ quyền biển đảo. Sự lãnh đạo phát triển kinh tế biển toàn diện, đúng trọng, trọng điểm là một trong những yếu tố then chốt tạo ra tính đột phá trong phát triển kinh tế biển toàn diện của thành phố Đà Nẵng. Trong mỗi giai đoạn, xuất phát từ thực tiễn phát triển, điều kiện phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương Đảng bộ tỉnh đã xác định hướng ưu tiên trong đầu tư phát triển kinh tế biển.

Từ năm 2007 đến năm 2015, việc thực hiện CNH, HĐH đất nước nói chung và thành phố Đà Nẵng nói riêng gặp nhiều khó khăn nên việc đầu tư phát triển kinh tế chủ yếu hướng tới mục tiêu ổn định, từng bước nâng cao đời sống

nhân dân. Trong bối cảnh đó, sự lãnh đạo phát triển kinh biển của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng hướng tới trọng tâm phát triển những ngành có lợi thế về tiềm năng có sẵn của địa phương như: khai thác hải sản, phát triển du lịch biển, hàng hải, xây dựng các khu công nghiệp, khu chế xuất ven biển. Xuất phát từ thực tiễn của địa phương, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đã chủ động nắm vững, khai thác triệt để, có hiệu quả những điều kiện thiên nhiên và lợi thế của thành phố để tạo ra bước phát triển mới cả về số lượng và chất lượng của các ngành kinh tế biển. Đặc biệt việc tập trung phát triển ngành du lịch nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng sẵn có về du lịch biển, đảo đã tạo ra doanh thu lớn cho thành phố Đà Nẵng, góp phần quan trọng trong việc tăng ngân sách, tạo nguồn lực cho đầu tư phát triển giai đoạn sau.

Từ năm 2015 đến năm 2020, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng chủ trương phát triển kinh tế biển toàn diện, khai thác mọi tiềm năng, thế mạnh của các lĩnh vực kinh tế, khu vực kinh tế ven biển. Trong giai đoạn này, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng tiếp tục xác định du lịch biển và kinh tế thủy sản là hai ngành kinh tế quan trọng, song phát triển khu kinh tế, KCN ven biển, kinh tế hàng hải và phát triển các ngành năng lượng tái tạo là bước đầu tư mang tính trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh tế biển. Trong đó, phát triển du lịch biển trở thành ưu tiên hàng đầu trong thực hiện phát triển kinh tế biển. Đây là hướng đi quan trọng phù hợp quy hoạch phát triển thành phố Đà Nẵng theo hướng CNH, HĐH và hội nhập quốc tế. Phát huy thế mạnh của một địa phương giàu tiềm năng, nhiều lợi thế, Đảng bộ thành phố đã chủ động đầu tư xây dựng các KCN, khu kinh tế ven biển tạo động lực cho sự phát triển KT-XH thành phố; trong đó, đã và đang hình thành KCN công nghệ cao góp phần tạo ra động lực lớn thúc đẩy không gian kinh tế của thành phố.

Trong điều kiện nguồn lực phát triển còn hạn chế, việc lựa chọn đúng trọng tâm đầu tư và tránh tình trạng dàn trải, phân tán nguồn lực là yếu tố then chốt giúp tạo ra những bước đột phá và lan tỏa hiệu quả kinh tế. Việc xác định rõ các lĩnh vực ưu tiên trong từng giai đoạn và phù hợp với bối cảnh thực tiễn giúp Đà Nẵng huy động hiệu quả các nguồn vốn, khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh của địa phương, qua đó thúc đẩy phát triển kinh tế biển bền vững.

Tính toàn diện trong lãnh đạo phát triển kinh tế biển của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng được thể hiện trong định hướng phát triển kinh tế biển gắn liền với công tác bảo vệ môi trường sinh thái và tài nguyên biển. Theo đó, mục tiêu phát triển kinh tế biển bền vững của cả nước nói chung, cũng như của thành phố Đà Nẵng nói riêng, đòi hỏi sự kết hợp hài hòa giữa khai thác, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên và gìn giữ hệ sinh thái biển, nhằm đảm bảo phát triển lâu dài và bền vững.

Trong thực tiễn lãnh đạo phát triển kinh tế biển từ năm 2007 đến năm 2020, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng luôn coi việc tuyên truyền và triển khai các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ môi trường sinh thái và tài nguyên biển là nhiệm vụ trọng tâm. Việc này được chú trọng ngay từ khâu xây dựng kế hoạch, đề án và các chương trình cụ thể của từng ngành, nhằm đảm bảo định hướng phát triển kinh tế biển đồng bộ và hiệu quả. Đây là sự nhận thức đúng đắn và kịp thời của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng, góp phần quan trọng vào công tác bảo vệ môi trường và tài nguyên biển. Thực tiễn cho thấy, việc kết hợp phát triển kinh tế biển với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ tài nguyên biển, cần phải tăng cường hỗ trợ ngư dân vươn khơi bám biển, chuyển đổi nghề nghiệp. Đối với những người tiếp tục bám biển, cần có chính sách hỗ trợ vốn đóng tàu, thuyền có công suất lớn. Đồng thời, Đảng bộ thành phố đã chủ động chỉ đạo công tác vận động, tuyên truyền ngư dân ý thức tự giác trong việc bảo vệ môi trường biển, hạn chế rác thải sinh hoạt xuống biển, cũng như sử dụng ngư cụ quá cũ, quá lạc hậu...là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường biển. Do đó, đã tăng cường áp dụng công nghệ tiên tiến trong khai thác và chế biến hải sản để góp phần bảo vệ môi trường và tài nguyên biển.

Cùng với nhiệm vụ phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ môi trường và tài nguyên biển, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng còn chú trọng phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm QP, AN. Là địa phương nằm ở vị trí quan trọng trong chiến lược phòng thủ khu vực miền Trung, biển, đảo Đà Nẵng giữ vị trí chiến lược trong phát triển KT- XH và đảm bảo QP, AN của khu vực và cả nước.

Thực tiễn lãnh đạo phát triển kinh tế biển Đà Nẵng từ năm 2007 đến năm 2015 cho thấy, việc xây dựng và phát triển kinh tế luôn gắn liền với việc đảm bảo an ninh, an toàn và bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo. Vì vậy, trong quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế biển của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng, mọi chương trình, kế hoạch, đề án phát triển kinh tế biển của thành phố được xây dựng luôn gắn liền với chiến lược bảo vệ QP, AN. Đặc biệt trong lĩnh vực khai thác hải sản, chiến lược vươn khơi xa của ngành thủy sản Đà Nẵng được triển khai nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, đảm bảo duy trì và củng cố hoạt động sản xuất ổn định của ngư dân tại các ngư trường truyền thống. Hoạt động bình thường của ngư dân trên biển góp phần to lớn vào việc thực thi quyền chủ quyền và bảo vệ vững chắc chủ quyền biển đảo. Bên cạnh đó, thành phố chú trọng đầu tư xây dựng các công trình phòng chống thiên tai, bão lụt góp phần đảm bảo an ninh và quốc phòng trên biển, đảo.

Trong bối cảnh tình hình khu vực và quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp liên quan đến những tranh chấp trên biển Đông, Đảng bộ thành phố luôn chú trọng nâng cao nhận thức về sự cần thiết phải kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với quốc phòng, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển đảo. Vì vậy, trong quá trình triển khai thực hiện, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng tổ chức quán triệt sâu sắc tới các cấp, ngành, toàn bộ đảng viên và quần chúng nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm QP, AN.

Đối với các ngành kinh tế biển, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng luôn chú trọng trong quy hoạch tổng thể phát triển phải bảo đảm thực hiện gắn với bảo đảm QP, AN. Đặc biệt là hoạt động khai thác hải sản, việc gắn kết phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN đòi hỏi phải đầu tư mạnh mẽ cho đội tàu cá với công suất lớn có thể vươn khơi bám biển lâu ngày. Do đó, Đảng bộ thành phố đã chỉ đạo thành lập các đội, đoàn tàu cùng ra khơi khai thác, tương trợ, giúp đỡ trong quá trình hoạt động ở khu vực vùng biển xa. Kết hợp tốt giữa lực lượng bộ đội biên phòng, hải quân với ngư dân trong việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho ngư dân bám biển làm kinh tế, đồng thời củng cố tình quân dân, tạo sức mạnh giữ vững chủ quyền Tổ quốc trên biển.

Có thể thấy, từ năm 2007 đến năm 2020, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng luôn quan tâm lãnh đạo phát triển kinh tế biển gắn chặt với đảm bảo QP, AN và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển. Thực hiện một cách nghiêm túc việc kết hợp kinh tế với quốc phòng, phát triển kinh tế gắn với bảo vệ tài nguyên môi trường sẽ đảm bảo cho sự ổn định và phát triển bền vững. Đây cũng là xu hướng phát triển mà nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ lựa chọn, đồng thời phù hợp với thực tiễn phát triển của thành phố Đà Nẵng.

Từ kinh nghiệm của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng, trong bối cảnh hiện nay, để nâng cao hiệu quả trong phát triển kinh tế biển, các địa phương có biển cần tập trung nguồn lực vào những ngành, lĩnh vực có lợi thế và khả năng cạnh tranh để tạo động lực tăng trưởng cho địa phương, đồng thời gắn phát triển kinh tế biển với bảo vệ môi trường, bảo đảm QP, AN và phát triển bền vững. Qua đó, tránh đầu tư dàn trải, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và tạo động lực mới cho phát triển KT-XH.

4.2.3. Đảng bộ thành phố Đà Nẵng chú trọng nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, năng lực của đội ngũ cán bộ và chất lượng nguồn nhân lực trong phát triển kinh tế biển

Nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, năng lực của đội ngũ cán bộ đóng vai trò quyết định tới sự phát triển KT-XH nói chung và kinh tế biển thành phố Đà Nẵng nói riêng. Với tư cách là một ngành kinh tế tổng hợp, nên việc phát triển kinh tế biển có liên quan tới nhiều lĩnh vực kinh tế, nhiều cơ quan, ban, ngành Trung ương đóng trên địa bàn địa phương và các địa phương có biển. Chính vì vậy lãnh đạo phát triển kinh tế biển sẽ khó khăn, phức tạp hơn những lĩnh vực khác, điều đó đòi hỏi phải nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ, phát huy vai trò của các cấp ủy, chính quyền cơ sở và đặc biệt là đội ngũ cán bộ trực tiếp tham gia vào hoạt động quản lý phát triển kinh tế biển.

Từ năm 2007 đến năm 2020, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng không ngừng phát huy vai trò lãnh đạo, hoạch định chủ trương phát triển kinh tế biển gắn với thực tiễn địa phương. Tổ chức chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền quán triệt sâu

sắc các nghị quyết của Đảng và tổ chức thực hiện có hiệu quả chủ trương phát triển kinh tế biển. Đặc biệt kể từ sau khi có Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII), về Chiến lược phát triển bền vững biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đề lãnh đạo quán triệt Nghị quyết của Trung ương, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đã chủ động ban hành chương trình hành động với nội dung cụ thể, chi tiết nhằm hiện thực hóa chủ trương của Trung ương trong phát triển kinh tế biển.

Tuy nhiên, trong quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế biển, ở một số lĩnh vực cụ thể, vai trò định hướng và chỉ đạo của Đảng bộ, cũng như của các cấp ủy cơ sở, vẫn chưa được phát huy một cách toàn diện. Đặc biệt, công tác tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của cấp ủy và chính quyền còn gặp một số hạn chế, dẫn đến hiệu quả kinh tế ở một số ngành và lĩnh vực chưa đạt mức cao như kỳ vọng. Vì vậy, Đảng bộ thành phố không ngừng nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng bộ, vai trò của cấp ủy, chính quyền, nỗ lực và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ nhằm hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế biển hướng đến thực hiện thắng lợi Chiến lược biển Việt Nam tại thành phố Đà Nẵng.

Nguồn nhân lực đóng vai trò quyết định trong việc phát triển kinh tế biển, bởi đây là lực lượng trực tiếp triển khai các hoạt động khai thác, chế biến, dịch vụ và quản lý tài nguyên biển. Một đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn cao, kỹ năng nghề nghiệp vững vàng không chỉ nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh mà còn góp phần ứng dụng công nghệ hiện đại, quản lý bền vững nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường biển. Bên cạnh đó, việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực chuyên sâu giúp địa phương như Đà Nẵng nâng cao năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực kinh tế biển, thu hút đầu tư và tạo động lực phát triển các ngành kinh tế liên quan. Do vậy, đầu tư phát triển nguồn nhân lực là yếu tố then chốt để đảm bảo sự phát triển bền vững và hiệu quả của kinh tế biển. Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực đối với sự phát triển kinh tế biển, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng luôn quan tâm đến việc chăm lo phát triển nguồn nhân lực, trong đó có nhân lực hoạt động trong lĩnh vực kinh tế biển.

Từ năm 2007 đến năm 2015 dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ thành phố, công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực của địa phương từng bước được cải thiện. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ kinh tế biển góp phần nâng cao kỹ năng, trình độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tuy nhiên việc phát triển nguồn nhân lực ở thành phố Đà Nẵng vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, trình độ lao động, đặc biệt là lao động trong lĩnh vực thủy sản, còn rất thấp.

Để góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế biển, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đặc biệt chú trọng lãnh đạo hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Cùng với việc xây dựng các chủ trương và định hướng phù hợp với thực tiễn, Đảng bộ thành phố tập trung tạo điều kiện để các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp trực tiếp tham gia vào quá trình đào tạo để hình thành đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn và kỹ năng đáp ứng nhu cầu phát triển ngành. Đồng thời, các quy định và chính sách cũng được ban hành nhằm tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền, nhà trường và doanh nghiệp trong công tác đào tạo, bồi dưỡng và khai thác hiệu quả nguồn nhân lực sau đào tạo.

Xã hội hóa đào tạo nguồn nhân lực phục vụ kinh tế biển là hướng đi đúng đắn để nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo. Việc đào tạo được thực hiện theo hướng toàn diện, dựa trên sự phối hợp giữa Nhà nước, nhà trường, doanh nghiệp và cộng đồng. Đồng thời mở rộng liên kết với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước, huy động tối đa nguồn vốn từ doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh và người dân, giúp chương trình đào tạo linh hoạt, phù hợp với nhu cầu thực tiễn của người học và ngành kinh tế biển.

Sự phát triển của các ngành kinh tế biển theo hướng hướng sản xuất hàng hóa đòi hỏi cần có lực lượng lao động được đào tạo bài bản, có chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng đáp ứng yêu cầu phát triển. Chính vì vậy, Đảng bộ thành phố đã chú trọng công tác lãnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế biển của đại phương.

Kinh nghiệm của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng cho thấy, trong bối cảnh

hiện nay, đối với các địa phương muốn tiến ra biển, làm giàu từ biển cần nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng, chất lượng đội ngũ cán bộ và nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả phát triển kinh tế biển. Do đó, cần thường xuyên đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực hoạch định và tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối; đồng thời chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có tư duy kinh tế biển và nguồn nhân lực có trình độ, kỹ năng phù hợp. Qua đó tạo nền tảng để khai thác hiệu quả tiềm năng biển, nâng cao sức cạnh tranh và thúc đẩy kinh tế biển phát triển nhanh, bền vững.

4.2.4. Đảng bộ thành phố luôn bám sát thực tiễn, nắm bắt đúng thời cơ, chú trọng liên kết vùng và tăng cường hội nhập quốc tế

Bám sát đặc điểm tình hình thực tiễn, nắm bắt đúng thời cơ và phát huy hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của địa phương là nhân tố quan trọng đối với sự lãnh đạo của Đảng bộ thành phố trong phát triển kinh tế biển. Vì vậy trong quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế biển, Đảng bộ thành phố luôn xuất phát từ thực tiễn của địa phương để hoạch định chủ trương phát triển các ngành kinh tế biển một cách phù hợp với điều kiện thực tế. Thay vì áp dụng các mô hình có sẵn một cách máy móc, Đảng bộ thành phố luôn nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng các nguồn lực sẵn có, từ nguồn nhân lực, tài nguyên biển đến vị trí địa lý thuận lợi cho giao thương, du lịch và khai thác thủy sản. Nhờ đó, các quyết định về đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, và triển khai các chương trình kinh tế biển đều có tính khả thi cao và mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt.

Đảng bộ thành phố cũng chú trọng khai thác lợi thế đặc thù về biển - đảo để phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch, dịch vụ hậu cần nghề cá và chế biến thủy sản. Các ngành này được kết hợp hài hòa, vừa nâng cao năng lực cạnh tranh của thành phố trên thị trường quốc tế, vừa bảo đảm phát triển bền vững, gắn liền với bảo vệ môi trường biển và tài nguyên thiên nhiên. Việc dựa vào thực tiễn giúp Đà Nẵng không chỉ định hướng phát triển dài hạn mà còn kịp thời điều chỉnh các kế hoạch, chính sách khi tình hình kinh tế, xã hội hoặc biến đổi môi trường biển. Đây là một kinh nghiệm quý, giúp thành phố phát triển

kinh tế biển một cách linh hoạt, hiệu quả, đồng thời giảm thiểu các rủi ro liên quan đến đầu tư dàn trải hay sử dụng nguồn lực chưa hợp lý.

Bên cạnh đó, việc nắm bắt cơ hội còn thể hiện qua các hoạt động hợp tác liên vùng và quốc tế. Đảng bộ thành phố Đà Nẵng luôn chủ động kết nối với các địa phương trong khu vực và các đối tác quốc tế, từ đó mở rộng thị trường, thu hút vốn đầu tư và công nghệ, cũng như học hỏi kinh nghiệm về quản lý, khai thác và phát triển các ngành kinh tế biển. Những kinh nghiệm này được triển khai dựa trên cơ sở phân tích thực tiễn, tận dụng đúng thời điểm thuận lợi, nhờ đó các dự án và chương trình kinh tế biển đạt hiệu quả cao, tạo động lực lan tỏa cho các ngành kinh tế khác của thành phố. Cách làm này vừa giúp đảm bảo hiệu quả kinh tế, vừa tạo nền tảng vững chắc cho phát triển bền vững, nâng cao vị thế của Đà Nẵng thành một trung tâm kinh tế biển năng động và hiện đại.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, mở rộng liên kết vùng hợp tác quốc tế trở thành một xu thế tất yếu, chi phối mạnh mẽ sự phát triển trên hầu hết các lĩnh vực của đời sống KT-XH ở các quốc gia và vùng lãnh thổ. Thực tiễn cho thấy, việc đứng ngoài quá trình mở rộng liên kết vùng và hợp tác quốc tế sẽ hạn chế khả năng phát triển nhanh và bền vững của mỗi quốc gia. Đối với lĩnh vực kinh tế, đặc biệt là kinh tế biển, mở rộng liên kết vùng và hợp tác quốc tế ngày càng được các quốc gia quan tâm, nhất là những quốc gia có lợi thế và tiềm năng về biển.

Quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về đẩy mạnh liên kết vùng và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, trong giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2020, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đã xác định đây là một trong những định hướng quan trọng trong quá trình lãnh đạo phát triển KT-XH của địa phương. Vì vậy, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố qua các nhiệm kỳ đều nhấn mạnh yêu cầu phát huy vai trò trung tâm của Đà Nẵng ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên, gắn phát triển thành phố với không gian kinh tế vùng và xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XIX xác định: “củng cố

và đẩy mạnh các mối quan hệ hợp tác truyền thống; tăng cường quan hệ hợp tác nhiều mặt với các địa phương trong khu vực miền Trung và Tây Nguyên, trong nước và quốc tế nhằm mở rộng quan hệ kinh tế” [54, tr.61]. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XX tiếp tục xác định “ Đẩy mạnh hợp tác, liên kết phát triển với các địa phương trong khu vực, trong nước và quốc tế” [55, tr.35]. Đến đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XXI, Đảng bộ thành phố chủ trương: “Chủ động hội nhập quốc tế trong bối cảnh tham gia các hiệp định thương mại, cộng đồng kinh tế quốc tế” [61, tr.23]; “tăng cường liên kết, phát triển vùng; khai thác hiệu quả chương trình hợp tác Tiểu vùng sông Mêkông và Hành lang kinh tế Đông Tây” [61, tr.24]

Xuất phát từ vị trí địa lý và vai trò là trung tâm kinh tế, dịch vụ và giao thương của khu vực miền Trung - Tây Nguyên, Đà Nẵng chú trọng tăng cường liên kết với các địa phương ven biển trong vùng cũng như khu vực nội địa nhằm hình thành không gian phát triển kinh tế biển thống nhất, đồng bộ và có tính liên thông cao. Thông qua liên kết vùng, thành phố Đà Nẵng chủ động phối hợp với các tỉnh trong quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển, dịch vụ hàng hải, logistics, du lịch biển và hạ tầng giao thông kết nối, từng bước phát huy lợi thế so sánh của mỗi địa phương, nâng cao hiệu quả khai thác tài nguyên biển và ven biển.

Đảng bộ thành phố quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong phát triển kinh tế biển, coi đây là một động lực quan trọng để nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế biển Đà Nẵng. Thành phố chủ động mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác, tổ chức và địa phương nước ngoài; tích cực xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch biển; tranh thủ nguồn vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến phục vụ phát triển các ngành kinh tế biển chủ lực. Thông qua hợp tác quốc tế, các lĩnh vực như cảng biển, vận tải biển, dịch vụ logistics và du lịch biển của Đà Nẵng từng bước được nâng cao về trình độ quản lý, chất lượng dịch vụ và khả năng kết nối với thị trường khu vực và quốc tế.

Việc mở rộng liên kết vùng gắn với tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển kinh tế biển không chỉ góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố theo hướng dịch vụ - công nghiệp, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực và tạo thêm động lực tăng trưởng mới mà còn tạo cơ hội để Đà Nẵng chia sẻ kinh nghiệm và thông tin, tiếp thu chuyên giao thành tựu KHCN biển, phối hợp cứu hộ cứu nạn và giải quyết vấn đề môi trường biển. Tuy nhiên, việc mở rộng liên kết vùng và hợp tác quốc tế cũng đặt ra những yêu cầu ngày càng cao đối với Đảng bộ thành phố trong công tác quản lý nhà nước, bảo vệ môi trường biển, bảo đảm QP,AN và giữ vững chủ quyền biển đảo. Do đó, trong quá trình lãnh đạo và chỉ đạo, Đảng bộ thành phố luôn chú trọng kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế biển với bảo đảm ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho hợp tác, liên kết và phát triển bền vững.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, thành phố Đà Nẵng nói riêng và các địa phương có biển nói chung cần thường xuyên theo dõi, phân tích và dự báo những biến động của tình hình trong nước, khu vực và quốc tế để kịp thời điều chỉnh chủ trương, chính sách phát triển phù hợp, tránh tư duy chủ quan, máy móc. Đồng thời, cần nhận thức rõ rằng phát triển kinh tế biển của địa phương không thể chỉ dựa vào nguồn lực nội tại mà phải đặt trong mối quan hệ liên kết với các địa phương trong vùng, qua đó khai thác tốt hơn các nguồn lực về hạ tầng, đầu tư, thị trường, KHCN và nguồn nhân lực. Cần chủ động mở rộng hội nhập quốc tế, thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực bên ngoài, tiếp thu thành tựu KHCN tiên tiến và kinh nghiệm quản lý, nhưng phải gắn với phát huy nội lực và bảo đảm phát triển bền vững. Đây cũng là yêu cầu đặt ra đối với cấp ủy, chính quyền các địa phương trong việc đổi mới tư duy lãnh đạo, nâng cao năng lực dự báo, tính chủ động, sáng tạo và khả năng thích ứng trước những cơ hội, thách thức mới.

Tiểu kết chương 4

Trong quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế biển từ năm 2007 đến năm 2020, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đã quán triệt nghiêm túc, kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển kinh tế biển và vận dụng sáng tạo vào việc hoạch định chủ trương phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; điểm nhấn là chuyển từ khai thác những tiềm năng sẵn có để phát triển các ngành kinh tế biển sang tận dụng lợi thế, tiềm năng của thành phố để đầu tư có trọng tâm, trọng điểm. Đây là nhận thức đúng đắn, phù hợp với thực tiễn của địa phương nhằm hướng đến mục tiêu đưa Đà Nẵng trở thành địa phương giàu từ biển, mạnh từ biển, là trung tâm kinh tế biển của cả nước.

Công tác chỉ đạo, điều hành được thực hiện quyết liệt, linh hoạt, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm; chú trọng sơ kết, tổng kết, tăng cường kiểm tra, giám sát, đẩy mạnh thu hút đầu tư, ứng dụng KH-CN và khảo sát, điều tra cơ bản về nguồn lợi biển. Nhờ đó, kinh tế biển của thành phố từng bước phát triển, góp phần quan trọng vào mục tiêu xây dựng Đà Nẵng trở thành địa phương làm giàu từ biển.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế biển của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng vẫn còn một số hạn chế: Tầm nhìn chiến lược trong hoạch định chủ trương chưa thật sự dài hạn và toàn diện; công tác quy hoạch và định hướng phát triển các ngành kinh tế biển còn thiếu tính đồng bộ, ổn định lâu dài. Sự chỉ đạo đối với công tác quản lý nhà nước về kinh tế biển có lúc chưa chặt chẽ; tiềm năng, lợi thế của địa phương chưa được khai thác tối đa; việc thu hút và huy động các nguồn lực đầu tư cho phát triển kinh tế biển chưa tương xứng, dẫn đến một số mục tiêu đề ra chưa được thực hiện đầy đủ.

Từ thực tiễn quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế biển từ năm 2007 đến năm 2020, luận án rút ra 4 kinh nghiệm có giá trị lý luận và thực tiễn cho quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế biển ở Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay.

KẾT LUẬN

Biển được xem là không gian phát triển có ý nghĩa chiến lược, chứa đựng nhiều tiềm năng quan trọng đối với sự phát triển bền vững và thịnh vượng của các quốc gia. Ngày nay, cùng với những bước tiến vượt bậc của khoa học và công nghệ, khả năng tiếp cận, khai thác và làm chủ biển của con người ngày càng được mở rộng, qua đó làm gia tăng vai trò của biển trong các chiến lược phát triển KT-XH. Chính vì vậy, định hướng phát triển gắn với biển, lấy biển làm động lực tăng trưởng đã trở thành xu thế phổ biến của nhiều quốc gia trên thế giới.

Nhận thức được tầm quan trọng của kinh tế biển đối với sự phát triển KT-XH đất nước, Đảng đã ban hành nhiều chủ trương phát triển kinh tế biển, phát huy tiềm năng, thế mạnh của biển; mục tiêu xây dựng Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh, đạt cơ bản các tiêu chí về phát triển kinh tế biển, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ X (2006) khẳng định: “Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm; sớm đưa đất nước trở thành quốc gia mạnh về biển trong khu vực, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế” [49, tr.43]. Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X (2006), ngày 9/2/2007, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) lần đầu tiên Đảng thông qua “*Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*”. Đại hội lần thứ XI (2011) của Đảng, tiếp tục khẳng định: Phát triển mạnh mẽ kinh tế biển tương xứng với vị thế và tiềm năng biển của nước ta, gắn phát triển kinh tế biển với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ vùng biển. Tiếp đến, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016) của Đảng tiếp tục khẳng định: “Phát triển kinh tế biển nhằm tăng cường tiềm lực kinh tế quốc gia và bảo vệ chủ quyền biển đảo” [52, tr.94]. Quán triệt chủ trương của Đảng, để thực hiện phát triển kinh tế biển Việt Nam đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, ngày 22/10/2018, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) thông

qua Nghị quyết số 36- NQ/TW *Về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045* với mục tiêu đưa Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh, phát triển bền vững, thịnh vượng,

Quán triệt và vận dụng đúng đắn, sáng tạo đường lối của Đảng về phát triển kinh tế biển, từ năm 2007 đến năm 2020 Đảng bộ thành phố Đà Nẵng luôn xác định phát triển kinh tế biển là nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của thành phố. Vì vậy, qua các kỳ Đại hội Đảng bộ thành phố, chủ trương về phát triển kinh tế biển không ngừng được bổ sung, phát triển và hoàn thiện. Trong đó, Đảng bộ thành phố tập trung ưu tiên phát triển các ngành kinh tế biển trọng điểm: Du lịch biển, hàng hải, thủy sản, xây dựng các KCN, khu chế xuất ven biển. Trên cơ sở chủ trương đề ra, Đảng bộ thành phố đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, linh hoạt, sáng tạo nhằm đảm bảo cho các ngành kinh tế biển phát triển cân đối, hài hòa và bền vững.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ thành phố, các ngành kinh tế biển có sự phát triển mạnh mẽ. Kinh tế biển thực sự trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển KT – XH chung của thành phố. Bên cạnh nhiều thành tựu to lớn, quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế biển của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng cũng không tránh khỏi những hạn chế. Điều đó phần nào làm giảm tính hiệu quả phát triển kinh tế biển của thành phố, chưa thực sự đáp ứng yêu cầu thực tiễn đang đặt ra.

Thực tiễn quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế biển (từ năm 2007 đến năm 2020) của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu: (1) Đảng bộ thành phố Đà Nẵng xác định rõ vị trí, vai trò của kinh tế biển đối với sự phát triển của thành phố; (2) Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lãnh đạo phát triển kinh tế biển toàn diện, đồng thời xác định đúng trọng tâm, trọng điểm; (3) Đảng bộ thành phố Đà Nẵng luôn chú trọng nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, năng lực của đội ngũ cán bộ và chất lượng nguồn nhân lực trong phát triển kinh tế biển; (4) Đảng bộ thành phố luôn bám sát thực tiễn, nắm bắt đúng thời cơ, chú trọng liên kết vùng và tăng cường hội nhập quốc tế.

Trong bối cảnh đất nước đang trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế sâu rộng; cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế được nâng lên, là nền tảng quan trọng để đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới thì kinh tế biển vẫn giữ vị trí, vai trò quan trọng đối với sự phát triển của đất nước. Những kết quả và kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế biển của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng để lại có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc; đã chứng minh chủ trương, đường lối của Đảng trên một lĩnh vực kinh tế là hết sức đúng đắn, khẳng định việc vận dụng và thực hiện sáng tạo vào thực tế tại thành phố Đà Nẵng. Đó là cơ sở để thành phố Đà Nẵng nói riêng và cả nước nói chung quyết tâm thực hiện thắng lợi Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; góp phần thúc đẩy đất nước phát triển nhanh, bền vững trong kỷ nguyên mới.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Đào Xuân Kỳ (2023), “Phát triển kinh tế biển ở thành phố Đà Nẵng (2010-2020)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (394), tr.112-117.
2. Đào Xuân Kỳ (2025), “Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lãnh đạo phát triển kinh tế biển (2007-2020)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (416), tr.92-97.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Lại Lâm Anh (2013), *Quản lý kinh tế biển: kinh nghiệm quốc tế và vận dụng vào Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
2. Nguyễn Thái Anh (2011), *Bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam*, Nxb. Thời đại, Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Anh (2012), *Đảng bộ thành phố Hải Phòng lãnh đạo phát triển kinh tế biển từ năm 1996 đến năm 2010*, Luận án tiến sĩ Lịch sử, Trường Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Lê Duy Anh - Lê Hoàng Vinh (2006), *Lược sử Đà Nẵng 700 năm*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
5. Trần Xuân Ảnh (2011), *Thị trường du lịch Quảng Ninh trong hội nhập kinh tế quốc tế*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
6. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (2007), *Các Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư BCH TW Đảng khóa X*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Ban Tuyên giáo Trung ương (2010), *Chiến lược biển Việt Nam - Từ quan điểm đến thực tiễn*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Đà Nẵng (2016): *Lịch sử Đảng bộ thành phố Đà Nẵng (1975-2015)*, Nxb. Đà Nẵng.
9. Đỗ Bang (2021), *Hoàng Sa – Trường Sa: Chủ quyền Việt Nam*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
10. Nguyễn Văn Bắc (2014), *Nhận thức về biển và sức mạnh các thế lực đại dương trong tư tưởng một số nhà cải cách Việt Nam cuối thế kỷ XIX*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

11. Lê Trọng Bình (2007), *Một số giải pháp đột phá phát triển du lịch vùng biển và ven biển Việt Nam*, Chương trình nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển du lịch biển Việt Nam, Tổng cục du lịch Việt Nam, lưu tại Viện nghiên cứu và phát triển du lịch, Hà Nội.
12. Bộ Chính trị (2003), Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 16/10/2003, “*Về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*”.
13. Bộ Chính trị (2019), Nghị quyết số 43-NQ/TW, ngày 24/1/2019, “*Về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*”.
14. Bộ Chính trị (2013), Kết luận số 75-KL/TW ngày 12/11/2013 “*về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX)*”.
15. Bộ Chính trị (1993), Nghị quyết số 03 - NQ/TW ngày 6/5/1993, “*Về một số nhiệm vụ phát triển kinh tế biển trong những năm trước mắt*”, Lưu tại Thư viện Quốc gia Việt Nam, Hà Nội.
16. Bộ Chính trị (1997), Chỉ thị số 20- CT/TW ngày 22/9/1997, *Về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Lưu tại Thư viện Quốc gia Việt Nam, Hà Nội.
17. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2008), Quyết định Số: 1674/QĐ-BNN- KH ngày 4/6/2008, “*Về chương trình hành động thực hiện Nghị quyết lần thứ 4 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*”, Lưu tại Thư viện Quốc gia Việt Nam, Hà Nội.
18. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ban điều phối Vùng duyên hải miền Trung, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (2014), *Xúc tiến thương mại nhằm phát triển thủy sản bền vững vùng duyên hải miền Trung*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia, Phú Yên.

19. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ban điều phối Vùng duyên hải miền Trung, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận, *Liên kết phát triển du lịch vùng duyên hải miền Trung với vùng Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, các tỉnh Nam Lào và Đông Bắc Campuchia*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế, Bình Thuận.
20. Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản, Tỉnh ủy Bình Thuận (2018), *Phát triển bền vững kinh tế biển ở các tỉnh, thành duyên hải miền Trung và phía Nam dựa trên lợi thế so sánh*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Bình Thuận.
21. Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng (2005), *Thành phố Đà Nẵng 30 năm xây dựng và phát triển (1975 - 2005)*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
22. Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng (2006), *Đà Nẵng 10 năm thành tựu và phát triển*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
23. Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng (2010), *Niên giám thống kê thành phố Đà Nẵng*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
24. Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng (2011), *Niên giám thống kê thành phố Đà Nẵng*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
25. Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng (2012), *Niên giám thống kê thành phố Đà Nẵng*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
26. Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng (2013), *Niên giám thống kê thành phố Đà Nẵng*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
27. Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng (2014), *Niên giám thống kê thành phố Đà Nẵng*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
28. Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng (2015), *Niên giám thống kê thành phố Đà Nẵng*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
29. Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng (2016), *Niên giám thống kê thành phố Đà Nẵng*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
30. Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng (2017), *Niên giám thống kê thành phố Đà Nẵng*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
31. Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng (2018), *Niên giám thống kê thành phố Đà Nẵng*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.

32. Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng (2019), *Niên giám thống kê thành phố Đà Nẵng*, Nxb.. Thống kê, Hà Nội.
33. Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng (2020), *Niên giám thống kê thành phố Đà Nẵng*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
34. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2007), Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2007/NQ-CP, ngày 30/5/2007 “*V/v ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 BCH Trung ương Đảng khoá X về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*”, Lưu tại Thư viện Quốc gia Việt Nam.
35. Nguyễn Đức Cường, Phạm Lan Hương, Nguyễn Thị Nguyên (2014), *Kiên quyết giữ vững chủ quyền biển đảo tổ quốc Việt Nam*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
36. Chính phủ (2009): Quyết định số 2190/QĐ -TTg, ngày 24/12/2009 “*về việc Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*”.
37. Chính phủ (2008): Quyết định số 61/2008/QĐ -TTg ngày 9/5/2008 “*về việc Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Dải ven biển miền Trung Việt Nam đến năm 2020*”.
38. Chính phủ (2011): Quyết định số 07/2011/QĐ -TTg ngày 25/1/2011 “*về việc Quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng KTTĐ miền Trung đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*”.
39. Thiện Cẩm, Nguyễn Đình Đầu, Nguyễn Thái Hợp (2010), *Biển Đông và hải đảo Việt Nam*, NXB Tri thức, Hà Nội.
40. Nguyễn Khắc Duật, Nguyễn An Bình (1986), *Vận tải biển và các cảng biển trong sự thay đổi của hệ thống vận tải*, NXB Giao thông vận tải, Hà Nội.
41. Trương Minh Dục (2009), “Phát triển kinh tế Đà Nẵng nhìn từ góc độ lãnh đạo, quản lý”, *Sinh hoạt lý luận*, 1(92).

42. Chu Đức Dũng (2011), *Chiến lược phát triển kinh tế biển Đông của một số nước Đông Á - tác động và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học mã số KX.01.21/06-10, Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới, Hà Nội.
43. Nguyễn Bá Diên (2006), *Chính sách, pháp luật biển của Việt Nam và Chiến lược phát triển bền vững*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
44. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, NXB Sự thật, Hà Nội.
45. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
46. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
47. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
48. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
49. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
50. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khóa X)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
51. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
52. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
53. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
54. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
55. Đảng cộng sản Việt Nam, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng (1997), *Văn kiện*

- Đại hội đại biểu lần thứ XVII*, lưu hành nội bộ, Đà Nẵng.
56. Đảng cộng sản Việt Nam, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XVIII*, lưu hành nội bộ, Đà Nẵng.
 57. Đảng cộng sản Việt Nam, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XIX*, lưu hành nội bộ, Đà Nẵng.
 58. Đảng cộng sản Việt Nam, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng (2010), *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XX*, lưu hành nội bộ, Đà Nẵng.
 59. Đảng cộng sản Việt Nam, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XXI*, lưu hành nội bộ, Đà Nẵng.
 60. Đảng cộng sản Việt Nam, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XXII*, lưu hành nội bộ, Đà Nẵng.
 61. Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Kinh tế (2011), *Phát triển nhanh và bền vững kinh tế - xã hội khu vực duyên hải miền Trung và Tây Nguyên*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Đà Nẵng.
 62. Thế Đạt (1998), *Lịch sử kinh tế của các nước đảo trên thế giới*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
 63. Thế Đạt (2008), *Nền kinh tế các vùng ven biển của Việt Nam*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
 64. Lê Cao Đoàn (1999), *Đổi mới và phát triển vùng kinh tế ven biển*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 65. Nguyễn Văn Đễ (2008), *Kinh tế biển Việt Nam: Tiềm năng, cơ hội và thách thức*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
 66. Võ Nguyên Giáp (1981), *Khoa học về biển và kinh tế miền biển*, Nxb. Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội.
 67. Nguyễn Thị Thu Hà (2013), *Đầu tư phát triển cảng biển Việt Nam giai đoạn 2005 - 2020*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

68. Phạm Hoàng Hải (2011), *Những mô hình phát triển kinh tế hải đảo Việt Nam*, NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
69. Phạm Hoàng Hải, Lê Đức An, Nguyễn Ngọc Khánh (2010), *Các huyện đảo ven bờ Việt Nam tiềm năng và định hướng phát triển*, Nxb. Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
70. Hoàng Thị Diệu Hiền (2011), *Phát triển kinh tế biển Đà Nẵng theo hướng bền vững*, Tạp chí Khoa học Xã hội nhân văn và Giáo dục, (tập 1, số 1 (2011)82).
71. Lê Nhị Hòa (2018), *Công tác thông tin, tuyên truyền chủ quyền Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
72. Lê Nhị Hòa (2019), *Phát triển bền vững kinh tế biển ở thành phố Đà Nẵng - Từ nhận thức đến thực tiễn*, Tạp chí Lý luận chính trị (7).
73. Hà Minh Hồng, Trần Nam Tiên (2012), *Nhìn ra biển khơi*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
74. Lam Hồng, Thuy An, Hạnh Nguyên (2014), *Biển đảo lãnh thổ thiêng liêng của người dân Việt Nam*, NXB Văn học, Hà Nội.
75. Lam Hồng, Thuy An, Hạnh Nguyên (2014), *Đảo Trường Sa lớn thủ phủ tiền tiêu của Việt Nam trên Biển Đông*, NXB Văn học, Hà Nội.
76. Học viện Chính trị - Hành chính khu vực III (2009), *Kinh tế biển các tỉnh duyên hải miền Trung trong chiến lược kinh tế biển Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Đà Nẵng.
77. Nguyễn Chu Hồi (2020), *Kinh tế biển xanh, các vấn đề và cách tiếp cận cho Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
78. Mạnh Hùng (2008), “*Chiến lược biển Việt Nam tầm nhìn đến năm 2020*”, *Tạp chí Cộng sản* (6), tr.33-35.
79. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2016), *Thành phố Đà Nẵng phát triển ngành thủy sản theo hướng bền vững*” *Tạp chí Lý luận Chính trị* (9).

80. Bùi Thị Thanh Hương (2011), “*Phát triển kinh tế biển: kinh nghiệm quốc tế và một số vấn đề đối với Việt Nam*”, Tạp chí Thông tin khoa học xã hội, (8), tr.25-32.
81. Nguyễn Thị Thu Hương (2016): *Phát triển kinh tế biển tại Quảng Ninh theo hướng bền vững*. Luận án tiến sĩ kinh tế chính trị, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
82. Nguyễn Văn Kim (2014), *Vân Đồn - thương cảng quốc tế của Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
83. Nguyễn Văn Kim - Nguyễn Mạnh Dũng (2014), *Việt Nam truyền thống kinh tế - văn hóa biển*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
84. Đặng Thị Loan, Lê Du Phong, Hoàng Văn Hoa (2006), *Kinh tế Việt Nam 20 năm đổi mới (1986 - 2006) những thành tựu và những vấn đề đặt ra*, Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội
85. Chu Việt Luân (2006), *Đà Nẵng: Thế và lực mới trong thế kỷ XXI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
86. Vũ Lực, Tùy Phúc Dân, Trịnh Lỗi (2012), *Kinh tế Trung Quốc*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
87. Trần Viết Lưu, Đặng Công Minh, Đinh Văn Bắc (2014), *Giáo dục chủ quyền biển, đảo cho thế hệ trẻ Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
88. Lê Nguyên (2007), “*Chiến lược phát triển kinh tế biển Việt Nam*”, Tạp chí thương mại. (13), tr.24-26.
89. Nguyễn Thanh Minh (2013), *Quá trình triển khai chính sách biển của Việt Nam từ năm 1986 đến năm 2010*, Luận án tiến sĩ Lịch sử, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
90. Nguyễn Thanh Minh (2011), *Tiềm năng biển Việt Nam và chính sách hợp tác quốc tế về biển trong thập niên đầu thế kỷ XXI*, Nxb. Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.
91. Vũ Diệu Ngân (2013), *Phát triển kinh tế biển Đà Nẵng, tiềm năng và thách*

- thức*, Tạp chí Phát triển kinh tế- xã hội Đà Nẵng. (57/9.2013).
92. Ngô Quy Nhơn (2000), *Đà Nẵng bước vào thế kỷ XXI*, Nxb. Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
 93. Đỗ Văn Ninh (2004), *Thương cảng Vân Đồn*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
 94. Nguyễn Bá Ninh (2012), *Kinh tế biển ở các tỉnh Nam Trung Bộ Việt Nam trong hội nhập quốc tế*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
 95. Lê Phú Nguyễn (2021), *Việc quản lý quần đảo Hoàng Sa từ năm 1975 đến nay*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Hoàng Sa và Trường Sa trong lịch sử Việt Nam, Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Thừa Thiên Huế.
 96. Vũ Văn Phái (2009), *Biển và phát triển kinh tế biển Việt Nam: Quá khứ, hiện tại và tương lai*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
 97. Nguyễn Đức Phương (2014), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo bảo vệ chủ quyền biển, đảo Tổ quốc từ năm 2001 đến năm 2011*, Luận án tiến sĩ Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng, Hà Nội.
 98. Phạm Thị Thanh Phương (2010), *Đảng bộ tỉnh Bình Thuận lãnh đạo phát triển kinh tế biển giai đoạn 2000-2008*, Luận văn thạc sĩ Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
 99. Nguyễn Thị Hoa Phương (2018), *Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu lãnh đạo phát triển kinh tế biển từ năm 2000 đến năm 2015*, Luận án tiến sĩ Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
 100. Nguyễn Trần Quế (2004), *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XXI*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
 101. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2006), *Luật Du lịch*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 102. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2006), *Bộ luật hàng hải Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 103. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012), *Luật biển Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

104. Đặng Đình Quý (2012), *Biển Đông hướng tới một khu vực hoà bình, an ninh, hợp tác*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
105. Đặng Đình Quý (2012), *Tranh chấp Biển Đông, luật pháp, địa chính trị và hợp tác quốc tế*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
106. Trương Gia Quyền, Trương Lệ Mai dịch (2012), *Quốc phòng Trung Quốc*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
107. Lưu Anh Rô (2020), *Hoạt động khai thác và bảo vệ chủ quyền quần đảo Hoàng Sa của chính quyền Việt Nam Cộng hòa (1954 -1975)*, Luận án tiến sĩ, Đại học Huế, trường Đại học Khoa Học.
108. Hồ Tấn Sáng (2010), Khai thác tiềm năng kinh tế biển, đảo các tỉnh duyên hải miền Trung- Thực trạng và giải pháp, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, Học viện Chính trị khu vực III, Đà Nẵng.
109. Đỗ Tiến Sâm (2019), *Biển Đông trong chiến lược xây dựng cường quốc biển của Trung Quốc từ sau Đại hội XVIII*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
110. Đào Mạnh Sơn (2005), *Nghiên cứu, thăm dò nguồn lợi hải sản và lựa chọn công nghệ khai thác phù hợp phục vụ phát triển nghề cá xa bờ ở Việt Nam*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
111. Phan Văn Sơn (2007), *Phát triển đội ngũ lao động kỹ thuật ở thành phố Đà Nẵng - Thực trạng và giải pháp*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học kinh tế.
112. Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Đà Nẵng (2002), *Những giải pháp cơ bản nhằm phát triển bền vững và có hiệu quả kinh tế biển Đà Nẵng*. Đề tài nghiên cứu khoa học đề tài khoa học cấp thành phố, Đà Nẵng.
113. Sở du lịch thành phố Đà Nẵng (2015): *Báo cáo hoạt động du lịch thành phố Đà Nẵng, giai đoạn 2011-2015*.
114. Ngô Lực Tãi (2014), *Kinh tế biển Việt Nam trên đường phát triển và hội nhập*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.

115. Vũ Trung Tạng (1979), *Nguồn lợi sinh vật Biển Đông*, Nxb. Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.
116. Tập thể nhiều tác giả (2010), *“Đô thị hóa ở các tỉnh Miền Trung, Tây Nguyên và những vấn đề kinh tế xã hội đặt ra”*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
117. Bùi Tất Thắng (2007), *“Về chiến lược phát triển kinh tế biển Việt Nam”*, *Tạp chí kinh tế dự báo*. (8), tr.13-14.
118. Vũ Thị Kim Thanh (2014), *Phát triển bền vững kinh tế - xã hội biển, đảo Việt Nam trong thế kỷ của đại dương*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
119. Trần Đức Thạnh (2012), *“Những vấn đề ưu tiên trong quản lý tổng hợp đới bờ biển Việt Nam”*, *Tạp chí khoa học và công nghệ biển*. (t.12).
120. Nguyễn Hồng Thao (1997), *Những điều cần biết về biển*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
121. Nguyễn Thị Anh Thi (2019), *Kinh tế biển trong mối quan hệ với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở Thành phố Đà Nẵng*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
122. Nguyễn Thị Thơm (2015), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo phát triển kinh tế hàng hải từ năm 1996 đến năm 2011*, Luận án tiến sĩ Lịch sử, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
123. Lê Minh Thông (2012), *Chính sách phát triển kinh tế ven biển Thanh Hóa*, Nxb. Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội.
124. Vũ Thanh Thu (2006), *“Phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất đến năm 2020 - triển vọng và thách thức”*, *Tạp chí Cộng sản*. (9).
125. Vương Toàn Thuyên (1997), *Kinh tế vận tải biển*, Nxb. Hải Phòng.
126. Đặng Việt Thủy, Đậu Xuân Luận (2009), *Tìm hiểu về biển, đảo Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
127. Phạm Ngọc Thức (2012), *Khai thác tiềm năng thế mạnh để phát triển kinh tế biển ở Hải phòng*, *Tạp chí Quản lý kinh tế*, (6/2012).
128. Đặng Thị Huyền Trang (2014), *Các khu dịch vụ du lịch biển, đảo vùng*

- ven biển nước ta và chiến lược phát triển bền vững đến năm 2020*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
129. Trần Công Trục (2014), *Dấu ấn Việt Nam trên biển Đông*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
 130. Nguyễn Vũ Tùng (2019), *Con đường tơ lụa trên biển cho thế kỷ XXI của Trung Quốc và đối sách của Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
 131. Trần Nguyễn Tuyên (2019), *Kinh nghiệm của Nhật Bản về xây dựng và triển khai Chiến lược biển*, Tạp chí Nghiên cứu quốc tế, 1(116).
 132. Hà Anh Tuấn (2019), *Vấn đề xây dựng năng lực nhận thức biển của Nhật Bản*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, 5(219).
 133. Trung tâm Khoa học - Công nghệ - Thủy sản (2006), *Vị trí, vai trò của ngành thủy sản trong nền kinh tế quốc dân*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
 134. Nguyễn Ngọc Trường (2014), *Vấn đề biển Đông*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 135. Đoàn Văn Trường (1991), *Chiến lược phát triển kinh tế ven biển Trung Quốc*, Viện Nghiên cứu khoa học thị trường giá cả,
 136. Thành ủy Đà Nẵng, *Báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Kết luận số 65-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa X)*.
 137. Thành ủy Đà Nẵng (2017), *Báo cáo số 201-BC/TU ngày 01/12/2017, “Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020”*.
 138. Thành ủy Đà Nẵng (2007), *Chương trình hành động số 13-CTr/TU ngày 15/3/2007 thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*.
 139. Thành ủy Đà Nẵng (2013), *Báo cáo số 198-BC/TU ngày 28/3/2013 Tổng kết chuyên đề phát triển kinh tế biển trên địa bàn thành phố Đà Nẵng*.

140. Thành ủy Đà Nẵng (2019), *Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 18/2/2019 Về phát triển bền vững kinh tế biển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn 2045*.
141. Bùi Văn Tiếng (2019), *Đà Nẵng với cuộc đấu tranh khẳng định, bảo vệ chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học của Học viện Chính trị khu vực III, Đà Nẵng.
142. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (2006), *Báo cáo tổng kết 10 năm xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng*, Đà Nẵng.
143. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (2010), *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2010 và phương hướng nhiệm vụ 2011*, Đà Nẵng.
144. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (2011), *Báo cáo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng đến năm 2020*, Đà Nẵng.
145. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (2011), *Báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2012 thành phố Đà Nẵng*, Đà Nẵng.
146. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (2012), *Báo cáo tổng kết Nghị quyết Trung ương năm (khóa IX) Về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể*, Đà Nẵng.
147. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (2012), *Báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2013 thành phố Đà Nẵng*, Đà Nẵng.
148. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (2005): *Quyết định số 178/2005/QĐ-UBND ban hành Đề án củng cố và nâng cao chất lượng các cơ sở dạy nghề trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2010*.
149. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (2016): *Đà Nẵng 10 năm thành tựu và phát triển*, Nxb Đà Nẵng.
150. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (2017), *Quyết định số 5245/QĐ-UBND ngày 18/9/2017 Phê duyệt Đề án phát triển kinh tế biển thành phố Đà Nẵng đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030*.
151. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (2016), *Quyết định số 7350/UBND ban hành ngày 28/10/2016 về việc ban hành Chuyên đề về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trọng điểm giai đoạn 2016-2025*.

152. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (2018), *Báo cáo số 3740/UBND-SKHĐT, ngày 21/5/ 2018, về việc huy động, phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế biển tại thành phố Đà Nẵng.*
153. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (2011), *Quyết định số 5528/QĐ - UBND ngày 30/6/2011 về việc ban hành chương trình phát triển du lịch thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011-2015.*
154. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (2015), *Quyết định số 8373/QĐ - UBND ngày 9/11/2015 về việc phê duyệt Đề án phát triển du lịch Đà Nẵng giai đoạn 2016-2020.*
155. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (2017), *Kế hoạch số 4567/KH - UBND ngày 20/6/2017 về việc triển khai thực hiện Đề án tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân vùng biên giới, hải đảo giai đoạn 2017-2021.*
156. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (2011), *Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/3/2011 về việc phê duyệt Đề án Chuyển đổi cơ cấu tàu thuyền, cơ cấu nghề khai thác theo hướng bền vững giai đoạn 2011-2015.*
157. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (2020), *Quyết định số 688/QĐ - UBND ngày 28/2/2020 về việc Ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 28 -CTr/TU ngày 18/2/2019 của Thành ủy về phát triển bền vững kinh tế biển Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn 2045.*
158. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (2018), *Báo cáo số 3740/UBND-SKHĐT ngày 21/5/2018 Kết quả huy động, phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế biển tại thành phố Đà Nẵng*
159. UBND thành phố Đà Nẵng (2017), *Đà Nẵng - 20 năm xây dựng & phát triển*, Nxb. Đà Nẵng.
160. UBND thành phố Đà Nẵng (2020), *Đà Nẵng thành tựu và khát vọng*. Nxb. Đà Nẵng.
161. Viện Nghiên cứu Phát triển kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng (2009), *Báo cáo thực trạng đời sống và điều kiện làm việc của công nhân tại các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.*

162. Viện Khoa học xã hội Việt Nam phối hợp ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (2011), *Khai thác tiềm năng biển, đảo vì sự phát triển bền vững của Quảng Ngãi và miền Trung*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia, Quảng Ngãi.
163. Viện khoa học xã hội vùng Trung Bộ (2018), *Phát triển du lịch bền vững ở miền Trung Việt Nam và ASEAN*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế, Đà Nẵng.
164. Viện Khoa học xã hội Việt Nam và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2007), *Báo cáo Hội thảo Tầm nhìn kinh tế biển và phát triển kinh tế biển Việt Nam*, Hà Nội.

Tài liệu internet

165. Cổng thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng: <https://danang.gov.vn/>
166. Báo Công an Thành phố Đà Nẵng, số 24 (5645), ngày 28/1/2019, *Cảng Đà Nẵng đối mặt áp lực cạnh tranh*,
167. <https://dangbodanang.vn/toisuchinhtri/dexuatbanhanhchinhhsachhotrophattrienkhaithacxabotrongrunggolon/id/12758>, cập nhật 25-4-2019 10:56
168. Đà Nẵng: Nhiệm kỳ 2015-2020, bước tạo đà quan trọng cho thời kỳ phát triển mới
169. <https://vioit.vn/thuc-trang-phat-trien-nganh-thuy-san-thanh-pho-da-nang.html>
170. <https://www.dulichvn.org.vn/index.php/item/nam-2020-khach-du-lich-den-da-nang-giam-manh-44319>
171. <https://vietnamtourism.gov.vn/post/34891>
172. <https://baophapluat.vn/cang-da-nang-cang-container-lon-nhat-mien-trung-post47994.html>
173. <https://longminhtech.com/en/news/nhung-tin-hieu-vui-tu-cang-bien-mien-trung-480>
174. https://www.quynhonport.vn/nang-luc/thong-ke-114.html?utm_source=chatgpt.com

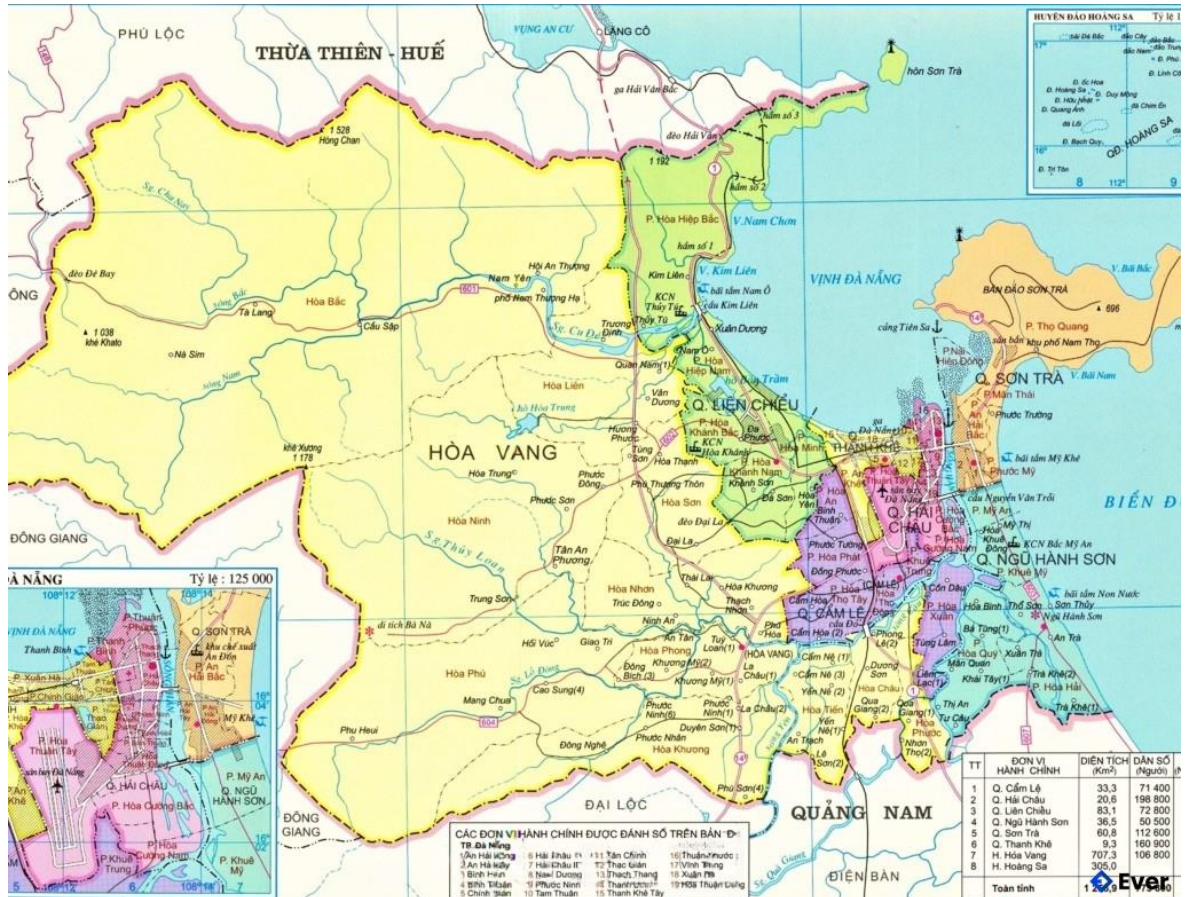
175. <https://khuyennong.quangngai.gov.vn/i1559-khai-thac-thuy-san-tinh-quang-ngai-giai-doan-2016-%E2%80%93-2020-va-dinh-huong-phat-trien-giai---.aspx>
176. <https://bvhttdl.gov.vn/hon-7-trieu-luot-khach-luu-tru-tai-khanh-hoa-trong-nam-2019-20191219094034234.htm>

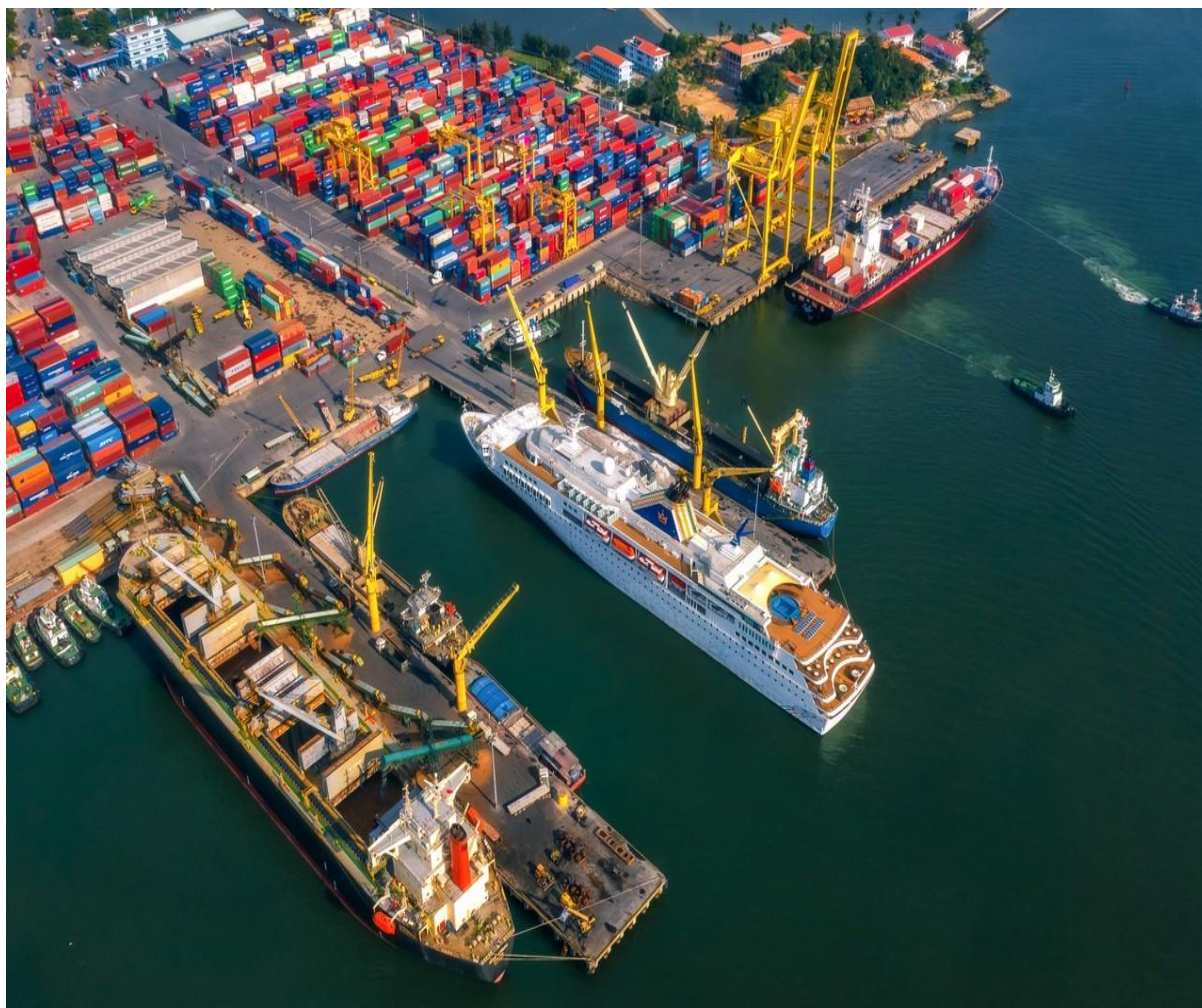
Tài liệu tiếng Anh

177. The Asian experience in developing the maritime sector: Some case studies and lessons for Malaysia (Nazety Khalid, Armi Suzana, and Farida Farid, Center for Economic Studies and Ocean Industries, 2008).
178. The Ocean Economy in 2030, Organization for Economic Cooperation and Development (OECD), Publishing, Paris, 2016
179. Charles S. Colgan (2007), “A Guide to the Measurement of the Market Data for the Ocean and Coastal Economy in the National Ocean Economics Program”, dẫn theo Lê Quốc Bang, Tạp chí *Lý luận chính trị* số 12/2017, tr.114
180. The Blue Economy: 10 Years, 100 Innovations, 100 Million Jobs - Gunter Pauli, Paradigm Publications, 2010
181. Economics of the Marine: Modelling Natural Resources - Karyn Morrissey, Rowman & Littlefield Publishers (Rowman & Littlefield International), London, 2017

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Bản đồ hành chính thành phố Đà Nẵng (nguồn internet)

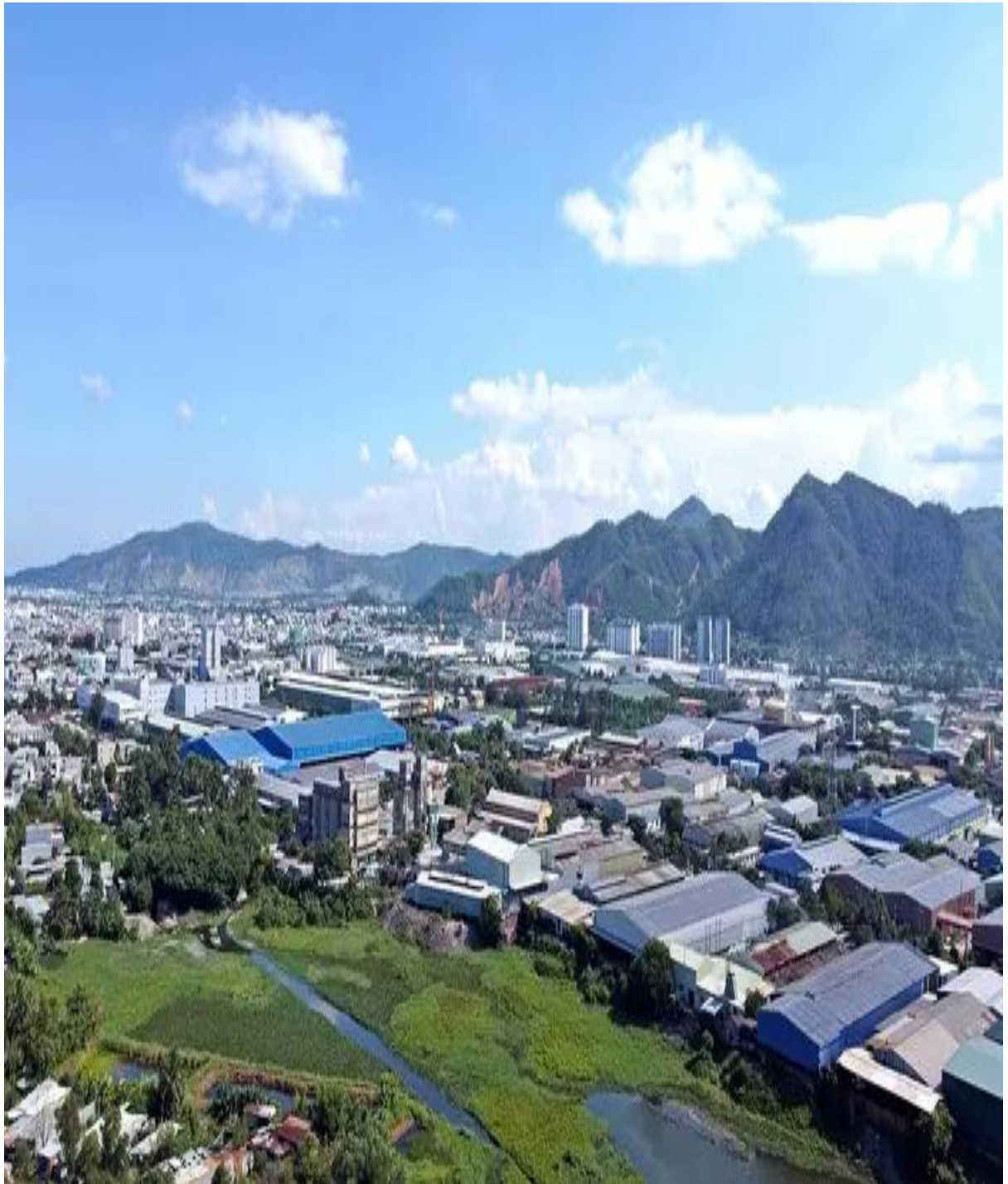


Phụ lục 2: Cảng Đà Nẵng (nguồn internet)

Phụ lục 3: Hoạt động đánh bắt hải sản của ngư dân Đà Nẵng (nguồn internet)



Phụ lục 4: Cụm khu công nghiệp ven biển Đà Nẵng (nguồn internet)



Phụ lục 5: Bãi biển du lịch Nguyễn Tất Thành (Nguồn internet)



Phụ lục 6: Hoạt động bảo vệ chủ quyền trên biển ở Đà Nẵng (nguồn internet)



Phụ lục 7:**DANH MỤC CÁC ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 28-CTR/TU NGÀY 18-02-2011 CỦA THÀNH ỦY VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ BIỂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

STT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
I	Chương trình 1 - Tăng cường năng lực quản trị biển			
1.1	Rà soát, kiện toàn cơ quan điều phối liên ngành chỉ đạo thống nhất thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển thành phố do Chủ tịch UBND thành phố là người đứng đầu	2020	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành, UBND các quận/huyện, các hội, đoàn thể
1.2	Tăng cường cơ sở vật chất, năng lực quản lý nhà nước tổng hợp tài nguyên, môi trường biển và hải đảo cho Chi cục Biển và Hải đảo; các lực lượng làm công tác tuần tra, giám sát, điều tra cơ bản và quản lý biển, hải đảo	2020-2025	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành, UBND các quận/huyện, các hội, đoàn thể
1.3	Rà soát, nghiên cứu bổ sung quy hoạch/kế hoạch khai thác, sử dụng biển vào các quy	2020-2025	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ban, ngành, UBND các quận/huyện

STT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	hoạch/kế hoạch của thành phố			
1.4	Xây dựng và thí điểm triển khai mô hình quản trị biển thông minh, tiên tiến, ứng dụng công nghệ hiện đại	2020-2030	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành, UBND các quận/huyện, các hội, đoàn thể
II	Chương trình 2 - Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển kinh tế biển bền vững			
2.1	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền về biển đảo thành phố giai đoạn 2020-2030	2020	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND các quận/huyện, các hội, đoàn thể
2.2	Tiếp tục triển khai và nhân rộng các mô hình cộng đồng tham gia bảo vệ tài nguyên và môi trường biển: Câu lạc bộ cộng đồng phát triển kinh tế bền vững vùng ven biển; Phường xanh Biển sạch; Nói không với rác thải nhựa; Cộng đồng dân cư giảm rác thải nhựa đại dương; khu dân cư văn hóa biển,....	2020-2030	UBND các quận/huyện	Các sở, ban, ngành, các hội, đoàn thể

STT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
2.3	Tăng cường, đa dạng các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam và Ngày Đại dương thế giới hằng năm	Hằng năm	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND các quận/huyện, các hội, đoàn thể
2.4	Tăng cường công tác truyền truyền về biển đảo cho học sinh, sinh viên các trường trên địa bàn thành phố; nghiên cứu lồng ghép nội dung về biển đảo vào các chương trình hoạt động ngoài giờ	Hằng năm	Sở Giáo dục và Đào tạo, Đại học Đà Nẵng	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông, UBND các quận/huyện, các hội, đoàn thể
III	Chương trình 3 - Phát triển các ngành kinh tế biển			
3.1	Xây dựng bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững kinh tế biển làm cơ sở để giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW	2020-2022	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ban, ngành, UBND các quận/huyện
3.2	Tiếp tục triển khai Đề án Quản lý và khai thác du lịch tại các bãi biển tuyến Nguyễn Tất Thành giai đoạn 2018-2020	2020-2030	Sở Du lịch	Các sở, ban, ngành, UBND các quận ven biển

STT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
3.3	Đẩy nhanh tiến độ đầu tư hệ thống cảng theo các quy hoạch đã được phê duyệt, các tuyến đường kết nối; theo dõi, đôn đốc đầu tư cơ sở hạ tầng logistics trên địa bàn thành phố theo quy hoạch được duyệt	2020-2030	Sở Giao thông Vận Tải	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban QLDA ĐTXD các CTGT
3.4	Khảo sát, đánh giá tiềm năng, xây dựng chính sách khuyến khích đầu tư, nghiên cứu các nguồn năng lượng tái tạo; đầu tư xây dựng, khai thác điện gió, năng lượng mặt trời và các dạng năng lượng mới, năng lượng tái tạo	2020-2030	Sở Công Thương	Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan
3.5	Nghiên cứu, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp mới theo mô hình khu công nghiệp sinh thái; phát triển ngành chế tạo thiết bị phục vụ ngành công nghiệp năng lượng tái tạo	2020-2025	Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, UBND các quận/huyện

STT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
3.6	Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến trong khai thác, bảo quản, chế biến hải sản; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các công nghệ mới về xử lý môi trường	Hằng năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan
IV	Chương trình 4 - Bảo vệ môi trường biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và phòng chống thiên tai			
4.1	Tổ chức nghiên cứu tổng thể bờ biển, hiện trạng chất lượng môi trường biển và đề xuất giải pháp kiểm soát, quản lý phù hợp	Thường xuyên và định kỳ 5 năm	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Xây dựng, Sở Du lịch, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, UBND các quận/huyện
4.2	Xây dựng Bản đồ nhạy cảm môi trường biển và kịch bản ứng phó sự cố môi trường biển	2020-2022	Sở Tài nguyên và Môi trường	Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, UBND các quận/huyện
4.3	Xây dựng phương án và tổ chức triển khai thí điểm thu gom rác tại các cửa xả trên sông và ven biển	2020-2025	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các quận/huyện

STT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
4.4	Rà soát, điều chỉnh chương trình quan trắc môi trường nước biển thành phố	2020-2025	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các quận/huyện
4.5	Đầu tư hoàn thiện đồng bộ hệ thống kê nhằm ứng phó xâm thực, xói lở bờ biển	2020-2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ban, ngành, UBND các quận ven biển
V	Chương trình 5 - Bảo tồn, phát triển bền vững đa dạng sinh học biển			
5.1	Bảo tồn, phát triển bền vững đa dạng sinh học biển kết hợp với bảo tồn văn hóa biển, cải thiện sinh kế và phát triển du lịch dựa vào cộng đồng	2020-2021	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Du lịch
5.2	Tổ chức phục hồi các rạn san hô, thảm cỏ biển và các hệ sinh thái liên quan trong vùng biển ven bờ thành phố	2020-2025	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Du lịch, UBND các quận ven biển
VI	Chương trình 6 - Xây dựng văn hóa biển, xã hội gắn bó và thân thiện với biển			
6.1	Bảo tồn phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể trên địa bàn	2020-2025	Sở Văn hóa và Thể thao	UBND các quận/huyện

STT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	thành phố, đặc biệt là các nghi thức, lễ hội của ngư dân vùng biển; tiến hành kiểm kê, xếp hạng các di sản văn hóa gắn với văn hóa vùng biển			
6.2	Xây dựng chương trình và tổ chức các hoạt động triển lãm, các chương trình biểu diễn nghệ thuật bảo tồn văn hóa biển; phát hành ấn phẩm giới thiệu, quảng bá văn hóa biển Đà Nẵng	2020-2025	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành, UBND các quận/huyện
VII	Chương trình 7 - Bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo			
7.1	Tăng cường tuyên truyền về Nghị quyết số 36-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương 8 (Khóa XII), Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 18-02-2019 của Thành ủy Đà Nẵng; Luật Biển Việt Nam, Luật Biên giới quốc gia, Luật Tài nguyên, môi trường biển	Thường xuyên hằng năm	BCH Bộ đội Biên phòng	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các quận/huyện

STT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	và hải đảo và các quy định liên quan về khu vực biên giới biển			
7.2	Tăng cường công tác giữ gìn TTATXH trên khu vực biên giới biển, duy trì thường xuyên công tác thu nắm tình hình liên quan trên biển và công tác tuần tra bảo vệ chủ quyền, bảo vệ ngư dân bám biển sản xuất phát triển kinh tế và thực hiện nhiệm vụ phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn trên biển	Thường xuyên hằng năm	BCH Bộ đội Biên phòng	BCH Quân sự, Công an TP, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
VIII	Chương trình 8 - Đối ngoại và hợp tác quốc tế			
8.1	Phát triển quan hệ hợp tác với các địa phương nước ngoài về biển, tham gia các diễn đàn quốc tế và khu vực, nhất là các hoạt động hợp tác biển trong khuôn khổ ASEAN	Thường xuyên	Sở Ngoại vụ	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành liên quan

STT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
8.2	Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền đối ngoại, vận động người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài làm việc tại Đà Nẵng ủng hộ lập trường của Việt Nam về chủ quyền biển đảo và phát triển kinh tế biển bền vững	Thường xuyên	Sở Ngoại vụ, Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành liên quan
8.3	Xúc tiến và tham gia các chương trình hợp tác quốc tế về biển	Thường xuyên	Sở Ngoại vụ	Các sở, ban, ngành liên quan
8.4	Thúc đẩy kêu gọi các chương trình hợp tác và đầu tư của các tổ chức và đối tác quốc tế đối với các lĩnh vực bảo vệ môi trường biển, xử lý ô nhiễm, bảo tồn đa dạng sinh học biển và ứng phó với biến đổi khí hậu	2020-2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Ngoại vụ	Sở Tài nguyên và Môi trường
IX	Chương trình 9 - Phát triển khoa học công nghệ, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý và phát triển kinh tế biển			

STT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
9.1	Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình điều tra cơ bản về tài nguyên và môi trường biển, phấn đấu 100% diện tích vùng biển Đà Nẵng được điều tra ở tỷ lệ bản đồ 1:500.000	Đến năm 2030	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành liên quan
9.2	Lập hồ sơ tài nguyên quần đảo Hoàng Sa, hồ sơ tài nguyên vùng biển ven bờ thành phố	2020-2022	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Hoàng Sa, các sở, ban, ngành liên quan
9.3	Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu biển đảo: tài nguyên biển, đặc điểm khí tượng, thủy-hải văn, địa hình đáy biển, động lực biển... của vùng biển ven bờ thành phố Đà Nẵng	2021-2025	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành liên quan
9.4	Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong việc khai thác tài nguyên biển, chú trọng nghiên cứu khai thác tài nguyên được liệu biển, năng lượng tái tạo và xử lý môi trường	2021-2025	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành liên quan

(Nguồn: Quyết định của UBND thành phố Đà Nẵng số: 688/QĐ-UBND, ngày 28 tháng 2/2020)

Phụ lục 8:**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG****ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

Số: 43-NQ/TW

*Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2019***NGHỊ QUYẾT****CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN****THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045****I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN**

Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đà Nẵng đã có bước phát triển mạnh mẽ, trở thành một thành phố năng động, sáng tạo, khai thác tốt các tiềm năng, thế mạnh. Kinh tế tăng trưởng tương đối nhanh, tốc độ tăng giá trị tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đạt khoảng 9,8%/năm, GRDP bình quân đầu người tăng 6,6 lần so với năm 2003. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, đúng hướng, trong đó ngành Dịch vụ dẫn đầu về tỉ trọng và tốc độ tăng trưởng; dịch vụ thương mại, thông tin và truyền thông, vận tải, logistics, tài chính, ngân hàng, giáo dục - đào tạo, y tế đều phát triển với tốc độ cao; du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, có thương hiệu, có khả năng cạnh tranh quốc tế. Ngành công nghiệp duy trì mức tăng trưởng khá, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin được chú trọng phát triển. Nông nghiệp phát triển theo hướng bền vững, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Tiềm năng, thế mạnh kinh tế biển ngày càng được phát huy.

Hạ tầng kinh tế - xã hội, diện mạo đô thị thay đổi nhanh chóng và tương đối hiện đại. Chỉ số cạnh tranh, chỉ số phát triển con người được nâng lên; duy trì được vị trí tốp đầu về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và các chỉ số về cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, phát triển và ứng

dụng công nghệ thông tin. Xây dựng nông thôn mới đạt được nhiều kết quả tích cực, hoàn thành sớm mục tiêu đề ra. Lĩnh vực văn hóa - xã hội, giáo dục, đào tạo, y tế, công tác xóa đói, giảm nghèo đạt kết quả tốt; đời sống vật chất, tinh thần của đại bộ phận nhân dân được nâng lên. Chính trị - xã hội được duy trì ổn định; quốc phòng, an ninh được củng cố; trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; phát triển kinh tế - xã hội kết hợp chặt chẽ với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đà Nẵng từng bước khẳng định vai trò là đô thị lớn, đầu tàu, động lực phát triển, trung tâm kinh tế - xã hội của miền Trung - Tây Nguyên và của cả nước.

Tổ chức bộ máy cơ quan đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị từng bước được sắp xếp lại; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ được nâng lên. Các Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng được triển khai nghiêm túc, bài bản. Công tác xây dựng chính quyền, cải cách hành chính đạt nhiều kết quả tích cực. Chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội được nâng cao; khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện Nghị quyết trong thời gian qua còn nhiều hạn chế, yếu kém. Đà Nẵng phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Quy mô kinh tế của Đà Nẵng có tăng nhưng còn nhỏ, chỉ chiếm 1,55% GDP của cả nước; tốc độ tăng trưởng có xu hướng giảm sút so với trước, năng suất lao động chưa cao. Kinh tế tập thể phát triển chậm; kinh tế tư nhân còn nhiều hạn chế; thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài mới chủ yếu ở lĩnh vực du lịch, dịch vụ, chưa có nhiều dự án công nghệ cao, công nghệ nguồn. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch còn nhiều bất cập, chưa theo kịp yêu cầu phát triển, nhất là trong quy hoạch đô thị và sử dụng đất đai. Ô nhiễm môi trường gia tăng, xử lý chưa hiệu quả. Kết cấu hạ tầng còn thiếu tính đồng bộ, kết nối; chưa phát huy và thể hiện rõ nét vai trò là đô thị trung tâm, đầu tàu, động lực dẫn dắt phát triển kinh tế - xã hội miền Trung - Tây Nguyên. Sự liên kết, hợp tác của thành phố với các địa phương trong vùng và cả nước chưa thường xuyên, thiếu chủ động, hiệu quả chưa cao. Một số dự án phát triển

kinh tế - xã hội chưa gắn chặt với yêu cầu củng cố quốc phòng, an ninh; tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội còn tiềm ẩn nhiều yếu tố gây mất ổn định; công tác xóa đói, giảm nghèo chưa thực sự bền vững, nguy cơ tái nghèo cao. Công tác xây dựng Đảng còn nhiều hạn chế, khuyết điểm, nhất là trong công tác cán bộ, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; chưa phát huy được vai trò của tổ chức cơ sở đảng.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên có nguyên nhân khách quan, nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Việc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết ở một số ban, bộ, ngành Trung ương và Đà Nẵng chưa được quan tâm thường xuyên, thiếu quyết liệt. Một số cơ chế, chính sách đặc thù cho Đà Nẵng chậm được ban hành; một số rào cản, vướng mắc chưa được tháo gỡ kịp thời; chậm triển khai một số công trình, dự án trọng điểm; nguồn thu ngân sách còn phụ thuộc nhiều vào đất đai. Ở một số nơi, một số khâu, chất lượng hoạt động của tổ chức đảng, hệ thống chính trị còn bất cập; công tác quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực, một số giai đoạn còn yếu kém và có khuyết điểm lớn. Chất lượng cán bộ, nhất là ở cấp cơ sở chưa đáp ứng được yêu cầu. Công tác nghiên cứu, dự báo, tổng kết thực tiễn chưa được tiến hành thường xuyên, thiếu chủ động...

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Chiến lược và các chính sách phát triển thành phố Đà Nẵng được đặt trong tổng thể chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung - Tây Nguyên; có sự kết nối chặt chẽ với các cực tăng trưởng, các trung tâm phát triển, các thành phố lớn trong cả nước và khu vực Đông Nam Á, Châu Á - Thái Bình Dương; dựa trên việc khai thác và sử dụng có hiệu quả mọi tiềm năng, lợi thế, nhất là về tài nguyên thiên nhiên, tiềm năng kinh tế biển, vị trí địa kinh tế và địa chiến lược quan trọng của thành phố Đà Nẵng trong vùng và cả nước.

- Xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng phải trên cơ sở đổi mới căn bản mô hình phát triển kinh tế, chú trọng phát triển theo chiều sâu, kết hợp với phát triển theo chiều rộng một cách hợp lý; phát huy mạnh mẽ vai trò của các thành phần kinh tế; coi nguồn lực trong nước là nền tảng và quyết định, nguồn lực nước ngoài là quan trọng. Nhận diện và phát huy tốt các động lực tăng trưởng mới, nhất là việc xây dựng chính quyền đô thị và phát triển kinh tế tư nhân, đẩy mạnh và phát huy hiệu quả kết nối, liên kết vùng, ứng dụng công nghệ cao, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.

- Phát triển thành phố Đà Nẵng theo hướng đô thị sinh thái, hiện đại, thông minh, mang tầm quốc tế và có bản sắc riêng; phát triển kinh tế nhanh và bền vững, coi việc nâng chất lượng cuộc sống của người dân đạt ở mức cao là nhiệm vụ trung tâm; tập trung phát triển 3 trụ cột chính: Du lịch, công nghiệp công nghệ cao và kinh tế biển; bảo đảm quốc phòng, an ninh, chủ quyền biển, đảo, trật tự, an toàn xã hội.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ ngang tầm nhiệm vụ; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; phát huy cao độ truyền thống văn hóa, cách mạng, tinh thần tiên phong, năng động, sáng tạo, tự lực tự cường của người Đà Nẵng. Chú trọng làm tốt công tác tư tưởng, tạo sự đồng thuận trong hệ thống chính trị và toàn xã hội, vững vàng đưa thành phố phát triển đi lên nhanh và mạnh hơn, vững chắc hơn.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu đến năm 2030

- Mục tiêu tổng quát

Xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và Đông Nam Á với vai trò là trung tâm về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, du lịch, thương mại, tài chính, logistics, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghiệp hỗ trợ; là một trong những trung tâm văn hóa - thể thao, giáo dục - đào tạo, y tế chất lượng cao, khoa học

- công nghệ phát triển của đất nước; trung tâm tổ chức các sự kiện tầm khu vực và quốc tế; thành phố cảng biển, đô thị biển quốc tế với vị trí là hạt nhân của chuỗi đô thị và cực tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung - Tây Nguyên; trở thành đô thị sinh thái, hiện đại và thông minh, thành phố đáng sống, có tổ chức đảng và hệ thống chính trị vững mạnh, chính quyền tiên phong trong đổi mới và phát triển, người dân có mức sống thuộc nhóm địa phương dẫn đầu cả nước với chất lượng cuộc sống tốt, thân thiện, hạnh phúc và sáng tạo; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc.

- *Các chỉ tiêu cụ thể:*

+ *Giai đoạn 2021 - 2030:* Tốc độ tăng bình quân GRDP trên 12%/năm; dịch vụ 12,5 - 13,5%/năm; công nghiệp 11,5 - 12,5%/năm; nông nghiệp 4 - 5%/năm. Các lĩnh vực công nghệ cao đóng góp hơn 10% tổng sản phẩm trên địa bàn của thành phố. Kim ngạch xuất khẩu đạt trên 2% của cả nước. Thu ngân sách trên địa bàn tăng trên 15%/năm. Tổng vốn đầu tư phát triển xã hội trên địa bàn bình quân tăng trên 10%/năm. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và chỉ số cải cách hành chính xếp hạng trong top 3 của cả nước.

+ *Đến năm 2030:* Hoàn thành xây dựng đô thị thông minh kết nối đồng bộ với các mạng lưới đô thị thông minh trong nước và khu vực ASEAN; GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt khoảng 8.700 USD; tỉ trọng tổng sản phẩm trên địa bàn của Đà Nẵng so với cả nước đạt trên 2%; cơ cấu kinh tế: Ngành dịch vụ 62 - 65%, công nghiệp và xây dựng 28 - 30%, nông nghiệp 1 - 2%; quy mô dân số đạt khoảng 1,5 triệu người; giải quyết việc làm mới hằng năm trên 3,5 vạn lao động; tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70%; chênh lệch giữa nhóm thu nhập cao nhất và nhóm thu nhập thấp nhất không vượt quá 5,0 lần; người dân được tiếp cận đầy đủ và công bằng với nước uống và sinh hoạt an toàn, đặc biệt an toàn trước thiên tai; bảo đảm 100% nước thải nguy hại được xử lý; độ che phủ rừng đạt khoảng 45%.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2045

Thành phố Đà Nẵng trở thành đô thị lớn, sinh thái và thông minh, là trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và thành phố biển đáng sống đạt đẳng cấp khu vực Châu Á.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Về phát triển kinh tế

- Thực hiện tốt tiến trình đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế; tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp. Tập trung đầu tư phát triển mạnh các ngành kinh tế biển gắn với bảo vệ an ninh, chủ quyền biển, đảo; phát triển hiện đại hóa các ngành dịch vụ, nhất là dịch vụ biển, du lịch, thương mại, tài chính - ngân hàng, giáo dục - đào tạo, y tế và chăm sóc sức khỏe chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh và kết nối cao với các trung tâm dịch vụ quốc tế trong khu vực ASEAN và thế giới. Tăng cường xúc tiến đăng cai tổ chức các sự kiện mang tầm quốc tế và khu vực, đưa Đà Nẵng trở thành thành phố sự kiện, trung tâm hội nghị quốc tế.

- Có chính sách ưu tiên nguồn lực, chú trọng phát triển 5 lĩnh vực mũi nhọn của thành phố: (1) Du lịch và dịch vụ chất lượng cao gắn với bất động sản nghỉ dưỡng; (2) Cảng biển, hàng không gắn với dịch vụ logistics; (3) Công nghiệp công nghệ cao gắn với xây dựng đô thị sáng tạo, khởi nghiệp; (4) Công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông gắn với nền kinh tế số; (5) Sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao và ngư nghiệp.

- Có chính sách phát triển thành phố Đà Nẵng trở thành một trung tâm kinh tế biển, hình thành chuỗi cung ứng dịch vụ logistics tại miền Trung với vai trò trung tâm của Đà Nẵng.

- Xây dựng và phát triển khu công nghệ cao của thành phố trở thành khu đô thị sáng tạo - khoa học - công nghệ đạt đẳng cấp quốc tế, có sức cạnh tranh cao. Nghiên cứu, xây dựng Trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tầm quốc gia tại thành phố Đà Nẵng với vai trò là hạt nhân khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành Nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn; chú trọng các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, giá trị kinh tế cao phục vụ đô thị và du lịch. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, đất rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, bảo vệ môi trường, sinh thái.

- Tập trung tháo gỡ các vướng mắc, khắc phục hậu quả liên quan đến các vi phạm về quản lý đất đai theo các kết luận của cấp có thẩm quyền, bảo đảm quyền lợi của các tổ chức và cá nhân, nguồn thu ngân sách nhà nước. Tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi; chủ động thu hút có chọn lọc các dự án có vốn đầu tư nước ngoài; đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút đầu tư theo hình thức đối tác công - tư PPP, BOT, BT; có cơ chế huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước.

- Chú trọng đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, kết nối miền Trung - Tây Nguyên, phát triển hành lang kinh tế Đông Tây, Tiểu vùng Mê Công. Kết nối hệ thống giao thông thành phố Đà Nẵng với các tỉnh lân cận, khu vực và quốc tế bằng đường bộ, đường biển, đường sắt và đường hàng không. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư các công trình, dự án động lực, trọng tâm là: Xây dựng cảng Liên Chiểu, mở rộng và chuyển đổi cảng Tiên Sa, Khu đô thị Đại học Đà Nẵng, di dời ga đường sắt và phát triển đô thị, dự án phối hợp với tỉnh Quảng Nam, mở rộng cửa khẩu Đắc Ôc thành cửa khẩu quốc tế, nâng công suất cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng, hành lang kinh tế Đông Tây 2 (Quốc lộ 14D), mở rộng Quốc lộ 14B, Quốc lộ 14G, khơi thông sông Cỏ Cò và hệ thống hạ tầng đường thủy, xây dựng Khu du lịch quốc gia Sơn Trà. Khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư, phát triển hạ tầng viễn thông, phổ cập dịch vụ, phát triển dịch vụ công ích với công nghệ hiện đại, chất lượng cao, cung cấp đa dịch vụ.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, nhất là quy hoạch tổng thể phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 bảo đảm tính kết nối, liên kết vùng, trong đó thành phố Đà Nẵng là đô thị hạt nhân của chuỗi các đô thị Huế - Đà Nẵng - Chu Lai Kỳ Hà - Dung Quất (Vạn Tường) - Quy Nhơn; hình thành vùng đô thị Đà Nẵng, bao gồm Chân Mây (Lăng Cô) - Đà Nẵng - Điện Bàn - Hội An - Nam Hội An; quy hoạch bán đảo Sơn Trà. Rà soát lại quy hoạch phát triển không gian đô thị; quy hoạch vùng kinh tế trọng điểm miền Trung theo hướng xác lập, phát huy vai trò, vị trí trung tâm của Đà Nẵng.

- Chú trọng công tác quản lý đô thị, tổ chức không gian đô thị hiện đại, hài hòa với thiên nhiên, bảo tồn và phát triển bản sắc đặc trưng của đô thị biển - sông - núi, bảo đảm các tiêu chuẩn đô thị hiện đại. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “Xây dựng thành phố thông minh”; Đề án “Xây dựng Đà Nẵng - Thành phố môi trường”, Chương trình hành động về thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Nghiên cứu mở rộng không gian và phát triển các khu đô thị mới về hướng Tây và Tây Bắc theo hướng đô thị sinh thái, đô thị xanh; đô thị hóa gắn với xây dựng nông thôn mới. Phát triển khu trung tâm thành phố theo hướng mô hình đô thị nén hiện đại.

- Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng trên cơ sở khai thác và phát huy các tiềm năng, thế mạnh hạt nhân của thành phố Đà Nẵng và lợi thế vùng; tạo sự thống nhất trong liên kết, phát triển kinh tế - xã hội giữa các địa phương miền Trung - Tây Nguyên, nhất là trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện và xúc tiến, huy động nguồn lực triển khai thực hiện kế hoạch và nội dung liên kết, nâng cao sức cạnh tranh để cùng phát triển.

2. Về phát triển văn hóa, xã hội

- Xây dựng đời sống văn hóa phong phú, bản sắc, có hệ thống thiết chế văn hóa tương xứng với trình độ phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh thực thi và nâng cao hiệu quả các chính sách xã hội trên địa bàn, nhất là các chính sách xã hội giàu tính nhân văn, như Chương trình “5 không”, “3 có”, “4 an”¹; hình

thành các giá trị, bản sắc riêng, phù hợp với truyền thống, văn hóa người Đà Nẵng.

- Triển khai đồng bộ các chính sách bảo trợ, an sinh xã hội, bảo đảm 100% các đối tượng yếu thế được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản; quan tâm vấn đề dân cư, dân số với quy mô, kết cấu phù hợp; quy hoạch lại mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội. Kiện toàn, nâng cao chất lượng hệ thống y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn.

- Có cơ chế, chính sách thu hút, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nguồn nhân lực. Xây dựng và triển khai Chương trình phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng các yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tập trung vào các lĩnh vực mũi nhọn của thành phố. Rà soát, hoàn thiện chính sách nhập cư bảo đảm hài hòa, nhân văn, hỗ trợ tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học đạt chuẩn quốc tế; thực hiện liên thông, minh bạch về thị trường lao động.

- Ưu tiên nguồn lực cho phát triển khoa học - công nghệ đạt trình độ trung bình tiên tiến trong khu vực; chú trọng xây dựng và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tập trung đầu tư phát triển một số ngành công nghệ cao như: Công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, vật liệu mới, tự động hóa; ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp. Phát triển thị trường khoa học - công nghệ theo hướng hội nhập.

3. Về bảo đảm quốc phòng, an ninh

Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với xây dựng khu vực phòng thủ cơ bản, liên hoàn, vững chắc trên địa bàn; bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia, biển, đảo, chú trọng vai trò của Đà Nẵng đối với Biển Đông; chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống, giữ vững ổn định chính trị và bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao tinh thần yêu nước, huy động sức mạnh

tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc; thực hiện tốt nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh của Đà Nẵng đối với khu vực miền Trung và cả nước.

4. Về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

- Thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Quyết liệt thực hiện nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ. Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức và năng lực công tác tốt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tập trung làm tốt công tác tư tưởng, xây dựng đoàn kết nội bộ, phát huy dân chủ, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong lãnh đạo, chỉ đạo. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật trong Đảng gắn liền với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

- Phát huy cao độ sự đồng thuận của xã hội. Đối với một số mặt nổi cộm, cần tìm mọi cách khắc phục hiệu quả; kịp thời ngăn ngừa, vô hiệu hóa các phần tử xấu, phản động lợi dụng chống phá; chủ động phát hiện các vấn đề từ xa, không để xảy ra bị động, bất ngờ.

- Thực hiện quyết liệt việc sắp xếp tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy mạnh cải cách hành chính, công vụ; xây dựng chính quyền điện tử, tăng cường thực hiện cơ chế một cửa liên thông, kết nối điện tử trong giải quyết các thủ tục hành chính.

5. Về cơ chế, chính sách đặc thù

- Bộ Chính trị đồng ý chủ trương cần có cơ chế, chính sách đặc thù để xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng, tạo động lực cho phát triển khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. Các cơ chế, chính sách đặc thù cần được nghiên cứu thấu đáo, cụ thể, bảo đảm tính tương quan, tương đồng với các thành phố lớn khác trong cả nước; những việc đã rõ, được thực tế chứng minh

là hiệu quả thì làm ngay, việc gì mới, phức tạp nhưng cấp thiết thì nghiên cứu thực hiện thí điểm.

- Thực hiện phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm địa phương, người đứng đầu trên một số lĩnh vực quản lý về quy hoạch, đất đai, đô thị, đầu tư, tài chính - ngân sách, tổ chức, nhân sự và tiền lương...; nghiên cứu cơ chế điều tiết hợp lý giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương; có cơ chế đặc thù để thu hút các nhà đầu tư chiến lược.

- Đồng ý chủ trương thực hiện thí điểm xây dựng mô hình cơ quan quản lý cảng thống nhất tại Đà Nẵng theo hướng tiên tiến, hiệu quả, phù hợp với thông lệ quốc tế; xây dựng và thực hiện Đề án thí điểm mô hình chính quyền đô thị phù hợp với yêu cầu phát triển của thành phố và quy định của pháp luật.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo việc nghiên cứu, xây dựng các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước, việc cho phép thành phố Đà Nẵng thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

2. Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, cơ quan liên quan xem xét, xử lý các kiến nghị, đề xuất của thành phố Đà Nẵng; ban hành cơ chế, chính sách đặc thù cụ thể cho thành phố Đà Nẵng theo thẩm quyền. Kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình khắc phục những vi phạm theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền, nhất là trên lĩnh vực đất đai.

3. Đảng bộ và nhân dân thành phố Đà Nẵng chủ động trong triển khai thực hiện Nghị quyết; phát huy cao độ sự đồng thuận của xã hội, vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị nhằm đưa Nghị quyết đi ngay vào cuộc sống. Thành ủy Đà Nẵng chỉ đạo chuẩn bị đề án kiến nghị về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù để trình Chính phủ, Quốc hội theo quy định của pháp luật.

4. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương thường xuyên quan tâm, phối hợp, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để thành phố Đà Nẵng phát triển theo tinh thần Nghị quyết này.

5. Các tỉnh ủy, thành ủy trong cả nước, nhất là các tỉnh ủy, thành ủy khu vực miền Trung - Tây Nguyên cần tích cực xây dựng và củng cố mối quan hệ liên kết, hợp tác với thành phố Đà Nẵng, tạo không gian kinh tế thống nhất để thúc đẩy phát triển Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung - Tây Nguyên.

6. Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Nơi nhận:

- Các tỉnh ủy, thành ủy,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương,
- Các đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

**T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ**

Nguyễn Phú Trọng